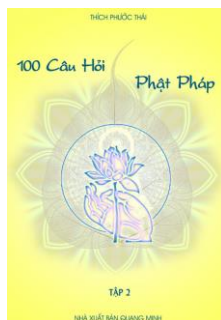


100 Câu Hỏi Phật Pháp



Tập II

TT.Thích Phước Thái

---o0o---

Nguồn

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

Chuyển sang ebook 01-04-2015

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

01. Tượng Phật bị sứt mẻ có thờ được không?
02. Thọ bát quan trai có lạy bàn vong được không?
03. Tu ở nhà một mình có tiến bộ không?
04. Khuyên người khác quy y có lỗi không?
05. Tụng kinh niệm Phật mà tâm còn tán loạn có được lợi ích gì không?
06. Tâm ở đâu?
07. Ý nghĩa của hai chữ Lãng Nghiêm và nguyên nhân nào Phật nói Chú Lãng Nghiêm
08. Ở nhà có tụng chú Lãng Nghiêm được không?
09. Phật tử đi chùa như thế nào mới đúng?
10. Thọ Bồ tát giới tại gia nuôi chó mèo có tội không?
11. Khi hộ niệm cho người sắp lâm chung phải tụng niệm như thế nào mới đúng?
12. Ý nghĩa của câu: Ý hòa đồng duyệt như thế nào?
13. Lạy sám hối có thực sự tiêu nghiệp không?
14. Làm sao trị được bệnh hôn trầm?
15. Như thế nào mới trị được bệnh vọng tưởng?
16. Làm sao phân biệt được Xá lợi Phật thật?
17. Tụng kinh như thế nào mới đúng cách thức?

18. Khi tụng niệm cảm động rơi lệ có lỗi không?
19. Khi nghe pháp tay vẫn lần chuỗi niệm Phật có lỗi không?
20. Niệm Phật chưa được nhứt tâm bất loạn, có được vãng sanh không?
21. Sau khi chết, rảy tro cốt xuống biển hoặc làm phân cho cây cỏ có lỗi gì không?
22. Làm sao xác định được một người sau khi chết đi về đâu?
23. Làm sao diệt trừ được tánh kiêu căng ngã mạn?
24. Trong lúc ngủ mê thần thức đi đâu?
25. Làm sao diệt trừ được ba thứ phiền não gốc: tham, sân, si?
26. Giữa sự và lý Tịnh độ có chống trái nhau không?
27. Trong lúc chấp tác hay làm việc Phật sự có tu không?
28. Sự khác biệt giữa các loại trí?
29. Làm sao giữ tròn chữ hiếu giữa mẹ chồng và nàng dâu?
30. Cả đời niệm Phật, nhưng bệnh gần chết thì lại không thích niệm Phật?
31. Giáo pháp của Phật trải qua nhiều đời có bị sai lệch không?
32. Danh hiệu Phật A Di Đà có mặt cõi này vào lúc nào?
33. Khi niệm hương cúng Phật, nên niệm danh hiệu Phật nào trước?
34. Bằng cách nào có thể khuyên cha mẹ tin Tam bảo tu hành?
35. Làm sao hóa giải được lời thề nguyện?
36. Thường chiêm bao thấy người thân, không biết có siêu hay không?
37. Người vào chùa xuất gia có bất hiếu hay không?
38. Tháp ba nén hương có ý nghĩa gì?
39. Làm sao niệm Phật để được nhứt tâm bất loạn?
40. Trong lúc sắp lâm chung không giữ được chánh niệm có được vãng sanh không?
41. Vấn đề xả tang theo ý muốn?
42. Sự báo hiếu giữa Kinh Vu Lan và Kinh Địa Tạng khác nhau như thế nào?
43. Dùng hoa quả giả chung cúng Phật có lỗi không?
44. Vì bảo vệ đàn chim đuôi con mèo có lỗi không?
45. Con cái chưa xong bề gia thất, mình bỏ đi xuất gia có lỗi không?
46. Đồ ăn dư cho chim ăn có mang tội hủy của hay không?
47. Nhà có nhiều chuột phải giải quyết như thế nào không còn chuột mà khỏi phải mang tội sát sanh?
48. Ý nghĩa chơn tâm và bản tánh như thế nào?
49. Minh tâm kiến tánh là nghĩa gì?
50. Tụng kinh cầu siêu khác ngôn ngữ, người chết có nhận hiểu hay không?
51. Trong chiêm bao thấy sát sanh không biết có tội không?
52. Sau khi chết cái gì bị thọ hình hành phạt đau khổ trong địa ngục vô gián?
53. Tam bành lục tặc là gì?

54. Tuổi vàng và chín tuổi ý nghĩa giống nhau hay khác nhau?
55. Tại sao người tu pháp môn niệm Phật không thờ riêng Đại Thế Chí mà thờ đức Quán Thế Âm?
56. Thực phẩm chay nhưng thực đơn nêu toàn đồ mặn?
57. Cách thờ Phật và Quy y Tam Bảo như thế nào mới đúng?
58. Tại sao ngày 23 tháng chạp lại đưa Táo Quân về trời?
59. Thờ linh ảnh ở trong chùa, nhưng cúng kỵ giỗ ở nhà có được không?
60. Làm sao cho bớt cơn nóng giận?
61. Tự mình cầu siêu cho mình như thế nào?
62. Làm sao cho đứa con tự nguyện đi chùa một cách vui vẻ?
63. Treo hình tượng Phật và Bồ tát trên bàn thờ tổ tiên có được không?
64. Cha mẹ còn sống con có nên thờ Cửu huyền Thất tổ hay không?
65. Làm sao cho đứa con hướng về Tam bảo và sự cầu nguyện hồi hướng có tác dụng lợi ích hay không?
66. Tụng kinh cầu siêu có ảnh hưởng đến người mất đã lâu không?
67. Khuyên thân nhân tu học, bị phản ứng phải làm sao?
68. Đã lỡ phạm tội sát hại sinh vật nhiều quá giờ phải làm sao?
69. Nuôi cá kiểng trong nhà có mang tội hay không?
70. Làm sao có thể ứng dụng lý Bát nhã vào đời sống hiện thực?
72. Khi lâm chung tưởng nhớ Phật, nhưng không thấy Phật rước có được vãng sanh hay không?
73. Thờ người chết như cha mẹ hay ông bà nhiều nơi có được không?
74. Cúng dường trai tăng cho người đã mất như thế nào mới hợp lý?
75. Câu nói: “Đạo Phật đến đâu thì hòa bình đến đó” ý nghĩa như thế nào?
76. Thọ giới Bồ tát nhưng không đến chùa Bồ tát kiểm giới có mang tội không?
77. Muốn thọ giới Bồ tát, có nên học giới trước rồi thọ sau được không?
78. Niết Bàn và Cực lạc ý nghĩa giống nhau hay khác nhau?
79. Mang chuỗi đeo tay vào toilet có mang tội không?
80. Ý nghĩa chánh báo và y báo
81. Ý nghĩa cúng rước vía đức Phật Di Lặc đầu năm?
82. Vấn đề tịnh khẩu?
83. Năm niệm Phật có lỗi không?
84. Ý nghĩa và chức năng tác dụng của một ngôi chùa?
85. Tại sao gọi là Kết kỳ niệm Phật mà không gọi là Phật thất?
86. Việc di chúc và ủy quyền trong lúc hấp hối và sau khi chết?
87. Có phải vì vô tình mà phạm tội sát sanh hay không?
88. Đã là người xuất gia tu hành tại sao còn có việc tranh giành y bát?
89. Một sự ngộ nhận về luật nhân quả?
90. Hoạnh tử là gì?

91. Vấn đề kết hôn khác tôn giáo?
92. Tập khí là gì?
93. Không quy y Tam bảo niệm Phật có được vãng sanh không?
94. Vấn đề oan gia trái chủ?
95. Giang san dễ đổi, tánh nết khó dời?
96. Ý nghĩa uôn lưỡi bảy lần trước khi nói?
97. Vấn đề bói toán xem số tử vi?
98. Một người thường đi chùa nhưng tánh tình vẫn không thay đổi?
99. Làm sao khuyên người giảm bớt nô lệ cho sắc thân?
100. Ý nghĩa câu: “Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang”?

---o0o---

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển sách 100 câu hỏi Phật pháp tập hai này, cũng như tập một, những câu trả lời trong đây, phần lớn là chúng tôi giải đáp những nghi vấn thắc mắc của quý tu sinh trong những khóa tu Kết kỳ niệm Phật, do chúng tôi cùng quý thầy đứng ra tổ chức. Ngoài ra, chúng tôi cũng có nhận được một số câu hỏi thắc mắc do Phật tử các nơi gửi đến qua địa chỉ email.

Qua những câu hỏi của quý liên hữu, Phật tử mà chúng tôi đã giải đáp, thật ra, những điều giải đáp ngắn gọn sơ sài này, cũng chưa đạt được sự thỏa mãn yêu cầu của quý vị. Nhưng với tinh thần chia sẻ trao đổi học hỏi Phật pháp với nhau, tùy theo khả năng hiểu biết của chúng tôi tới đâu, thì chúng tôi thật tâm cố gắng giúp cho quý vị tới đó.

Trong khi trao đổi giải đáp những câu hỏi thắc mắc trực tiếp, cũng như một số câu hỏi ở các nơi gửi qua địa chỉ email nhờ chúng tôi giải đáp, phải thành thật mà nói, đây là những câu hỏi rất thật thà đầy chân tình mà những vị đó thật tâm muốn biết. Thật chúng tôi vô cùng cảm động khi chia sẻ trao đổi trả lời. Khi xem qua những câu hỏi và những câu trả lời chơn chất mộc mạc này, kính mong quý độc giả thương tình cảm thông lượng thứ cho những hiểu biết thô sơ nông cạn của chúng tôi.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân quý liên hữu, Phật tử đã nêu ra những câu hỏi. Nhờ đó mà chúng tôi mới có được thêm quyển sách 100 câu hỏi Phật pháp tập II này. Như vậy, quyển sách này cũng như quyển sách tập I trước, tất cả đều do sự đóng góp chung của tất cả quý vị, nên nó mới được hình thành. Đồng thời, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Đại Đức Thích Phước Quảng, Sư Cô Thích Phước

Thanh, và các Phật tử Minh Quang, Diệu Lương, Trí Lạc, Hồ Sĩ Trung đã tận tình giúp cho phần kỹ thuật trình bày và sửa bản in. Chúng tôi cũng không quên cảm ơn thầy Phước Viên đã giúp cho phần in ấn và quý liên hữu, Phật tử xa gần đã phát tâm đóng góp tịnh tài để in quyển sách này. Và trên hết, chúng con kính bái tạ thâm ân Hòa Thượng Trưởng Lão thượng Phước hạ Huệ đã chứng minh cho việc làm này của chúng con.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Soạn giả căn chí

Biên soạn xong ngày 21/3/2010

Nhằm ngày mùng 6 tháng 2 năm Canh Dần.

Tịnh Lạc Niệm Phật Đường

Tỳ kheo Thích Phước Thái.

---o0o---

01. Tượng Phật bị sút mẻ có thờ được không?

Hỏi: Bạch thầy, nhà con có thờ tượng Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tượng Phật này con thỉnh tại chùa, nhưng tượng bị mẻ cánh tay, con không biết thờ tượng bị mẻ có được không? Và có mang tội không? Xin thầy giải đáp cho con được rõ.

Đáp: Dĩ nhiên là được, không có gì mang tội. Tuy nhiên, tượng Phật mà bị sút mẻ dù bất cứ nơi đâu trên hình tượng của Ngài, khi nhìn vào sẽ gây cho người ta một ấn tượng không tốt và mất đi vẻ thẩm mỹ tương hảo trang nghiêm. Như thân hình của một người lành lặn, khi người ta nhìn vào sẽ dễ coi hơn là một người bị khuyết tật. Nếu như tượng Phật bị mẻ cánh tay nhiều, mà Phật tử để vậy tôn thờ, thì tôi nghĩ sẽ không được trang nghiêm tốt đẹp cho lắm. Và như thế, thì mình thật có lỗi với các Ngài. Hình thức lễ nghi thờ phụng tuy là bề ngoài, nhưng nó biểu hiện cho cả tâm lòng tôn kính bên trong của chúng ta. Nếu không thờ thì thôi, còn đã thờ thì chúng ta nên thỉnh tượng Phật hay Bồ tát cho có tướng hảo quang minh mà tôn thờ.

Như Phật tử đã biết, trong Kinh điển thường diễn tả thân hình của đức Phật có 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp. Bởi vậy, nên có những bài kệ khen ngợi tán dương sắc thân vi diệu của Phật. Đại để như bài:

Phật thân thanh tịnh tợ lưu ly

Phật diện do như mãn nguyệt huy

Phật tại thế gian thường cứu khổ

Phật tâm vô xứ bất từ bi.

Nghĩa là:

Thân Phật thanh tịnh trong sáng giống như ngọc lưu ly. Gương mặt của Phật tròn trịa đầy đặn như vàng trắng sáng và thân Phật thị hiện ở thế gian luôn luôn cứu khổ. Còn tâm Phật thì lúc nào cũng từ bi thường nghĩ đến thương tưởng cứu độ chúng sinh, không có hạn cuộc nơi chốn. Đó là ý nghĩa của bài kệ. Bài kệ, vừa khen ngợi thân Phật mà cũng vừa tán thán lòng từ bi vô lượng không ngần mé của đức Phật.

Qua đó, chúng ta thấy thân Phật tướng hảo quang minh, ai trông thấy cũng khởi tâm hoan hỷ chiêm bái kính ngưỡng. Vì vậy, các nhà nghệ thuật, hay điêu khắc chuyên điêu khắc, tạc tạo tượng Phật, người ta thường phải tập trung tư tưởng thiền quán và phải trai giới thanh tịnh, dụng hết tâm lực vào việc điêu khắc, chạm trổ hoặc tô đắp tượng Phật và Bồ tát cho có tướng hảo trang nghiêm đẹp đẽ. Nhờ thế, mà ai trông thấy hình tượng của các Ngài cũng đều phát tâm hoan hỷ tôn kính ngưỡng mộ phụng thờ.

Trong trường hợp của Phật tử, mặc dù Phật tử có tâm tốt tinh cốt tượng Phật về nhà để tôn thờ, nhưng vì tượng Phật bị mẻ một cánh tay (xin lỗi không biết bị mẻ nhiều ít, vì Phật tử không có nói rõ), nên dù ít nhiều gì cũng mất đi phần tướng hảo trang nghiêm. Do đó, mà lòng của Phật tử luôn áy náy lo lắng không biết có nên thờ như thế không? Và thờ như vậy, có mang tội gì không?

Tôi xin thưa rõ để Phật tử an tâm khỏi phải băn khoăn lo lắng. Thật ra, thì Phật tử không có gì là mang tội. Bởi việc quy ngưỡng tôn thờ Phật là điều rất tốt. Là Phật tử ai cũng muốn tôn thờ tượng Phật hay tượng Bồ tát trong nhà, để khi lễ bái tụng niệm mình có chỗ để hết lòng quy hướng. Dù là Phật tượng, nhưng chúng ta cũng phải hết lòng tôn kính Ngài như Ngài còn tại thế. Vì ân đức giáo hóa của Phật thật rộng lớn vô lượng vô biên. Nhờ đó, nên hôm nay chúng ta mới biết được đường lối tu hành thoát khổ.

Vì nhớ đến công ơn lớn lao sâu dày của Phật nên chúng ta mới thành kính tôn thờ Ngài. Tuy nhiên, như đã nói, tướng hảo của Phật lúc nào cũng trang nghiêm đẹp đẽ, dù đó chỉ là hình tượng. Thế thì, muốn cho cõi lòng của Phật tử được an ổn vui vẻ, không còn phải ưu tư lo sợ nữa, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên tìm cách sửa lại. Tùy theo mức độ bị hư mẻ nhiều ít, mà Phật tử tùy đó sửa lại. Nếu tự mình làm không được, thì nên nhờ người nào khéo tay trét sửa lại giùm. Nếu sau khi sửa lại mà vẫn thấy không vừa ý, thì

tôi đề nghị với Phật tử nên thỉnh tượng Phật khác về thờ. Nếu không thỉnh tượng Phật cốt được, thì cũng có thể thỉnh tượng Phật giấy để thờ. Trường hợp như tượng Phật giấy thờ lâu quá phai màu cũ kỹ đi, thì ta cũng nên thay đổi tượng mới.

Như vậy, thì Phật tử không còn gì phải lo lắng áy náy trong lòng. Và như vậy, mỗi khi hành lễ tụng niệm, chiêm ngưỡng, thì lòng của Phật tử cũng cảm thấy rất an lạc vui tươi hơn. Đồng thời Phật tử cũng sẽ được tăng thêm phước báo nhiều hơn. Kính chúc Phật tử an khỏe tinh tấn tu hành chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

02. Thọ bát quan trai có lạy bàn vong được không?

Hỏi: *Người Phật tử đang thọ bát quan trai trong ngày, có lạy bàn thờ vong được không?*

Đáp: Phật tử đến chùa thọ Bát quan trai giới, tức thọ giới luật tu theo phẩm hạnh cao đẹp của người xuất gia, dù chỉ trong một ngày đêm, thì cũng không được lạy các bàn thờ vong ở trong chùa. Ngoài trừ các bàn thờ của chư vị tôn túc xuất gia. Tại sao không được lạy? Như thế có phải là người Phật tử thọ Bát quan trai giới rồi, sanh cái tâm cống cao ngã mạn khinh người lắm không? Thưa, không phải như thế đâu, chớ vội làm hiểu. Người tu hành mà còn có cái tâm ngã mạn khinh người, thì đó là người chưa phải thực sự tu hành. Vì bệnh chấp ngã, chấp pháp, đó là điều tối kỵ trong Phật giáo. Phật giáo chủ trương phá ngã chấp, chớ không bao giờ đề cao cái ngã tướng. Người tu hành mà còn chấp ngã nặng, thì người đó đã tu sai đường lối Phật dạy rồi, cần phải chỉnh đốn chuyển đổi tâm niệm lại.

Chúng ta nên nhớ rằng, Phật nói công đức của người thọ trì Bát quan trai giới trong một ngày đêm, thật vô cùng lớn lao chớ không phải nhỏ. Vì trong thời gian một ngày đêm, họ gìn giữ giới luật oai nghi rất tinh nghiêm. Họ đang thật hành hạnh tu cao cả xuất trần của người xuất gia. Trong khi đó, thì những vong linh kia, là những vị chỉ thọ năm giới, hoặc có khi chưa thọ giới nào. Chúng ta thấy có nhiều người, tuy họ cũng theo đạo Phật, nhưng khi còn sống, họ không chịu quy y thọ giới, đến khi chết, gia đình thân quyến vì thương xót họ, nên mới đem linh cốt hoặc hình ảnh vào trong chùa để thờ. Như vậy, thì làm sao họ có thể để cho một người đang tu hạnh xuất thế đánh lễ họ? Vì như thế là họ sẽ bị tổn phước rất lớn. Chính vì sợ họ bị tổn phước mà không lạy, chớ không phải những người tu hạnh xuất gia khinh khi coi

thường họ mà không lay. Đó là căn cứ theo giới luật Phật chế mà có sự tôn trọng như thế.

Tóm lại, người Phật tử đến chùa thọ Bát quan trai giới, khi cúng vong, thì không nên lay bàn thờ vong. Chúng ta chỉ nên thành tâm tụng niệm cầu nguyện cho các vong linh sớm được siêu thoát mà thôi. Nếu mọi người đem công đức tu trì Bát quan trai giới của mình mà cùng nhau hướng tâm thành cầu nguyện cho các vong linh kia, tất nhiên họ sẽ nhờ công đức chú nguyện của đức chúng như hải nầy, mà họ chóng được siêu sanh thoát hóa. Việc làm này rất hợp với lẽ đạo và cũng rất tốt cho hương linh vậy.

---o0o---

03. Tu ở nhà một mình có tiến bộ không?

Hỏi: *Con thường lần chuỗi niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện thì tâm con động, buồn phiền không vui. Con cũng không dám đến những nơi có đông người, con chỉ tu ở nhà một mình, xin hỏi tu như thế có tiến không?*

Đáp: Qua câu hỏi của Phật tử, gồm có ba vấn đề nhỏ mà Phật tử thắc mắc:

1. Phật tử thường lần chuỗi niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện thì tâm Phật tử vẫn động, buồn phiền không vui.
2. Phật tử không dám đến những nơi có đông người.
3. Tu một mình ở nhà có tiến bộ không?

Qua ba điều thắc mắc trên, chúng tôi cũng xin được lần lượt giải đáp góp thêm chút ý kiến qua từng vấn đề một như sau:

Vấn đề thứ nhất, Phật tử lần chuỗi niệm Phật, đó là việc rất tốt. Tôi hết lòng tán dương tùy hỷ việc làm này của Phật tử. Tuy nhiên, như Phật tử nói, lần chuỗi niệm Phật, nhưng khi tụng chuyện tâm vẫn bị động, buồn phiền không vui. Điều này, không phải chỉ riêng Phật tử có, mà đây là tâm bệnh chung của tất cả mọi người. Bởi vì, mặc dù chúng ta tu, nhưng những tập khí phiền não nghiệp chướng của chúng ta vẫn còn đầy ắp nặng trĩu nên khi đối cảnh xúc duyên, nhất là gặp nghịch cảnh, thì phiền não rất dễ phát sanh. Tùy theo sức huân tu của mỗi người mà cường độ của chúng sanh khởi nặng nhẹ có khác nhau. Nếu như người có nội lực huân tu khá, thì những thứ phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muồn v.v... nó phát khởi hiện tướng nhẹ và vi tế hơn. Nghĩa là không đến nỗi thô bạo độc ác gây tổn hại cho người và vật. Ngược lại, nếu người vụng tu, thì các thứ phiền não sanh khởi rất mạnh bạo thô trọng.

Phiền não, theo các nhà Duy Thức phân chia, thì nó có rất nhiều thứ. Nhưng tựu trung không ngoài hai thứ: “*căn bản phiền não và tùy phiền não*”. Về phần căn bản phiền não, thì nó có sáu thứ (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến). Những thứ này chúng có gốc rễ rất sâu dày, thật khó trừ khó đoạn. Còn tùy phiền não tuy nó nhẹ hơn, nhưng cũng không phải dễ trừ. Buồn phiền không vui nó thuộc về tùy phiền não. Nói tùy là vì những thứ phiền não (gồm có 20 thứ: phản, hận, phú, nã, tật, xan, cuống, siểm, hại, kiêu, vô tầm, vô úy, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, tán loạn, thất niệm, phóng dật, bất chánh tri) này, chúng nương vào những phiền não căn bản mà có ra. Như cành lá của cây là do từ gốc rễ thân cây mà có.

Những thứ phiền não này nó luôn khuấy động tâm ta không lúc nào yên. Không phải đợi đến khi tụng chuyện như Phật tử nói mà nó mới sanh khởi. Có khi đang lúc ngồi tĩnh tọa tham thiền hay niệm Phật, thì nó vẫn sanh khởi đều đều. Nếu là người thiết thiết nhiếp tâm niệm Phật khá, thì những tạp niệm phiền não khó phát khởi, nếu có thì cũng ít và rất yếu. Điều quan trọng là chúng ta phải thường xuyên giữ gìn chánh niệm. Khi có chánh niệm, thì chúng ta rất dễ nhận diện khi chúng phát sanh.

Do đó, Phật dạy người tu chúng ta phải luôn luôn tỉnh thức. Có hằng tỉnh thức, thì lũ phiền não không làm gì được ta. Việc sanh khởi là việc của chúng, việc sáng suốt nhận diện chuyển hóa chúng là việc của chúng ta. Được thế, thì chúng ta không phải lo sợ phiền não dậy khởi, mà chỉ sợ chúng ta giác ngộ chậm, không kịp thời nhận diện ra chúng nó thôi. Nếu khi chúng ta nhận diện rõ bộ mặt thật của chúng rồi, thì chúng sẽ tan biến ngay, vì bản chất của chúng là giả dối không thật. Do đó, chúng không làm gì được ta. Ngược lại, nếu chúng ta theo chúng để làm nô lệ cho chúng sai sử, từ đó mới có nói năng, hành động tạo thành ác nghiệp. Một khi đã tạo thành nghiệp ác rồi, thì khó tránh khỏi sa đọa thọ khổ.

Niệm Phật cũng là một phương pháp đối trị vọng tưởng phiền não. Nhờ niệm Phật miên mật mà phiền não sẽ tiêu mòn dần, cho đến khi nào chúng không còn nữa, thì đó là hành giả đã đạt được nhứt tâm bất loạn rồi. Đó là mục đích tối hậu của pháp môn niệm Phật, mà trong Kinh A Di Đà đã nói. Vậy Phật tử cố gắng niệm Phật cho được sâu dày miên mật, thì khi đó phiền não sẽ không còn có cơ hội khuấy rầy làm khổ đau Phật tử nữa. Như thế, thì Phật tử sẽ được an lạc hạnh phúc ngay trong hiện tại và mai sau.

2. Vấn đề thứ hai là Phật tử không dám đến chỗ đông người. Điều này, tôi rất tán đồng với Phật tử. Không phải vì sợ mọi người mà chúng ta không đến. Trong lúc chúng ta đang tập tu thì cần phải tránh bớt ngoại duyên, đó là điều rất tốt. Xưa nay, chư Tôn thiên đức trong thiền môn cũng đã từng làm

và khuyên ta như thế. Vì có tránh chỗ đông người nhộn nhịp phiền toái, phức tạp, thì tâm của chúng ta mới dễ tập trung thiền quán hoặc niệm Phật tương đối được yên tịnh hơn. Vì chúng ta chưa được: “*Tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật độ tịnh*”. Nếu như tâm mình đã được thanh tịnh rồi, thì cảnh nào đối với chúng ta mà chẳng thanh tịnh. Nếu chưa được như vậy, thì Phật Tổ khuyên chúng ta nên tránh bớt duyên trần để nhiếp tâm niệm Phật.

Bởi tâm của chúng ta giống như con khi, con vượn, con ngựa rất dễ chuyền nhảy rong ruổi phan duyên theo trần cảnh. Người biết chăm lo tu hành, thì tránh cảnh duyên nhiều chùng nào thì càng tốt cho mình nhiều chùng này. Vì từ xưa tới nay, tâm và cảnh không lúc nào rời nhau. Chính vì không rời nhau, nên hễ cảnh mà xao động, thì tâm ta cũng lộn xộn loạn động không an. Cho nên người chân tu là người luôn nhìn kỹ quán chiếu lại mình để lo hàng phục vọng tưởng phiền não.

Khi nào tâm ta đã khá thuần thực rồi, thì nơi nào cũng tu, cũng niệm Phật được cả. Nếu ở trong cảnh vắng vẻ mà tâm của chúng ta vẫn còn lăng xăng, lao xao, loạn động, thì có khác gì chúng ta đang ở trong cảnh phiền toái náo động. Ngược lại, nếu ở trong cảnh náo động phiền tạp, mà tâm ta vẫn yên tịnh, thì cũng đâu có gì chướng ngại. Nhưng đây phải là bậc thượng thừa xuất cách mới có thể làm nổi. Đối với phàm phu chấp chững tập tu như chúng ta, thì việc “*đối cảnh vô tâm*” không phải dễ làm đâu! Xin chớ vội bắt chước các ngài mà mang họa hại vào thân.

Trên bước đường tu tập, không ai biết rõ mình bằng chính mình tự biết lấy mình. Nên lượng sức mình mà cố gắng tu tập. Người xưa nói: “*liệu cơm gắp mắm*” là ý này. Được thế, thì mới mong có phần nào kết quả tốt đẹp. Nếu như mình còn phiền não tạp loạn dầy dầy, thì nên tránh bớt duyên trần để gắng công niệm Phật là thượng sách nhất.

3. Vấn đề thứ ba, tu một mình ở nhà có tiến bộ không? Vấn đề này, thật khó trả lời một cách dứt khoát khẳng quyết. Bởi lẽ, còn tùy theo hoàn cảnh và ý chí cương quyết tu hành của mỗi người mà sự tiến bộ có khác nhau. Tuy nhiên, theo tôi, nếu chúng ta không tu thì thôi, mà hễ có tu thì dù ít hay nhiều gì, cũng đều có tiến bộ cả. Sự tiến bộ đó, còn đánh giá tùy thuộc vào ở nơi tâm tánh và sự hành trì đúng pháp hay không đúng pháp của mỗi người. Nếu Phật tử tu một mình ở nhà, thì nó cũng có một vài điều bất tiện lợi:

Thứ nhất, là sự sống chung đụng với nhau trong gia đình dễ sanh ra phiền não giận tức buồn bực. Thứ hai, là không có ai nhắc nhở khuyến tấn mình, khi mình giải đãi, lầm lỗi. Thứ ba, trong lúc mình niệm Phật mà những thành viên khác trong gia đình thiếu thông cảm, hiểu biết, không biểu đồng tình với mình, thì cũng dễ gây ra trở ngại khó khăn cho sự nhiếp tâm niệm

Phật của mình. Vì tâm mình cũng dễ bị dao động theo, nếu mình không khéo chế ngự phiền não, thì cũng dễ bị rạn nứt sút mẻ tình thân thuộc trong gia đình. Đó là những khuyết điểm của việc tu ở nhà. Bởi cảnh nhà không làm sao tránh khỏi sự chung đụng với người khác. Ngược lại, nếu Phật tử cùng tu chung với đại chúng trong một đạo tràng, thì được cái lợi là có thầy bạn đồng hành, khuyến tấn thúc nhắc lẫn nhau và nhứt là có những thời khóa tu học nhứt định, để mình noi theo tinh tấn hành trì. Vì đó là môi trường tốt rất thuận lợi để mình thực tập. Có các bạn đồng hành, đồng tu nên dễ khích lệ mình hơn. Người xưa nói: “*ăn cơm có canh, tu hành có bạn*” là thế.

Như thế, dù mình có muốn giải đãi cũng không thể được. Tu trong một tập thể, nhờ có những con mắt của tăng thân soi sáng, giúp cho mình nhiều thăng tiến hơn. Tuy nhiên, nếu tu ở nhà một mình, mà mình nắm vững được pháp môn tu, đúng theo lời Phật Tổ chỉ dạy, và khéo sắp xếp thời khóa, hoàn cảnh thích nghi, đồng thời có sự nỗ lực quyết tâm, thì tôi nghĩ, Phật tử cũng có thể tu tập đạt được kết quả tốt đẹp rất cao.

Tóm lại, việc tu ở nhà một mình, tùy theo hoàn cảnh và trình độ thâm hiểu giáo lý của Phật tử, mà ứng dụng đúng pháp, thì cũng sẽ được tiến bộ lợi ích lớn. Bằng trái lại, thì tôi khuyên Phật tử nên tìm đến các đạo tràng tu học sinh hoạt cùng với đại chúng, thì sẽ được thăng tiến tốt đẹp nhiều hơn.

---o0o---

04. Khuyên người khác quy y có lỗi không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, Con có nghe băng của một thầy giảng, bảo rằng mình không nên khuyên người khác quy y, để tự họ phát tâm quy y, vì mình khuyên họ mà họ không giữ đúng giới luật thì mình và họ đều bị đọa địa ngục. Nếu như để tự họ phát tâm, thì họ mới giữ giới luật tốt. Tuy nhiên, con cũng có nghe một vị khác giảng nói, nếu như mình khuyên được người khác quy y thì sẽ được công đức vô lượng. Vậy xin hỏi qua hai lời dạy này, thì lời dạy nào đúng? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con.*

Đáp: Nếu bảo lời dạy nào đúng, theo tôi, thì lời dạy nào cũng đúng cả. Nói như thế, mới nghe dường như là “*ba phải*”, nhưng nếu xét kỹ thì không phải như thế. Căn cứ vào câu hỏi của Phật tử nêu ra, thì tôi thấy lời khuyên bảo của vị thầy A (xin tạm gọi như thế) cũng rất hợp lý. Bởi việc làm nào mà người ta ý thức tự nguyện, không vì sự khuyên bảo hay bắt buộc của người khác, thì việc làm đó sẽ có kết quả tốt đẹp cao hơn. Đó là do vì, họ tự ý thức được trách nhiệm hành động hoặc lời phát nguyện tự đáy lòng của họ. Còn nếu mình khuyên bảo người ta, đôi khi vì họ nể tình mình, vả lại, họ cũng

chưa có sự tìm hiểu kỹ càng về vấn đề mà mình khuyên bảo, nên họ dễ gây ra thói tâm và bất như ý sau này.

Từ đó, họ có thể gây ra những điều xấu ác lỗi lầm và rồi đổ trút hết mọi lỗi lầm đó cho người khuyên bảo họ. Chính lời khuyên đó lại phản tác dụng và có hại cho người khuyên. Chúng ta nên nhớ, bệnh đổ thừa cho kẻ khác đó cũng là căn bệnh nặng trầm kha của con người. Được tốt đẹp, thì họ mặc nhiên thụ hưởng không nói chi. Ngược lại, khi thất bại thì họ lại đổ thừa “tại bị” cho kẻ khác. Tại ông đó, thầy đó, tôi mới như thế này. Nếu không có lời khuyên của ông đó, thầy đó, thì đời tôi đâu có đến đời tàn hại như thế này. Chuyện đời là thế đó! Đó là một tâm lý rất thường tình. Bất cứ ai đã từng trải chút ít kinh nghiệm cũng đều thấy rõ như thế.

Cho nên, ta thấy có nhiều vị Tổ sư cả đời tu không bao giờ các Ngài khuyên một người nào quy y hay xuất gia. Và có những vị không bao giờ thụ nhận đệ tử dù tại gia hay xuất gia. Điều này là do quan niệm và bản nguyện của mỗi người. Vì khi mình khuyên bảo người khác, tất nhiên là mình phải có trách nhiệm ít nhiều với họ. Vì chính họ nghe theo lời mình khuyên bảo nên họ mới làm theo.

Có nhiều vị thầy gặp ai cũng khuyên người ta nên bỏ tục xuất gia làm đệ tử của mình. Nhưng khi họ xuất gia rồi, thì mình lại thờ ơ không quan tâm lo lắng dạy dỗ cho họ. Làm thầy mà thiếu trách nhiệm dạy dỗ, thì thử hỏi người đệ tử đó làm sao thành người tốt hữu dụng cho được? Có nhiều vị thụ nhận đệ tử cho thật nhiều mà không hề dạy dỗ chi hết. Miễn sao người ta nhìn vào thấy mình có đệ tử đông đảo rậm đám là được. Thân ai nấy lo, nên hư, thành bại, do tự mỗi người quyết định lấy. Từ thiếu sự chăm lo dạy dỗ của thầy, nên có nhiều vị đệ tử đâm ra hư hỏng và tiêu hoại cả cuộc đời. Đó là vì họ vội nghe theo lời khuyên bảo mà làm, kỳ thật họ chưa có một ý thức hiểu biết gì đến vấn đề trọng đại quyết định cả cuộc đời của họ sau này. Thật quả đó cũng là một tai hại vô cùng. Điều gì, tự họ ý thức tìm đến, thì điều đó mới có quý giá. Mình chỉ đóng vai trò giải thích phân tích cho họ thấy rõ được điều lợi và hại của vấn đề, rồi để họ tự suy nghĩ quyết định lấy. Mình không nên can dự vào sự quyết định của họ. Như vậy, chúng ta sẽ tránh được hậu quả không tốt sau này. Cho nên qua lời dạy của vị thầy A, ta thấy cũng rất là hợp tình hợp lý.

Đến lời khuyên giải của vị thầy B (tạm gọi như thế) thì ta thấy cũng không sai trái. Nói như thế dường như có sự mâu thuẫn, như là mắc vào cái lỗi “*tự ngữ tương vi*”. Nghĩa là lời nói trước chống trái lại với lời nói sau. Nhưng, chúng ta cứ hãy bình tâm mà suy xét, thì mới thấy sự hợp lý của nó và không có gì chống trái nhau cả. Như có những kẻ suốt đời chuyên làm

những việc ác đức, hành hung cướp của giết người, lường gạt dân ô, hút xách, gian lận, trộm cắp, ăn trên đầu trên cổ kẻ khác v.v... đối với những hạng người này, nếu không có những lời khuyên bảo của những người khác, thì việc tạo ác của họ càng ngày càng lún sâu dữ dội mạnh bạo hơn. Xã hội càng ngày càng rối loạn xáo trộn bất an nhiều hơn. Và như thế, thì thử hỏi xã hội loài người sẽ ra sao?

Cho nên, đối với những hạng người ty tiện xấu ác thường gây ra tội lỗi, tất nhiên là phải cần đến sự khuyên bảo của kẻ khác. Nếu một người chịu thức tỉnh quay về với con đường lương thiện, thì xã hội sẽ giảm bớt đi một gánh nặng. Vì thế, nên lời khuyên bảo rất có giá trị trong trường hợp này. Đó là nói những người đã gây ra tội lỗi. Lời khuyên bảo của người khác có tác dụng như là chữa bệnh. Ngược lại, đối với những người chưa gây ra tội ác, thì những lời khuyên bảo của người khác có tác dụng như là phòng ngừa bệnh trạng xảy ra. Cả hai lời khuyên đều có tác dụng lợi ích thiết thực cả.

Lịch sử đã chứng minh rất nhiều cho những lời khuyên có giá trị thiết thực này. Như Phật đã từng khuyên anh chàng Vô Nãi đã từng hạ sát nhiều người. Nhưng sau khi xuất gia, ông ta trở thành một vị Sa môn gương mẫu. Khuyên một vị đồ tể buông dao, sẽ cứu thoát được rất nhiều con vật. Khuyên một người biết tu hành làm lành lánh dữ, thì sẽ bớt đi một chỗ giam cầm trong nhà tù. Nếu như ai nấy đều tu thân hành thiện hết, thì làm gì có nhà tù trên trái đất này. Do đó, đứng về mặt chỉ ác hành thiện, tạo cho xã hội có đời sống tương đối an bình, thì lời khuyên của các nhà đạo đức chân thật rất có giá trị.

Tóm lại, theo tôi, thì qua hai lời giảng giải trên, mỗi người đứng mỗi khía cạnh của một vấn đề để lập luận. Cả hai đều có lý lẽ của nó và đều có tác dụng xây dựng xã hội tốt đẹp cả.

---o0o---

05. Tụng kinh niệm Phật mà tâm còn tán loạn có được lợi ích gì không?

Hỏi: Kính thưa thầy, khi con tụng kinh, niệm Phật, lạy sám hối, mà tâm con vẫn còn loạn tưởng, nghĩ nhớ lăng xăng, như vậy con có được lợi ích gì không? Có người nói, như thế chỉ là công dã tràng, không có lợi ích gì hết. Con còn là phàm phu, nghiệp chướng sâu nặng, làm sao con giữ tâm không tán loạn cho được? Nếu như không có được lợi ích gì hết, thì thử hỏi con làm những việc đó để làm gì? Con rất hoang mang, xin thầy giải đáp cho con rõ.

Đáp: Phật tử đừng lo, dĩ nhiên là có lợi ích rồi. Nhưng sự lợi ích đó thì không được nhiều lắm. Vì cái nhân, không chín chắn tốt lắm, thì cái kết quả, tất nhiên cũng không được tốt đẹp cho mấy. Trong lúc chúng ta dụng công tu, dù tu theo bất cứ pháp môn nào, điều tối kỵ là để tâm buông lung tán loạn. Vì chúng ta còn là phàm phu nghiệp chướng sâu dày, tập khí nặng nề, nên khi ứng dụng tu, tất nhiên không sao tránh khỏi tán tâm loạn động. Người tu sợ nhất là tập khí và pháp trần.

Tập khí là những thói quen mà hằng ngày chúng ta huân tập. Những thói quen xấu, tốt này, không phải chúng ta chỉ huân tập trong hiện đời, mà nó đã có từ nhiều đời trong quá khứ. Người có những tập khí sâu nặng, thì khi tu thật khó gìn giữ được nhiếp tâm, chánh niệm. Nói pháp trần, thật ra cũng chỉ là tên khác của những tập khí mà thôi. Vì trong khi chúng ta đối cảnh xúc duyên hằng ngày, sáu căn tiếp xúc với sáu trần, tất cả đều được huân chứa vào trong kho A lại da thức. Kho này nó có công năng cất chứa những hạt giống lành dữ, và gìn giữ không cho sót mất một hạt giống nào. Những hạt giống bản hữu (sẵn có) hoặc tân huân (mới đem vào) đều được nó cất giữ rất kỹ. Những hạt giống đã được cất giữ trong kho này gọi là pháp trần. Duy thức học gọi là: *“tiền trần lạc tạ ảnh tử”*. Nghĩa là những bóng dáng của sáu trần rơi rớt vào trong tâm thức của chúng ta.

Khi chúng ta tụng kinh, lễ bái, tham thiền, trì chú, niệm Phật v.v... thì đó là những lúc pháp trần có cơ hội nổi lên làm xáo trộn loạn động tâm ta. Lúc đó, mặc dù chúng ta ngồi yên không tiếp xúc với ngoại cảnh, nhưng những cảnh do sự tiếp xúc của căn và trần đã trải qua, bấy giờ chúng hiện lên rồi ý thức duyên vào. Đó là ý thức (thức thứ sáu) duyên với pháp trần. Cho nên lúc đó làm cho tâm ta nghĩ tưởng lăng xăng bất an. Trong kinh thường gọi những ý tưởng khởi nghĩ lăng xăng đó là vọng tưởng.

Người mới niệm Phật khi chưa chứng được chánh định, thì không ai lại không có những thứ vọng tưởng dấy khởi lung tung này. Nhưng chúng ta đừng sợ vọng tưởng, mà chỉ sợ chúng ta thiếu sự giác chiếu hay tỉnh thức kịp thời. Nếu khi chúng khởi nghĩ chuyện gì đó, chúng ta liền có giác quán chánh niệm chiếu soi, thì những vọng niệm kia sẽ tan biến ngay. Điều quan trọng là chúng ta phải cố gắng nhiếp tâm để có được chánh quán. Nếu chúng ta chịu khó thực tập lâu ngày, thì những vọng niệm sẽ không làm gì được ta. Cho nên người tu, việc gìn giữ chánh niệm thật là điều tối ưu quan trọng.

Khi niệm Phật, chúng ta phải cảnh giác như người gác cổng. Phải có đôi mắt tinh sáng nhận diện kẻ ra người vào. Người có nhiệm vụ gác cổng, tất nhiên là không được chảnh mãng lơ là. Phải chú tâm chăm chỉ nhìn cho thật kỹ ở nơi cửa cổng. Khi chúng ta tụng kinh, trì chú, niệm Phật... cũng phải chú

tâm như thế. Phải nhận diện thấy rõ những tạp niệm xen vào. Như khi niệm Phật thì tâm ta phải chuyên chú vào câu hiệu Phật. Đồng thời tâm phải sáng suốt nhận diện. Khi một vọng niệm vừa dấy khởi nghĩ chuyện khác, chúng ta phải kịp thời nhận diện biết rõ chúng đang nghĩ gì. Chỉ cần nhận diện một cách nhẹ nhàng chớ không nên đè nén hay đàn áp. Vì đè nén hay đàn áp có tánh cách hành xử hung bạo. Chúng ta không nên hành xử như thế. Vì vọng tưởng không phải là kẻ thù của chúng ta, mà nó là hiện tượng một phần của tâm ta. Cũng như sóng là hiện tượng một phần tử của nước. Vì sóng khởi lên từ nước. Do đó, nước và sóng không thể xem nhau là đối nghịch kẻ thù được. Mà nước phải đối xử tử tế rất nhẹ nhàng với sóng. Khi sóng nổi lên là nước biết rất rõ. Vì trong sóng đã có mang chất nước trong đó.

Cũng thế, Bản thể và hiện tượng không thể tách rời ly khai ra được. Nói cách khác, chân tâm và vọng tâm không phải là hai phạm trù đối nghịch nhau. Có đối nghịch là có tranh chấp hơn thua. Coi chừng không khéo chúng ta sẽ tạo thành một bãi chiến trường chém giết trong tâm thức ta. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên biết rằng, những hiện tượng tập khí vọng tưởng, tuy nó là những cái bóng mờ không thật, nhưng chúng ta cũng không nên lơ là khinh thường nó. Vì nó có một sức mạnh rất lớn. Nếu chúng ta theo nó, để nó tha hồ dẫn dắt chúng ta chạy đông chạy tây, thì nó sẽ hành hạ đày đọa chúng ta chịu nhiều đau khổ. Bởi nó không bao giờ biết dừng lại. Tất cả mọi pháp môn Phật dạy, đều có công năng đối trị, nhận diện, và chuyển hóa những thứ vọng tưởng này.

Như chúng tôi đã nói, nếu chúng ta không dụng công tu thì thôi, mà hễ có dụng công tu, tất nhiên là phải có lợi ích. Ngay như khi Phật tử ngồi yên niệm Phật, thì Phật tử cũng đang thúc liễm ở nơi ba nghiệp rồi. Thân thì ngồi nghiêm trang, hoặc lễ bái, còn miệng thì tụng kinh, hoặc niệm Phật, còn ý thì mặc dù chưa được chuyên chú thuần nhất, nhưng ít ra, nó cũng nghĩ tưởng đến Phật. Như thế, thì tại sao dám bảo là không có lợi ích? Làm sao có thể nói như công dã tràng xe cát biển đông cho được? Nếu bảo rằng, việc làm đó như công dã tràng, thì không đúng. Chẳng qua sự lợi ích đó, nó có nhiều hay ít đó thôi. Chúng ta tập tu, lúc đầu ai cũng có những tạp loạn phiền não dấy khởi liên miên rất mạnh. Nếu không còn có những thứ này, thì thử hỏi chúng ta dụng công tu hành chi cho nó thêm hao hơi mệt sức? Vì còn vọng niệm phiền não nên chúng ta mới tu để lần hồi dứt trừ chúng.

Khi chúng ta mới bắt đầu tập sự tu hành, thì cũng giống như một đứa bé tập sự từng bước: ban đầu tập lật, tập bò, tập đứng chựng, rồi tập đi v.v... Tất nhiên khi tập như thế, lúc đầu đối với nó cũng cảm thấy rất là khó khăn. Nhưng nhờ nó chịu khó thực tập thường xuyên thành thói quen, cho nên nó không còn cảm thấy khó khăn nhiều nữa. Như khi nó tập đứng, lúc đầu nó

cũng bị té lên té xuống nhiều lần. Nhưng nhờ nó bền chí tập đứng lâu ngày, thì sẽ không còn bị té nữa. Từ đó, cứ tiến dần lên: tập đi, tập nhảy, tập chạy v.v.... Sự tu hành của chúng ta cũng phải chịu khó luyện tập từng bước như thế. Có em bé nào mới sanh ra mà biết đứng, đi, chạy, nhảy liền đâu. Tất cả đều phải nỗ lực cố gắng thực tập cả.

Sự tu hành của chúng ta cũng thế. Nghĩa là chúng ta cũng phải thực tập từng bước vững chắc. Tập từng bước dễ đến bước khó. Và trong khi tu tập, tất nhiên là đã có kết quả tốt đẹp của nó rồi. Hiểu thế, thì Phật tử không còn gì phải hoang mang lo sợ mình không được lợi ích. Điều quan trọng của việc tu hành là chúng ta phải bền chí kiên nhẫn vượt qua mọi chướng duyên thử thách khó khăn. Có thế, thì Phật tử mới mong đạt thành sở nguyện. Kính chúc Phật tử luôn kiên tâm an nhẫn bền chí tu hành.

---o0o---

06. Tâm ở đâu?

Hỏi: *Kính bạch thầy, trong lúc chúng con bàn bạc nói về tâm, thì có một bà bạn hỏi con, chị nói tâm mà chị có biết tâm ở đâu không? Con đành ngậm miệng nín thinh không biết phải trả lời ra sao. Vậy kính xin thầy giải đáp cho chúng con được rõ.*

Đáp: Phật tử nín thinh không trả lời cũng phải. Bởi vì ngay câu hỏi của bà bạn đó đã sai rồi. Nếu Phật tử có trả lời thì Phật tử cũng sai luôn. Thí như có người hỏi Phật tử không khí ở đâu? Hỏi thế, thì Phật tử làm sao trả lời. Biết không khí ở đâu mà trả lời. Tâm của chúng ta cũng giống như không khí. Nói giống là vì không khí, không có hình tướng chỗ nơi. Nó bàng bạc trùm khắp tất cả. Tâm ta cũng thế. Nhưng tâm có khác hơn không khí là ở chỗ không khí thì vô tri, nhưng tâm lại là hữu tri, nghĩa là hằng có cái “**Biết**” rõ ràng.

Chính vì cái biết không hình tướng, nên nó không có chỗ nơi cố định. Nhưng, người hỏi thì muốn biết chỗ trú ngụ của nó, cũng như muốn biết chỗ trú ngụ của không khí. Mà tâm hay không khí làm gì có nơi chốn để trú ngụ. Tuy nhiên, đứng về mặt học thuật trao đổi tìm hiểu, thì chúng tôi cũng xin tạm giải thích đôi điều. Kỳ thật, thì câu hỏi đó đã sai rồi. Nếu đặt câu hỏi: thế nào là tâm vọng? và thế nào là tâm chơn? Hỏi như thế, thì chúng ta còn có thể dễ trao đổi bàn bạc với nhau hơn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Tôn giả A nan đã hỏi Phật bảy lần về chỗ trú ngụ nơi chốn của tâm, tất cả đều bị Phật bác hết. Vì Ngài A nan cũng muốn biết

cái tâm nó ở chỗ nào. Nên bảy lần Ngài nêu ra bảy nơi: “*Tâm ở trong thân, ở ngoài thân, tâm ẩn trong con mắt, trở lại cho tâm ở trong thân, tâm tùy chỗ hòa hợp, tâm ở chính giữa, cuối cùng, Ngài cho chỗ không dính mắc đó là tâm. Cứ mỗi lần Ngài nêu ra mỗi nơi, tất cả đều bị Phật bác hết*”. Sau đó, Ngài hốt hoảng kinh sợ không lẽ mình không có tâm. Mà nếu không có tâm thì làm sao biết tu hành thành Phật? Đó là chỗ hoang mang thật khó hiểu. Nên nhớ, Ngài A nan chỉ là đại diện cho chúng sanh để thưa hỏi thôi, chớ không phải Ngài dốt nát như chúng ta.

Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh, chuyên thuyết minh giải bày cặn kẽ về chân tâm và vọng tâm. Muốn biết chân tâm, thì chỉ cần hết vọng thì chân hiện. Thí như vệt hết mây mù thì ánh trăng sáng hiện ra. Như vậy, tu hành ta không cần phải tìm cầu chân tâm, vì có ý niệm tìm cầu là đã sai rồi. Ngài Tú Tài Trương Chuyết nói: “*Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh, thú hương chân như tổng thị tà*”. Nghĩa là, có ý niệm đoạn trừ phiền não, thì đó là càng thêm bệnh. Vì phiền não tự tánh vốn không. Đã không, thì đoạn trừ cái gì? Chính cái ý niệm khởi lên muốn đoạn trừ, đó là bệnh rồi. Còn có khởi ý niệm tìm cầu chân như thì đó cũng là tà ngoại. Vì sao? Vì tánh giác không phải là đối tượng để mong cầu. Vừa khởi ý niệm là đã trái với tánh giác rồi.

Như vậy, chơn tâm là một thực thể thanh tịnh sáng suốt hằng hữu. Vì nó vốn không có hình tướng, giống như hư không, nên nó bất sanh bất diệt... Một thực thể trùm khắp pháp giới như vậy, thì làm gì có chỗ nơi mà tìm cầu? Tuy nhiên, tâm vọng khi dây khởi thì nó có bóng dáng hình tướng. Đó là do vì, nó duyên với sáu trần mà có ra hình bóng, rồi chúng ta lại lầm chấp những cái bóng dáng đó cho là tâm thật của chính mình. Còn cái thể chơn tâm vắng lặng rỗng suốt thanh tịnh hằng hữu thì chúng ta lại quên mất. Do đó, nên Phật thường quở trách chúng ta là những kẻ si mê tăm tối. Chúng ta vọng nhận cái tâm giả dối dấy lên từng chập, từng hồi, thì lại cho đó là tâm mình. Vì vọng chấp như thế, nên chúng ta mới theo nó mà tạo nghiệp luân hồi thọ khổ.

Nói rõ hơn, cùng là cái thấy biết, nhưng nó có hai phương diện, giống như đồng tiền các có hai mặt (tạm dụ như thế): cái biết do theo cảnh phân biệt thương ghét, phải trái, tốt xấu, hay dở v.v... thì đó là cái biết vọng. Còn cái biết mà không theo vọng duyên phân biệt, nhưng vẫn thường hằng chiếu liễu, thì gọi đó là cái biết chơn, tức vô phân biệt. Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Phật dạy Tôn giả A nan: “*Nhược ly tiền trần hữu phân biệt tánh, tức chơn như tâm*”. Nghĩa là, nếu rời cảnh vật hiện tiền, mà cái “suy nghĩ phân biệt” này vẫn còn, thì mới thật là chơn tâm của ông. Trong kinh thường gọi là chơn tâm hay chơn như. Tuy biết mà không có bóng dáng hình tướng, tự thể lầu lầu trong sáng vắng lặng vậy.

Cái biết này khác hơn cái biết vọng là ở chỗ phân biệt và vô phân biệt. Tuy nhiên, ta nên lưu ý, nó không phải là hai thực thể riêng biệt. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Như sóng và nước không thể tách rời ra. Nhưng khi sóng nổi lên, thì ta không thể nói sóng là nước. Nhưng khi sóng lặng thì toàn thể tánh nước hiện bày. Cũng thế, khi cái biết dậy khởi lên phân biệt cảnh duyên, thì nó là hiện tượng giả dối, tạm gọi nó là vọng tâm. Cái biết này giống như hiện tượng của sóng. Khi cái biết này lặng xuống, thì cái biết “không phân biệt” nói gọn là “**Tánh không**”, toàn thể hiện bày. Như sóng tan thì nước hiện, mây tan thì trăng hiện. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Phiền não tức Bồ đề, hay sanh tử tức Niết bàn*” chính là ý này. Một thực thể không hình, không tướng, không sanh, không diệt, không như, không sạch v.v... nghĩa là vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên như thế, thì làm gì có nơi chốn mà hỏi tâm ở đâu.

---o0o---

07. Ý nghĩa của hai chữ Lăng Nghiêm và nguyên nhân nào Phật nói Chú Lăng Nghiêm

Hỏi: *Mỗi buổi sáng sớm, con thường trì tụng chú Lăng Nghiêm, nhưng con không hiểu nghĩa Lăng Nghiêm là gì? Và nguyên nhân nào mà Phật nói bài chú đó? Kính xin thầy giải thích cho con được rõ.*

Đáp: Lăng Nghiêm, tiếng Phạn là Suramgama, nói đủ là “Thủ Lăng Nghiêm”, Trung Hoa dịch là “Đại Định Kiên cố”. Nghĩa là cái bản thể chơn tâm sẵn có của tất cả chúng sanh và chư Phật. Vì thể của nó rộng lớn không có giới hạn ngăn mé, bao la trùm khắp cả pháp giới, nên gọi là “**Đại**”. Tâm thể này xưa nay vốn là thanh tịnh, không có nhiễm ô, tán loạn, thường hằng vắng lặng, không lay động dời đổi, nên gọi là “**Định**”. Vì tính chất của nó không dời đổi, thấu xưa suốt nay, thường hằng bất động, ở nơi thánh không tăng, ở nơi phàm không giảm, hằng hữu bất hoại, nên gọi là “**Kiên cố**”. Đại khái, đó là nghĩa của ba chữ “Thủ Lăng Nghiêm”, tức là “Đại Định Kiên Cố”.

Nguyên nhân Phật nói thần chú Lăng Nghiêm là vì Tôn giả A nan mắc nạn Ma đăng già. Ngài A nan bị nàng Ma đăng già dùng chú thuật Ta tỳ ca la tiên Phạm thiên ép buộc tình duyên ... Lúc đó, Tôn giả A Nan rất buồn rầu, thành kính hướng về đức Phật, mong đức Phật đoái hoài thương xót cứu độ giải nạn cho Ngài. Phật biết Ngài A Nan bị nạn, nên sau khi thọ trai, Phật không thuyết pháp như thường lệ mà trở về tịnh xá ngay và rồi Ngài ngồi kiết già, trên đánh phóng hào quang, có hoa sen ngàn cánh, trên hoa sen có đức Hóa Phật ngồi kiết già, nói thần chú Lăng Nghiêm. Phật bảo Ngài Văn

Thù đem thần chú ấy đi đến chỗ nàng Ma đấng già , để phá trừ tà chú, cứu nạn cho A Nan. Ngài A nan được kịp thời cứu thoát và sau đó Phật độ luôn cho nàng Ma đấng già tu hành trở thành bậc A la hán. Đó là nguyên nhân có ra năm đệ thần chú Lăng Nghiêm mà chư Tăng Ni cũng như quý Phật tử thường trì tụng vào mỗi buổi khuya.

---o0o---

08. Ở nhà có tụng chú Lăng Nghiêm được không?

Hỏi: *Thường thì ở trong chùa chư Tăng Ni hay tụng Chú Lăng Nghiêm và Đại Bi Thập Chú vào buổi khuya. Vậy xin hỏi không biết hàng cư sĩ tại gia chúng con có trì tụng được không?*

Đáp: Tất nhiên là được. Chỉ sợ chúng ta lười biếng không tụng trì đó thôi. Tụng kinh trì chú là điều rất tốt. Như đã nói, sở dĩ có chú Lăng Nghiêm là do Ngài A Nan bị mắc nạn Ma đấng già, nên Hóa thân Phật nói thần chú và Bồ tát Văn Thù lãnh sứ mạng tụng chú để giải nạn cho tôn giả A Nan. Chính vì lý do đó, nên trong các thiên môn thuộc hệ phái Phật giáo Bắc tông, còn gọi là Phật giáo Phát triển (Đại thừa), đều có trì tụng thần chú này vào mỗi buổi khuya. Tại sao không trì tụng vào những thời điểm khác mà phải trì tụng vào buổi khuya? Trong thiên môn có hai thời khóa căn bản, gọi là nhị thời khóa tụng. Buổi tối là thời Tịnh độ, tức tụng Kinh A Di Đà. Buổi khuya thì tụng năm đệ chú Lăng Nghiêm và Đại bi thập chú. Vì buổi khuya khí trời mát mẻ trong lành và cảnh vật yên tĩnh. Thần khí con người mới ngủ thức dậy cũng tỉnh táo mạnh mẽ hơn. Thần chú có năng lực rất mạnh, nên rất thích hợp với sự định tĩnh của thời điểm này. Do đó, người tụng chú ngoài phần tự lực nhiếp tâm ra, còn có sức gia hộ mạnh mẽ của long thần hộ pháp.

Như thế, thì bất luận Phật tử xuất gia hay tại gia, tất cả đều có thể trì tụng được hết. Phật tử đừng có lo ngại chi cả. Điều quan trọng là khi trì tụng chú, chúng ta cần phải nhiếp tâm thật kỹ. Như thế, thì rất dễ nhiếp phục vọng tưởng phiền não. Phiền não vọng tưởng không có, thì ngay lúc đó tâm ta sẽ được an định thanh thoát, nhẹ nhàng. Đó là ta đã có được hạnh phúc phước báo rất lớn vậy.

---o0o---

09. Phật tử đi chùa như thế nào mới đúng?

Hỏi: *Một Phật tử khi quy y và thường xuyên sinh hoạt với một chùa, nhưng lại đến công quả và dự khóa tu ở một ngôi chùa khác, như thế, thì có lỗi là bỏ chùa của mình hay không?*

Đáp: Đây là một quan niệm mang nặng thành kiến thật quá ích kỷ hẹp hòi. Thiết nghĩ, Phật tử chúng ta cần nên tránh. Hiện tượng này, thường xảy ra trong hàng ngũ Phật tử chúng ta. Đó là một quan niệm không mấy tốt đẹp cho sự tu học. Người Phật tử phải có một tấm lòng bao dung rộng mở. Không nên nghĩ rằng, chỉ có ngôi chùa mình quy y và thường xuyên sinh hoạt mới là chùa mình. Còn những ngôi chùa khác thì không phải chùa mình. Chính cái quan niệm hẹp hòi ích kỷ này, mà phát sanh ra có những tệ nạn tranh chấp hơn thua với nhau. Đây là một lỗi lầm rất lớn, mà hầu như đại đa số Phật tử chúng ta đều mắc phải. Người Phật tử không nên bảo thủ cố chấp như thế.

Đành rằng, ngôi chùa mà mình đã quy y thọ giới, chính nơi đó đã từng ấp ủ nuôi lớn đời sống tâm linh của mình. Tất nhiên, là mình phải có bổn phận đóng góp công sức xây dựng duy trì và phát triển. Thông thường, người ta gọi đó là ngôi Chùa Tổ hay Tổ Đình. Tuy nhiên, không phải vì thế mà mình không được quyền tới lui tu học hoặc làm công quả đóng góp ở các ngôi chùa khác. Giả như chùa mình (tạm gọi như thế, chớ thật ra trên đời này không có cái gì là thật mình hay của mình cả) không có tổ chức tu học, dù có đi chẳng nữa, nhưng nó cũng không đáp ứng đúng theo nhu cầu tu học của mình. Trong khi đó, thì những ngôi chùa khác lại có mở ra những khóa tu học đàng hoàng. Sự tổ chức tu học nơi đó rất chu đáo trang nghiêm và có chất lượng cao. Xét thấy, rất phù hợp cho nhu cầu tiến thân tu học của mình, mà lâu nay mình hằng ao ước mong muốn. Nhưng vì mình chưa có đủ cơ duyên để được tu học.

Có Phật tử lòng thì cũng muốn đi dự, nhưng vẫn còn áy ngại e dè không biết mình đi như thế có lỗi với thầy và chùa mình không? Vì sợ người ta cho rằng, mình không trung thành với thầy với chùa mình. Do nghĩ thế, nên Phật tử lại ngần ngại không dám đi. Nếu Phật tử có ý nghĩ như thế, thì đó là cả một sự mất mát thiệt thòi lớn lao cho Phật tử. Như thế thì thử hỏi trên bước đường tu hành làm sao Phật tử có thể tiến bộ cho được? Tôi nghĩ, không có vị thầy bổn sư nào mà có tâm lượng hẹp hòi ích kỷ như thế.

Phật tử nên nhớ rằng, khi Phật tử quy y Tam bảo, thì vị thầy truyền giới cho Phật tử chỉ là đại diện chung cho thập phương Tăng mà truyền trao giới pháp cho Phật tử. Như thế, thì Phật tử không những chỉ riêng kính trọng và học

hỏi với vị thầy mình quy y không thôi, mà còn phải kính trọng và học hỏi đối với tất cả những Tăng, Ni khác. Đó mới đúng nghĩa là người Phật tử.

Đến việc đi chùa cũng thế. Ngôi chùa mà mình quy y lãnh thọ giới pháp, tuy đó là chùa gốc của mình, nhưng không vì thế mà mình không được đi tu học hay công quả ở các chùa khác. Vì chùa là của chung cho tất cả, chớ không dành riêng cho bất cứ người nào. Nếu ai còn thấy có sở hữu riêng tư, thì đó chưa phải là người tu theo đạo Phật. Vì còn chấp ngã, chấp pháp quá nặng. Như thế, thì làm sao tương ứng với đạo lý giác ngộ giải thoát?

Nhân câu hỏi của Phật tử, tôi cũng xin thành tâm góp thêm chút ý kiến về việc người Phật tử đi chùa. Thiết nghĩ, người Phật tử đi chùa nên có quan niệm cho thật rõ ràng. Mục đích của Phật tử đi chùa không phải chỉ có làm công quả không thôi, mà còn phải cố gắng nghe giảng pháp tìm hiểu học hỏi giáo lý Phật dạy. Phật tử có chịu khó cố gắng thường xuyên học hỏi, nghe pháp, thì Phật tử mới mở mang trí huệ và mới biết được đường lối tu hành đúng theo lời Phật Tổ chỉ dạy. Từ đó, Phật tử mới đem ứng dụng giáo pháp Phật dạy vào đời sống thực tế hằng ngày. Như vậy, thì mới có lợi ích thiết thực cho bản thân mình, cho gia đình và xã hội. Có học hỏi chánh pháp, thì người Phật tử mới có đủ khả năng quán chiếu phân biệt nhận rõ được lẽ chánh tà chân ngụy. Và như thế, thì Phật tử sẽ không bị làm lạc rơi vào con đường tà ngoại.

Tuy rằng, việc đóng góp công sức cho chùa của Phật tử, đó là việc tốt nên làm. Vì ai cũng muốn cho mình có thêm phước đức. Thế nhưng, đó không phải là việc chánh yếu quan trọng, mà người Phật tử lại phải bỏ hết công sức đầu tư vào đó. Vì nếu Phật tử có thật tâm công quả, thì cũng chỉ hưởng được phước báo hữu lậu mà thôi. Phước báo này có giới hạn, chỉ hưởng dụng một lúc nào đó thì hết. Cho nên Phật dạy người Phật tử phải tu cả hai: “Phước Trí trang nghiêm”. Phải tu phước và tu huệ, phước huệ có lưỡng toàn thì mới có thể thành Phật được.

Hơn nữa, Phật tử nên nhớ rằng, chùa là của chung, ai cũng có thể làm giúp được cả. Người đời thường nói: *“có mợ thì chợ cũng đông, không mợ thì chợ cũng không bữa nào”*. Nếu không có mình, thì cũng vẫn có người khác làm. Đôi khi mình làm một công việc nào đó giúp cho chùa lâu năm, rồi ý mình có công lao nhiều lại sanh tâm cống cao ngã mạn khinh khi coi thường người khác. Vì nghĩ rằng, mình là người có công lao giúp cho chùa nhiều nhưt, không có ai hơn mình. Thậm chí, có người còn khinh thường lẩn lướt luôn cả chư Tăng, Ni trong chùa. Người ta gọi những kẻ đó là mắc phải cái chứng bệnh **“Công thân”** rất nặng. Đi chùa với thái độ hành xử như thế, thì chẳng những mình không có phước chi hết, mà lại còn gây thêm tội lỗi nữa.

Thử hỏi lỗi đó do đâu? Do vì mình thiếu học hỏi hiểu biết chánh pháp. Chẳng những mình không chịu học hỏi, nghe pháp, mà trái lại còn sanh tâm ngã mạn khinh chê những người khác. Người như thế, thật là đáng tội nghiệp thương xót biết bao!

Chúng ta thử nghĩ, nếu mọi người đến chùa chỉ biết có một mặt là làm công quả giúp cho chùa không thôi, không học hỏi giáo pháp tu hành gì cả, như thế, thì không biết tương lai đạo Phật sẽ đi về đâu? Và như thế, thì Phật giáo chỉ còn lại cái xác là những ngôi chùa, còn cái hồn thì không có. Tào chùa như thế, thì thật là phí công vô ích quá! Tào cảnh chùa với mục đích là để cho người Phật tử có nơi chiêm bái tu học. Sự tu học mới là phần quan trọng chính yếu. Còn tất cả những phần khác đều là phụ thuộc. Đó là chưa nói, khi làm công quả có người còn sanh tâm giận hờn ganh ghét người này, chê bai trách móc người kia. Nghĩa là phước đâu không thấy, mà chỉ thấy toàn là phiền não không thôi. Điều này là một sự thật không sao tránh khỏi.

Cứ nhìn vào thực tế và những việc làm của họ thì ta sẽ thấy rất rõ điều đó. Từ sự bất hòa ganh ghét đố kỵ nhau, rồi họ lập thành phe nhóm để chống báng công kích lẫn nhau. Phe nhóm nào mạnh, to mồm lắm miệng, thì thắng thế hơn. Thế là, vô tình người Phật tử biến ngôi Già lam tôn nghiêm thanh tịnh, trở thành nơi chỗ tranh cãi đấu đá hơn thua với nhau. Phật ở trên cao nhìn thấy cảnh tượng này, Ngài cũng thật vô cùng thương xót! Nhưng không biết phải làm sao khuyên giải đám đệ tử si mê của mình? Ngẫm nghĩ, thật là quá đau lòng!

Tóm lại, việc tu học hay làm công quả giúp cho chùa là quyền quyết định của mỗi người. Người Phật tử không phải chỉ có tu học hay làm công quả ở chùa mình quy y không thôi, mà Phật tử cũng có thể đi tu học hay làm công quả ở bất cứ ngôi chùa nào khác nếu mình muốn. Tuy nhiên, theo lời Phật dạy, người Phật tử cần phải có trí huệ sáng suốt để biện biệt suy xét cẩn thận những điều lợi và hại qua hành động của mình. Phải xét rõ những nơi mà mình đến tu học, hay công quả có phù hợp đúng với Chánh pháp Phật dạy hay không? Nếu xét thấy, nơi nào có lợi ích thiết thực cho việc tu học của mình, thì mình có quyền đến đó để tu học. Không ai có quyền ngăn cấm mình cả. Đi tham dự tu học là điều tốt đáng khích lệ tán dương, nhưng tuyệt đối, người Phật tử không nên chê bai nói xấu chùa này, chùa nọ. Đó là điều tối kỵ của người Phật tử. Vì như thế, chỉ chuốc thêm tội lỗi cho cái khẩu nghiệp của mình mà thôi.

Kính chúc Phật tử có đầy đủ trí huệ sáng suốt để nhận định đúng đắn trong việc tu học của mình. Có thế, thì người Phật tử mới mong đạt được kết quả tốt đẹp.

10. Thọ Bồ tát giới tại gia nuôi chó mèo có tội không?

Hỏi: Con đã thọ Bồ tát giới tại gia, nhưng gia đình các con cháu của con, chúng nó rất thích nuôi mèo chó trong nhà. Vậy xin hỏi con có mang tội không?

Đáp: Phật tử yên tâm không có gì là mang tội cả. Phật tử vì hoàn cảnh còn phải sống chung trong gia đình với con cháu, nên việc nuôi mèo chó là việc của con cháu, không có liên hệ gì đến Phật tử. Đâu phải Phật tử muốn nuôi mà sợ tội. Và lại, đối với người Phật tử tại gia chỉ thọ ngũ giới, thì Phật đâu có cấm không cho nuôi súc vật. Phật chỉ cấm là không được giết hại sinh vật. Điều này, không phải chỉ có nhà Phật tử nuôi mèo chó không thôi, mà ngay cả trong chùa, thỉnh thoảng, chúng ta thấy có những ngôi chùa chư Tăng, Ni cũng vẫn có nuôi chó.

Người Phật tử đã thọ Bồ tát giới tại gia, trong giới thứ mười lăm Phật cấm Phật tử không được nuôi mèo chồn, nếu nuôi thì phạm tội vô ý. Và trong giới thứ mười sáu, Phật cấm không được nuôi dưỡng các loại gia súc như: voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, lừa. Nếu như đã nuôi mà không làm phép tịnh thí (sự bỏ thí trong sạch, nghĩa là cho bằng cách không có ý để cho người khác giết ăn thịt), cho những người chưa thọ giới, thì Phật tử sẽ phạm tội vô ý. Đây thuộc về giới khinh, nên đã phạm thì phải hết lòng ăn năn sám hối. Nếu không sám hối thì sẽ bị đọa lạc, làm ô uế giới thể. Tại sao Phật cấm như thế? Bởi vì đây là duyên có gây ra tội lỗi. Người thọ giới Bồ tát là phải có lòng từ bi không nên nuôi để bắt chúng phải phục dịch cần khổ cho mình. Hơn nữa, những loài này nuôi chỉ để bán cho người ta làm thịt ăn mà thôi.

Dù mình không tự tay giết nó, vì tự tay giết, thì sẽ phạm trọng tội, nên đem bán cho người khác giết để lấy tiền. Nếu có người bắt những con vật này để làm thịt rồi mình mua lại nuôi để phóng sanh, thì không sao. Tại sao Phật cấm không được nuôi mèo chồn? Vì hai con vật này chuyên bắt chuột, hoặc sát hại con này con kia. Nếu nuôi nó, thì nó thường hay sát hại và làm tổn thương đến những loài khác. Do đó, nên Phật cấm không được nuôi những loài vật này. Nếu đã thọ Bồ tát giới mà còn nuôi chúng thì phạm tội. Đến như nuôi chó cũng phải cẩn thận. Theo luật, nếu như chúng ta nuôi chó săn thì phạm tội, còn như nuôi chó để giữ nhà thì không phạm.

Trường hợp của Phật tử thì không có can hệ gì đến việc nuôi chó mèo này. Do đó, nên Phật tử yên tâm không có gì là phải mang tội cả.

11. Khi hộ niệm cho người sắp lâm chung phải tụng niệm như thế nào mới đúng?

Hỏi: *Trong khi chúng con đi hộ niệm cho người sắp lâm chung, có người thì tụng kinh, có người thì chỉ niệm Phật, có người bảo phải niệm Phật thật to tiếng thì người sắp chết mới nghe, nhưng ở trong bệnh viện làm sao chúng con niệm to tiếng được. Vậy xin hỏi phải làm như thế nào mới đúng?*

Đáp: Vấn đề hộ niệm cho người sắp lâm chung thật rất quan trọng. Có thể nói, vai trò của người hộ niệm trong lúc này, là có nhiệm vụ thay đức Như Lai để cứu giúp cho người bệnh sớm được vãng sanh về cõi Phật. Trước khi hộ niệm, người hộ niệm cần phải biết rõ, nếu trường hợp bệnh nhơn chưa đến nỗi bệnh nặng lắm, thì người hộ niệm có thể tụng Kinh A Di Đà, niệm Phật, hồi hướng, chú nguyện.

Còn nếu thấy người bệnh có vẻ trầm trọng, thì người hộ niệm nên nhiếp tâm niệm hồng danh Phật A Di Đà. Tuyệt đối, không nên tụng niệm gì khác. Tất cả chỉ thành tâm mà niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà thôi. Có thể niệm bốn chữ hoặc sáu chữ tùy ý. Điều này còn tùy thuộc vào thói quen niệm Phật của người bệnh khi còn mạnh khỏe. Chúng ta nên chịu khó tìm hiểu rõ hằng ngày người bệnh niệm Phật như thế nào. Thường niệm bốn chữ hay sáu chữ. Phải hỏi rõ thân nhân của người bệnh để biết. Nếu người bệnh bình nhật thường niệm sáu chữ, thì người hộ niệm nên niệm sáu chữ. Còn như người bệnh thường niệm bốn chữ A Di Đà Phật, thì người hộ niệm cũng nên niệm bốn chữ. Điều này cũng rất quan trọng, vì đó là hợp ý theo thói quen của người bệnh. Nếu niệm hợp ý với người bệnh, thì họ sẽ phát khởi tâm hoan hỷ mà niệm Phật theo mình. Như thế, thì việc hộ niệm mới có kết quả cao. Cho nên, người hộ niệm cần nên biết rõ việc này.

Một điều quan trọng hơn nữa, mà người hộ niệm cũng cần phải biết. Trước khi bắt đầu niệm Phật, thì một người đại diện trong số những người đến hộ niệm (thường là một vị Tăng, hoặc Ni, nếu không có chư Tăng Ni, thì người cư sĩ cũng được) nói vài lời thức nhắc cho người bệnh nhớ lại sở hành niệm Phật và những việc tu tạo phước thiện hằng ngày của mình. Như cúng dường, bố thí, ăn chay, tụng niệm v.v... Nhất là, nên nhắc lại bản nguyện của đức Từ Phụ Phật A Di Đà.

Như nói Phật tử hay liên hữu hãy lắng nghe cho thật kỹ: “*Đức Phật A Di Đà dạy chúng sanh ở trong thế giới mười phương, khi lâm chung niệm danh hiệu ta mười niệm, ta không rước về cõi nước Cực lạc của ta, thì ta sẽ*

không làm Phật”. Hôm nay, thể theo lời Phật dạy, chúng tôi đến đây hợp lực cùng gia quyến để giúp cho Phật tử hay liên hữu niệm Phật để được vãng sanh về cõi Phật không còn khổ đau nữa. Xin Phật tử hay liên hữu phải nghe rõ từng chữ từng câu rồi trong lòng khởi niệm Phật theo chúng tôi.

Mục đích là để cho người bệnh nhớ lại mà có thêm niềm tin vững chắc mạnh mẽ hơn. Sau khi nói vài lời pháp ngữ khai thị xong, thì bắt đầu cử bài tán Phật và rồi đại chúng đồng niệm Phật. Nếu như đông người, thì có thể phân ra từng ban thay phiên nhau mà niệm Phật liên tục. Đồng thời những thân nhân của người bệnh nên vì người thân của mình mà hết lòng hợp lực cùng với những vị hộ niệm mà cùng nhau chí thành niệm Phật. Phải niệm cho rõ ràng từng chữ, từng câu.

Nếu trường hợp người bệnh ở trong bệnh viện, thì mọi người niệm âm thanh không nên to tiếng lắm và cũng không được nhỏ tiếng lắm. Nếu niệm lớn tiếng quá, thì sẽ dễ gây ra tiếng ồn và làm cho người khác gần bên khó chịu. Nghĩa là niệm âm thanh vừa đủ nghe là được. Tỉnh thoảng, vị duy na đánh một tiếng khánh gần tai người bệnh để thức nhắc cho người bệnh khỏi hôn mê.

Điều quan trọng trong lúc niệm Phật những người hộ niệm cần phải niệm cho hòa âm nhịp nhàng với nhau. Điều này cũng rất quan trọng. Không nên ý mình âm thanh tốt mà niệm cao tiếng lấn át tiếng người khác. Niệm Phật âm thanh chửi nhau như thế, thì gây ra thật khó nghe và làm cho người bệnh không mấy hài lòng dễ chịu. Mỗi người cần nên để ý mà tiếp hơi phụ lực với nhau và phải niệm cho liên tục. Nên nhớ, lúc này người bệnh bị cơn bệnh hoành hành đau nhức thật khó chịu. Người hộ niệm và trong thân quyến phải nên chú ý không nên làm phật lòng trái ý người bệnh. Vì như thế người bệnh dễ sanh phiền não và có hại cho việc vãng sanh rất lớn.

Tóm lại, khi người bệnh nặng sắp lâm chung, thì chúng ta chỉ nên một lòng cùng nhau niệm Phật, tuyệt đối không nên tụng Kinh Chú gì khác. Như thế, sẽ làm cho người bệnh không được nhưt tâm niệm Phật. Vì trong lúc này, người bệnh không muốn nghe gì nhiều. Đồng thời phải niệm Phật tùy theo thói quen của người bệnh hằng ngày đã niệm. Mọi người nên thay phiên nhau niệm Phật cho liên tục. Và cũng không nên niệm to tiếng quá gây ồn ào khó chịu cho người khác. Chúng ta phải tôn trọng giữ gìn sự yên tĩnh cho những người khác ở trong bệnh viện. Đại khái, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài điều căn bản cần thiết trong lúc hộ niệm mà thôi. Thiết nghĩ, người hộ niệm cũng cần nên học hỏi nghiên cứu để hiểu rõ thêm.

12. Ý nghĩa của câu: Ý hòa đồng duyệt như thế nào?

Hỏi: Về sáu phép lục hòa Phật dạy, trong đó có phép hòa thứ sáu là Ý hòa đồng duyệt, con chưa hiểu rõ phép hòa này như thế nào? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho chúng con rõ.

Đáp: Ý hòa đồng duyệt, chữ duyệt có nghĩa là vui vẻ. Đây là phép hòa quan trọng trong sáu phép hòa. Vì những phép hòa kia: từ *Thân hòa đồng trụ*, *Khẩu hòa vô tránh*, *Lợi hòa đồng quân*, *Kiến hòa đồng giải* và *Giới hòa đồng tu*, đều là ngọn ngành, mà phép hòa này mới là cội gốc. Ý là những tư tưởng suy nghĩ không dừng trong tâm thức của chúng ta. Theo Duy Thức học, thì Ý thức rất là hệ trọng hơn hết. Vì nó là động cơ chính thúc đẩy miệng và thân. Cho nên, luận về công trạng, thì nó đứng đầu, mà nói về tội lỗi, thì nó cũng đứng trước (công vi thủ, tội vi khôi). Vì thế, sống trong gia đình, hoặc trong một đoàn thể, muốn cho mọi việc đều được hòa thuận êm ấm, thì mỗi người cần phải giữ gìn ý tứ tâm địa của mình. Nếu người nào cũng khéo biết gìn giữ kiểm soát thật kỹ ở nơi tâm ý của mình, không cho nó tự do buông lung phóng dật, nghĩ xằng tính bậy, thì chắc chắn khi hành động hoặc nói năng, tất nhiên là mỗi người sẽ được hòa khí an vui. Trái lại, nếu ý tứ bất hòa, tư tưởng thường chống trái xung đột với nhau, gây ra cảnh ganh ghét thù nghịch, thì không làm sao giữ được thân và miệng hòa ái được.

Bởi ý tưởng là cái gốc mà thân và miệng là cái ngọn. Nói rõ hơn thân và miệng chỉ là công cụ của ý thức. Ý thức là chủ nhân ông có quyền quyết định sai sử. Nếu trong tâm tưởng của mỗi người bất hòa, thì dù cho có cố gắng giữ thân và miệng được hòa khí bao nhiêu, thì đó cũng chỉ là giả trá che đậy ở bên ngoài mà thôi. Có khác nào như một lớp sơn đẹp để tô phết lên một tấm gỗ mục ruỗng nát. Một khi mỗi cá nhân không còn kèm chế được tâm ý, thì việc tranh chấp đấu đá bằng những hành động của thân và miệng chắc chắn sẽ xảy ra. Chừng đó, không có một thể lực nào ngăn chặn được, khi mà tư tưởng bất hòa gây nên sự xung đột ác liệt.

Xưa nay, những cuộc chiến tranh xảy ra cảnh tàn sát đẫm máu kịch liệt với nhau, tất cả cũng đều do ý thức chủ động mà ra. Vì hai bên bất đồng quan điểm, trở nên thù nghịch và rồi đưa đến tình trạng tranh chấp bắn giết lẫn nhau. Người ta thường nói, đó là chiến tranh ý thức hệ. Cùng có đồng một quan điểm lập trường giống nhau, thì tạo thành một phe nhóm. Khác quan điểm lập trường thì tạo thành phe nhóm khác chống đối lại. Đó là hậu quả của sự xung đột bất hòa của ý thức.

Nếu là Phật tử cùng sinh hoạt chung trong một môi trường tu học, muốn cho sự sinh hoạt của đoàn thể đó được nhịp nhàng tốt đẹp, thì việc giữ gìn ý hòa đồng duyệt này rất là quan trọng. Thân có hòa, khẩu có hòa, nhưng ý không

hòa, thì trước sau gì đoàn thể đó cũng sẽ gây nên tình trạng xung đột chống đối nhau và rồi trước sau gì nút định cũng sẽ tan rã. Thế nên, Phật dạy người Phật tử mỗi người phải luôn giữ gìn cái tâm ý của mình, đừng để nó khởi nghĩ những điều bất thiện xấu ác mà gây ra cảnh bất hòa xung đột chia rẽ với nhau. Được như vậy, thì bản thân, gia đình và xã hội mới có được một cuộc sống chung hợp hòa thuận an vui và mới thực sự có hạnh phúc vậy.

---o0o---

13. Lạy sám hối có thực sự tiêu nghiệp không?

Hỏi: *Mỗi khi lạy sám hối, thú thật chúng con chưa hiểu rõ việc lạy và đôi khi không tin rằng lạy sám hối sẽ được tiêu tan nghiệp chướng. Đa số thường có tâm lý sợ lạy 108 lạy, vì tuổi già yếu như chúng con mà lạy như thế thì quá mệt. Nếu như không lạy đủ số như vậy, thì không tiêu được nghiệp chướng hay sao? Kính xin thầy hoan hỷ giải thích điều này cho con được rõ.*

Đáp: Khi làm một điều gì, thiết nghĩ, người Phật tử chúng ta cũng nên tìm hiểu kỹ càng qua việc làm đó. Có thế, thì chúng ta mới có thể tránh được những điều tai hại bất lợi cho mình trong hiện tại cũng như mai sau. Như Phật tử đã biết, lạy sám hối, là một trong nhiều pháp môn Phật dạy. Đã là pháp môn, nếu chúng ta chịu khó hành trì đúng pháp, tất nhiên là chúng ta sẽ được lợi ích rất lớn. Muốn thế, trước tiên, chúng ta phải biết qua ý nghĩa của hai chữ sám hối. Và sám hối như thế nào mới đúng pháp và tiêu tội chướng? Đó là những vấn đề mà chúng ta cần phải tìm hiểu.

Sám nguyên tiếng Phạn là Samma, Trung Hoa dịch là hối hóa. Còn chữ hối là Hán ngữ, ghép hai từ ngữ Phạn và Hán lại thành hai chữ sám hối. Sám nghĩa là ăn năn lỗi trước, còn hối là chừa bỏ lỗi sau. Nói gọn là ăn năn chừa lỗi. Hồng danh sám hối là một trong bốn cách sám hối. Để Phật tử hiểu rõ hơn, tôi xin dẫn trong Kinh thường nêu ra có bốn cách sám hối như sau:

1. Tác pháp sám hối.
2. Thủ tướng sám hối.
3. Hồng danh sám hối.
4. Vô sanh sám hối.

1. Tác pháp sám hối: đây là pháp sám hối thuộc phần sự tướng. Nghĩa là phải có lập giới đàn và cung thỉnh thanh tịnh Tăng chứng minh. Người nào tự thấy mình có tội lỗi, thì ra trước đại chúng hoặc một vị thầy có đầy đủ

giới đức để tự phát lồ bày tỏ những lỗi lầm mà mình đã phạm phải. Phải bày tỏ một cách chí thành và hết lòng thành khẩn ăn năn cải hối những lỗi lầm mình đã gây ra. Đồng thời phải phát nguyện từ nay trở đi mình sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Một lòng thành kính sám hối như vậy, khi giới thể được thanh tịnh tức là hết tội.

2. Thủ tướng sám hối: Pháp này cũng thuộc về phần sự tướng, nhưng khó hơn pháp trước. Pháp sám hối này chỉ dành cho những người có trình độ cao, hoặc không có chư Tăng Ni thanh tịnh chứng minh. Đây là pháp sám hối thuộc về quán tướng và khi sám hối đương sự phải đến trước tượng Phật hay Bồ tát thành tâm lễ bái, trình bày những tội lỗi đã phạm và nguyện ăn năn chừa bỏ. Cứ thật hành như thế cho đến khi nào thấy được hảo tướng như: thấy hào quang hay hoa sen báu, thấy Phật, Bồ tát xoa đầu v.v... thì mới thôi.

3. Hồng danh sám hối: pháp sám hối này cũng thuộc về sự tướng do ngài Bất động pháp sư đời Tống bên Trung Hoa soạn ra. Đây là pháp lay 108 lay, mà quý Phật tử thường lay ở chùa hoặc ở nhà. Pháp lay sám hối này, đối với người trọng tuổi già yếu như Phật tử thì không mấy thích hợp cho lắm. Tuy nhiên, đối với những ai mạnh khỏe, thì pháp lay sám hối này rất có lợi, vì vừa tiêu trừ tội chướng mà cũng vừa có thêm sức khỏe. Nhưng muốn tiêu trừ phiền não tội chướng, thì hành giả khi lễ bái phải chí thành kính lễ.

Trong mười đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền, nguyện trước tiên là “lễ kính chư Phật”. Tuy hình thức lễ bái đơn giản, nhưng có hiệu quả rất cao là diệt trừ được động cơ tạo nghiệp và hai thứ phiền não gốc. Vì khi hành giả lễ bái, thì động cơ tạo nghiệp của thân bị đình chỉ. Đồng thời khi lễ lay, thì hành giả dẹp trừ được tâm ngã mạn cống cao và hướng về Phật với lòng tin vững chắc không còn nghi ngờ.

Như vậy, là phá trừ được hai thứ phiền não gốc “mạn” và “ngi”. Nên nói lay Phật có phước là ở chỗ đó. Và khi thân lay, miệng thì xưng danh hiệu Phật, thế là khẩu nghiệp được thanh tịnh. Khi khen Phật đó là chánh kiến, tất nhiên tà kiến không có. Và trong khi lễ lay, thì tâm ý nương vào câu hiệu Phật, thế là tâm ý được thanh tịnh. Chỉ một hành động lay Phật đơn giản như thế mà dứt trừ được ba nghiệp tạo tội của thân, miệng, ý. Vì thế, nên nói lay Phật sám hối sẽ được tiêu trừ tội chướng.

Tuy nhiên, trong trường hợp của Phật tử vì trọng tuổi yếu đuối, không thể đứng lên lay xuống được. Theo tôi, tốt hơn hết là Phật tử chỉ cần chí thành niệm Phật thì cũng được tiêu trừ tội chướng. Phật tử nên biết, giáo pháp Phật dạy có vô lượng pháp môn, tùy theo căn cơ, tuổi tác, sức khỏe và hoàn cảnh của mỗi người mà có thể ứng dụng hành trì cho thích hợp. Nếu thật hành

đúng pháp theo lời Phật Tổ dạy, thì tất cả cũng đều được lợi ích. Về cách lễ Phật, ngoài Sự lễ ra, còn có Lý lễ nữa. Về Lý lễ, trong kinh thường nêu ra có bốn cách:

- Phát trí thanh tịnh lễ.
- Biến nhập pháp giới lễ.
- Chánh quán lễ.
- Thật tướng bình đẳng lễ.

Bốn cách lễ trên đều thuộc về lý, nên rất khó cho hành giả thật hành. Tuy nhiên, nếu ai thật hành được, thì lợi ích không thể nghĩ bàn.

4. Vô sanh sám hối: pháp sám hối này thuộc về lý sám hối. Phải là bậc thượng căn mới có thể thật hành nổi. Có hai cách quán: “*quán tâm vô sanh và quán pháp vô sanh*”. Vì bản tâm của chúng ta thường hằng vắng lặng sáng suốt, bất sanh bất diệt. Tội có ra là do tâm tạo. Đó là tâm vọng tưởng. Do bất giác khởi vọng tạo nghiệp. Tâm này không thật có. Tâm đã không thật, thì tội làm sao có thật được? Vì tội do tâm sanh, mà tâm vốn không sanh, thì tội cũng không có. Đó là tánh tội vốn không. Hằng sống với thể tánh này, thì mọi tội lỗi sẽ không còn. Thí như bóng tối dù trải qua hằng triệu tỷ năm, nhưng khi có ánh sáng của ngọn đèn chiếu vào, thì bóng tối kia sẽ tan biến ngay. Vì thể của bóng tối vốn không thật. Nên kinh nói :

Tội tùng tâm khởi, tùng tâm sám.

Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong.

Tội vong tâm diệt lưỡng câu không,

Thị tắc danh vi chơn sám hối.

Nghĩa là :

Tội từ tâm khởi thì cũng phải từ tâm mà sám. Khi tâm đã thực sự vắng lặng rồi, thì tội kia cũng không còn. Tội không, tâm lặng, cả hai đều không thật có, được vậy, mới thật là chơn sám hối. Đến đây, thì không còn gì phải bàn luận là tội hay không tội. Vì đã vượt ngoài hai phạm trù đối đãi nhị nguyên : “bặt dứt chủ thể và khách thể”. Đó là hình ảnh của một con người siêu việt hiện ngang tự tại qua lại trong bầu trời tự do giải thoát vậy.

14. Làm sao trị được bệnh hôn trầm?

Hỏi: Là người trọng tuổi như chúng con, mỗi khi niệm Phật con thường hay ngủ gục. Như vậy có cách nào trị hết bệnh ngủ gục này không? Xin thầy hoan hỷ chỉ cách cho con.

Đáp: Đây là một chứng bệnh không riêng gì Phật tử mà đa số người tu đều mắc phải. Người mắc chứng bệnh hôn trầm này cũng không phải dễ trị. Người tu sợ nhất là hai chứng bệnh: “*hôn trầm và tán loạn*”. Chính hai thứ tập khí sâu nặng này nó làm chướng ngại rất lớn trên bước đường tu tập của chúng ta.

Có người lúc bình thường, họ ngồi lại tán ngẫu những chuyện bù khú thị phi tạp nhạp ở thế gian với nhau cả buổi, mà họ không bao giờ biết buồn ngủ là gì. Vì lúc đó, họ quá hăng say đam mê với những câu chuyện mà họ đang nói. Hằng ngày, họ huân tập những hạt giống đời quá sâu nặng, nên khi gặp nhau bắt đầu đúng tần số thì họ phát thanh huyền thuyên không bao giờ biết nhàm chán mỗi mệt. Trái lại, hễ khi tụng kinh hay niệm Phật thì con ma hôn trầm buồn ngủ bắt đầu xuất hiện. Nó cảm thấy chán nản mệt mỏi uể oải và buồn ngủ. Những tập khí này, không phải chỉ mới huân tập trong hiện đời mà nó còn huân tập trong nhiều đời nữa. Chính do sự huân tập đó, nên khi gặp cơ duyên là nó hiện hành phát khởi rất mạnh mẽ.

Có người khi họ đam mê ghiền chơi một thứ gì đó, như cờ bạc chẳng hạn. Có thể nói, họ ngồi ỳ một chỗ suốt cả ngày, thậm chí quên cả ăn uống, mà họ không bao giờ cảm thấy mệt mỗi buồn ngủ. Nhưng khi ngồi tụng kinh hoặc niệm Phật hay nghe pháp v.v... chỉ cần trong giây lát thôi, là họ bắt đầu ngủ gà ngủ gật rồi. Lý do tại sao? Tại vì hạt giống Phật pháp của họ rất cạn mỏng yếu kém. Người nào mắc phải chứng bệnh hôn trầm này, thì Phật gọi người đó đang bị chìm sâu vào trong hang quỷ.

Về phương cách đối trị, trong kinh nêu ra có nhiều cách. Nhưng ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu bốn cách thôi, rồi tùy ý Phật tử chọn lựa xem cách nào phù hợp và có hiệu quả nhất, thì Phật tử cố gắng thực hiện.

1. Nếu trong lúc đang ngồi niệm Phật hay tụng kinh mà nó muốn buồn ngủ, Phật tử không thể kèm chế được, thì Phật tử nên đứng lên lạy Phật sám hối, vì đó là nghiệp chướng của mình quá sâu nặng.
2. Phật tử cũng có thể đứng lên đi kinh hành niệm Phật ở trong nhà hoặc ngoài sân, tùy theo khung cảnh và thời điểm thích hợp.
3. Nếu không lạy Phật và đi kinh hành, thì Phật tử cũng có thể dùng phương pháp số tức niệm Phật. Nghĩa là niệm Phật bằng cách đếm số theo hơi thở. Như niệm câu hiệu Phật có thể chia ra làm hai, như hít vào niệm “*Nam Mô*

A”, thở ra “*Di Đà Phật*” . Hít vô thở ra thầm đếm một. Cứ đếm như thế cho tới số mười rồi bắt đầu đếm trở lại. Điều quan trọng của phương pháp này là phải nhớ số câu theo hơi thở cho rõ ràng. Nếu nhớ không rõ là phải niệm đếm lại. Vì chăm chú như thế, nên con ma ngủ nó sẽ biến mất.

4. Chúng ta cũng có thể dùng phương pháp Chỉ Quán. Phương pháp này, Phật Tổ dạy chúng ta nên chọn một đề mục để quán. Như quán “*thân bất tịnh*” hay quán “*nhân duyên*” v.v... Khi chúng ta quán phân tích chia chẻ sâu vào, lúc đó những hệ thần kinh trong não bộ của chúng ta bắt đầu làm việc căng thẳng, do đó, nên con ma buồn ngủ sẽ tan biến ngay. Tuy nhiên, khi quán một hồi mà tâm ta bị loạn động, thì hãy lập tức dùng Chỉ, tức là dùng vọng tưởng. Như dùng hơi thở hay câu niệm Phật để tâm ta an trụ vào đó. Đó là phương cách trị bệnh tán loạn và hôn trầm rất hữu hiệu.

Việc tu hành muốn có kết quả tốt đẹp, chúng tôi thiết nghĩ, mỗi hành giả nên cố gắng kiên trì thực tập. Nhất là đối trị những tập khí sâu dày trong hiện đời cũng như nhiều đời, không phải là chuyện dễ làm. Tuy nhiên, Có nỗ lực công phu bền chí hành trì, thì chúng ta mới có thể vượt qua những chướng ngại thử thách lớn lao trong sự tu hành. Kính chúc phật tử chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

15. Như thế nào mới trị được bệnh vọng tưởng?

Hỏi: *Khi hành trì niệm Phật, con tưởng ngời một mình chỗ yên vắng thì không bị vọng tưởng. Nhưng trái lại, càng thanh vắng chừng nào thì tâm con càng loạn tưởng nhiều chừng nấy. Hễ con cố đè nén, thì chỉ được một chút thôi, rồi bao nhiêu thứ nghĩ nhớ lung tung cũng dẫu vào đấy. Vậy xin thầy từ bi hướng dẫn cho con phương pháp nào để tâm con được yên lúc niệm Phật?*

Đáp: Bệnh này là bệnh chung của người tu. Dù chúng ta tu bất cứ pháp môn nào, tham thiền, niệm Phật, tụng kinh, trì chú v.v... ít nhiều gì cũng đều có vọng tưởng dấy khởi. Nếu như bật dứt hết vọng tưởng, thì đã thành Thánh nhân rồi. Được thế, thì còn nói tu hay không tu làm chi nữa. Vì còn vọng tưởng, nên chúng ta mới tu. Mục đích của sự tu hành là chúng ta muốn dẹp trừ hết vọng tưởng. Vì chính nó là đầu mối dẫn chúng ta đi tạo nghiệp thọ khổ. Nhưng muốn diệt trừ nó, không phải là chuyện dễ dàng. Nhất là đối với những người sơ cơ mới bước chân vào đạo tập tu. Khi ứng dụng tu, thì vọng tưởng tạp loạn dấy khởi lên rất mạnh. Đó là do những thứ tập khí nhiều đời cũng như hiện đời mà chúng ta đã huân tập. Nếu là người tu lâu, hành trì

miên mật, thì lũ vọng tưởng phiền não sẽ giảm bớt và yếu đi nhiều. Tuy nhiên, Phật tử nên nhớ, vọng tưởng dấy khởi mạnh hay yếu, tương tục hay gián đoạn, thô hay tế, tất cả còn tùy theo sức huân tu hằng ngày của mỗi người.

Trường hợp của Phật tử, Phật tử nghĩ rằng, khi ngồi chỗ thanh vắng niệm Phật thì không bị vọng tưởng dấy khởi. Nghĩ thế là làm to. Vì càng thanh vắng, vọng tưởng càng dấy khởi mạnh bạo. Lý do, là vì khi Phật tử đối cảnh xúc duyên, tâm ý Phật tử luôn luôn phan duyên theo cảnh. Khi ấy, Phật tử không biết đâu là cảnh và đâu là vọng tưởng. Hai cái đang hòa quyện hợp nhứt với nhau, do đó nên Phật tử không thể phân biệt tách rời ra được. Đó là lúc Phật tử hoàn toàn sống theo cảnh động. Nhưng khi Phật tử ngồi niệm Phật chỗ thanh vắng, bấy giờ Phật tử có chút tâm yên nên mới nhận ra không biết bao nhiêu thứ vọng tưởng lăng xăng dấy khởi.

Thật ra, đó là những pháp trần. Vì khi Phật tử tiếp xúc với cảnh duyên, thì khi ấy sáu căn thu nhiếp sáu trần, nên mọi hình ảnh của sáu trần đều rơi rớt lưu vào trong tâm thức. Đến khi ngồi một mình niệm Phật ở chỗ thanh vắng, thì lũ chúng nó có cơ hội phát khởi rất mạnh bạo. Cho nên người tu hành khi tham thiền, quán tưởng, niệm Phật v.v... thì rất sợ lũ pháp trần này. Tuy nhiên, khi nó dấy khởi, Phật tử không nên đè nén hay đàn áp chúng nó, mà chỉ cần Phật tử nên sáng suốt nhìn kỹ vào bộ mặt thật của chúng. Khi có chánh quán chiếu soi thì chúng nó sẽ tan biến ngay. Cho nên, khi hạ thủ công phu, Phật tử đừng sợ vọng tưởng khuấy rối, mà chỉ sợ Phật tử không sáng suốt tỉnh thức kịp thời để nhận diện rõ bộ mặt thật của chúng đó thôi. Vì chúng là giả dối không thật, nên khi biết rõ chúng rồi, thì chúng không thể làm hại gì mình được.

Khi niệm Phật, Phật tử nên nhớ là phải nhiếp tâm vào câu hiệu Phật. Miệng niệm tai nghe âm thanh rõ ràng. Tâm luôn theo dõi từng lời, từng chữ của câu hiệu Phật. Khi đang niệm, bỗng tạp niệm xen vào, Phật tử đừng sợ chỉ cần biết nó một cách nhẹ nhàng, thì nó sẽ lặng xuống. Bấy giờ Phật tử cứ tiếp tục niệm Phật. Điều quan yếu của pháp môn niệm Phật là phải tâm niệm. Miệng niệm tai nghe không chưa đủ mà phải chú tâm niệm. Niệm như thế lâu ngày, vọng tưởng sẽ giảm bớt dần và đến khi nào tâm được thuần thục, thì Phật tử sẽ dần đạt được nhứt tâm bất loạn. Nhưng bước đầu bao giờ cũng rất khó khăn. Tôi thành thật khuyên Phật tử không nên nản chí. Cổ Đức có dạy: “niệm Phật không khó mà khó ở bền lâu. Bền lâu không khó mà khó ở nhứt tâm”. Kính chúc Phật tử có nhiều sức khỏe tinh tấn niệm Phật và sẽ có ngày đạt thành sở nguyện.

16. Làm sao phân biệt được Xá lợi Phật thật?

Hỏi: Khi con có dịp chiêm bái Xá lợi của Phật và của chư Thánh Tăng, nhưng con vẫn còn có thắc mắc làm sao biết đó là Xá lợi Phật thật? Có mấy loại Xá lợi? Và làm sao để việc thờ cúng Xá lợi được đúng phép?

Đáp: Vấn đề này, thú thật, chúng tôi cũng không thể trả lời một cách xác quyết dứt khoát rõ ràng. Vì chúng tôi cũng chỉ y cứ vào những dữ kiện, tài liệu chứng minh do các bậc Thầy truyền lại. Còn vấn đề tin hay không là quyền của mỗi người.

Trong quyển “Những Chuyện Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi” xuất bản năm 2000 tại Hoa Kỳ, do cư sĩ Tịnh Hải sưu tầm, có dẫn chứng ghi lại lời của Thượng Tọa Như Điền nói về việc tôn thờ Xá Lợi Phật và chứng minh xác quyết đâu là Xá Lợi Phật thật. Chúng tôi xin được trích dẫn một vài đoạn nguyên văn ở trang 178 để chứng minh như sau:

“Theo Thượng Tọa Như Điền, một phần lớn di chuyển về Thiên cung, một phần di chuyển về Long cung. Xá Lợi Phật có ba phần, một loại lớn bằng mút dừa, một loại bằng hạt gạo, một loại bằng hạt mè. Xá Lợi bằng mút dừa hiện không còn nữa. Xá Lợi bằng hạt gạo cũng không còn. Bây giờ duy nhất còn Xá Lợi bằng hạt mè.

Xá Lợi có ba đặc tính. Hiện chùa Viên Giác có 8 viên Xá Lợi. Không phải ai cũng thấy được Xá Lợi. Có người phải đánh lễ đủ ba ngàn lạy, trừ người có phước duyên từ trước. Muốn biết thế nào là viên Xá Lợi thật, phải làm bằng cách như thế này:

1. Đem hai bát nước để hai bên. Một bên để gạo, một bên để mè. Đầu tiên để gạo vào nước, thì gạo sẽ chìm, rồi lấy Xá Lợi để vào nước, Xá Lợi cũng chìm.
2. Lần thứ hai, lấy gạo ra và bỏ lại một nửa vào chén nước. Gạo vẫn chìm. Nhưng lần thứ hai lấy Xá Lợi ra và bỏ một lần nửa như gạo, nhưng lần này Xá Lợi không chìm.
3. Bây giờ lấy mè bỏ vào nước, ta sẽ thấy mè nổi trên nước như Xá Lợi. Nhưng nếu để Xá Lợi cách nhau khoảng 10 ly thì Xá Lợi tự động di chuyển. Điều này chứng tỏ pháp thân thanh tịnh Tỳ Lô Giá Na Phật vẫn còn tồn tại trong cõi này.

Cho nên người nào có phước, thờ Xá Lợi thì Xá Lợi sẽ lớn lên. Còn người nào vô phước mà thờ Xá Lợi thì Xá Lợi bay bổng đi nơi khác, mặc dù đang

được cất giữ trong một cái tháp. Đó là sự linh thiêng của Xá Lợi, và cũng là đặc tính thứ nhất.

Còn đặc tính thứ hai là Xá Lợi tự động di chuyển. Nội thấy đặc tính này thì quý vị cũng đủ đánh lễ rồi. Không có một vật gì ở thế gian này khi đã chìm rồi lại nổi, không có một vật gì tự động di chuyển hết.

Đặc tính thứ ba là Xá Lợi có năm màu. Đây là màu hào quang của Đức Phật. Đó cũng chính là màu lá cờ Phật giáo do một Đại Tá Mỹ tên là Henri Olscott đề nghị. Ông này khi qua Tích Lan, thấy hào quang năm màu của Phật, mới đề nghị lấy năm màu đó làm màu cờ Phật giáo. Năm màu này là:

1. Màu xanh (lá cây và nước biển) tượng trưng cho niềm tin là Tín.
2. Màu vàng tượng trưng cho Tinh tấn.
3. Màu đỏ tượng trưng cho sự nhớ nghĩ tức là Niệm.
4. Màu trắng tượng trưng cho Định.
5. Màu cam tượng trưng cho Trí tuệ.

Về việc Xá Lợi có thể di chuyển không, thì theo ông Tịnh Hải thuật lại lời của Thượng Tọa Như Điển kể lại như sau:

“Tại rừng Câu Thi Na – nơi Đức Phật nhập Niết Bàn – có một ngôi chùa tên là Song Lâm. Trước đây do một Ni Sư người Trung Hoa dựng lên, sau này Ni Sư cúng lại cho Hội Phật Giáo Linh Sơn của Hòa Thượng Huyền Vi, do Sư Cô Trí Thuận trụ trì chùa này. Chùa có ba viên ngọc Xá Lợi của Đức Phật. sau đó Sư Cô qua Mỹ, đến Houston, Texas, có mang theo một viên Xá Lợi cúng dường cho một chùa ở đây, cũng mang tên chùa Linh Sơn. Vị trụ trì bận việc nên đem viên Xá Lợi bỏ vào một tủ khóa lại; nhưng sau đó mở khóa ra xem lại thì viên Xá Lợi biến mất, tìm mãi không ra.

Ba tháng sau, Sư Cô Trí Thuận từ nước ngoài trở về Ấn Độ thì thấy viên Xá Lợi kia đã nằm sẵn trong tháp.

Tóm lại, Xá Lợi rất quý, nhưng nếu không biết cách gìn giữ thì Xá Lợi sẽ tự động giã từ mà trở về chốn cũ”.

Còn hỏi Có mấy loại Xá Lợi? theo Phật Học Từ Điển của ông Đoàn Trung Còn, ông có nêu ra Xá Lợi của Phật gồm có 2 loại chính:

1. Toàn thân Xá Lợi: Như Phật Đa Bảo đã tịch, nhưng Xá Lợi của Ngài là toàn thân thể vẫn ngồi trong bảo tháp.
2. Toái thân Xá Lợi (Xá Lợi nát ra): như Xá Lợi Phật Thích Ca hiện thờ trong các chùa tháp.

17. Tụng kinh như thế nào mới đúng cách thức?

Hỏi: Con thường tụng kinh ở nhà, nhưng con không hiểu rõ phải tụng niệm như thế nào mới đúng cách thức? Và thời khóa tụng niệm cũng như phải tụng kinh nào mới thực sự phù hợp? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

Đáp: Mục đích của việc tụng kinh là để chúng ta tìm hiểu nghĩa lý trong kinh qua những lời Phật Tổ dạy, rồi chúng ta đem ra áp dụng hành trì trong đời sống hằng ngày. Bởi tâm của chúng ta hằng ngày duyên theo cảnh trần không lúc nào dừng nghỉ. Khác nào như con khi, con vượn chuyền nhảy lung tung. Cho nên, chư Tổ bày ra những thời khóa tụng niệm là cốt yếu để cột con khi ý thức của chúng ta lại. Đồng thời để chúng ta đọc đi đọc lại nhiều lần mới có thể khắc ghi sâu đậm vào tâm trí của chúng ta. Bởi những lời Phật dạy nghĩa lý rất thâm sâu vi diệu, đọc qua một đôi lần không thể nào chúng ta hiểu rõ được. Do đó, nên khi tụng niệm, chúng ta phải hết lòng thành kính. Phải có tâm tha thiết trân quý những lời Phật dạy. Nếu không đặt định những thời khóa như thế, thì tâm ý của chúng ta nó dễ buông lung rong ruổi theo duyên trần mà tha hồ tạo tội.

Tụng kinh tuy là một hình thức lễ nghi sự tướng, nhưng nó cũng có một tác dụng lợi ích rất lớn. Vì khi chúng ta chú tâm tụng niệm, thì thu nhiếp được sáu căn, nói gọn hơn là thúc liễm được ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Nhờ đó, mà thân tâm của chúng ta dễ được thanh tịnh.

Về cách thức tụng niệm, theo lời Phật Tổ dạy, trước khi tụng niệm, chúng ta nên rửa tay, súc miệng cho sạch sẽ và y phục phải nghiêm trang tề chỉnh. Khi ngồi, đứng phải giữ thân cho đoan chánh. Lúc lạy hay quỳ cũng phải giữ thân đoan nghiêm. Miệng tụng đọc âm thanh vừa đủ nghe. Nếu như tụng niệm một mình, thì Phật tử có thể tụng ra tiếng hoặc tụng thầm, tùy theo sức khỏe của Phật tử mà tùy nghi uyển chuyển linh động cho thích hợp.

Còn về thời khóa tụng niệm, thông thường là có hai thời cố định. Thời khuya thì thường là tụng chú Lăng Nghiêm và Đại bi thập chú. Còn buổi tối, thì thường là tụng Kinh Di Đà. Tuy nhiên, vấn đề này, còn tùy theo sở thích nhân duyên hoàn cảnh của mỗi người. Riêng về kinh tụng, lẽ ra, kinh nào chúng ta cũng có thể tụng đọc được cả. Vì tất cả đều là những lời Phật dạy. Vì kinh nào cũng có công năng thù thắng là chuyển mê khai ngộ cho chúng ta. Nhưng đối với người Phật tử Việt Nam chúng ta xưa nay, từ xuất gia cho

đến tại gia phần nhiều đều trì tụng những kinh như: Di đà, Hồng danh, Vu lan, Phổ môn, Dược sư, Địa tạng, Kim cang, Lăng nghiêm, Pháp Hoa v.v...

Nhiều người lại có quan niệm chọn những bộ kinh để tụng cho thích nghi với mỗi trường hợp như:

- Cầu siêu thì tụng kinh Di đà , Địa tạng, Vu lan v.v...
- Cầu an thì tụng Phổ môn, Dược sư v.v...
- Cầu tiêu tai giải bệnh thì tụng kinh Kim cang, Lăng nghiêm v.v...
- Cầu sám hối thì tụng Hồng danh.

Việc chọn lựa như thế cũng có điều hay là cho tâm chuyên nhất, và tất nhiên là dễ được hiệu nghiệm hơn. Nhưng xét về mặt công đức hay giáo lý, thì kinh nào cũng đều có kết quả mỹ mãn như nhau, nếu như chúng ta thành kính hết lòng trì tụng.

Về phần nghi thức tụng niệm, thì trong mỗi quyển kinh ở phần đầu trước khi vào phần kinh văn, đều có phần nghi thức tụng niệm. Phật tử có thể y theo đó mà trì tụng. Nếu là Phật tử tu theo pháp môn Tịnh độ, thì chư Tổ Liên Tông thường khuyên dạy chúng ta, là sau mỗi thời khóa lễ trì tụng, Phật tử nên phát nguyện hồi hướng cầu sanh Cực lạc. Đây là điều rất quan trọng Phật tử cần lưu ý. Khi phát nguyện, Phật tử nên thành tâm phát nguyện một cách chí thành tha thiết. Vì được vãng sanh hay không phần lớn là do nguyện lực mạnh mẽ của chúng ta. Đồng thời, Phật tử cũng nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

---o0o---

18. Khi tụng niệm cảm động rơi lệ có lỗi không?

Hỏi: *Khi con tham dự khóa tu đầu tiên, con cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Mỗi lần con đi kinh hành niệm Phật cùng với đại chúng, lòng con bỗng dưng xúc động rơi lệ. Con không hiểu tại sao có sự cảm động như vậy? Và con không biết như thế có lỗi gì không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Điều cảm xúc tự nhiên của Phật tử đó không có gì là lỗi cả. Chẳng những không có lỗi mà nó còn biểu hiện một căn lành rất tốt. Khi mình tụng đọc một câu kinh hay nhìn tượng Phật, Bồ tát, bỗng dưng lúc đó trong lòng mình trào dâng lên một niềm xúc động sâu xa rơi lệ mà mình không thể ngăn được. Theo kinh nghiệm của chư Tổ cho biết, thì đó là một hiện tượng rất tốt bởi do thiện căn nhiều đời bộc phát. Điều này, đủ chứng minh rằng, trong

nhiều đời Phật tử cũng đã từng gieo trồng căn lành sâu xa với Phật pháp, nên hôm nay mới có được phúc duyên hiện điềm lành đó.

Đọc sách thiền tịnh thoảng chúng ta thấy, có nhiều vị Thiền Sư, bất chợt khi tỏ ngộ đạo lý, có vị thì khóc cả buổi; có người thì cười cả ngày. Sự cười hay khóc đó là do sự vui mừng đột khởi quá mạnh. Đó là một sự bộc phát tự nhiên trào lên tự đáy lòng sâu kín của các ngài khi tỏ ngộ đạo lý. Tuy nhiên, có điều, Phật tử cũng không nên ôm ấp mãi trong lòng điều đó. Vì như thế, sẽ dễ cho con ma bi nó đột nhập khuấy phá dẫn dắt Phật tử rơi lệ hoại.

Có nhiều Phật tử khi vận dụng công phu tu hành hay có lòng mong cầu này nọ, nhứt là muốn thấy những hiện tượng lạ, đó là cửa ngõ mở ra để ma quỷ bề dẫn dắt. Cho nên, khi tham thiền hay niệm Phật, dù có bất cứ hiện tượng lạ nào xảy đến, Phật tử cũng đừng bao giờ để tâm chấp trước mà mang họa vào thân. Bởi tất cả đều là cảnh giả huyền không thật. Nếu là những hiện tượng tốt, thì mình chỉ ngầm biết mà thôi. Và tuyệt đối không nên có tâm mong cầu cho cảnh đó xuất hiện. Nên noi gương Phật Tổ mà lặng lẽ âm thầm tu hành. Nếu như trong lúc dụng công tu, có gặp điều gì chướng ngại, hay có những hiện tượng gì mới lạ, thì tốt hơn hết là Phật tử nên tìm đến những bậc chân tu (tùy theo pháp môn mà Phật tử đang thật hành) có nhiều kinh nghiệm tu hành mà thưa hỏi. Phật tử không nên ôm ấp để trong lòng mà có hại cho sự chướng ngại tu hành của mình. Kính chúc Phật tử chóng thành công trong sự nghiệp tu hành.

---o0o---

19. Khi nghe pháp tay vẫn lần chuỗi niệm Phật có lỗi không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, trong lúc nghe pháp, con thấy có một vài vị tay vẫn lần chuỗi. Như thế có được không? Và có lỗi gì không?*

Đáp: Theo tôi, điều này dĩ nhiên là có lỗi rồi. Lỗi ở đây không phải là lỗi ở nơi tay lần chuỗi mà lỗi ở nơi phân tâm. Khi nghe pháp, thì ta nên tập trung tâm ý vào những gì mà vị giảng sư đang thuyết giảng trình bày. Nếu như vừa nghe mà vừa lần chuỗi, như vậy tâm nào theo dõi để nghe và tâm nào để vào việc niệm Phật lần chuỗi? Nếu như chỉ lần chuỗi cho có lệ không cần niệm Phật, thì đó là mắc phải cái lỗi chỉ biết lần chuỗi theo thói quen thôi, kỳ thật thì không có tha thiết chú tâm vào việc niệm Phật chi cả. Như thế, dù chứng minh rằng, vị đó chỉ thích lần chuỗi cho những hạt chuỗi của mình mau được bóng láng cho đẹp, để khoe với thiên hạ là mình chuyên niệm Phật nhiều nên chuỗi mình mới lóng lánh như vậy. Đây là mắc phải cái lỗi cầu danh tướng.

Lỗi thứ hai, là khi lần chuỗi, tất nhiên là mình sẽ gây tiếng động, dù chỉ là tiếng động rất nhỏ cũng làm cho người ngồi kế bên họ bị phân tâm bực mình khó chịu. Như thế, thì mắc thêm cái tội là làm động tâm niệm của người khác. Nếu những Phật tử nào đã mắc phải lỗi lầm như thế, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên chừa bỏ. Vì lần chuỗi là cốt để niệm Phật. Công dụng của xâu chuỗi là như thế. Đàng này, lần chuỗi không phải để nhiếp tâm niệm Phật mà chỉ lần chuỗi theo thói quen thôi. Đây là điều không thể chấp nhận được. Vì lần chuỗi như thế làm sao có lợi ích?

Giả như, khi lần chuỗi mà mình có niệm Phật đi chẳng nữa, thì cũng mắc phải cái lỗi lầm là khinh pháp. Vì hiện tại là giờ nghe pháp chớ đâu phải là giờ lần chuỗi niệm Phật. Như thế, chúng tỏ rằng, mình không quan tâm gì đến thời pháp thoại cả. Không quan tâm theo dõi thì thử hỏi làm sao mình có thể lãnh hội lời Phật Tổ chỉ dạy cho được. Thầy giảng sư là người thay Phật tuyên dương chánh pháp. Thầy chẳng qua cũng chỉ là trình bày lại những gì mà trong kinh điển đã nói. Nếu như khi nghe pháp mà ta không chú tâm, thì mắc phải cái lỗi lớn là xem thường lời Phật Tổ chỉ dạy.

Lần chuỗi trong khi nghe pháp là mắc thêm một cái lỗi nữa là lần chuỗi phi thời. Khi nghe pháp thì lại lần chuỗi, rồi lúc niệm Phật thì lại để tâm thích nghe chạy theo thanh trần. Việc làm đó được đánh giá là không có ngăn nắp trật tự. Người làm việc có ngăn nắp, thì giờ nào ra giờ đó. Không thể lộn xộn xà ngẫu được. Hơn nữa, một người mà làm hai việc cùng một lúc, thì người đời thường nói, đó là kẻ bắt cá hai tay. Rốt lại, chỉ thêm mệt sức chớ không được lợi lạc chi cả!

Tóm lại, khi chúng ta làm một việc gì, thì phải để tâm chú ý vào việc đó. Kinh nói: “*Chế tâm nhưt xư vô sự bất biện*”. Nghĩa là chú tâm vào một chỗ, thì không việc gì chẳng xong. Do đó, không nên vừa làm việc này lại nghĩ đến việc khác. Như thế, thì ta sẽ không thể nào có kết quả tốt đẹp được.

---o0o---

20. Niệm Phật chưa được nhưt tâm bất loạn, có được vãng sanh không?

Hỏi: *Trong Kinh A Di Đà Phật dạy, người niệm Phật được nhưt tâm bất loạn, thì khi lâm chung Phật và Thánh chúng mới tiếp dẫn người đó về Cực lạc. Nếu chúng con niệm Phật chưa được nhưt tâm, thì khi chết chúng con có được vãng sanh hay không?*

Đáp: Trong Kinh Di Đà Phật dạy, nếu hành giả nào chí tâm niệm Phật miên mật tương tục không gián đoạn, từ một ngày cho đến bảy ngày, thì người đó sẽ được nhứt tâm bất loạn và khi lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng phóng quang tiếp dẫn về Cực lạc. Đồng thời, người đó sẽ lên ngay Thượng phẩm thượng sanh. Trường hợp nếu như Phật tử niệm Phật chưa được nhứt tâm, thì cũng vẫn được vãng sanh. Tuy nhiên, với điều kiện là Phật tử phải có đầy đủ tín tâm và nguyện lực tha thiết mới được. Còn đạt được phẩm cao hay thấp, điều đó còn tùy theo sự nỗ lực chuyên cần công phu niệm Phật của Phật tử. Nếu Phật tử chuyên nhứt niệm Phật như trong Kinh Di Đà nói, thì chắc chắn Phật tử sẽ được vãng sanh ở vào phẩm vị cao.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được trích dẫn những lời chư Tổ chỉ dạy rải rác trong các Kinh điển Tịnh độ để chứng minh. Đồng thời cũng để cho Phật tử có thêm niềm tin vững chắc về pháp môn niệm Phật mà Phật tử đang hành trì.

Trong quyển Hương Quê Cực Lạc do cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch, có nêu ra những lời khuyên bảo của các bậc cổ đức về việc niệm Phật cầu vãng sanh như sau.

Đại Sư Trí Giả nói: “Muốn quyết định được sanh về Tây phương cần phải đủ hai hạnh: *“yểm ly và hân nguyện”*”.

Thế nào là hạnh yểm ly?

Hành giả phải quán sát thân này đầy đủ sự nhơ nhớp, chịu nhiều nỗi đau khổ, không có chi là vui mà sanh lòng nhàm chán muốn thoát ly. Nghĩ tưởng như thế thì lửa dâm dục phiền não lần lần giảm bớt. Lại phát nguyện cầu được vĩnh viễn xa lìa cõi trần khổ lụy, không còn thọ cái nghiệp thân nam nữ, máu mủ tanh hôi, đấm mê theo ngũ dục, cầu được mau về Tịnh độ chứng thân pháp tánh trong sạch quang minh. Đó là hạnh yểm ly.

Thế nào là hạnh hân nguyện?

1. Nên nghĩ chúng sanh chìm trong biển khổ, mình là phạm phu không đủ sức cứu độ. Nay tha thiết muốn về Cực lạc, gần gũi với Phật tu hành chứng quả vô sanh, đề độ thoát lầy mình, báo đáp bốn ân, cứu chúng sanh khổ não. Đó là mục đích cầu sanh.

2. Duyên tướng báo thân của Phật sắc vàng sáng rỡ. có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng, soi khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quán tướng cõi Cực lạc bảy báu trang nghiêm, đầy đủ sự an vui mà sanh lòng ưa thích. Do đó, gắng sự bố thí, trì giới, niệm Phật, tu các hạnh lành, rồi đem hồi hướng,

nguyện mình cùng tất cả chúng sanh đều được sanh về Tịnh độ. Làm như thế thì quyết định vãng sanh, và đây là hạnh hân nguyện”.

Hoài Cảm Đại Sư dạy: “Chỉ tâm niệm Phật tức là ý nghiệp làm lành, xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp làm lành, chấp tay lễ bái là thân nghiệp làm lành. Do ba nghiệp ấy làm lành, nên có thể diệt tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nhờ hạnh nguyện nương nhau, quyết định được vãng sanh”.

Không Cốc Đại Sư dạy: “Một môn niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả phải xét rõ thân này giả dối, việc thế như chiêm bao, duy cõi Tịnh độ là đáng nương về, câu niệm Phật là có thể nhờ cậy. Rồi tùy phận mà niệm Phật hoặc mau, hoặc chậm, hoặc tiếng thấp, tiếng cao, đều không câu ngại. Chỉ nên để cho thân tâm nhàn đạm, thâm nhớ chẳng quên, khi hưởn, gập, động, tịnh, vẫn một niệm không khác. Niệm như thế, ngày kia xúc cảnh chạm duyên, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chừng ấy mới biết cõi Tịch Quang Tịnh Độ không rời nơi đây, Phật A Di Đà chẳng rời tâm mình. Nếu lập tâm muốn cầu tỏ ngộ thì trở lại thành chướng ngại, nên chỉ lấy lòng tin làm căn bản, chẳng tùy theo tạp niệm mà thôi. Hành trì như thế, dù không tỏ ngộ, khi chết cũng được sanh về Tây phương, theo giai cấp mà tiến tu, không còn lo thối chuyển”.

Tóm lại, qua những lời dẫn chứng của chư Tổ dạy trên, thì chúng ta chỉ cần lấy việc trì danh niệm Phật làm chánh hạnh và cố gắng tu các trợ hạnh lành khác, có bao nhiêu phước đức đều hồi hướng về Cực lạc. Đồng thời, chúng ta cũng phải có niềm tin vững chắc và lập nguyện thiết tha cầu sanh Cực lạc. Bởi người tu theo pháp môn Tịnh độ, điều kiện tiên quyết muốn được vãng sanh Cực lạc là phải hội đủ hai yếu tố căn bản: Tín và Nguyện. Tín sâu, nguyện thiết, còn việc thật hành niệm Phật hoặc tu các hạnh lành, điều đó còn tùy thuộc vào sự chuyên cần hay không.

Nếu hành giả niệm Phật chuyên cần, thì sẽ đạt được phẩm cao. Còn nếu không được tinh chuyên lắm, thì sẽ vãng sanh ngự tọa ở phẩm thấp hơn. Chín phẩm liên hoa ở cõi Cực lạc là để phẩm định người hành trì niệm Phật ở cõi này. Đó là để đánh giá sự hơn kém cao thấp trong việc niệm Phật chuyên cần hay giải đãi mà thôi. Còn như người niệm Phật được **“nhứt tâm tam muội”**, thừa thật với Phật tử đối với căn cơ thời mạt pháp hiện nay, thì muôn người không dễ có một. Phật tử cứ y theo lời Phật Tổ chỉ dạy mà giữ vững tín tâm nỗ lực hành trì. Được thế, thì lo gì không được vãng sanh. Đó là điều quyết chắc không còn gì phải nghi ngờ nữa cả.

21. Sau khi chết, rảy tro cốt xuống biển hoặc làm phân cho cây cỏ có lỗi gì không?

Hỏi: Kính bạch thầy, con có một câu hỏi, xin thầy hoan hỷ giải đáp. Sau khi chết qua 49 ngày, con muốn người nhà đem tro cốt của con rảy xuống biển hoặc chôn làm phân cho cây cỏ. Như thế, xin hỏi con có lỗi gì không?

Đáp: Xin thưa, việc làm đó quyết không có lỗi chi cả. Chẳng những không có lỗi mà nó còn rất phù hợp với chánh lý nữa. Bởi thân này là do bốn đại: đất, nước, gió, lửa, kết hợp tạo thành. Khi còn đủ duyên thì nó còn hoạt động, nhưng khi hết duyên thì nó tự tan rã thể thôi. Như vậy, cái mà mình gọi là sống đó, chẳng qua là do duyên sống, duyên tan. Kỳ thật, thì không có gì là thật mình cả. Đạo Phật nói đó là vô ngã. Tức không có cái ta chủ thể cố định. Xác thân này chỉ là vô thường giả huyễn.

Lúc còn sống, thì mình nuông chiều cung phụng cho nó đủ mọi thứ trên đời. Nghĩa là, chúng ta phải đáp ứng đúng theo mọi nhu cầu đòi hỏi của nó. Ba thứ nhu cầu tối thiết yếu của nó là : “ăn, mặc, ở”. Bởi do phục vụ làm nô lệ cho nó, nên cả đời chúng ta phải chịu nhiều điều khổ lụy vì nó. Nhưng dù cho chúng ta có cung phụng nuông chiều nó đến đâu đi nữa, cuối cùng rồi, thì nó cũng phản bội bỏ chúng ta mà ra đi thôi. Bởi thực chất của nó là thứ giả dối tạm bợ. Chúng ta dù có làm đủ mọi cách để duy trì kéo dài mạng sống, nhưng nó nào có tuân hành làm theo ý muốn mệnh lệnh của ta đâu!

Có người, lúc sống thì phục vụ cho nó tới đa không dám làm điều gì trái ý nó. Đến khi xuôi tay nhắm mắt rồi, mà họ cũng vẫn còn luyến tiếc cái thân xác hôi thúi này. Họ tìm đủ mọi cách để cất giấu che đậy nó cho thật kỹ lưỡng. Người giàu có thì họ làm mồ xây mả cho thật đẹp. Họ nghĩ rằng, làm như thế cho người mất có chỗ sang trọng để ở khỏi phải tủi thân. Đây là theo quan niệm của Nho giáo xem “ Sự tử như sự sanh”. Lúc còn sống xử sự như thế nào, thì sau khi chết cũng phải như thế đó. Đây là biểu lộ tâm lòng tình cảm giữa người còn sống và người đã chết. Việc làm này, theo một phương diện nào đó, ít ra, cũng nằm trong lãnh vực văn hóa.

Còn người không có khả năng tiền bạc dồi dào, thì họ mua cái hũ nhỏ bỏ tro cốt vào đó để thờ. Người có tiền khá giả một chút, thì họ đem vô nhập tháp ở trong chùa. Còn không, thì họ để ở nhà thờ. Nhưng ít có ai thờ tro cốt ở nhà. Thật ra, việc làm đó một phần, là vì người Phật tử chưa thấu hiểu Phật pháp. Phần khác, là họ chỉ làm theo tục lệ xưa bầy nay bắt chước mà thôi. Điều đó, thiết nghĩ, cũng không có gì là sai trái cả.

Còn như Phật tử đã hiểu được đạo lý Phật dạy rồi, thì sau khi chết, di chúc lại cho con cháu: “sau khi thiêu xong, nên đem tro cốt rảy xuống biển, hoặc

chôn vào gốc cây để làm phân bón cho cây cỏ”. Thiết nghĩ, như vậy còn có lợi ích hơn. Vì thân này là chúng ta tạm vay mượn của tứ đại, khi không còn xài được nữa, thì phải trả trở về nguyên quán của nó. Như thế, thì mới hợp tình hợp lý. Và như thế, mới đúng theo luật nhân quả là hễ có vay mượn thì phải có trả.

Đồng thời, Phật tử được cái lợi thực tế nữa là khỏi phải tốn kém tiền bạc của mình hoặc của con cháu. Thay vì sử dụng đồng tiền cho việc làm mả mồ tốn kém, hoặc đem vào thờ ở trong tháp, thì chúng ta nên đem đồng tiền đó để bố thí cứu giúp cho những người không may, họ đang lâm vào hoàn cảnh đau khổ ngút ngàn như tàn tật, đau ốm, đói khát v.v... Như vậy, thật là có ích lợi vô cùng. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi cũng xin thưa rõ, chúng tôi chỉ dựa theo quan điểm của Phật giáo mà trả lời theo câu hỏi của Phật tử đã nêu ra. Chớ tuyệt đối, chúng tôi không dám có cái ý kích bác hay chống đối bất cứ việc làm của ai trong vấn đề này. Vì chúng tôi luôn tôn trọng niềm tin và quan niệm của mỗi người.

---o0o---

22. Làm sao xác định được một người sau khi chết đi về đâu?

Hỏi: *Bằng cách nào để biết một người sau khi chết, họ sẽ thác sanh vào cảnh giới nào?*

Đáp: Câu hỏi này, chúng tôi xin được giải đáp góp ý qua hai phương diện: *“hết nghiệp và còn nghiệp”*. Về phương diện dứt hết nghiệp, tức không còn mầm móng sanh tử nữa, thì sau khi chết không có sanh đi đâu hết. Vì người tu khi đã đạt được cứu cánh Niết bàn rồi, thì hằng an trụ nơi thể tánh vô sanh. Đó là mục đích cứu cánh của người tu. Nếu còn sanh, chứng tỏ công phu tu hành của hành giả chưa viên mãn. Có lần, các vị Tỳ kheo hỏi Phật: *“Một vị A la hán sau khi chết sanh về đâu?”* Phật trả lời: *“Như củi hết lửa tắt”*. Củi là dụ cho nghiệp, lửa là dụ cho bản thể. Củi hết là dụ cho nghiệp không còn. Vì hễ còn nghiệp là còn sanh, hết nghiệp là hết sanh. Hiện tượng thì có sanh diệt, còn bản thể thì làm gì có sanh diệt? Như sóng thì có sanh, có diệt, còn chất ướt của nước thì không sanh không diệt. Như vậy, khi lửa tắt không thể nói lửa sanh về đâu. Cũng như sóng dừng, thì không thể hỏi sóng đi về đâu. Khi hiện tượng lặng dừng thì trở về bản thể, chớ không có sanh đi đâu hết. Tuy không sanh đi đâu, nhưng các Ngài vẫn tùy duyên ứng hóa. Do đó, mà chúng ta thấy chư Phật, Bồ tát thường ứng thân thị hiện khắp nơi để độ sanh. Đối với các Ngài sanh mà không sanh, diệt mà không diệt.

Vì các Ngài không còn thấy có tướng sanh diệt, tới lui, như phàm phu chúng ta nữa.

Về phương diện còn nghiệp, sau khi chết, tất nhiên là còn sanh. Vì còn vô minh phiền não, tất nhiên, là còn có tướng sanh diệt, tới lui, đến đi. Luận về phương diện này, chúng tôi xin được y cứ vào kinh điển Phật Tổ chỉ dạy để nêu ra ba luận cứ để chứng minh.

1. Y cứ vào luật nhân quả: căn cứ theo luật nhân quả, hễ chúng ta gây tạo nhân nào thì sẽ gặt hái quả đó. Nếu như hiện đời chúng ta chuyên gây tạo nghiệp lành, thì sau khi chết tất nhiên là chúng ta sẽ thác sanh về cảnh giới lành. Kinh Pháp Cú Phật dạy:

“Dục tri tiền thế nhân

Kim sanh thọ giả thị

Yếu tri lai thế quả

Kim sanh tác giả thị”.

Nghĩa là:

Nếu muốn biết cái nhân đời trước của mình đã gây tạo như thế nào, thì hãy xem cái quả báo hiện tại mà mình đang mang đây. Nếu muốn biết cái quả báo đời sau của mình như thế nào, thì chúng ta hãy nhìn kỹ lại cái nhân hiện tại mà mình đang gây tạo. Như vậy, nếu hiện tại mình làm điều lành như bố thí, cúng dường, ăn chay, giữ giới, niệm Phật v.v... thì chắc chắn đời sau mình sẽ hưởng cái quả báo tốt đẹp.

Xin tạm nêu ra đây hai thí dụ cụ thể để Phật tử hiểu rõ hơn. Thí như anh B chuyên đam mê cờ bạc, hằng ngày anh ta thường hay đi vào casino để đánh bài. Đó là vì anh ta nghiện cờ bạc quá nặng. Khi không thấy anh ấy ở trong nhà, nếu muốn biết anh ta ở đâu, thì cứ đi vào sòng bạc là sẽ gặp anh ta ngay. Sòng bạc là “quả”, dụ cho cảnh giới mà anh B sẽ đến. Nghiện cờ bạc là “nhân”. Còn vắng nhà là dụ cho anh B sau khi chết.

Một ví dụ khác, như có một Phật tử thường xuyên tới chùa tu học làm công quả hằng ngày, đó là nghiệp nặng đi chùa. Tất nhiên đây là nghiệp lành. Hành động thường tới lui chùa, đó là cực trọng nghiệp. Ngày nào không đi là không được. Chùa là dụ cho cảnh giới lành mà người Phật tử đến, (tức môi trường thiện quả tái sanh) . Vắng nhà là dụ cho sau khi chết. Qua hai thí dụ đó, chúng ta thấy hướng tái sanh của người khi hiện đời tạo nghiệp hoặc lành hoặc dữ mà môi trường tái sanh của họ có khác nhau.

Tổ Qui Sơn có dạy: *“Nhu nhơn phụ trái, cường giả tiên khiên”*. Nghĩa là như người mắc nợ, ai mạnh thì đòi trước. Nghiệp nào mạnh thì sẽ lôi chúng ta đi

trước để trả quả báo mà hiện đời chúng ta đã gây tạo. Thế thì, muốn biết đời sau mình sẽ tái sanh về cảnh giới nào, thì hãy cứ nhìn kỹ lại cái nghiệp nhân mà hiện đời mình đang gây tạo. Nếu đã gây nghiệp nhân ác mà muốn sanh về cảnh giới lành, thì điều đó là một nghịch lý, trái với luật nhân quả và sẽ không bao giờ có.

Tuy nhiên, vấn đề này, còn tùy thuộc vào “Cận tử nghiệp”, tức cái nghiệp gần sắp chết. Nếu cả đời mình tu tạo nhân lành (tích lũy nghiệp) mà đến giờ phút hấp hối sắp lâm chung, bỗng khởi một niệm ác, thì khi nhắm mắt, tất nhiên là chúng ta phải theo niệm ác đó mà chiêu cảm quả báo. Tuy rằng, sự trả quả báo của cận tử nghiệp thời gian không lâu lắm. Cuối cùng, cũng phải trở về với tích lũy nghiệp. Như vậy, cái tích lũy nghiệp không bao giờ mất.

2. Y cứ vào những thụy ứng:

Nếu y cứ vào những hiện tượng thụy ứng, chúng ta cũng có thể biết được người đó được vãng sanh về cảnh giới lành. Hiện tượng này, sách sử đã ghi lại có rất nhiều người tu theo Tịnh môn niệm Phật, khi lâm chung đã để lại thụy ứng (điềm lành gọi là xá lợi) vãng sanh. Nếu Phật tử muốn biết rõ, xin đọc *Mấy Điều Sen Thanh* do cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm biên soạn, sách gồm có hai tập: I và II, xuất bản ấn tống tại Sydney – Úc Châu, năm 1994. Và quyển *Những Chuyện niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi*, xuất bản năm 2000 tại Hoa Kỳ, do cư sĩ Tịnh Hải sưu tầm.

3. Y cứ qua kinh nghiệm của các bậc Cổ Đức:

Theo kinh nghiệm của Cổ Đức chỉ dạy, khi người mới chết trong vòng vài tiếng đồng hồ trở lại, muốn biết họ thác sanh về cảnh giới nào, thì người nhà có thể lấy tay sờ vào những nơi ứng nghiệm như sau:

Nếu toàn thân lạnh hết mà chỉ có trên đỉnh đầu còn nóng, thì biết rằng người đó sẽ sanh về cảnh giới Phật. Còn như nóng ở nơi con mắt, thì biết người đó sẽ sanh về cõi trời. Nóng ở ngực, thì sanh lại cõi người. Nóng ở bụng, thì sanh về ngạ quỷ. Nóng ở đầu gối, thì sanh vào loài súc sanh. Nóng ở dưới lòng bàn chân, thì sẽ sanh vào địa ngục. Do sự ứng nghiệm đó, nên Cổ Đức có làm bài kệ tóm tắt cho chúng ta dễ nhớ :

Đánh Thánh nhân sanh thiên

Nhơn tâm ngạ quỷ phúc

Bàng sanh tất cái ly

Địa ngục khước môn xuất.

Tạm dịch:

*Thánh đầu, trời tại mắt
Người tim, ngọc quý bụng
Súc sanh hai chân xuống
Địa ngục bàn chân ra.*

---o0o---

23. Làm sao diệt trừ được tánh kiêu căng ngã mạn?

Hỏi: Kính bạch thầy, con thấy có những người Phật tử khi vào chùa làm công quả giúp cho chùa, mà lòng họ còn quá nóng nảy sân hận. Họ hay la rầy người này, trách móc người kia. Như vậy, có phải họ ỷ có công lao với chùa mà sanh tâm ngã mạn khinh thường người khác hay không? Và như thế, thì làm sao diệt trừ được tánh cống cao ngã mạn đó?

Đáp: Trong câu hỏi này, nếu phân tích thì nó gồm có bốn vấn đề mà Phật tử muốn biết. Chúng tôi xin nêu ra từng vấn đề một để tiện bề giải đáp, góp thêm chút ý kiến.

1. Vấn đề công quả: Hai chữ công quả, thường có nhiều người hiểu lệch lạc phiến diện về ý nghĩa của nó. Họ cho rằng, chỉ có những ai tới chùa làm công kia việc nọ, giúp cho chùa, thì mới gọi là làm công quả. Ngoài ra, làm những việc khác hay ở những nơi khác, thì không phải là làm công quả. Hiểu thế, tuy không phải là sai hẳn, nhưng thực ra thì chưa đúng ý nghĩa của hai chữ công quả. Vậy công quả nghĩa là gì?

Công: nguyên là chữ Hán, nghĩa đen của nó là thợ. Là người bỏ công sức ra chuyên làm một ngành nghề nào đó, thì gọi đó là công. Như nói công nhân hay công phu. Công nhân là người dùng sức lao động của mình mà làm một công việc nặng nhọc nào đó, hoặc bằng chân tay hay trí óc. Còn công phu là người (phu) vận dụng năng lực làm một công việc, mang tính tinh thần siêu thoát nhiều hơn. Như nói công phu tham thiền, công phu lễ bái, công phu niệm Phật v.v...

Còn chữ “**quả**” cũng là chữ Hán, nghĩa đen là trái. Nghĩa bóng là thành quả hay kết quả của một việc làm hay lời nói. Như vậy, hai chữ công quả, có nghĩa là khi chúng ta dùng sức làm một công việc nào đó, tùy theo chỗ dụng công tốt hay xấu mà nó sẽ đưa đến cái kết quả cũng có tốt xấu khác nhau. Nói gọn cho dễ hiểu, công là nhân mà quả là kết quả. Hiểu như thế, thì đâu phải chỉ có tới chùa làm việc giúp cho chùa mới là công quả, còn làm những việc khác, như tụng kinh, lạy Phật, niệm Phật, dịch kinh viết sách, hay sang

bằng đĩa kính sách ở nhà v.v... thì không phải làm công quả hay sao? Hiểu thế, thì chúng ta mới thấy nghĩa của hai chữ công quả rất sâu rộng. Chúng ta có thể áp dụng hai chữ này vào bất cứ công việc nào và bất cứ ở đâu. Không như thiết chỉ có tới chùa mới gọi là làm công quả. Đó chẳng qua chỉ là một tập quán thông thường mà lâu nay người ta quen gọi như thế. Hiểu như vậy là chỉ hiểu một cách hạn hẹp và phiến diện.

Điều quan trọng mà người Phật tử cần phải nhớ là khi làm bất cứ việc gì và ở đâu, thì chúng ta cũng phải cẩn thận ở nơi ba nghiệp. Nếu chúng ta làm với tâm loạn tưởng, si mê, sân hận nóng nảy... thì kết quả chẳng những không có phước đức mà còn mang thêm trọng tội nữa. Cái nhân (công) không tốt, thì thử hỏi cái quả làm sao tốt đẹp cho được? Cho nên, khi bỏ công sức ra làm bất cứ điều gì, ta phải cẩn trọng khéo gìn giữ ở nơi ba nghiệp: thân, miệng, ý cho được nghiêm túc trong sạch. Nhất là ý nghiệp. Nếu chúng ta không khéo gìn giữ trong khi hành động hoặc nói năng, thì kết quả có khi sẽ trái ngược lại. Như một người ra sức trồng cây mà không quan tâm chăm sóc kỹ lưỡng, thì kết quả, cái cây kia sẽ không thể nào đơm hoa kết trái tốt đẹp như ý muốn được.

2. Nóng nảy sân hận: Nóng giận là một tập khí lâu đời của chúng sanh thật khó bỏ. Vì nó là một trong sáu món căn bản phiền não: “tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến”. Trong sáu món này, thì ba món: “*tham, sân, si*” trong kinh thường gọi là tam độc. Đây là ba thứ độc tố nó có năng lực rất mạnh thúc đẩy người ta tạo nhiều nghiệp ác. Kết quả, phải chịu cảm lãnh lấy nhiều quả báo khổ đau. Những thứ này còn gọi là Tư hoặc, tức mê lầm ở nơi sự tướng sâu nặng. Người tu hành phải đến địa vị A la hán mới có thể đoạn trừ hết được. Chúng còn có tên là kiết sử. Kiết nghĩa là trói buộc, sử là sai khiến. Nghĩa là chúng có công năng sai khiến người ta tạo những nghiệp nhân bất thiện, để rồi chúng trói buộc người ta vào trong cảnh khổ. Chính vì chúng ta làm nô lệ cho nó sai khiến, nên mới hiện ra tướng thô bạo nóng nảy la rầy chửi mắng v.v... Đó là cường độ còn nhẹ, nặng hơn là đánh đập, đâm chém, bắn giết gây nên cảnh chiến tranh tàn sát đẫm máu với nhau.

Trường hợp Phật tử nào đó sân hận nóng nảy la rầy người này trách móc người kia, là vì Phật tử đó không khéo tu ở nơi ba nghiệp. Mà gốc của nó là ở nơi ý nghiệp. Do trái ý nghịch lòng mà nổi sân hận la ó kẻ khác. Nếu Phật tử khéo biết gìn giữ chánh niệm trong khi làm việc, thì chắc chắn sẽ không có tình trạng đó xảy ra. Vì thất niệm buông lung tâm ý nên mới có lớn tiếng la rầy như thế. Cái nhân đã gây tạo như thế, thì cái quả chắc chắn là sẽ không tốt đẹp rồi. Hiện tại, sẽ bị người ta thù ghét, không ai ưa, mà tương lai cũng sẽ bị quả báo khổ đau. Như thế, thì việc làm của mình chỉ là uổng công vô ích mà thôi. Thật là đáng thương tiếc lắm thay!

3. Cống cao ngã mạn: Tính ngã mạn khinh người là con đẻ của lòng chấp ngã quá nặng mà ra. Tâm sở phiền não căn bản này, cũng rất khó trừ khó đoạn. Phải đến địa vị Tu đạo, tức quả vị A la hán mới có thể dứt trừ. Nghiệp dụng của nó là luôn coi trọng mình mà thường khinh miệt kẻ khác. Dù người đó thật sự hơn mình đủ mọi mặt, nhưng vì chấp ngã tự cao tự đại, tự ái nặng nề nên họ không bao giờ thấy mình thấp kém thua ai. Khi làm được một công việc nào đó thành công, thì họ lên mặt cống cao hách dịch. Họ tự thấy mình là người có công lao lớn, rồi khinh thường mạt sát kẻ khác. Đó là họ đang mắc phải chứng bệnh “công thân” khá nặng. Bởi do thái độ mực hạ vô ơn đó, mà kết quả không ai ưa thích họ cả. Và từ đó mọi người sẽ xa lánh ghét bỏ họ. Đó là hậu quả của lòng cống cao ngã mạn quá coi trọng bản ngã mà ra!

4. Làm sao diệt trừ tánh cống cao ngã mạn?

Như đã nói, ngã mạn là một trong sáu món căn bản phiền não, nên tập nhân gốc rễ của nó rất sâu dày, không phải ai cũng có thể dễ dàng diệt trừ nó được. Kinh nói, sự mê lầm này phải đến địa vị Tu đạo mới dứt trừ được. Tập khí này nó có từ vô thi. Có mặt ta là đã có nó. Vì thế, nó còn có tên gọi khác là “Câu sanh hoặc”.

Muốn đoạn trừ nó, chỉ có cách là chúng ta phải gắng sức gia công nỗ lực tu trì, mới có thể lần hồi trừ được. Điều quan yếu là chúng ta phải hằng tỉnh giác, quán chiếu sâu vào bản chất của nó, để thấy rằng tự tánh của nó là không. Chỉ khi nào đối cảnh xúc duyên, trái ý nghịch lòng, thì nó mới phát khởi. Tuy vậy, nhưng nó vẫn luôn luôn ngấm ngàm tiềm tàng sâu kín và hằng chi phối sai sử chúng ta một cách mãnh liệt. Nếu chúng ta không đề cao cảnh giác, làm nô lệ cho nó sai khiến, thì hậu quả xảy ra cũng rất là tai hại. Do đó, chúng ta cần phải có chánh niệm, chánh quán. Có chánh niệm, thì chúng ta mới nhận diện nó một cách rõ ràng. Và như thế, thì nó không thể nào gây tác hại cho chúng ta được. Đó là do ý chí phấn đấu nỗ lực vận dụng công phu tu hành của mỗi người mà sự diệt trừ nó có mau chậm khác nhau đó thôi.

---o0o---

24. Trong lúc ngủ mê thần thức đi đâu?

Hỏi: *Thưa thầy, tại sao lúc người ta ngủ, thì cái thần thức nó đi đâu? Mà người ngủ như chết chẳng biết trời trăng mây nước gì nữa?*

Đáp: Câu hỏi này có liên quan đến Duy Thức học. Vấn đề này, nếu phải luận bàn cho tận tường rõ lẽ thì thật là dài dòng. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được trả lời một cách tóm tắt ngắn gọn thôi. Nếu muốn tìm hiểu tận tường vấn đề hơn, thì xin Phật tử có thể nghiên cứu qua môn Duy thức học. Môn học này rất khó, vì nó là môn tâm lý học rất sâu sắc tuyệt vời của Phật giáo.

Theo Duy Thức, thì mỗi người chúng ta có tám thức gọi là Bát thức tâm vương. Tám thức gồm có: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, mạn na, a lại da. Trong lúc chúng ta ngủ, thì tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân,) không có hoạt động mạnh mẽ như lúc còn thức. Chỉ có ý thức hoạt động một mình, nên các nhà Duy Thức gọi đó là “Mộng trung ý thức” hay “Độc đầu ý thức” (tức sự hoạt động riêng rẽ của thức thứ sáu). Chính vì nó hoạt động, nên chúng ta mới thấy có những điềm mộng lành dữ trong khi ngủ. Đây là do thức thứ sáu hợp tác chặt chẽ cùng với Mạn na thức (thức thứ bảy) lấy ra từ trong kho A lại da thức. Thức thứ bảy này, còn có tên khác là truyền tổng thức. Nghĩa là nhiệm vụ của nó chỉ mang các chủng tử cất vào kho và khi cần thì nó đem ra. Cho nên, khi thức thứ sáu cần thì thức bảy này mang đem ra. Giống như người giữ kho chuyên giữ cất các loại hồ sơ vậy. Song có điều tuy nhiệm vụ của nó là chuyên giữ kho, nhưng nó lại chấp cái kho đó là của nó, tức chấp thức A lại da làm tự ngã.

Thức A lại da, còn gọi là tàng thức, tức kho chứa các loại hạt giống (chủng tử). Bởi thức này có ba công năng: “*năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng*”. Năng tàng là thức này có khả năng dung chứa các thức chủng tử lành dữ. Sở tàng là dụ như cái kho để chứa. Vì thế, thức thứ tám này, nó còn có tên là A đà na thức. Vì dựa trên khả năng duy trì chủng tử không cho sót mất, nên nó mới có tên là A đà na: duy trì nghiệp chủng. Như vậy, cái mà chúng ta gọi là chiêm bao là do ý thức hoạt động và chính nó moi ra các loại chủng tử được cất chứa trong kho A lại da thức này.

Thật ra, trong lúc chúng ta ngủ say các thức vẫn hoạt động, nhưng vì cường độ hoạt động của nó nhẹ và lu mờ đi không mạnh mẽ như lúc chúng ta còn thức, chớ không phải chết đi như nhiều người lầm tưởng. Nếu chết, thì chúng hoàn toàn không còn hoạt động được nữa. Chúng chỉ ngấm ngầm hoạt động, duy chỉ có ý thức là hoạt động mạnh trong giấc ngủ mà thôi. Nếu như chúng nó không hoạt động, thì tại sao khi có người bật đèn lên là thấy sáng và có người kêu, hoặc có tiếng động mạnh thì chúng ta liền thức dậy. Như thế, đủ chứng minh rằng, trong lúc ngủ các thức vẫn còn hoạt động, chớ không phải chết hay là không biết trời trăng mây nước gì như Phật tử đã nói.

25. Làm sao diệt trừ được ba thứ phiền não gốc: tham, sân, si?

Hỏi: *Thưa thầy, khi đối cảnh xúc duyên, trong tâm con thường hay nổi lên ba thứ tham, sân, si. Vậy, xin hỏi có cách nào diệt trừ ba thứ này được không?*

Đáp: Đây là ba thứ độc tố mà hầu hết chúng ta đều bị nó sai sử tạo nghiệp thọ khổ. Muốn diệt trừ nó, không phải là chuyện dễ dàng. Nếu như dễ trừ dễ đoạn, thì chắc chắn chúng ta sẽ không còn nổi trôi trong vòng sanh tử khổ đau nữa. Bởi chúng nó là những thứ có gốc rễ rất sâu dày. Giống như loại rễ cỏ củ ăn sâu trong lòng đất, muốn nhổ diệt tận gốc rễ của nó thật là rất khó. Rất khó thôi, chớ không phải là không có cách tiêu diệt hết. Loại tâm sở phiền não căn bản này cũng thế. Tuy khó trừ khó đoạn, nhưng nếu chúng ta bền chí nỗ lực tu hành thì cũng có thể dẹp trừ được. Bởi chúng nó chỉ là hư vọng không thật. Trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói: “*Tam độc thủy bào hư xuất một*”. Nghĩa là ba thứ tham, sân, si, giống như là bọt nước nổi lên rồi mất. Vì bản chất của chúng là hư giả không có thực thể cố định, nên chúng ta quyết tâm chuyên cần tu tập tất nhiên là chúng ta có thể chuyển hóa chúng được. Nhưng với điều kiện là chúng ta phải hằng gia công nỗ lực bền chí tu tập.

Phương pháp chuyển hóa hay diệt trừ chúng, Phật Tổ dạy có nhiều cách. Như quán tưởng, niệm Phật, tham thiền, tụng kinh, trì chú v.v... Dù phương pháp nào cũng đòi hỏi sự bền tâm cố gắng lâu dài của chúng ta. Đối với căn cơ của chúng ta thì không phải tu một ngày một bữa mà có thể dứt trừ chúng được. Cần phải trải qua thời gian lâu dài. Như chúng ta cố gắng niệm Phật chú tâm niệm danh hiệu Phật miên mật già dặn lâu ngày, tất nhiên cường độ hiện hành của chúng sẽ yếu dần đi. Sức hoạt động của chúng sẽ không còn mạnh bạo hung hăng dữ tợn như trước kia nữa. Đó là chúng ta đã có tiến bộ khả quan trên bước đường tu rồi.

Ngoài ra, chúng ta còn phải quán chiếu sâu vào lý duyên sinh vô ngã. Mọi vật trên đời này không có vật gì tồn tại lâu dài. Tất cả đều chịu chung định luật vô thường chi phối. Ngay như thân tâm ta cũng bị vô thường thay đổi luôn luôn. Vạn pháp đều do nhân duyên sinh. Đã do nhân duyên sinh, thì chúng không có thực thể. Đó là vô ngã, tức không có cái chủ thể chân thật. Thân này khi hết duyên cũng tan rã. Hằng dùng trí huệ bát nhã quán chiếu như thế, thì lòng tham chấp ngã pháp của chúng ta sẽ giảm dần. Từ đó, ba món tham, sân, si, lần lần cũng phải tiêu mòn và rồi một ngày nào đó, chúng sẽ hoàn toàn biến mất. Đến đây, hành giả mới thật sự giải thoát hoàn toàn.

26. Giữa sự và lý Tịnh độ có chống trái nhau không?

Hỏi: *Thưa thầy, nếu mình tin Tịnh độ theo Duy tâm Tịnh độ, nhưng đồng thời mình vẫn niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Cực lạc sau khi chết. Xin hỏi như vậy có chống trái nhau không?*

Đáp: Xin thưa ngay là không có gì chống trái nhau cả. Có chống trái nhau chẳng là do mình thiên kiến vọng chấp đó thôi. Chúng ta nên nhớ, trong giáo lý đạo Phật trước sau như một, không có gì là mâu thuẫn. Đạo Phật chủ trương “Sự Lý” phải viên dung. Tánh tướng không hai. Như nước và sóng không thể ly khai ra được. Trước hết xin nói về *Sự Tịnh độ*.

Sự Tịnh độ là sao? Sự là hình tướng là những hiện tượng bề ngoài mà chúng ta có thể thấy biết được. Dựa theo trong Kinh A Di Đà mà đức Phật Thích Ca đã giới thiệu diễn tả về cảnh giới Tây phương Cực lạc. Chúng ta y cứ vào đó mà hết lòng tin tưởng. Tin có cõi Cực lạc, có đấng giáo chủ Phật A Di Đà và có các hàng Thánh chúng. Cũng như những vị đã được vãng sanh về cõi đó. Chúng ta một bề tin chắc y báo và chánh báo như thế, không một niệm nghi ngờ. Nhờ tin chắc như vậy, nên chúng ta mới cố gắng nương vào danh hiệu sáu chữ Di Đà mà trì niệm. Sáu chữ Di Đà là danh tướng. Đây gọi là chấp trì danh hiệu.

Nếu chúng ta chưa hiểu rõ về Lý Tịnh độ mà cứ bèn tâm một lòng niệm Phật, thì cũng sẽ được vãng sanh. Nhờ niệm Phật lâu ngày sẽ được thuần thục, dần đến được như tâm bất loạn. Nếu chưa được “Lý như tâm bất loạn”, thì cũng được “Sự như tâm bất loạn”. Điều quan trọng là, trong lúc hành giả niệm Phật thì phải tâm niệm, chớ không nên chỉ có miệng niệm suông không thôi. Nếu chỉ có miệng niệm mà tâm không niệm, thì coi chừng chúng ta sẽ trở thành cái máy niệm Phật.

Cho nên, khi niệm Phật, chư Tổ thường khuyên bảo nhắc nhở chúng ta : **“Tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau và phải niệm mỗi chữ mỗi câu cho rõ ràng rành rẽ”**. Phải nhiếp tâm mà niệm. Niệm được như thế, thì chắc chắn khi lâm chung hành giả sẽ được vãng sanh về Cực lạc. Pháp môn Tịnh độ điều quan yếu hơn cả, là phải có lòng tin sâu và nguyện thiết. Đó là hai yếu tố tư lương để quyết định được vãng sanh. Xin Phật tử lưu ý ghi nhớ kỹ điều này. Còn sự khác biệt cao thấp của chín phẩm liên hoa ở cõi Cực lạc, đó là do công phu hành trì của chúng ta ở cõi này có sâu cạn khác nhau đó thôi. Nói về Sự Tịnh độ đại khái là như thế.

Còn lý Tịnh độ là sao ? Lý là bên trong thuộc về tâm thể, chúng ta không thể dùng mắt thấy được. Tâm thể này mỗi người đều sẵn có. Đây là một thực thể

bất sanh, bất diệt, còn gọi là chơn tâm hay lý tánh v.v... Khi chúng ta nhiếp tâm niệm hồng danh Phật, mà lúc đó tâm ta an trụ vào câu hiệu Phật không khởi nghĩ việc gì khác, nghĩa là không khởi nghĩ hai bên : có không, phải trái v.v... thì khi đó tự tánh Di Đà hay Duy tâm Tịnh độ hiện tiền. Như vậy Sự và Lý đâu có hai. Tuy không hai, nhưng nói một cũng không được. Thí như nước trong không ngoài nước đục mà có. Muốn có nước trong, thì ta phải chịu khó lắng lặn. Khi cạn cẩu không còn, thì chất nước trong hiện ra. Trong nhà Phật thường nói : “Nương sự hiển lý hay tức lý hiển sự là vậy”. Sự và Lý phải viên dung. Nước đục là dụ cho Sự, nước trong là dụ cho Lý. Thế thì, Lý không ngoài Sự và Sự không ngoài Lý mà có.

Hiểu thế, thì giữa Sự và Lý làm sao có sự chống trái nhau? Nhưng khi tu, hành giả chưa thể nhập được lý tánh, thì cần phải nương vào sự tướng. Cho nên pháp môn niệm Phật gọi là đi từ hữu tướng hay hữu niệm để thể nhập vô tướng, hay vô niệm.

Xin nhắc lại cho Phật tử nhớ rằng, trong đạo Phật không hề có sự mâu thuẫn chống trái nhau. Có chống trái chẳng, là do vì trình độ nhận thức của chúng ta chưa được dung thông đó thôi. Bởi do trình độ nhận thức của chúng ta còn thiên cận nông cạn, nên mới có những cái nhìn sai lệch biên kiến. Do đó, mới thấy có sự khác biệt chống trái nhau. Nếu hiểu như thế, thì trong khi ứng dụng tu, ta cần phải dung thông giữa Sự và Lý, không nên cố chấp một bên. Nếu cố chấp một bên đó là chúng ta mắc vào cái lỗi biên kiến vậy.

---o0o---

27. Trong lúc chấp tác hay làm việc Phật sự có tu không?

Hỏi: Với trình độ học Phật bình thường, đa số Tăng Ni quan niệm sự tu là phải theo một pháp môn như tham thiền hay trì chú, niệm Phật. Vậy, khi chấp tác hay làm những công tác Phật sự có phải là tu hay không?

Đáp: Nếu khi làm việc Phật sự (tạm nói như thế) hay chấp tác mà chúng ta vẫn giữ được chánh niệm, thì đó là chúng ta đã khéo biết tu rồi. Chữ tu nói ở đây, không theo nghĩa thông thường là sửa đổi, mà chúng ta tu ngay với công việc mình đang làm. Dù tu Thiên hay tu Tịnh hay tu bất cứ pháp môn nào khác, chúng ta cũng đều có thể áp dụng được cả. Hoàn toàn không có gì trở ngại. Có người cho rằng, trong lúc làm việc mà để tâm chuyên chú vào câu niệm Phật, thì sẽ dễ gây ra tai hại cho công việc mình đang làm.

Như trong lúc đang ngồi đánh máy, tôi chăm chú vào từng chữ từng câu, thì làm sao tôi có thể niệm Phật cho được? Hoặc giả, khi tôi đang xắt gọt nấu

ăn, lúc đó bảo tôi nhớ niệm danh hiệu Phật, thì làm sao tôi có thể chú tâm vào công việc mà tôi đang làm cho được? Và nếu như tôi nhớ niệm danh hiệu Phật, thì chắc chắn việc xất gọt của tôi sẽ dễ gây ra hư hỏng, và đôi khi còn bị đứt tay nữa không chừng. Vì lúc đó tôi không để tâm vào công việc tôi đang làm. Mà nếu như tôi không niệm Phật, vậy thì lúc đó tôi không tu sao?

Hơn nữa, quý thầy thường dạy là người tu theo pháp môn Tịnh độ, tất phải thường xuyên niệm Phật bất luận thời gian và nơi chốn. Phải thường xuyên niệm Phật trong bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, và bất cứ ở nơi đâu cũng đều phải niệm Phật cả. Như vậy, mới thật là tu theo pháp môn niệm Phật. Nếu không niệm như thế, thì sẽ không được nhứt tâm bất loạn. Vậy thì tôi phải làm sao cho đúng?

Lời dạy đó không sai, nhưng tại vì chúng ta chưa hiểu rõ về việc niệm Phật đó thôi. Như đã nói, niệm Phật có sự niệm và lý niệm. Phần này, trong câu hỏi 26, tôi đã có giải thích sơ qua. Ở đây, tôi xin được miễn lặp lại.

Như trên, chúng tôi đã nói, khi chúng ta làm công việc nào, thì chúng ta nên chú tâm vào công việc đó. Như thế là chúng ta cũng đang niệm Phật. Tại sao gọi đó là niệm Phật? Xin thưa, bởi chữ Phật có là nghĩa giác, mà giác là thanh tịnh sáng suốt chớ không có u mê tối tăm, hay loạn động. Tâm không có u mê loạn động nghĩ xằng tính bậy, không để cho tư tưởng phiêu lưu nơi này nơi kia, thì lúc đó là ta đang niệm Phật rồi. Nghĩa là chúng ta chỉ nhớ duy nhứt vào một việc đang làm mà thôi, không nghĩ nhớ chuyện gì khác. Đó là chúng ta đang niệm Phật hay giữ chánh niệm theo công việc mình đang làm, chớ không phải đợi đến niệm danh hiệu Phật sáu chữ Di Đà mới gọi là niệm Phật. Hiểu như thế, thì chưa hiểu trọn vẹn của sự niệm Phật.

Sở dĩ Phật Tổ dạy chúng ta trì danh niệm Phật là vì các Ngài muốn cho tâm chúng ta chỉ chuyên chú vào danh hiệu Phật mà không xao lãng nghĩ nhớ chuyện gì khác. Nhờ nhiếp tâm chuyên chú niệm như thế lâu ngày, thì tâm chúng ta sẽ được thuần thực an định và phiền não không có cơ hội phát sanh. Đó cũng là phương cách khéo léo để đối trị phiền não đó thôi. Và khi tâm ta đã được an định rồi, thì khi đó chúng ta sẽ được nhứt tâm bất loạn.

Trường hợp, khi chúng ta không làm công việc gì, những lúc rỗi rảnh, thì Phật Tổ khuyên chúng ta nên trì niệm danh hiệu Phật. Nhờ sức huân tu trì niệm danh hiệu Phật như thế, mà tâm của chúng ta mới có được an định phần nào. Rồi từ đó, khi chúng ta ra làm công kia việc nọ, tâm chúng ta cũng không có loạn động nhiều.

Ta nên nhớ rằng, khi làm việc, như trường hợp trong lúc ta đang lái xe chẳng hạn, mà chúng ta cứ lo nghĩ đến câu niệm Phật, không để tâm vào việc đang

lái, như vậy, tất sẽ dễ gây ra tai nạn lắm. Người không hiểu rồi nói, tại sao tôi niệm Phật mà xảy ra tai nạn? Đó là vì, chúng ta không hiểu rõ cách niệm Phật về “*Sự trì*” và “*Lý trì*”. Cứ nghĩ rằng, khi nào chúng ta niệm danh hiệu Phật mới là niệm Phật. Nếu chỉ hiểu một mặt như thế, thì việc tu hành của chúng ta còn hạn cuộc lắm. Như vậy, thì chỉ tu niệm trong lúc rảnh rỗi thôi, còn trong lúc bận rộn làm việc này việc kia thì không có tu sao? Hiểu như thế, thì thật là phiến diện và tất nhiên là sẽ không có được lợi lạc nhiều.

Tóm lại, trong lúc chúng ta làm việc mà tâm ta chỉ chuyên chú vào công việc ta đang làm, thì đó cũng là lúc ta đang niệm Phật. Thay vì, có câu hồng danh hiệu Phật ta niệm, mục đích cũng để cho tâm ta đừng tán loạn, thì ta chuyên chú vào công việc đang làm, không để thất niệm, như vậy thì ta cũng đang gìn giữ chánh niệm rồi. Còn đòi niệm Phật gì nữa. Hiểu thế, thì bất luận ở đâu làm việc gì ta cũng đều niệm Phật được cả. Tuyệt đối không có gì sai trái nhau.

---o0o---

28. Sự khác biệt giữa các loại trí?

Hỏi: *Xin thầy hoan hỷ nói rõ sự khác biệt giữa các loại trí: căn bản trí, hậu đắc trí, quyền trí và như thật trí khác nhau như thế nào?*

Đáp: Trong nhà Phật có nêu ra nhiều loại trí. Căn bản trí hay còn gọi là như thật trí. Hai trí này là tên khác của bản giác hay chơn như v.v... Nói căn bản là vì cái trí này nó sẵn có, không phải do tu mới có. Trí này còn gọi là Trí vô sư. Nghĩa là cái trí không do học hỏi hay tu tập mà có được. Thường nói là cái trí không thầy chỉ dạy. Thí như chất vàng ròng sẵn có trong quặng nhơ. Sở dĩ nó chưa hiển lộ ra được, là vì nó còn bị những thứ nhơ bản phủ dày. Như ánh trăng sẵn có trên nền trời, nhưng vì nó còn bị mây mù che ngăn làm cho ánh sáng của nó không thể hiển lộ ra được.

Vàng ròng hay ánh trăng là dụ cho cái trí sẵn có của mỗi chúng sanh, tức căn bản trí. Trí này, tất cả chúng sanh đều có. Vì sẵn có, nên khi chúng ta nỗ lực tu hành dứt trừ hết vô minh phiền não, thì nó sẽ xuất hiện. Dụ như trong cây sẵn có lửa, nhưng muốn có lửa, thì chúng ta phải lấy hai thanh cây cọ xát với nhau thật lâu, thì lửa mới có thể phát sanh. Cũng thế, tánh giác hay căn bản trí, tuy sẵn có nhưng phải nhờ công phu tu hành thì nó mới hiển lộ được. Tuy nó còn bị các thứ phiền não che ngăn, nhưng không vì thế mà nó bị nhiễm ô. Cũng như vàng tuy ở trong quặng nhơ, nhưng không phải vì thế mà nó lại bị quặng nhơ làm mất đi tánh chất vàng ròng. Trong Kinh gọi đó là Như lai tại triền. Nghĩa là tánh giác còn ở trong những thứ phiền não buộc

ràng. Khi nào hết vô minh phiền não, thì gọi là Như lai xuất triền. Như lai đây có nghĩa là thể tánh bất sanh, bất diệt vậy.

Còn nói hậu đắc trí, quyền trí hay phương tiện trí, cả ba loại trí này, tên gọi tuy có khác, nhưng thực chất thì giống nhau. Cái trí này có ra, là do sau khi chứng được căn bản trí. Nhờ có cái trí này mà chư Phật mới ra độ sanh được. Trí này là cái dụng phát sanh từ cái trí căn bản nói trên. Nếu không có cái trí này, thì làm sao chư Phật ra độ sanh?

Thí như, khi người ta gạn lọc lấy hết quặng nhôm ra, chỉ còn lại thuần chất vàng ròng. Bây giờ, người ta mới chế tạo ra nhiều thứ đồ nữ trang để cho quý bà trang sức. Tuy làm ra nhiều loại đồ nữ trang, nhưng bản chất của nó vẫn là thứ vàng thiệt. Nếu nhìn trên mặt hình tướng thì ta thấy mỗi loại đồ trang sức có khác nhau, nhưng thực chất thì cũng có chung chất vàng thiệt mà ra. Vàng thiệt, là dụ cho căn bản trí. Còn những đồ trang sức được chung bày đủ loại, là dụ cho hậu đắc trí, quyền trí hay phương tiện trí. Nhờ có những thứ trí này mà chư Phật, chư Bồ tát mới làm lợi ích cho tất cả chúng sanh được.

Một thí dụ khác, thí như một nhà bác học chuyên nghiên cứu về vi trùng học. Sở dĩ ông biết nghiên cứu về lãnh vực này, là vì ông sẵn có cái trí căn bản. Những loại thuốc mà chính do ông bào chế ra để chữa trị bệnh nhân, đó là dụ cho cái trí hậu đắc. Tức cái trí nhờ ông nghiên cứu học hỏi mà biết được. Chính nhờ vào cái trí hiểu biết này mà ông mới sử dụng nó để làm lợi ích cho mọi người. Nếu như ông không sẵn có cái trí căn bản, thì làm gì mà ông biết nghiên cứu học hỏi để trở thành một nhà bác học được?

Tóm lại, căn bản trí là thể, còn hậu đắc trí là dụng. Nói gọn là trí thể và trí dụng. Còn ở địa vị phàm phu, thì cái trí căn bản này nó bị các thứ phiền não che đậy phủ mờ, do đó, nên chúng ta mới gây tạo nhiều nghiệp ác. Đó là cái dụng xuất phát từ cái thể bất tịnh. Khi lên Thánh vị rồi, thì cái dụng xuất phát từ cái thể thanh tịnh. Như vậy, giữa thể và dụng, không thể tách rời ra. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Tuy khác mà không khác vậy.

---o0o---

29. Làm sao giữ tròn chữ hiếu giữa mẹ chồng và nàng dâu?

Hỏi : *Kính thưa thầy, làm thế nào để giữ tròn chữ hiếu với mẹ chồng và đồng thời làm tròn bổn phận của một người vợ, nếu có sự xung đột giữa mẹ chồng và nàng dâu?*

Đáp: Câu hỏi của Phật tử có tính cách khái quát, không nói rõ chi tiết nội tình của vấn đề, nên chúng tôi thật khó trả lời cho xác đáng. Và lại, trong câu hỏi nó có sự mâu thuẫn chống trái nhau. Nếu đã có sự xung đột với mẹ chồng, thì nàng dâu làm sao giữ tròn chữ hiếu? Nếu muốn giữ tròn chữ hiếu, thì nên tránh gây ra sự xung đột. Đã có sự xung đột với mẹ chồng, mà Phật tử muốn làm tròn bổn phận của một người vợ, theo tôi, thì vấn đề đó sẽ trở nên rắc rối hơn. Tuy nhiên, để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, ở đây, chúng tôi chỉ xin được góp chút thành ý và có vài lời khuyên chung mà thôi.

Như Phật tử đã biết, ở đời không ai có thể bắt cá hai tay. Và cũng không ai làm vừa lòng mình hết được. Vì mỗi người mỗi ý và có mỗi cá tánh khác nhau, không ai giống ai cả. Nếu như Phật tử muốn giữ tròn chữ hiếu với mẹ chồng, thì tốt hơn hết là Phật tử nên cố giữ đừng cho sự xích mích xảy ra. Nếu như Phật tử cảm thấy, có điều gì không hợp tánh tình hay bất đồng quan điểm tư tưởng trong khi tiếp xúc với mẹ chồng, thì tốt hơn hết là Phật tử nên tìm cách khéo léo để khỏi phải gặp mặt tiếp xúc thường xuyên. Đó là tránh nhân thì sẽ không có quả. Sự tránh duyên này, không có nghĩa là mình thù ghét, mà chỉ vì không muốn có việc xảy ra bất hòa mà thôi. Sự tránh duyên này cũng rất là quan trọng, vì muốn bảo tồn được sự hòa khí trong gia đình. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là hạ sách tạm thời mà thôi.

Trường hợp, vì một lý do nào đó, mà Phật tử phải tiếp xúc với mẹ chồng, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên cố gắng giữ phận mình là một người dâu hiền. Dù mẹ chồng có nặng lời rầy la quở trách, thì Phật tử cũng nên cố gắng dằn lòng mà nhẫn nhịn cho qua chuyện. Nghĩa là đừng có gây ra sự cãi vả tạo sự xung đột bất hòa không tốt với bà, vì dù sao bà cũng là mẹ chồng của mình. Mình phải có lòng kính trọng như người mẹ ruột của mình. Phật tử nên ý thức rằng, Phật tử là người có chút ít tu học Phật pháp, thì Phật tử nên học theo hạnh nhẫn nhục, cư xử hòa ái, thương kính của các bậc Thánh Hiền. Đó là vì Phật tử muốn giữ sự hòa khí tốt đẹp trong gia đình. Phật tử vì thương chồng con và nhất là muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, thì Phật tử nên cố gắng nhẫn nại.

Người dưới nhẫn nhịn người trên, đó là thuận theo lẽ đạo và nhất là rất hợp với nền đạo đức luân lý Việt Nam, không có ai cười chê đâu mà sợ. Nhẫn nhịn không phải là hèn nhát, mà trái lại đó là một sức mạnh lớn lao của tinh thần. Ngược lại, người trên cũng phải ý thức bổn phận vai trò của mình mà đối xử với kẻ dưới cho phải lẽ hợp đạo. Không nên ỷ quyền làm cha mẹ mà bắt nạt rầy la con cháu. Dù đó là dâu con chúng ta cũng nên xử sự cho ôn hòa. Có thế, thì mới xây dựng bảo đảm được hạnh phúc mái ấm gia đình.

Như Phật tử đã nói, muốn làm tròn bổn phận của một người vợ hiền, để lo cho chồng cho con. Nếu Phật tử muốn trong gia đình được êm ấm thuận thảo hòa ái, thì Phật tử nên cố gắng tìm cách khéo léo xử sự mà nhẫn nhịn. Người xưa nói: *“Nhẫn nhứt thời chi khí, miễn bá nhứt chi ưu”*. Nghĩa là, chỉ cần cố gắng nhịn nhục trong một hơi thở thôi, thì khỏi phải lo sợ cả trăm ngày về sau. Lời dạy này là cả một kinh nghiệm sống khôn ngoan thực tế của người xưa. Thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên bắt chước làm theo để bảo tồn sự hòa khí tốt đẹp trong gia đình. Đó là Phật tử khéo biết thương chồng và muốn bảo vệ hạnh phúc cho gia đình của mình.

Nếu như Phật tử không khéo xử sự, thì Phật tử sẽ rơi vào trạng huống mâu thuẫn. Một bên là vẫn xung đột với mẹ chồng, một bên thì muốn làm tròn bổn phận người vợ đối với chồng, nghĩa là không muốn cho người chồng buồn lòng. Điều này, sẽ làm cho ông chồng rơi vào tình huống thật khó xử. Một bên là mẹ và một bên là vợ. Nếu ông là người con có hiếu, thì tình trạng này không sớm thì chầy sẽ dễ gây ra sự bất hòa đổ vỡ. Bằng ngược lại, thì ông sẽ mang tội là người con bất hiếu. Và Phật tử cũng sẽ bị ảnh hưởng thật không tốt đẹp gì! Chúng tôi thấy, có nhiều gia đình không khéo xử sự nên đã rơi vào hoàn cảnh mâu thuẫn đổ vỡ này.

Đó là nói vấn đề chưa thực sự xảy ra. Chỉ là một sự đề phòng, gọi là ngừa bệnh hơn chữa bệnh. Nhưng, nếu trường hợp đã xảy ra có sự bất hòa xung đột rồi thì sao? Vấn đề này, theo thiện nghĩ của chúng tôi, thì chỉ có người trong cuộc mới có thể giải quyết được vấn đề nan giải khúc mắc đó mà thôi. Nếu Phật tử xét thấy, sự xung đột đó, mình cũng dự phần có lỗi, thì tốt hơn hết là nên tìm cách xin lỗi thiết lập lại truyền thông để hóa giải cụ thể vấn đề. Đó là biện pháp hay nhất để bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Bởi vì chính mình cột gút lại, thì cũng chính mình tìm cách khéo léo để tháo gỡ nó ra. Đó là chúng ta thể hiện đúng theo tinh thần tự giác và sám hối của đạo Phật.

Nếu như Phật tử muốn cho gia đình êm ấm, vợ chồng hạnh phúc, thì Phật tử nên vâng theo lời Phật dạy mà tập tánh hỷ xả bao dung tha thứ và thông cảm. Nhất là đối với những bậc trưởng thượng ông bà cha mẹ. Phật tử nên xét rằng, cuộc đời này, không có cái gì bảo đảm lâu dài, tất cả đều vô thường giả huyễn nay còn, mai mất. Hiện chúng ta đang ở trong một cái khám lớn Ta bà, và mỗi người đều có tên trong bản án tử hình hết rồi. Không sớm thì muộn, quý vô thường cũng đem chúng ta ra pháp trường xét xử hành quyết mà thôi! Thế thì hơn thua tranh chấp đấu đá với nhau để làm gì? Hơn nhau một lời nói, chỉ để làm khổ đau thêm cho nhau. Hơn nhau một tiếng bợn nhơ trong lòng. Còn tạo nên thù oán và tìm cách hại nhau. Xét kỹ, thật không có lợi lạc chi cả.

Càng tranh chấp hơn thua với nhau chừng nào, thì chỉ càng tạo thêm hố sâu chia cách tình thân ruột thịt trong gia đình chừng nấy. Tất nhiên, người nào cũng ôm đầy một khối to « Nội kết » phiền não trong lòng. Không ai cảm thấy vui vẻ khi đối diện với nhau. Đó là cái khổ lớn của sự « oán ghét gặp nhau ». Hiểu thế, thì chúng ta hãy nên buông bỏ đừng chấp nhứt ôm ấp chi trong lòng mà thêm nhiều bi lụy phiền muộn khổ sở. Phật tử nên nhớ, càng giận tức, ta càng chuốc khổ nặng vào thân. Mất ăn mất ngủ, cũng chỉ vì buồn giận những chuyện vớ vẩn không đâu. Đó là chúng ta đã tự hành hạ lấy ta. Người ta nói, đa sầu là tự sát. Xin Phật tử hãy suy xét lại, tội gì phải giận tức người ta cho mình phải khổ sở ?

Đức Phật thường dạy, người Phật tử tại gia phải khéo biết xử sự hài hòa trong tinh thần thương yêu, hòa kính, hiểu biết và cảm thông với nhau. Có thật sự thương yêu với nhau, thì mới có thể cảm thông tạt tánh với nhau được. Bởi mỗi người do huân tập của mỗi hoàn cảnh và môi trường sống khác nhau. Do đó, nên mỗi người có mỗi cá tánh dị biệt, không ai giống ai cả. Nếu có giống nhau chăng, cũng chỉ là một phần nhỏ nhoi chút ít thôi. Đa phần là dị biệt. Khác nào như những ngón tay trong bàn tay, không ngón nào giống ngón nào. Ngón tay thì có ngón ngắn ngón dài. Tuy có ngắn dài khác nhau, nhưng chúng ta đừng quên rằng, tất cả đều ở trong một bàn tay. Bất cứ ngón tay nào trong bàn tay bị thương tích, thì cũng làm cho bàn tay phải chịu đau khổ cả. Như vậy, nếu muốn bàn tay không đau khổ, thì mỗi ngón tay phải biết thương yêu nhau và phải có trách nhiệm bảo vệ bàn tay. Mỗi ngón tay là dụ cho mỗi thành viên con cái trong gia đình và bàn tay là dụ cho cha mẹ hay mái ấm gia đình. Nếu những ngón tay xích mích gây gổ làm khổ cho nhau, thì chỉ làm khổ đau và tan nát cho bàn tay mà thôi! Ngược lại, bàn tay cũng nhờ mấy ngón tay mà được an lành. Vì vậy, là người Phật tử, Phật dạy, phải nên mở rộng trái tim yêu thương bao dung mà hỷ xả tha thứ cho nhau. Vì sự sống là một sự tương duyên quan hệ mật thiết với nhau. Người khổ là mình khổ hay ngược lại cũng thế.

Là con người, sống trong vòng vô minh nghiệp thức, không ai là không có lỗi. Mình phải thường xuyên tự xét lại mình, trước khi phê bình chỉ trích người khác. Nhà mình rác rến ngập tràn không lo dọn quét, cứ thích cầm chổi lo dọn quét nhà người. Bởi thế mà gây ra lắm chuyện thị phi phiền toái. Có đôi khi vì một chuyện nhỏ nhoi nào đó, mà ta không tự kiềm chế được bản năng dục vọng, làm nô lệ cho những thứ phiền não tham, sân, si sai khiến. Từ đó, gây ra lắm cảnh xung đột, rầy rà cãi vả hoặc bạo động hành hung với nhau, làm cho mất đi thâm tình hòa khí gia đình và nếu không khéo sẽ đưa đến tình trạng đổ vỡ tan nát gia đình. Đây là một thảm cảnh ly tán khổ đau đã và đang xảy ra nhan nhản hằng ngày. Chỉ vì một chuyện không

đâu mà gây ra cảnh nôi da xáo thịt, nhà tan cửa nát, mỗi người sống mỗi nơi. Kết quả, chỉ làm khổ đau cho con cái của chúng ta mà thôi!

Tóm lại, qua những điều trình bày trên, mong rằng Phật tử nên suy xét lại. Việc bảo vệ hạnh phúc gia đình của Phật tử là việc hệ trọng. Còn việc mẹ chồng, nếu mình khéo xử sự một chút và khéo biết nhịn nhục theo lời Phật dạy, thì chắc chắn sẽ không đưa đến tình trạng rạn nứt đổ vỡ. Và lại, nếu là bà mẹ chồng đã cao tuổi, thì sự sống của bà ở trên đời này cũng chẳng có được bao lâu. Phật tử nên thương và cảm thông nhiều hơn. Vì người già có những tật tánh mà người trẻ thật khó cảm thông. Xin Phật tử hãy vận dụng trí tuệ của mình để khéo xử sự hài hòa cho vấn đề càng được tốt đẹp sáng sủa hơn.

Kính chúc Phật tử có nhiều niềm vui hạnh phúc trong cuộc sống.

---o0o---

30. Cả đời niệm Phật, nhưng bệnh gần chết thì lại không thích niệm Phật?

Hỏi: *Kính bạch thầy, mẹ con là người chuyên tu theo pháp môn Tịnh độ niệm Phật. Con biết bà đã niệm Phật thường xuyên trên 20 năm, nhưng không hiểu tại sao trong lúc bà bị bệnh nặng nằm ở bệnh viện điều trị, con mở máy niệm Phật cho bà nghe, bà la rầy con, vì bà không thích nghe niệm Phật. Con không biết lý do tại sao? Kính nhờ thầy giải đáp giúp. Cám ơn thầy.*

Đáp: Vấn đề này, nó thuộc phạm vi tối hệ trọng trong lãnh vực chuyên sâu về lý nhân quả. Nếu Phật tử không hiểu rõ thì cũng dễ sanh nghi, đôi khi còn mất tín tâm nữa không chừng. Thật ra, sự niệm Phật lâu năm của cụ bà, đó là tích lũy nghiệp. Nghiệp niệm Phật này không bao giờ mất. Tuy nhiên, Phật tử nên hiểu rằng, nhân quả Phật nói, được đặt định trên chiều thời gian, phải xuyên suốt qua ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Cái nghiệp nhân mà cụ bà niệm Phật hiện nay, chắc chắn là bà sẽ được lợi ích ngay trong hiện tại và mai sau nữa.

Còn sở dĩ bà bị bệnh nặng mà bà có thái độ không chịu niệm Phật và cũng không thích nghe tiếng niệm Phật, theo tôi, có thể là có hai nguyên nhân: xa và gần. Nguyên nhân xa, đó là vì do cái nghiệp nhân mà bà đã gây tạo trong quá khứ. Nghiệp nhân này đến đây nó thuận thực, chín muồi nên bà phải trả cái quả báo. Có thể trong quá khứ, ở một kiếp xa xưa nào đó, bà không tin Phật pháp, khi có người bị bệnh nặng, người ta niệm Phật thì bà lại tìm cách

cản ngăn không cho, nên nay bà phải chịu trả cái quả báo như thế. Đó là luận theo cái nhân xa xưa.

Còn nếu xét cái nhân trong hiện tại, biết đâu trong lúc bà bị bệnh nặng, cơ thể của bà bị hoành hành đau nhức gây ra tình trạng thật khó chịu, nên tâm thần bà đâm ra bấn loạn bất an. Do đó, nên khi nghe tiếng niệm Phật bà cảm thấy thật khó chịu hơn. Vì vậy, mà bà không cho Phật tử mở máy niệm Phật. Và lại, Phật tử cũng nên kiểm điểm lại thật kỹ, xem mình hay những người thân khác có làm điều gì trái ý nghịch lòng bà không? Có gây ra điều gì bà hờn giận không? Vì người bệnh nhất là đang trong lúc đau đớn khó chịu, rất dễ sanh tâm tự ái giận dữ hờn mát lắm. Đây là một tâm lý rất thường tình của bệnh nhân mà Phật tử và những người thân nên lưu tâm cẩn thận. Có đôi khi Phật tử làm cho bà buồn giận mà Phật tử không hay biết. Trái lại, bà thì đã ôm ấp sự tức giận này chôn chứa sâu trong lòng. Do đó, nên bà không thể làm theo ý muốn của Phật tử chẳng!

Có thể hằng ngày lúc khỏe mạnh, bà chỉ biết niệm Phật ngoài miệng suông thôi, nhưng sự tu hành để sửa đổi tâm tánh, thì bà không mấy hiểu để thật hành đúng như lời Phật dạy. Có người niệm Phật cả đời, nhưng thật ra chỉ là miệng niệm mà tâm không có niệm. Do đó, nên gặp cảnh xúc duyên trái ý nghịch lòng, thì tam bành lục tặc vẫn nổi lên mạnh mẽ la ó mắng chửi om sòm. Vì tập khí sân hận của họ còn quá sâu nặng ngập tràn. Đó là vì không có học hỏi để biết cách chuyển hóa phiền não và pháp môn mình đang tu. Tình trạng này đa số Phật tử chúng ta đều mắc phải.

Thiết nghĩ, vấn đề này, Phật tử cũng nên theo dõi bệnh trạng và cá tánh của bà để tìm hiểu rõ hơn. Nếu như căn bệnh của bà không có gì hành hạ đau nhức khó chịu, mà bà lại sanh tâm không thích nghe tiếng niệm Phật như thế, thì có thể là bà bị trả cái quả báo trước kia mà bà đã gây ra.

Để Phật tử hiểu rõ hơn về lý nhân quả, từ khi gieo nhân cho đến khi kết quả, trong Duy Thức Học có chia làm ba loại:

1. Dị thời nhi thực.
2. Biến dị nhi thực.
3. Dị loại nhi thực.

1. Dị thời nhi thực, có nghĩa là từ khi gây nhân cho đến khi kết quả, phải khác thời gian mới chín (thực). Như một học sinh, khi mới bắt đầu vào trường học là nhân, đến khi đỗ đạt thành tài là quả. Từ khi đi học cho đến khi đỗ đạt lấy bằng tốt nghiệp cuối cùng như tiến sĩ chẳng hạn, phải trải qua mất thời gian rất lâu. Đó gọi là khác thời gian mới chín. Cũng thế, trường

hợp của bà biết đâu do cái nhân cản ngăn kích bác người ta niệm Phật xa xưa, nay đến thời gian thuận thực chín muồi, nên bà phải trả cái quả báo đó.

2. Biến dị nhi thực, nghĩa là biến đổi khác đi rồi mới chín. Như trái xoài, lúc nhỏ thì màu xanh và chua, nhưng khi chín thì biến đổi màu vàng và ngọt.

3. Dị loại nhi thực, nghĩa là khác loài mới chín. Nghĩa là từ khi gây nhân cho đến khi kết quả phải trải qua thời gian biến đổi rồi mới chín. Như ta gieo hạt lúa cho đến khi thành bông lúa để gặt hái phải trải qua thời gian biến đổi. Từ lúc gieo mạ, rồi nhổ mạ (không gọi là nhổ lúa) đem cấy, thành bụi lúa (không gọi là bụi mạ) v.v... cho đến khi lúa chín rồi mới gặt. Phải trải qua thời gian biến đổi như thế mới kết thành quả.

Do đó, cho ta thấy, cái nhân mà bà đã cản ngăn không cho người ta niệm Phật trải qua thời gian lâu xa, nay đến lúc chín muồi, tất nhiên, là bà phải trả cái quả báo đó. Luật nhân quả không bao giờ sai chạy. Khác nào như tiếng dội giữa không gian. Tại vì chúng ta chưa có hiểu rõ đó thôi. Nếu luận về cái quả hiện tại, thì cái cận tử nghiệp (nghiệp gần chết) của bà không mấy tốt. Chúng ta nên tìm mọi cách để thức nhắc cho bà để cho bà sớm hồi tâm chuyên ý. Để chuyển nghiệp nặng mà thành nghiệp nhẹ. Song có điều cái tích lũy nghiệp công phu tu hành niệm Phật trong hai mươi năm qua của bà chắc chắn sẽ không bao giờ mất. Nghiệp nhân này, nó sẽ kết thành quả báo mà bà sẽ thọ hưởng trong tương lai.

Tóm lại, lý nhân quả rất phức tạp, không phải đơn thuần như chúng ta tưởng. Vì từ khi gieo nhân cho đến khi kết quả, nó còn đòi hỏi các trợ duyên, tức những điều kiện phụ thuộc khác. Chính những điều kiện phụ thuộc này giúp cho cái chánh nhân được thành tựu tốt hay xấu. Nếu những điều kiện trợ giúp tốt, thì cái chánh nhân kia sẽ phát triển theo chiều hướng tốt. Ngược lại, thì cái chánh nhân sẽ không phát triển tốt được. Vì thế, các điều kiện phụ thuộc này là những trợ duyên rất quan trọng. Trong nhà Phật có nêu ra nhiều loại trợ duyên. Vì phạm vi trả lời câu hỏi có hạn định, nên chúng tôi không tiện trình bày hết các loại trợ duyên này.

Một khi chúng ta đã hiểu được lý nhân quả phần nào rồi, thì chúng ta sẽ không có gì phải thắc mắc những việc xảy ra trong đời sống. Bởi tất cả đều do chúng ta định đoạt tạo lấy. Nhân tốt thì quả tốt, nếu chúng ta chịu khó quan tâm chăm sóc tốt. Nhân và quả như bóng theo hình, như vang theo tiếng. Tùy hình và tiếng như thế nào, thì bóng và âm vang sẽ đáp lại như thế đó. Luật nhân quả rất công bằng không thiên vị một ai. Do đó, chúng ta phải nên cẩn thận trong khi nói năng, hành động, hay suy nghĩ, tất cả đều có nhân và quả cả.

Hy vọng qua những điều trình bày đại khái trên, sẽ giúp cho Phật tử hiểu qua phần nào về hiện tượng không mấy tốt của bà hiện nay. Phật tử nên tìm đủ mọi cách để khuyên lơn an ủi nhắc nhở cho bà. Nếu thường ngày trong lúc còn mạnh khỏe bà hay tin tưởng nghe theo vị Tăng, Ni nào đó, thì Phật tử có thể thỉnh vị đó đến để khuyên nhắc khai thị cho bà. Có thể nhờ đó mà bà hồi tâm chuyển ý nghe theo. Đó là điều rất tốt cho bà trong lúc bà bị bệnh nặng hay hấp hối. Phật tử và tất cả người thân trong gia đình, nên cố gắng nhẫn nại chiều theo ý muốn của bà, đừng gây ra bằng những lời nói, thái độ hay hành động không tốt mà làm cho bà khởi tâm sân hận nóng giận, thì quả đó là điều rất tai hại cho cận tử nghiệp của bà.

Kính chúc Phật tử được dồi dào sức khỏe, đạo tâm kiên cố để làm tròn bổn phận của một người con chí hiếu.

---o0o---

31. Giáo pháp của Phật trải qua nhiều đời có bị sai lệch không?

Hỏi: *Bạch Thầy, có người hỏi con: giáo pháp của Phật để lại trải qua thời gian lâu dài, như vậy, xin hỏi có còn nguyên vẹn hay có bị sai lệch hay không? Con không biết phải trả lời sao. Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp giúp con.*

Đáp: Sự sai lệch về mặt văn tự chắc chắn không sao tránh khỏi. Nhưng thật nghĩa yếu lý trong kinh điển thì không thể nào sai lệch được. Vì kinh Phật, nói cho đủ là kệ lý và kệ cơ. Kệ lý là hợp với lẽ thật muôn đời bất di bất dịch. Kệ cơ là phù hợp thích nghi với mọi căn cơ trình độ của chúng sanh. Nói rộng ra là phải thích nghi theo mỗi căn cơ thời đại. Dù hai nghĩa trên mới gọi là kinh. Thế nên, kinh điển là chân lý do những lời Phật nói, thì làm sao sai trái được. Tuy nhiên, như Phật tử đã biết, việc in ấn hay sao chép kinh điển trải qua nhiều đời hay nhiều lần, thì thật khó tránh khỏi sự sai sót ở nơi văn bản. Người ta thường nói, tam sao thì thất bản là vậy. Nghĩa là một văn bản mà sao đi chép lại nhiều lần, tất nhiên, sẽ khó mà giữ được tính chất nguyên thủy của nó.

Tuy nhiên, sự sai sót về mặt văn tự, tuy cũng quan trọng, nhưng không đáng kể lắm. Vì dầu sao người đọc cũng còn có thể nhận hiểu được. Điều quan trọng, là sai về phần tôn chỉ yếu lý nội dung của kinh. Đó mới là điều quan trọng đáng nói. Lý do tại sao có sự sai lệch về phần nội dung này? Sự sai lệch này không phải là do Phật Tổ nói, mà do người ta đánh lừa trá trở lộng giả thành chơn. Với mục đích là người ta lợi dụng nhãn hiệu Phật Tổ để truyền bá tà thuyết ngoại đạo của họ. Đa số người Phật tử chúng ta, vì chưa

có trình độ Phật học căn bản vững chắc, nên khó phân biệt đâu là kinh Phật chính do Phật nói, và đâu là kinh ngoại đạo chính do họ ngụy tạo. Thường hề thấy ngoài bìa đề là chữ Kinh, bên trong có chữ Phật, chữ Tổ, thì người Phật tử liền vội kính tin cho đó là kinh Phật nói. Tin một cách tuyệt đối mà không cần phải suy nghĩ tìm hiểu phân biệt trong đó nói gì.

Đó là điều thật rất nguy hiểm tai hại. Chúng ta phải hết sức thận trọng khi đọc một quyển kinh hay một quyển sách. Trước tiên, ta phải biết rõ nội dung của quyển kinh sách đó nói gì. Có đúng với chân lý mà Phật Tổ chỉ dạy hay không? Muốn đánh giá có phải kinh Phật nói hay không, thì chúng ta phải y cứ vào đâu? Tất nhiên, chúng ta phải y cứ vào **“Tam pháp ấn”** hay **“Tứ Pháp ấn”** hoặc **“Nhứt thật tướng ấn”**.

Tam pháp ấn đó là: *“chư hành vô thường, chư pháp vô ngã và Niết bàn tịch tịnh”*. Còn Tứ pháp ấn là: *“Khổ, không, vô thường, và vô ngã”*. Nhứt thật tướng ấn (còn gọi là vô tướng) là pháp bất sanh bất diệt, tức chỉ cho bản thể chơn như. Nói cách khác là bản tâm thanh tịnh sáng suốt sẵn có trong mỗi người chúng ta. Chữ ấn có nghĩa là in. Như chúng ta in cái mộc xuống tờ giấy trắng, thì nó sẽ hiện rõ những gì đã khắc trong cái mộc đó. Nếu những lời dạy nào không nằm trong những cái ấn đó, tất nhiên, đó không phải là những lời Phật nói, mà đó là ma nói thuộc tà giáo ngoại đạo.

Cho nên, người Phật tử phải cẩn thận khi cầm quyển kinh hay quyển sách lên xem. Trước hết, phải đọc cho thật kỹ nội dung của kinh hay sách đó nói gì. Có phù hợp với những chân lý nói trên hay không. Hay là những lời giả trá bịa đặt, không phù hợp với chân lý. Việc lộng giả thành chơn, ở đời mạt pháp này nhiều lắm. Ma vương lộng hành đem truyền bá những thứ kinh sách ngoại đạo mà họ cũng mệnh danh là Phật Tổ nói. Khổ nỗi, người Phật tử không chịu tìm hiểu kỹ càng, chỉ cần thấy có chữ Phật là đinh ninh kinh Phật nói. Thế là đem in rồi phổ biến truyền nhau mà đọc. Đó là vô tình Phật tử lại tiếp tay truyền bá kinh sách ngoại đạo rồi. Thật là tội lỗi biết ngần nào! Thế nên, Phật Tổ thường khuyên bảo Phật tử chúng ta phải nên cố gắng nghiên tầm học hỏi giáo lý. Có chịu khó học hỏi, thì người Phật tử mới có thể biện biệt đâu chánh, đâu tà, đâu chơn, đâu ngụy. Không nên tin càng, tin vội, tin đại, tin đùa, khi mà chúng ta chưa tìm hiểu cặn kẽ rõ ràng. Đó là điều mà người Phật tử cần nên ý thức dè dặt cẩn thận. Điều gì chưa rõ, nên tìm những vị thông giỏi giáo lý mà thưa hỏi. Không nên vội vã chưa chi mà lại phổ biến truyền nhau xem, thì thật là đắc tội với Phật pháp lắm vậy! Xin mọi người hãy lưu ý quan tâm cho vấn đề này.

32. Danh hiệu Phật A Di Đà có mặt cõi này vào lúc nào?

Hỏi: *Bạch Thầy, mặc dù con tu Tịnh độ, nhưng con không hiểu tại sao mình phải niệm danh hiệu Ngài? Và người ta biết đến danh hiệu Ngài vào lúc nào? Kính xin thầy giải đáp cho con được rõ.*

Đáp: Sở dĩ chúng ta niệm danh hiệu Ngài là vì chúng ta nương theo bản nguyện của Ngài. Vì đức Phật A Di Đà có phát ra 48 điều đại nguyện. Nguyện nào Ngài cũng muốn tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh về nước của Ngài. Do đó, hầu hết người tu theo pháp môn Tịnh độ đều niệm danh hiệu của Ngài.

Khi chúng ta niệm danh hiệu Ngài, ngoài sự thâm gia hộ của Ngài ra, chúng ta còn cần phải nhiếp tâm chí thành mà niệm. Vì chủ trương của pháp môn Tịnh độ, ngoài phần tự lực ra còn có phần tha lực. Tuy nhiên, Phật tử nên nhớ tự lực vẫn là phần chính yếu. Phần này rất là quan trọng. Chúng ta cần phải gia công nỗ lực tinh cần mà niệm danh hiệu Ngài. Khi niệm Phật điều quan trọng là phải nhiếp tâm thành ý. Không nên để tâm lăng xăng chạy loạn, mà phải để tâm an trụ vào câu hiệu Phật sáu chữ Di Đà. Vì niệm Phật là niệm tâm. Niệm Phật tối kỵ nhất là hai chứng bệnh hôn trầm và tán loạn. Nếu niệm với tâm tán loạn, nghĩ nhớ lung tung, thì đó là niệm chúng sanh chứ không phải niệm Phật. Còn hôn trầm là chìm trong mê tối Phật nói trạng huống đó là rơi vào hang quỷ. Cho nên khi niệm Phật, chúng ta phải cố gắng tránh hai chứng bệnh nặng nề này.

Yếu lý của sự niệm Phật quan trọng là ở nơi ba yếu tố: “*tin sâu, nguyện thiết và hành chuyên*”. Trong ba yếu tố này, thì tin và nguyện là điều kiện ắt có và đủ để quyết định được vãng sanh về Cực lạc. Còn nếu chúng ta hành chuyên, nghĩa là niệm Phật miên mật già dặn không gián đoạn, thì chúng ta sẽ được vãng sanh ở phẩm vị cao. Tùy theo sự thật hành của hành giả chuyên cần hay không chuyên cần, mà phẩm vị ở cõi Cực lạc có cao thấp khác nhau. Vì cửu phẩm liên hoa ở Cực lạc có chia ra làm ba bậc: Thượng, Trung và Hạ. Trong mỗi bậc lại chia làm ba. Như bậc Thượng, thì có thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh và thượng phẩm hạ sanh v.v... Ba món trên còn gọi là ba món tư lương, tức hành trang lên đường về quê hương Cực lạc của hành giả.

Còn về phần tha lực, tức là chúng ta nương vào bản nguyện oai lực của đức Phật A Di Đà. Vì đức Phật A Di Đà có phát ra 48 điều đại nguyện. Nguyện nào Ngài cũng muốn tiếp rước chúng sanh về cõi nước Cực lạc của Ngài. Trong lúc lâm chung, nếu hành giả nhớ niệm danh hiệu Ngài, thì sẽ được Ngài phóng quang tiếp dẫn sanh về nước của Ngài. Dù rằng nghiệp lực của chúng ta chưa dứt sạch, nhưng nếu chúng ta chí thành niệm danh hiệu Ngài

thì cũng được Ngài tiếp dẫn. Đây gọi là đời nghiệp vãng sanh. Ví như tảng đá tuy to nặng, nhưng nếu để trên chiếc thuyền thì sẽ đi rất nhanh và nhẹ nhàng không có gì khó khăn. Ngược lại, hạt cát tuy rất nhỏ, nhưng nếu bỏ xuống nước, thì hạt cát kia cũng dễ bị chìm đắm. Sự khác biệt giữa các pháp môn tự lực và tha lực là như thế. Đại khái đó là lý do tại sao người tu Tịnh độ phải niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà.

Còn Phật tử hỏi vì sao mà chúng ta biết đến danh hiệu của đức Phật A Di Đà và biết đến Ngài vào lúc nào? Xin thưa, sở dĩ chúng ta biết đến danh hiệu của Ngài là nhờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu ở trong các Kinh điển Tịnh độ. Nhất là Kinh A Di Đà. Đây là bộ kinh tự Ngài giới thiệu nói ra, chớ không có ai hỏi Ngài cả. Nên kinh này còn gọi là “vô vân tự thuyết”. Chính nhờ vào sự giới thiệu đó, nên chúng sanh ở cõi Ta bà này mới biết được. Nếu như đức Phật Thích Ca không nói, thì không ai có thể biết được. Vì đức Phật là đáng chon thiết ngữ, nên lời giới thiệu của Ngài là một sự thật. Chúng ta tin chắc chắn điều đó, không có gì phải nghi ngờ.

---o0o---

33. Khi niệm hương cúng Phật, nên niệm danh hiệu Phật nào trước?

Hỏi: *Kính bạch Thầy, con có một thắc mắc, xin thầy dạy cho con biết. Mỗi sáng, con thường thay nước và niệm hương cúng Phật. Con thường niệm trước là Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát... và con tụng kinh. Vậy thưa thầy, con niệm hồng danh của Đức Bốn Sư trước như vậy có đúng không?*

Đáp: Việc dâng hương cúng Phật hay cúng nước hoặc cúng hoa quả v.v... đó là điều rất tốt. Vì đó là phần lễ nghi, mục đích là để biểu hiện tâm lòng chí thành của mình đối với Tam bảo. Nó thuộc về phần sự tướng bên ngoài. Tuy nhiên, là Phật tử khi dâng cúng, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên biết thêm về ý nghĩa của việc làm đó.

Trong nhà Phật, bất cứ việc làm nào cũng mang hai ý nghĩa rõ rệt: Sự và Lý phải viên dung. Nói cách khác Sự đâu là Lý đó. Hiểu như vậy, thì việc làm của chúng ta mới có lợi ích thiết thiết và không bị lệch lạc rơi vào mê tín. Bằng không, thì người Phật tử dễ bị mắc phải cái lỗi mê tín, biên kiến. Nghĩa là tin mê lầm và chấp chặt một bên. Khi Phật tử dâng nước trong cúng Phật, thì Phật tử phải hiểu đó là biểu hiện cho ý nghĩa nước tâm thanh tịnh. Phật tử phải giữ tâm của Phật tử cho được thanh tịnh giống như ly nước trong mà Phật tử dâng cúng Phật vậy. Vì Phật có nghĩa là giác mà giác là

tỉnh thức, chánh niệm. Vậy, khi cúng Phật, Phật tử phải thành tâm gìn giữ chánh niệm. Có chánh niệm là có an lạc. Còn nếu Phật tử dâng cúng Phật mà với cái tâm thất niệm, nghĩ nhớ lung tung, hay tính toán việc này việc kia, thì Phật tử sẽ không được lợi lạc lắm. Và như thế, việc cúng Phật rốt lại chỉ có hình thức bề ngoài cho có lệ mà thôi. Nghĩa là xưa bầy nay làm theo. Chớ không hiểu rõ ý nghĩa căn bản của việc làm. Đó cũng là một sự thiếu sót lớn lao của Phật tử. Từ việc cúng Phật suy ra đến các việc làm khác cũng thế.

Phật dạy người Phật tử bất cứ việc làm nào mà tương ưng với tánh giác, thì việc làm đó mới có ý nghĩa lợi ích thiết thực. Nếu nói về phần sự tướng thì việc cúng Phật đương nhiên là Phật tử có phước. Phước có ra là do khi cúng Phật hay Bồ tát, Phật tử đã thành tâm cung kính. Chính cái chỗ thành tâm cung kính đó, nên Phật tử mới có được phước báo. Tuy nhiên, nếu chỉ có thế, thì cũng chưa đủ ý nghĩa của việc dâng cúng.

Phật tử cần phải hiểu thêm về nghĩa lý của việc làm đó. Vì việc dâng cúng bằng những thứ vật chất, đều mang ý nghĩa tượng trưng thôi. Như Phật tử dâng cúng hoa quả, thì Phật tử nên hiểu rằng, nếu Phật tử gây nhân tốt đẹp như hoa tươi, thì sẽ kết quả như những trái cây tươi tốt mà Phật tử đang dâng cúng Phật vậy. Bởi trái là kết quả của bông, nhờ có đơm bông kết nụ mới thành trái. Bông là nhân mà trái là quả. Nhân tốt thì quả tốt. Phật tử cúng dường là nhân mà được phước báo là quả.

Đó là nhắc nhở cho chúng ta nhớ phải tạo nhân lành thì sẽ được quả lành. Nếu Phật tử chỉ hiểu đơn thuần dâng cúng hoa quả hay những thứ khác để được phước không thôi, thiết nghĩ, như thế thì cũng chưa đúng ý nghĩa của việc dâng hoa quả cúng Phật. Phật là giác, còn cúng có nghĩa là nuôi lớn. Nuôi lớn cái gì? Nghĩa là nuôi lớn căn lành. Người Phật tử phải hằng nuôi lớn và phát triển căn lành, trí giác của mình. Như thế, thì mới đúng với ý nghĩa của việc cúng Phật qua hai phương diện: “*Sự và Lý tròn đầy*” vậy.

Còn khi cúng, Phật tử muốn niệm vị Phật hay Bồ tát nào tùy ý cũng đều được cả. Tuy nhiên, thông thường thì chúng ta nên niệm đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước. Vì Ngài là vị giáo chủ của cõi Ta bà này. Nhờ Ngài mà chúng ta mới biết chư Phật và các vị Bồ tát khác. Đồng thời, nhờ học hỏi giáo lý của Ngài mà chúng ta mới biết được đường lối tu hành thoát khổ. Do đó, chúng ta nên ghi nhớ công ơn lớn lao vô biên của Ngài. Vì thế, khi làm việc gì ta phải niệm danh hiệu của Ngài trước. Mục đích là để Ngài chứng minh gia hộ cho việc làm của chúng ta. Đó là nói theo việc lễ nghi cách thức hành trì là như vậy. Còn nếu như Phật tử cảm thấy mình có duyên với vị Phật hay vị Bồ tát nào, thì cứ niệm danh hiệu của những vị đó không sao cả. Không có vị Phật hay Bồ tát nào quở trách Phật tử đâu. Nếu là người chuyên tu

pháp môn Tịnh độ, thì họ thường niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà. Có người thường tin tưởng vào hạnh nguyện cứu khổ của đức Bồ tát Quán Thế Âm, thì cứ niệm danh hiệu của Ngài.

Nói tóm lại, tùy theo sở thích nhân duyên của mỗi người, mà niệm danh hiệu của mỗi vị Phật hay Bồ tát có khác nhau. Niệm vị nào trước, vị nào sau cũng được không có gì sai trái. Tuy nhiên, như trên đã nói, hiện chúng ta đang sống ở cõi này, nên trước tiên là ta niệm danh hiệu đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, rồi sau đó sẽ niệm những vị Phật, Bồ tát khác thì có lẽ đúng cách hơn.

Kính chúc Phật tử cố gắng tu hành và chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

34. Bằng cách nào có thể khuyên cha mẹ tin Tam bảo tu hành?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con có cha mẹ già, nhưng ông bà không tin Phật pháp và cũng không biết tu hành. Nay con muốn khuyên cho cha mẹ con lo tu hành để mai sau ông bà gặp Phật pháp tu hành để khỏi phải đau khổ. Nhưng con không biết phải khuyên và làm như thế nào cho cha mẹ con tin và nghe theo. Kính xin thầy hoan hỷ chỉ cách thức cho con. Kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Qua câu hỏi của Phật tử, chúng tôi biết Phật tử là người con có hiếu. Phật tử đã hết lòng tin tưởng Phật pháp và cũng đã có ứng dụng tu hành thấy có lợi ích thiết thiết trong đời sống, nên mới phát tâm muốn cho cha mẹ của mình cũng được tin tưởng Phật pháp để tu hành được lợi ích như mình. Nhưng không biết phải khuyên cha mẹ bằng cách nào để cho cha mẹ được tin tưởng và làm theo.

Vấn đề này, thiết nghĩ, Phật tử không nên nóng vội gấp gáp lắm. Bởi vì khuyên một người phát tín tâm nơi Tam bảo, phải tùy thời tùy cơ. Và nhất là phải tự người đó ý thức tin tưởng thì mới tốt. Còn vấn đề khuyên bảo thì phải xem căn tánh của người đó như thế nào mới được. Và cần phải hợp thời đúng lúc, thì họ mới phát khởi tín tâm. Đối với một người mà họ không có niềm tin nơi Tam bảo, mà khuyên bảo họ phải tin, điều đó là trái với tôn chỉ chủ trương của đạo Phật. Bởi đạo Phật rất tôn trọng quyền tự do quyết định của mỗi người. Nhất là đối với sự đặt định niềm tin. Đức Phật không bao giờ bắt buộc ai phải tin theo Ngài cả. Đức Phật chỉ trình bày giáo lý qua sự kinh nghiệm thân chứng của Ngài, rồi để mọi người tự do chọn lựa quyết định lấy. Trường hợp của ông bà như lời Phật tử nói, thì có lẽ đời trước ông bà

không có gây tạo nhân duyên với Phật pháp. Hoặc là có gây nhưng nhân duyên có thể đến muộn.

Tuy rằng, hiện tại ông bà không tin Phật pháp, nhưng ông bà không có gây tạo nghiệp ác, thì cũng tốt chứ có sao đâu. Chúng ta phải tôn trọng niềm tin của mỗi người. Phật tử nên biết, mỗi người có mỗi biệt nghiệp và cá tánh khác nhau. Đó là do sự huân tập của mỗi hoàn cảnh môi trường sống khác nhau. Mình không thể bắt người ta phải tin theo những gì như ý mình muốn. Ông bà không tin mà Phật tử muốn cho họ phải tin tưởng Phật pháp ngay, thật là cả một vấn đề nan giải khó khăn. Nếu không khéo, coi chừng phản tác dụng và làm cho ông bà lại có thêm ác cảm với Tam bảo. Điều đó càng gây thêm tai hại tội lỗi cho ông bà. Chuyện gì cũng phải từ từ, nhất là chuyện chuyên sâu về đời sống tâm linh. Đây là vấn đề tối ưu hệ trọng, vì nó quyết định lý tưởng cho cả một đời người. Vì vậy, nên cần phải có yếu tố thời gian. Tôi thành thật khuyên Phật tử không nên vội gáp lắm.

Dựa vào câu hỏi của Phật tử, tôi nghĩ, ông bà tuy có theo truyền thống đạo Phật, nhưng đối với Phật pháp thì ông bà chưa có phát khởi tín tâm thôi. Chưa phát khởi tín tâm, chứ không có ý kích bác chê bai Phật pháp. Có thể vì một lý do nào đó mà ông bà chưa tin tưởng vào Phật pháp. Vì Phật tử không có trình bày rõ về lý do ông bà không tin, nên chúng tôi cũng khó mà trả lời góp ý cho xác đáng. Nếu xét về nguyên nhân quá khứ, thì hạt giống Phật pháp của ông bà có thể rất là yếu kém. Chính vì thế, nên niềm tin Tam bảo của ông bà chưa có cơ hội phát triển. Tuy không phải là hạt giống ngoại đạo hẳn, nhưng đối với Tam bảo thì ông bà không có niềm tin.

Vấn đề này, tuy có phần nan giải, nhưng tôi cũng xin cố gắng góp chút thành ý qua thiện nghĩ của chúng tôi. Rồi tùy ý Phật tử suy xét mà quyết định lấy. Theo tôi, nhân tố quan trọng trước tiên chính là Phật tử. Một mặt, Phật tử phải tỏ ra là người con có hiếu, khéo biết vâng lời cha mẹ. Mặt khác, Phật tử nên biểu lộ tấm lòng niềm tin Phật pháp cho ông bà thấy rõ. Việc biểu lộ lòng thành này có nhiều phương cách. Nhưng phương cách tốt nhất, nếu như Phật tử còn chung sống với cha mẹ, thì Phật tử nên chọn thời gian nào đó thích hợp, rồi Phật tử mở những đĩa băng kinh do chư Tôn đức Tăng, Ni thuyết giảng. Phật tử mở để Phật tử nghe, nhưng với thâm ý là cũng muốn cho ông bà nghe nữa. Nên nhớ là chỉ mở những băng kinh nào có tác dụng thiết thực trong đời sống. Nghĩa là những bài giảng dễ hiểu và mang tính nhân quả thực tế nhiều hơn.

Đó là phương cách để gieo hạt giống Phật pháp vào trong tâm điền của ông bà. Nhờ sự huân tập đó mà hạt giống Phật pháp của ông bà sẽ tăng trưởng dần, hy vọng một ngày nào đó ông bà sẽ có được niềm tin Phật pháp. Như

Phật tử đã biết, thường người ta có gặp hoạn họa gì đó, thì họ mới chịu thức tỉnh hồi đầu. Sách có câu: “Nhơn vô hoạn họa bất hồi đầu”. Đó cũng là một tâm lý thường tình và cũng là một cơ duyên tốt. Mong rằng, khi ông bà nghe thấu hiểu được Phật pháp, chừng đó biết đâu ông bà sẽ phát tín tâm mạnh mẽ hơn Phật tử nữa không chừng. Nhưng điều quan trọng, là Phật tử phải để tâm theo dõi hành động và khuynh hướng nếp nghĩ của ông bà. Xem họ có khuynh hướng ý nghĩ gì và hành động của họ như thế nào trong khi nghe qua Phật pháp.

Đó cũng là cách mà Phật tử tìm thời cơ để đánh mạnh vào tâm thức của ông bà. Đồng thời Phật tử nên khéo léo nhẫn nại chịu đựng một khi ông bà có phản đối la rầy. Vì việc làm của Phật tử có chủ đích, nên cố gắng khắc phục mọi việc và nhất là đừng bao giờ tỏ ra khuyên lơn như có vẻ ta đây dạy khôn ông bà. Lựa thời cơ chín muồi, thì Phật tử có thể thỉnh một vị Tăng, Ni nào đó, đến để làm quen và khuyên giải khai thị cho ông bà. Phật tử thử áp dụng như thế xem sao. Sách nhỏ có câu: “Tận nhân lực mới tri thiên mệnh”. Mình cứ làm hết sức mình, còn lại là phần nghiệp quả của mỗi người. Vì chính đức Phật còn có “*tam năng tam bất năng*”, nói chi đến hàng phàm phu tục tử như chúng ta.

Kính chúc Phật tử chóng đạt thành công theo ý nguyện

---o0o---

35. Làm sao hóa giải được lời thề nguyện?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con có một người em gái, khi con nghèo khổ không có tiền lo cho gia đình, nên con có hỏi mượn em con nhiều lần. Con thấy em con đối xử với con quá tốt, nhưng với số nợ mà con đã mượn, thì con không có cách nào hoàn trả được. Nên con có nói là con xin nguyện kiếp sau sẽ làm trâu ngựa để trả nợ cho em con. Lời thề nguyện đó thốt ra, khi con chưa hiểu đạo. Nay được nghe học hỏi giáo lý quý thầy chỉ dạy, con rất sợ sẽ bị vướng mắc vào lời thề nguyện đó. Vậy, xin thầy chỉ dạy cho con có cách nào hóa giải lời thề đó được không? Kính mong thầy chỉ giáo cho con. Thành kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Vấn đề thề nguyện tùy theo mỗi hoàn cảnh và tâm ý mà nó có cường độ nặng nhẹ khác nhau. Nếu lời thề nguyện với một chủ tâm có ác ý, thì cái kết quả của nó rất nặng. Vì cái nghiệp khẩu có sự hợp tác chặt chẽ của ý thức chủ động tạo tác. Nên mới thốt ra lời thề độc. Trường hợp của Phật tử thì lời thề nguyện đó có khác. Ở đây, rõ ràng Phật tử không phải là do động cơ ác cảm ác ý mà thề nguyện. Vì Phật tử mang ơn của người em giúp đỡ

quá sâu nặng, không có cách gì để hoàn trả lại số nợ đã mượn quá lớn, nên mới thốt ra lời nói với thâm ý như là để trả cái ơn thâm trọng đó thôi. Chớ Phật tử không có ác ý giận dỗi hờn mát.

Tuy lời nói đó mới nghe qua thì cảm thấy thật khá nặng nề, vì nguyện kiếp sau làm thân trâu ngựa để đền trả, nhưng xét về lý, thì Phật tử chỉ thốt ra bằng tất cả tấm lòng của một người mang ơn nặng mà thôi. Theo tôi, thì việc đó không có gì kết thành tội nặng mà phải trả. Bởi động cơ xuất phát từ ở nơi cái tâm tốt, chớ không phải xuất phát từ cái tâm xấu ác. Do đó, nên cái quả sẽ không thành. Nếu có, thì cũng chỉ trả cái nghiệp khẩu nhẹ mà thôi. Tuy nhiên, Phật tử muốn cho yên tâm khỏi phải ray rứt bức xúc mặc cảm trong lòng, thì tôi xin được đề nghị với Phật tử có hai phương cách để giải quyết:

Một là, Phật tử nên chí thành phát nguyện lay sám hối để tiêu trừ cái khẩu nghiệp. Việc lay sám hối này tùy Phật tử phát nguyện nhiều ít. Như thế, vừa tiêu tội chướng mà lại còn tăng thêm phước đức nữa.

Hai là, Phật tử cũng nên nói rõ cho người em biết, là Phật tử vì xét thấy việc đối xử của người em quá tốt, nên Phật tử mới lỡ thốt ra lời nói như thế. Chỉ cần người em thông cảm nói một lời: “việc đó không có gì đâu mà chị phải quan tâm. Em không có chấp nhứt để ý gì đến chuyện thề thốt của chị đâu. Cái đó là do chị cảm nhận vô tình mà thốt ra như vậy thôi”. Nếu người em nói ra như thế, thì Phật tử không còn gì phải ôm ấp ray rứt khó chịu trong lòng. Chị em đã hiểu biết và cảm thông nỗi khổ cho nhau. Đó còn là tạo thêm mối thâm tình sâu đậm trong tình nghĩa chị em nữa. Thiết nghĩ, rất là có lợi cho Phật tử.

Tóm lại, việc thề nguyện của Phật tử, theo tôi, sẽ không thành tội bởi những lý do sau đây:

Thứ nhứt, Phật tử nói với một cái tâm mang nặng ơn sâu khó trả, đó là cái tâm tốt theo nguyên lý đạo đức cội gốc của con người. Nghĩa là ân đền nghĩa trả. Như vậy, không có gì là trái với luân thường đạo lý.

Thứ hai, khi Phật tử nói ra lời đó là với một tâm cảm tự nhiên của một con người, chớ không có ý gì khác. Nghĩa là nói một cách vô tư xuất phát từ đáy lòng của một con người thọ ân sâu nặng. Như vậy, Phật tử cũng không cảm thấy trái với lương tâm.

Thứ ba, y cứ vào luật nhân quả mà xét định, thì một lời nói ra sẽ thành quả nặng, với điều kiện là khi nào lời nói đó có ý thức bất thiện chủ động xen vào sai khiến, bảo cái miệng phải thốt ra lời nói đó, như vậy, thì mới thành nghiệp quả nặng. Ngược lại, lời nói mà không có ác ý chủ định, thì lời nói

đó, theo trong Duy Thức Học gọi là “Duy tác nghiệp”. Nghĩa là một hành động hay lời nói chỉ đơn phương không có sự hợp tác ác độc của ý thức xen vào. Vì vậy, nên cái quả báo rất nhẹ.

Xét qua ba điều nêu trên, thì việc thề nguyện của Phật tử sẽ không thành cái tội làm trâu ngựa như Phật tử đã nói. Trên đây, chúng tôi chỉ y cứ theo lý nhân quả qua nhận định của Duy Thức Học để chia sẻ gọi là góp chút thành ý mà thôi. Còn nếu như Phật tử vẫn còn hoài nghi chưa mấy cảm thông hài lòng, thì Phật tử có thể tìm một bậc cao đức thiện hữu tri thức nào đó, có những lý giải sâu sắc hay hơn, thì Phật tử nên thỉnh ý vị đó khai thông hóa giải chỉ giáo cho. Được thế, tôi hết lòng tán dương tùy hỷ. Còn sự giải đáp của chúng tôi ở đây, chỉ trong phạm vi hiểu biết có giới hạn. Mục đích là để bày tỏ đôi nét vụng về, chỉ xin được chia sẻ góp chút ý kiến bằng tất cả chân tình mộc mạc, tạm gọi là giải bày tâm tình đôi chút để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi. Chỉ có thể thôi. Kính mong Phật tử thông cảm cho.

Chân thành cảm ơn Phật tử và kính chúc Phật tử luôn được bình an hạnh phúc trong nếp sống.

---o0o---

36. Thường chiêm bao thấy người thân, không biết có siêu hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, Người thân con mất đã lâu, nhưng trong giấc ngủ con thường mộng thấy người ấy hiện về. Như vậy, con không biết trường hợp này như thế nào? Người thân con có được siêu thoát hay không?*

Đáp: Vấn đề này chúng tôi không thể trả lời một cách khẳng quyết có hay không được. Lý do là vì chúng tôi không thấy biết làm sao chúng tôi dám nói một cách khẳng quyết. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra một vài điềm mộng đã được ghi chép trong sách sử rồi tùy Phật tử quyết đoán. Có những điềm mộng lại trở thành sự thật. Nhưng trước hết, chúng ta cũng nên biết qua có mấy loại mộng. Nói đến mộng trong nhà Phật có nêu ra ba loại mộng:

1. *Cửu thức tuần du.*
2. *Tứ đại thuyết tăng.*
3. *Thiện ác tiên triệu.*

1. Loại mộng cửu thức tuần du này, là do những kỷ niệm của ký ức hiện khởi. Đây là do những hạt giống mà chúng ta đã huân tập lâu đời hoặc hiện

đòi, mà nó được cất chứa ẩn tàng sâu kín trong kho A lại da thức, nay trong lúc ngủ nó hiện khởi lên tạo thành chiêm bao. Tùy theo sức năng huân của chúng ta mà những hạt giống này nó có cường độ mạnh yếu khác nhau. Có những hạt giống mà ta mới huân vào gây nên một ấn tượng sâu đậm rất mạnh. Do đó, nên nó có thể hiện khởi ngay trong giấc ngủ. Như trường hợp ta nhớ một hình ảnh đặc biệt, hay một phong cảnh đẹp đẽ nào đó mà mình khắc ghi sâu đậm vào trong tâm thức. Những hạt giống này nó nằm trên bề mặt của vô thức nên nó hiện khởi trước.

2. Loại mộng tứ đại thuyên tăng này là do sự bất hòa của tứ đại mà có ra. Như trường hợp ta bị nóng sốt cao độ chẳng hạn. Lúc đó, tinh thần ta bị mê sảng, nên trong giấc ngủ ta thấy nhiều cảnh mộng hung dữ.

3. Loại mộng thiện ác tiên tri này là có những điềm lành hoặc dữ báo trước cho chúng ta biết. Đây thuộc loại mộng mà Phật tử đã thấy nêu ra. Để Phật tử suy nghiệm rõ hơn về loại mộng này, tôi xin nêu ra đây một vài điềm mộng báo trước mà trong sách sử đã ghi lại.

Trường hợp 1. Đọc lịch sử đức Phật Thích Ca, chúng ta thấy sử ghi lại, bà hoàng hậu Ma Gia sau khi phát chẩn cho những kẻ tàn tật cơ hàn, đem lại bà nằm mộng thấy con bạch tượng có sáu ngà từ trên không trung hiện xuống và rồi chui vào hông bên hữu của bà. Sáng ra, bà tâu cho nhà vua biết và nhà vua truyền mời thầy đoán mộng đến đoán. Ông thầy đoán mộng cho biết, sau này hoàng hậu sẽ sanh một hoàng nam tài năng xuất chúng v.v... Nếu thái tử ở đời sẽ làm vị chuyển luân thánh vương và nếu xuất gia tu hành sẽ trở thành một vị Phật. Điềm mộng này đã trở thành một sự thật.

Trường hợp 2. Lịch sử Trung Quốc có ghi lại điềm mộng của vua Hán Minh Đế ở vào thời đại Hậu Hán (Đông Hán) niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba (TL 60). Một hôm nhà vua nằm mộng thấy một người mình vàng, cao một trượng sáu (2m6) trên đỉnh có hào quang chiếu sáng như mặt trời bay đến trước sân điện nhà vua. Sáng ra, nhà vua bèn đem điềm mộng ấy hỏi trong quần thần, khi ấy có ông Thái sư Phó Nghị tâu rằng: Thần nghe bên Tây Vực (Ấn Độ) có vị Thánh hiệu là Phật Đà toàn thân một màu vàng kim sắc, có khi bệ hạ đã thấy Ngài đó chăng...? Chuyện này đã trở thành sự thật và đã được ghi lại trong phần đầu của Kinh Tứ Thập Nhị Chương, do giáo sư Hoàn Quan dịch.

Trường hợp 3. Trong quyển “Những Truyện Cổ Việt Nam mang màu sắc Phật Giáo” do thầy Lê Như Thích Trung Hậu biên soạn, có kể câu chuyện Từ Đạo Hạnh là con trai của Từ Vinh. Ông Từ Vinh bị nhà sư Đại Diên dùng phép thuật đánh Từ Vinh chết. Chuyện ghi lại: “*Cái đêm Từ Vinh chết Từ Đạo Hạnh được cha báo mộng cho biết sự tình và nhắc đi nhắc lại tên*

Đại Diên dặn phải trả thù cho bằng được. Tỉnh dậy, chàng hốt hoảng tìm cha, và chàng xiết bao đau đớn khi thấy thân cha nổi trên mặt nước...” Sau này sư Đại Diên bị Từ Đạo Hạnh đánh chết, đó là chuyện ân oán trả vay với nhau.

Trường hợp 4. Trong quyển Truyện Cổ Phật Giáo tập 4 do Minh Chiêu sưu tập có kể câu chuyện: “Quả cam oan nghiệt”.

... Một người Tàu Quảng Đông, tên Tàu Dư đã bị người bạn tên Phan Phiên giết chết để chiếm đoạt số vàng bạc. Anh này bị chết oan, nên báo mộng cho ông quan tên Tào Công để biết rõ nội vụ. Trong chuyện có đoạn nói về sự báo mộng, trong khi ông quan này đang ngồi đọc sách rồi gục xuống bàn mà ngủ thiếp đi. Và trong giấc ngủ ông mộng thấy như sau: *“Một người Tàu vào đặt ngay thư án một chiếc quả sơn đỏ, rồi vái hai vái mà lui. Công mở quả xem thì thấy một trái cam chín thắm. Công toan cầm cam lên ngửi thì một con quạ bay đến, lấy chân quắp tha đi, Công vội đuổi theo thì vấp ngã... Giật mình tỉnh dậy thì là một giấc chiêm bao...”* Câu chuyện thật đã xảy ra in như trong giấc chiêm bao mà ông quan đó đã thấy. (Muốn biết rõ đầu đuôi câu chuyện nhân quả oan nghiệt khủng khiếp này, xin quý vị tìm đọc Truyện Cổ Phật Giáo tập 4, trang 81).

Những điềm mộng báo trước sự việc xảy ra như thế, chúng tôi thấy còn rất nhiều trong sử sách ghi lại. Đồng thời, chúng tôi cũng đã được nghe nhiều người kể lại, nhưng ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ra bốn trường hợp trên, thiết nghĩ, cũng tạm đủ để chứng minh cho Phật tử thấy biết để xét đoán. Nếu y cứ vào trong kinh nói, thì có những người sau khi chết, qua 49 ngày là tùy nghiệp lành dữ mà thọ sanh vào các loài khác nhau. Có người, vì nghiệp duyên tham trước luyện ái sâu nặng, nên họ không thể siêu thoát về những cảnh giới lành được. Do đó, họ phải đọa lạc vào những loài ma quỷ đi lang thang không nơi nương tựa, mà trong kinh thường gọi là những loại cô hồn đói khát.

Trường hợp như bà Thanh Đề thân mẫu của Tôn giả Mục kiền liên bị đọa vào loài quỷ đói như trong Kinh Vu lan Bồn đã diễn tả. Vì thế, mà chúng ta cần phải tụng kinh làm nhiều việc phước lành để cầu siêu độ cho họ. Dù người mất đã lâu, chúng ta cũng có thể vì họ mà làm mọi việc phước lành và nhất là phải tụng kinh niệm Phật để hồi hướng cầu nguyện cho họ. Có thể, thì hương linh của người mất, nhờ đó mà cũng được thừa hưởng ít phần lợi lạc. Xin Phật tử nên vì mẹ mà cố gắng tu tạo nhiều việc phước lành để thành tâm hồi hướng phước đức đó về cho mẹ mình. Được vậy, thì rất là quý báu, vì cả hai đều được ân triêm lợi lạc vậy.

37. Người vào chùa xuất gia có bất hiếu hay không?

Hỏi: *Thưa thầy, Theo quan niệm của thế gian có nhiều người cho rằng người vào chùa xuất gia là bất hiếu với cha mẹ, bởi vì không phụng dưỡng cho cha mẹ khi người già yếu, bệnh đau. Vậy, xin hỏi trường hợp đó có bất hiếu hay không?*

Đáp: Xin thưa ngay không có gì là bất hiếu cả. Đó là một quan niệm rất sai lầm. Đôi khi vì chưa hiểu rõ hạnh nguyện cao cả của người xuất gia nên họ mới có quan niệm sai lầm đó thôi. Không phải vào chùa xuất gia là cắt đứt mọi quan hệ ân tình với người thân, nhất là đối với ân sâu nghĩa nặng của ông bà cha mẹ. Chẳng qua người xuất gia họ không nặng phần ái kiến như người thế tục.

Sự biểu hiện tình thương của người xuất gia đối với thân nhân ruột thịt của họ có khác hơn người đời. Bởi người đời còn hệ phược vào sự luyến ái rất sâu nặng. Ngược lại, người xuất gia thì vượt lên trên thứ tình cảm hệ lụy thường tình đó. Vì người xuất gia là của chúng sanh, nên họ thể hiện tình thương chan hòa đồng đẳng khắp tất cả. Sự báo hiếu cho cha mẹ của người xuất gia, họ không đặt nặng về phần vật chất, mà chỉ coi nặng về phần tinh thần. Hướng cha mẹ vào con đường tu niệm để được giải thoát. Tuy nhiên, đối với cha mẹ già yếu hay bệnh hoạn, thì người xuất gia cũng phải có bổn phận chăm sóc phụng dưỡng.

Nếu bảo rằng, người xuất gia là bất hiếu với cha mẹ, thì có lẽ đức Phật là người bất hiếu trước tiên. Vì sao? Vì Ngài là người bỏ cha mẹ đi tu xuất gia đầu tiên. Nhưng có phải đức Phật là người bất hiếu hay không? Nếu Ngài thực sự bất hiếu như người đời quan niệm, thì tại sao khắp cả hàng non thiên trên thế gian này đồng xung tán ca tụng quy hướng về Ngài? Chính Ngài sau khi tu hành đắc đạo đã trở về hoàng cung độ vua cha Tịnh Phạn và cả hoàng tộc đều xuất gia tu hành đắc đạo. Khi vua cha băng hà, Ngài còn định khiêng quan tài, nhưng các đệ tử ngăn cản không cho. Và chính Ngài đứng ra lo hết mọi việc trong nghi lễ quốc táng cho vua cha.

Sau ngày thành đạo, Ngài còn lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho Thánh mẫu nghe. Ngài là người luôn tôn trọng và đề cao chữ hiếu. Trong Kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân ghi lại, chính đức Phật đã lay động xương khô bên vệ đường:

Đáo bán lộ đành rành mắt thấy

Núi xương khô bỏ đấy lâu đời

Thế Tôn bèn vội đến nơi

Lạy liền ba lạy rồi rơi lệ hồng...

Thấy thế ngài A Nan là người thị giả theo hầu, thắc mắc tỏ ra rất ái ngại không hiểu vì sao Phật lạy đống xương khô. Phật cho biết, đống xương khô đó chính là lục thân quyến thuộc ông bà cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp, luân hồi sinh tử tử sinh, hoặc thân ta hoặc kẻ ta sanh. Một người đã thể hiện đầy đủ chất liệu tình người cao đẹp như thế, sao dám bảo là người xuất gia bất hiếu ?

Ngoài tấm gương đại chí hiếu của đức Phật ra, đến hàng đệ tử của Ngài, như trường hợp Tôn giả Mục kiền liên, ai dám bảo ngài là người con bất hiếu? Nếu đã bất hiếu, thì tại sao cho đến hôm nay cả nhơn loại đều ca tụng tấm lòng hiếu thảo cao đẹp của Ngài. Và hằng năm, những người con Phật trên khắp năm châu bốn biển đều nhất loạt cử hành đại lễ Vu Lan Thắng Hội vào dịp rằm tháng bảy âm lịch, để cầu nguyện cho cứu huyền thất tổ, thất thế phụ mẫu ông bà cha mẹ nội ngoại tông thân, kẻ còn người mất đều được ân triêm lợi lạc. Đó có phải là noi theo tấm gương hiếu hạnh cao cả của Ngài không ? Thế thì tại sao cho rằng, người xuất gia là những người con bất hiếu với cha mẹ ?

Nói về việc phụng dưỡng cho cha mẹ bệnh hoạn hay già yếu, không phải người xuất gia bỏ phế không lo chăm sóc. Chúng tôi xin dẫn chứng những vị xuất gia tu hành chân chánh, đạo cao đức trọng đã thể hiện trong thâm tình của một người con đối với những bậc cha mẹ sanh thành dưỡng dục như sau:

Đức Lục Tổ Huệ Năng trước khi đến Huỳnh Mai để cầu pháp với Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Ngài đã để lại một số tiền lớn để cấp dưỡng cho mẹ già và nhờ người chăm sóc lo lắng cho mẹ Ngài chu đáo. Tổ Hoàng Nhẫn xây cất nhà cho mẹ ở. Trần Lục Châu dệt vải để nuôi song thân. Lãng pháp sư du học còn công mẹ đi theo. Sách sử ghi lại còn rất nhiều những tấm gương hiếu hạnh trong sáng cao cả tuyệt đẹp như thế. Đó là nêu ra những tấm gương của các bậc Thiên đức thời xưa đã hết lòng cung phụng hiếu dưỡng cho mẹ.

Thời nay, cũng có nhiều vị xuất gia, khi biết cha mẹ già yếu đau ốm, không có người cận kề sớm hôm chăm nom săn sóc, thì đích thân họ lo lắng phụng dưỡng cơm cháo thuốc thang đỡ đàn cho cha mẹ. Như trường hợp bản thân chúng tôi, vì noi gương xưa nên tháng giêng năm Mậu Tý (2008) khi hay tin thân mẫu của chúng tôi đau nặng ở Việt Nam, chúng tôi vội vã mua vé máy bay về ngay để ngày đêm cận kề chăm nom săn sóc cơm cháo thuốc men cho cụ bà. Chăm sóc như thế cho đến khi cụ bà qua đời. Trong lúc cụ bà hấp hối sắp lâm chung, chúng tôi luôn túc trực ở bên cạnh bà để niệm Phật. Bà ra đi một cách rất thanh thản nhẹ nhàng. Đó là điều mà chúng tôi cảm thấy rất

vui mừng. Vì mẹ tôi mất, có mặt tôi bên cạnh để hết lòng trợ duyên niệm Phật cho bà. Nói thế, tuyệt nhiên, chúng tôi không dám có ý khoe khoang, mà chỉ nói lên tấm lòng của những người xuất gia luôn ghi nhớ và báo đáp thâm ân giáo dưỡng của cha mẹ trong muôn một mà thôi. Không phải người xuất gia đi tu là bất hiếu với cha mẹ như người đời lầm tưởng.

Nên biết rằng, dù người xuất gia luôn lấy pháp vị làm vui, nhưng với chữ hiếu các ngài vẫn hằng hoài niệm ân sâu đáp trả. Dù các ngài lìa niệm tưởng ân ái, mà vẫn không quên lễ nghĩa ở đời. Chúng ta báo đáp thâm ân cha mẹ một đời là báo đáp ân sâu trong nhiều kiếp. Độ cha mẹ một đời là báo đáp ân sâu cho cha mẹ trong nhiều đời. Do đó, nên sự báo hiếu của người xuất gia không những hạn cuộc trong thâm tình huyết thống mà còn rộng khắp đến muôn loài. Vì thế, cho chúng ta thấy cái hiếu của người xuất gia thật là cao cả rộng lớn biết là ngàn nào!

---o0o---

38. Thắp ba nén hương có ý nghĩa gì?

Hỏi: Kính thưa thầy, con thường thấy khi hành lễ quý thầy thường thắp ba nén hương để nguyện hương, nhưng con không hiểu thắp ba nén hương đó có ý nghĩa gì? Xin thầy giải đáp cho con rõ.

Đáp: Thật ra, trong nhà Phật thường lấy những con số để tiêu biểu tượng trưng thôi. Kỳ thật nó không có quan trọng cho lắm. Và lại, đã nói là tiêu biểu tượng trưng nên người ta có thể dùng bất cứ con số nào mang ý nghĩa siêu thoát cao đẹp, cũng có thể lấy đó làm tiêu biểu được cả. Như con số tám muôn bốn ngàn pháp môn tu, đó cũng là con số tượng trưng. Pháp môn của Phật nói ra là vô lượng vô biên, chớ đâu phải chỉ có giới hạn con số ngàn ấy. Nói con số đó để đối trị tám muôn bốn ngàn trần lao phiền não. Phiền não làm gì có con số tám muôn bốn ngàn, mà nó là vô tận không thể nào đếm hết được.

Hoặc giả như các loại xâu chuỗi mà quý tăng ni và Phật tử thường đeo, như chuỗi trường 108 hạt, chuỗi tay 18 hạt v.v... tất cả đó cũng chỉ là những con số tượng trưng thôi. Như xâu chuỗi trường 108 là tượng trưng cho thập bát giới (lục căn, lục trần, lục thức) tức 18, rồi đem con số 18 này nhân cho 6 món căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến) thành ra con số 108. Người tu theo pháp môn Tịnh độ, thì chư Tổ dạy phải lấy việc trì danh niệm Phật làm chính yếu. Do đó, nên người ta dùng những xâu chuỗi này để lần từng hạt làm đơn vị mà niệm Phật.

Mục đích của sự niệm Phật là để dứt trừ phiền não. Mà phiền não có ra là do sự tiếp xúc của căn, trần và thức, rồi kèm theo sự hợp tác làm việc chặt chẽ của 6 món căn bản phiền não. Do đó, mà chúng sanh tạo nghiệp thọ khổ luân chuyển nổi trôi mãi trong tam đồ lục đạo. Muốn dứt trừ những thứ phiền não đó, thì chúng ta phải thu nhiếp sáu căn không cho tiếp xúc với sáu trần. Căn và trần không tiếp xúc với nhau, thì thức cũng không do đâu mà phân biệt. Đồng thời, khi đó, chúng ta phải hết lòng tập trung chú tâm vào câu hiệu Phật. Không để tâm suy nghĩ bất cứ chuyện gì khác. Nhờ đó, mà tâm ta được an định. Tâm An định tức là không có phiền não, mà phiền não không có, thì ngay đó là ta đã được an lạc giải thoát rồi.

Nói thế, để Phật tử thấy rằng, tất cả đều là những con số mang ý nghĩa tiêu biểu tượng trưng thôi. Cũng vậy, thường người ta chỉ thắp một nén hay ba nén hương, chớ người ta không thắp 2 nén hoặc 4 nén, tức là những con số chẵn.. Lý do tại sao? Vì người ta cho rằng con số lẻ là con số âm và số chẵn là số dương. Vì thế khi thắp hương cúng vái cho người mất, thì người ta chỉ thắp 1 cây hoặc 3 cây, chớ không ai thắp 2 cây hoặc 4 cây bao giờ.

Đó là lý do mà Phật tử thắc mắc đã hỏi. Riêng trong Phật giáo, với con số 3 này, thú thật, tôi chưa thấy kinh sách nào giải thích rõ ràng. Đã nói là tượng trưng, thì ai cũng có thể nêu ra con số để tượng trưng được cả. Tuy nhiên, con số nào mà chúng ta thấy mang ý nghĩa tiêu biểu tượng trưng sâu sắc nhất thì chúng ta có thể lấy con số đó để làm tiêu biểu. Theo chúng tôi, thì lấy con số “*Tam vô lậu học*” để tượng trưng thì có lẽ hợp lý xác đáng hơn. Vì đây là ba môn học rất hệ trọng trong giáo lý đạo Phật.

Có thể nói, toàn bộ hệ thống giáo điển của Phật giáo đều được xây dựng trên ba môn học giải thoát này. Rồi ba môn học này ra, thì không còn là giáo điển của Phật giáo nữa. Lại nữa, khi niệm bài dâng hương, thì người ta thường niệm “Ngũ phân pháp thân hương” mà mở đầu là “Giới hương, Định hương và Huệ hương”, rồi mới Giải thoát, Giải thoát tri kiến hương. Như vậy, vẫn lấy Tam vô lậu học đứng đầu. Chúng tôi thiết nghĩ, có lẽ vì xét thấy tầm mức quan trọng của ba môn học đó như thế, nên người xưa mới lấy con số 3 đó, để làm tiêu biểu khi dâng lên ba nén hương để cúng Phật vậy.

---o0o---

39. Làm sao niệm Phật để được nhứt tâm bất loạn?

Hỏi: Kính thưa thầy, xin thầy hoan hỷ chỉ cho con niệm Phật cách nào chóng được nhứt tâm bất loạn.

Đáp: Vấn đề này, các kinh điển chuyên thuyết minh về giáo nghĩa Tịnh độ đã chỉ dạy cho chúng ta một cách rất rõ ràng. Nhất là Kinh A Di Đà, đức Phật dạy rất rõ về phương pháp trì danh niệm Phật. Chỉ có phương pháp này rất dễ dàng để chúng ta chuyên tâm hành trì mà thôi. Tuy nhiên, phương pháp thì đã có sẵn, nhưng điều quan yếu là chúng ta phải hành trì cho đúng pháp. Có hành trì đúng pháp thì mới đạt được kết quả cao.

Phật tử nên biết, sự tu hành điều cần yếu là chúng ta phải vững tâm bền chí. Ai tu hành cũng muốn cho mình chóng đạt được kết quả nhanh. Chính cái mong muốn đó, đôi khi trở thành tai hại. Người xưa nói: *“dục tốc bất đạt”*. Nghĩa là muốn mau không bằng chậm. Đi từng bước thì vững chắc hơn. Chạy nhanh quá coi chừng bị vấp ngã té nặng. Vì mong muốn cho mau, nên người tu cần phải đốt giai đoạn. Phải tu cho gấp để chóng được kết quả. Tâm trạng này, khác nào như người trồng cây, vừa gieo hạt xuống đất là muốn có trái cây ăn liền. Không cần phải chờ đợi thời gian. Phật tử thấy điều đó là hữu lý hay vô lý? Thật là quá vô lý! Bởi vậy mà có nhiều người vì nôn nóng gấp gáp quá, nên dễ bị tẩu hỏa nhập ma. Và cũng dễ đi lạc vào con đường tà ngoại. Thật là đáng thương xót biết bao!

Như Phật tử đã biết, yếu lý của sự niệm Phật là diệt trừ phiền não. Khi Phật tử tha thiết nhiếp tâm vào câu hiệu Phật, niệm từng chữ từng câu cho thật rành rẽ rõ ràng, tâm không phóng nghĩ chuyện gì khác ngoài câu hiệu Phật. Như vậy, ngay trong giây phút đó Phật tử đã được *“Sự nhứt tâm”* rồi. Song rất tiếc, là chỉ nhứt tâm được trong một giây phút thôi. Chớ nếu được kéo dài như vậy, thì Phật tử đã thực sự an lạc giải thoát rồi. Và chính ngay cõi Ta bà này đã trở thành cõi Cực lạc. Vì trong giây phút đó, phiền não không có dây khởi. Mà không có phiền não, tức là Niết bàn. Vì không có nước đục, thì nước trong hiện ra. Mây mù tan, thì vàng trắng sáng hiện. Tuy nhiên, nếu xét cho kỹ, thì đây mới chỉ không có niệm thô thôi, còn niệm vi tế, thì vẫn còn. Vì vậy, nên nói là Sự nhứt tâm. Bao giờ dứt hết những niệm sinh diệt vi tế nữa, thì bấy giờ Phật tử mới đạt được *“Lý Nhứt tâm bất loạn”*.

Khi đó, chỉ có một tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện tiền, không còn một vọng niệm nào hết, dù là một niệm rất vi tế cũng không có. Giống như tấm gương Phật tử đã lau sạch bụi. Trên tấm gương đó không còn một hạt bụi li ti nhỏ nhiệm nào hết. Được vậy, mới thực sự gọi là chánh định. Như thế Phật tử thấy khó hay dễ? Khó thì cũng thật khó, nhưng dễ thì cũng thật dễ.

Nói khó là vì chúng ta quen sống theo những tập khí. Chúng ta cứ để cho tâm ta tha hồ buông lung duyên theo trần cảnh, không lúc nào dừng nghỉ. Chính vì thế mà cõi lòng ta lúc nào cũng cảm thấy bất an. Đầu óc ta luôn quay cuồng theo những tính toán lo âu sợ hãi giống như cái máy. Bởi thế,

nên có nhiều người bị căng thẳng bức xúc quá độ, thét rồi gây nên tình trạng bệnh loạn tâm thần. Do đó, phương pháp niệm Phật, Phật dạy với mục đích là để chúng ta khôi phục lại nguồn năng lượng chánh niệm của chúng ta.

Bản chất của tâm thức vốn không có loạn động. Nhưng vì một niệm bất giác mê lầm dấy khởi, chúng ta liền theo nó, rồi thể hiện ra bằng lời nói hoặc hành động bất thiện. Từ đó, chúng ta mới thọ nhiều quả báo khổ đau. Đó là cái kết quả, bởi do chúng ta không nhận diện chuyển hóa được vọng niệm kịp thời. Muốn dứt trừ vọng niệm, nên Phật dạy chúng ta phải chuyên cần niệm Phật. Vì niệm Phật có công năng chặn đứng mọi thứ vọng tưởng điên đảo. Nếu chúng ta chịu khó gia công nỗ lực bền bỉ niệm Phật, và phải niệm một cách tha thiết chí thành, thì những vọng tưởng phiền não sẽ mòn dần không còn. Mà phiền não không còn, thì bấy giờ Phật tử sẽ đạt được Nhứt tâm bất loạn rồi. Theo tôi, chỉ có một phương pháp duy nhứt đó thôi, ngoài ra không còn cách nào khác.

Tóm lại, Phật tử muốn chóng được nhứt tâm bất loạn, thì Phật Tử dạy phải ứng dụng pháp trì danh niệm Phật. Phải giữ chặt câu hiệu Phật trong tâm. Đi, đứng, nằm, ngồi tới lui động tịnh đều phải hằng niệm Phật. Được vậy, mới thực sự gọi là chấp trì danh hiệu Phật. Nhờ chí thành tha thiết niệm Phật như thế, thì chắc chắn sớm hay muộn gì Phật tử cũng sẽ đạt thành sở nguyện thôi. Kính chúc Phật tử bền tâm niệm Phật và chóng thành tựu như ý nguyện.

---o0o---

40. Trong lúc sắp lâm chung không giữ được chánh niệm có được vãng sanh không?

Hỏi: *Thưa thầy, con thường niệm Phật hằng ngày, nhưng trong lúc hấp hối sắp lâm chung mà con không giữ được chánh niệm. Như vậy, khi chết con có được vãng sanh hay không?*

Đáp: Việc giữ được chánh niệm trong giờ phút sắp lâm chung, thật không phải là chuyện dễ dàng như Phật tử nghĩ. Đối với căn tánh nghiệp lực sâu nặng của chúng ta hiện nay, thật khó mà giữ được chánh niệm? Chỉ trừ những bậc có được định lực vững vàng, xem cái chết như trò chơi, thì mới giữ được chánh niệm khi lìa đời. Ngoài ra, thật khó có ai giữ được như thế. Nếu là người bệnh nặng trước khi chết, cơ thể của họ bị đau nhức rã rời không còn nhớ niệm Phật. Vì vậy, chúng ta rất cần những người hộ niệm. Trong giờ phút này, việc hộ niệm cho người bệnh sắp chết thật là tối thiết yếu. Giả như chúng ta không giữ được chánh niệm, nhưng nhờ sự thức nhắc

niệm Phật của các bạn đồng tu, cũng là một trợ duyên rất tốt cho chúng ta quyết được vãng sanh.

Theo lời Phật Tổ dạy, nếu như hằng ngày Phật tử chuyên cần niệm Phật, đến lúc hấp hối sắp lâm chung dù không giữ được chánh niệm, thì Phật tử cũng sẽ được vãng sanh. Vì sao? Vì còn có phần tha lực nhiếp hộ tiếp dẫn của đức Phật A Di Đà. Hằng ngày, Phật tử đã chí thành niệm Phật và có lòng tín nguyện cầu vãng sanh, chả lẽ trong giờ phút sắp lâm chung vì không giữ được chánh niệm mà đức Từ Phụ Di Đà không tiếp rước Phật tử sao? Nếu như vậy, thì trái với bản nguyện của đức Phật rồi. Thế thì, Phật tử đừng có lo sợ nghi ngờ mình không được vãng sanh. Chính cái niệm nghi ngờ đó, nó sẽ làm trở ngại cho việc vãng sanh của Phật tử rất lớn. Điều quan yếu là Phật tử nên cố gắng ngày đêm chuyên cần niệm Phật. Phật tử hãy chuẩn bị tư lương hành trang cho mình khá vững chắc hơn. Trong ba món tư lương, thì hai điều kiện để bảo đảm được vãng sanh về Cực lạc, đó là Tín và Nguyện. Còn sự thật hành, đó là đánh giá ở nơi phẩm vị cao thấp. Phật tử nên xem kỹ lại những câu hỏi trước, tôi đã có trình bày qua về vấn đề này.

Tôi thành thật khuyên Phật tử, sau mỗi thời niệm Phật hoặc giả làm được điều lành gì, thì Phật tử nên nguyện hồi hướng trang nghiêm Tịnh độ. Phật tử nên cố gắng tập tu hạnh hỷ xả, đừng có chấp bất cứ việc gì. Đồng thời, Phật tử nên sanh tâm yếm ly cõi đời đầy đau khổ trần ai hệ lụy này mà hân mộ về cõi Cực lạc. Nhờ tập buông xả, thì tâm Phật tử mới dần dần nhẹ bớt gánh nặng phiền não. Do đó, mà sự niệm Phật của Phật tử sẽ dễ được an định hơn.

Phật tử nên noi gương hạnh của bà Bá Bất Quản, trăm việc chẳng lo, buông bỏ tất cả. Bà chỉ một lòng niệm Phật, không màng đến việc đời phải trái hơn thua danh lợi khen chê. Nhờ vậy, mà kết quả là bà biết trước được ngày giờ vãng sanh. Trước khi vãng sanh, bà đến từ giả Hòa Thượng Đạo Nguyên, một bậc chân tu mà bà rất kính trọng. Vì Hòa Thượng chỉ dạy cho bà phương cách niệm Phật. Sau đó bà đi từ giả mọi người trong thân bằng quyến thuộc và bạn bè. Từ giả xong, bà lặng lẽ ngồi yên mà thoát hóa vãng sanh về cõi Phật. Thật là nhẹ nhàng an thoát biết bao!

Phật tử nên nhớ rằng, xưa kia ông Trương Thiện Hòa hằng ngày chuyên sát hại sinh vật trâu bò để bán, thế mà trước giờ phút sắp lâm chung, tướng địa ngục hiện ra, ông hốt hoảng chí thành niệm Phật. Nhờ đó mà ông cũng được vãng sanh thay, huống chi nay Phật tử biết lo tu hành ăn chay, giữ giới, niệm Phật hằng ngày mà không được vãng sanh hay sao? Điều quan yếu là Phật tử nên có tín nguyện sâu vào pháp môn niệm Phật mẫu nhiệm. Và Phật tử cố gắng tập buông bỏ mọi việc đừng đam mê chấp trước luyến ái duyên trần.

Bởi càng luyện ái chỉ thêm ràng buộc chớ thực sự không có lợi lạc gì ! Kính chúc Phật tử sẽ chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

41. Vấn đề xả tang theo ý muốn?

Hỏi: *Kính thưa thầy, chúng con thường đi hộ niệm thấy có nhiều trường hợp con cháu của người mất, sau khi chôn cất hoặc hỏa táng xong, thì họ muốn xả tang ngay. Vì họ cho rằng để tang sẽ không được may mắn. Như vậy, thì mình có nên xả tang theo ý muốn của họ hay không?*

Đáp: Theo tôi, nếu họ muốn xả tang ngay thì mình cứ xả tang cho họ không có gì trở ngại. Thật ra vấn đề cư tang, phải nói rõ, đây không phải là tục lệ của Phật giáo bày ra. Tục lệ này bắt nguồn từ người Trung Hoa. Vì người Trung Hoa đã có mặt lâu đời trên đất nước Việt Nam. Căn cứ theo sử liệu cho biết, thì họ đã xâm chiếm và cai trị đất nước Việt Nam ta trải dài có cả một ngàn năm. Thường người ta hay gọi là một ngàn năm Bắc thuộc. Do đó, nên những phong tục tập quán lễ nghi của họ, tất nhiên, là người mình đã chịu ảnh hưởng rất sâu đậm. Hơn nữa, trong thời kỳ Tam giáo đồng nguyên: Nho, Phật và Lão, cả ba nguồn văn hóa này đều có sự sinh hoạt trộn lẫn hòa quyện với nhau một cách rất chặt chẽ khăng khít.

Vì thế, nên việc cư tang đây là theo tập tục văn hóa của Nho giáo. Theo Nho giáo chủ trương, thì con người phải lấy việc hiếu thảo làm đầu. “Thiên kinh vạn quyển hiếu nghĩa vi tiên”. Nghĩa là ngàn quyển kinh hay vạn quyển sách đều phải lấy việc hiếu nghĩa làm trước. Cho nên, người ta cư tang với mục đích là để bày tỏ nỗi lòng hiếu thảo của những người còn sống đối với người đã chết. Vì họ quan niệm “sự tử như sự sanh”. Nghĩa là lúc còn sống đối xử với nhau như thế nào, thì khi chết cũng phải đối xử như thế ấy. Xét thấy, việc chủ trương lấy đạo hiếu làm nền xây dựng đạo đức nhân bản, nó rất phù hợp với nền văn hóa của dân ta. Nên từ đó, người mình mới bắt chước làm theo. Và cũng từ đó, nó trở thành một phong tục tập quán lâu đời và truyền mãi cho đến hôm nay. Phải nói, vấn đề cư tang, với thâm ý là người ta muốn biểu lộ tấm lòng chân thành của người còn sống, hằng nhớ đến thâm ân của người đã khuất. Nhưng việc cư tang này, hiện nay, người ta không còn giữ đúng như tục lệ ngày xưa nữa.

Xưa kia, con cháu phải để tang cho ông bà cha mẹ thời gian ít nhất là phải hai năm. Nghĩa là phải qua cái lễ giỗ đại tường, thì con cháu mới được xả tang. Và trong thời gian cư tang này, con cháu không được cưới hỏi, vì người ta cho rằng đó là điều không tốt. Cho nên, đối với người đang cư tang,

họ kiêng cử đủ thứ. Ngày nay, vì công việc làm ăn, học hành thi cử, hoặc cưới hỏi, hơn nữa phần lớn ảnh hưởng theo nếp sống của người Tây phương, nên vấn đề cư tang không trở nên gò bó theo tục lệ xưa. Phần nhiều là sau 49 ngày, tức xong cái lễ chung thất, thì người ta xin xả tang. Không có ai chịu cư tang cho qua cái lễ giỗ đầu. Có người còn xin xả tang liền, sau khi mai táng hoặc hỏa táng xong. Lý do là vì họ coi việc để tang là một việc không mấy may mắn trong những việc như: cưới hỏi, thi cử, khai trương cửa tiệm, hoặc đi làm ăn ở phương xa v.v...

Do đó, tục lệ cư tang tùy theo thời đại mà nó có sự thay đổi. Vì thế, tùy theo yêu cầu ý muốn của tang quyến mà chúng ta làm theo, thiết nghĩ, cũng không có gì là lỗi đạo sai trái. Vấn đề thời gian ngắn hay dài, lâu hay mau không thành vấn đề nữa. Thật ra hiếu thảo hay không là ở nơi lòng người. Còn tang chế, cũng như các hình thức lễ nghi khác, tất cả chỉ là biểu lộ cho tấm lòng của con người mà thôi. Điều quan trọng là việc hành xử của con người có theo đúng lễ giáo đạo đức hay không. Đó mới là điều quan trọng đáng nói. Có nhiều khi, ông bà cha mẹ mới chết, mà con cháu lại tranh chấp đấu đá tranh giành hơn thua với nhau, hoặc giả sát sanh hại vật cúng tế linh đình. Việc làm đó chỉ làm khổ cho người mới chết mà thôi, chớ không có ích lợi chi cả!

Nếu là người Phật tử thì chúng ta nên cẩn thận việc làm này. Chúng ta phải hết lòng giúp cho hương linh của người mất chóng được siêu thoát. Việc cúng kiếng ta nên hạn chế tối đa, chỉ làm theo lễ nghi đơn giản theo lời Phật dạy mà thôi. Nhất là không được sát sanh hại vật để cúng tế linh đình cho người mất. Vì như thế, người mất sẽ mang trọng tội khó mà siêu thoát vậy.

Tóm lại, chúng ta cứ làm theo ý muốn của họ, muốn xả tang lúc nào cũng được. Theo tôi, việc làm này không có gì là chống trái hay có lỗi với người quá cố cả.

---o0o---

42. Sự báo hiếu giữa Kinh Vu Lan và Kinh Địa Tạng khác nhau như thế nào?

Hỏi: *Xin thầy hoan hỷ cho biết sự khác biệt qua hai hình ảnh của hai người con báo hiếu cho mẹ ở trong Kinh Vu Lan và Kinh Địa Tạng khác nhau như thế nào?*

Đáp: Trong Kinh Địa Tạng, có nêu ra hai hình ảnh của hai người con báo hiếu cứu mẹ. Một là, ở phẩm thứ nhứt, tiết mục 5, nói về Bà la môn nữ cứu

mẹ. Hai là, ở phẩm thứ tư, tiết mục 4, nói về Quang Mục cứu mẹ. Nhưng trong câu hỏi của Phật tử, Phật tử không có nêu rõ là người con nào ở trong Kinh Địa Tạng, Bà La Môn Nữ hay là Quang Mục ? Vì không nêu rõ, nên ở đây, tôi xin nêu ra hiệu tử Quang Mục, để tạm so sánh sự dị đồng giữa hai người con như Phật tử đã hỏi.

Nếu xét trên tinh thần và mục đích báo hiếu giữa hai người con, nhằm hướng đến cứu thoát mẹ mình khỏi tội để được giải thoát, thì ta thấy cả hai đều giống nhau. Tuy nhiên, nếu luận về chi tiết qua thời gian, không gian và hoàn cảnh, nhân vật, phát nguyện, phương pháp hành sự, và người chịu khổ v.v... thì ta thấy có những điểm khác nhau.

1. Xét về thời gian, và hoàn cảnh, ta thấy có sự khác biệt. Thời gian, và hoàn cảnh của nàng Quang Mục trong kinh Địa Tạng nói, so với thời gian, và hoàn cảnh của Tôn giả Mục kiên liên, trong Kinh Vu lan nói, thì khác biệt rất xa. Chuyện của Quang Mục cứu mẹ là việc xảy ra trong vô lượng kiếp về quá khứ, thời của một vị Phật hiệu là Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai. Đó là chuyện xảy ra quá xa xưa và chỉ là một chuyện truyền thuyết, chớ không phải là chuyện xảy ra trong lịch sử. Ngược lại, chuyện của Tôn giả Mục kiên liên cứu mẹ là việc xảy ra trong thời kỳ đức Phật Thích Ca còn tại thế. Đó là câu chuyện có thật trong lịch sử loài người.

2. Xét về nhân vật cũng có sự khác biệt. Quang Mục là một nhân vật người nữ không có trong lịch sử hiện thực. Đó chỉ là tiền thân của Bồ tát Địa Tạng. Còn Tôn giả Mục kiên liên là một nhân vật lịch sử có thật. Có quá trình xuất gia tu học và đắc quả, được sử liệu ghi chép rõ ràng. Và Ngài đã được chọn loại thừa nhận là một nhân vật lịch sử trong thời đại đức Phật Thích Ca. Và Ngài do công phu tu hành mà có được thần thông đệ nhất. Chính Ngài dùng huệ nhãn thấy rõ sự đọa lạc thọ khổ của mẹ Ngài. Còn nàng Quang Mục phải dâng phẩm vật cúng dường và nhờ đến vị La Hán chỉ bảo mới biết mẹ mình thọ khổ.

3. Xét về phương pháp hành sự cứu mẹ thoát khỏi tội khổ, thì giữa hai người cũng khác nhau. Ngài Mục kiên liên thì dâng theo lời dạy của Phật, đích thân Ngài thỉnh Phật và chúng Tăng, sắm sanh phẩm vật thiết lễ cúng dường trai tăng để cầu nguyện cho mẫu thân của Ngài. Ngài tổ chức một buổi đại lễ trai tăng rất trang nghiêm trọng thể vào ngày lễ Tự tứ mãn hạ của chư Tăng. Ngược lại, nàng Quang Mục thì vâng theo lời dạy của vị La Hán vẽ đắp hình tượng của đức Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai và khóc than chiêm ngưỡng tượng Phật để cầu nguyện. Sau đó, nàng chiêm bao thấy Phật chỉ bảo cho biết là thân mẫu của nàng sẽ thác sanh vào trong nhà của nàng. Quả nhiên, người tớ gái trong nhà sanh ra một đứa con trai, chưa đầy ba tuổi đã

biết nói. Đứa trẻ đó chính là bà mẹ của Quang Mục. Bà mẹ cho biết, năm 13 tuổi sẽ chết và đọa vào địa ngục. Biết rõ đó là mẹ mình, nên Quang Mục vì cứu mẹ mà phát đại nguyện là sẽ cứu các tội khổ chúng sanh ở trong địa ngục. Như thế, phương pháp và hành sự cũng như bản nguyện cứu mẹ giữa hai người có khác nhau.

4. Nhân vật thọ khổ xét về nguyên nhân tạo nghiệp ác thì có phần giống nhau. Nhưng cách thọ khổ cũng như sự tái sinh giữa hai người có khác nhau. Bà Thanh đê do lòng tham lam bòn xén gây tạo nghiệp ác mà đọa làm thân ngựa quý. Đói khát đau khổ trăm bề. Trong khi đó, bà mẹ của Quang Mục vì tội sát sanh hại vật quá nhiều, ăn các loài cá trạnh, mà phải bị đọa vào địa ngục vô gián. Sau khi mãn kiếp địa ngục thác sanh vào trong nhà làm con của một người tứ gái. Còn bà Thanh Đê nhờ thần lực chú nguyện của Phật và Thánh Tăng mà đánh động được lương tâm của bà. Nhờ bà ăn năn cải hối chuyển đổi tâm ý mà được thoát khỏi sanh lên cõi trời hưởng phước báo. Ngài Mục kiên liên thì không có phát đại thệ nguyện như Quang Mục. Nhờ sự phát nguyện của Quang Mục, mà đức Phật Thanh Tịnh Liên Hoa cho biết là sau 13 tuổi bà mẹ sẽ chết và tái sanh làm người Phạm Chí sống lâu trăm tuổi. Sau đó, sẽ sanh về cõi nước Vô Ưu sống lâu không thể tính kể. Như vậy, việc hướng đến môi trường tái sanh của hai người cũng khác nhau.

Tóm lại, mục đích báo hiếu giữa hai người con cứu thoát mẹ mình, trên căn bản thì giống nhau. Cả hai đều đạt được mục đích và biểu lộ với tất cả tấm lòng của một người con chí hiếu, dù bản nguyện, cách thức, việc làm và đối tượng cầu nguyện có phần khác nhau.

---o0o---

43. Dùng hoa quả giả chưng cúng Phật có lỗi không?

Hỏi: *Thưa thầy, nếu con dùng nhang điện, hoa trái giả để chưng trên bàn thờ cúng Phật, như vậy có mất đi vẻ trang nghiêm, bất kính với Phật không? Và như thế có lỗi không?*

Đáp: Như ở câu hỏi số 33 trên, chúng tôi có thưa qua về việc cúng Phật bằng những hình thức lễ nghi phẩm vật, mục đích là nhằm biểu lộ tấm lòng thành kính của chúng ta. Tuy đó là hình thức lễ nghi bề ngoài, nhưng chúng ta cũng phải giữ gìn cho trang nghiêm tinh khiết. Thật ra, nếu chúng ta chưng bày thiết cúng bằng nhang điện hay hoa quả giả, nếu so với phẩm vật tươi, thì nó kém đi phần trang nhã tươi mát và xinh lịch hơn. Tuy nhiên, vấn đề này còn tùy thuộc vào tâm nguyện, hiểu biết, sở thích, khung cảnh không gian và hoàn cảnh của mỗi người. Bất kính hay là có lỗi không, thì hoàn toàn

ở nơi cõi lòng của Phật tử, chớ không phải ở nơi đồ vật. Phật tử nên tự hỏi lại cõi lòng của Phật tử. Nếu như Phật tử dâng cúng những phẩm vật sang trọng, đẹp đẽ, giá trị, tinh khiết, mà Phật tử không có lòng chí thành trong khi dâng cúng, thì đó mới là mất trang nghiêm, bất kính và có lỗi. Không phải Phật tử có lỗi với Phật, vì Phật có bao giờ bắt lỗi Phật tử đâu, nhưng chính Phật tử có lỗi với lương tâm của Phật tử. Thế nên, làm bất cứ điều gì, cần nhứt là ở nơi tâm thành. Người xưa nói: “chí thành thông thánh” là vậy.

Xưa kia, thời Phật còn tại thế, có một bà già đi ăn xin, bà nhịn ăn trong ngày để dành tiền mua dầu cúng Phật. Cúng xong, tất cả những cây đèn của vua chúa, trưởng giả, những nhà quý phái giàu có sang trọng, tất cả những ngọn đèn đó, Ngài Mục Kiền Liên đều quạt tắt hết. Chỉ có ngọn đèn của bà già ăn xin kia, Ngài quạt hoài không tắt. Thậm chí Ngài dùng đến thần thông quạt mà nó cũng không tắt. Thấy thế, Ngài bạch trình với Phật. Phật nói, ngọn đèn đó là của một bà già ăn xin. Thay vì bà dùng đồng tiền xin được để mua thức ăn, nhưng bà lại nhịn đói để mua dầu cúng dường. Do lòng chí thành tha thiết đó, nên kết quả bà mới được công đức vô lượng tốt đẹp như thế.

Hiện chúng ta đang sống trong thời đại khoa học kỹ thuật điện tử, nên thường người ta trần thiết trang trí bày biện những vật dụng để cúng Phật, phần nhiều là bằng những loại mang tính chất điện tử cả. Như đèn, nhang, hào quang v.v... mọi thứ đều được thiết trí bằng những hình thức giả tạo.

Điều này, nếu xét trên phương diện hình thức, ta thấy cũng rất trang nghiêm và đồng thời cũng giữ cho môi trường sinh hoạt được tinh khiết trong lành. Đây cũng là điều rất quan trọng để bảo vệ cho sức khỏe của mọi người. Thường trong nhà, nếu ta thắp nhang đèn, thì lượng khói của nó sẽ lan tỏa ra khắp không gian làm cho chúng ta bị choáng ngợp rất là khó thở. Lý do, là vì khung cảnh không gian trong nhà quá chật hẹp. Do đó, mà mùi khói khó có lối thoát. Hơn nữa, có nhiều người dễ bị dị ứng mùi khói nhang. Theo các nhà khoa học cho biết, mùi khói nhang cũng dễ gây ra cho người ta bị bệnh. Do đó, ngay cả trong chùa, chư Tăng Ni cũng vẫn thường sử dụng thiết trí các loại nhang đèn bằng điện. Ngoại trừ những buổi lễ quan trọng, thì người ta mới thắp nhang thiệt và tôi đa chỉ có 3 cây thoi.

Có nơi, sau khi nguyện hương xong, người ta đem cắm nhang ở một nơi khác, chớ không có cắm vào cái lư hương trên bàn thờ Phật ở chánh điện. Vì để tránh mùi khói nhang gây ra làm cho mọi người khó chịu. Tuy nhiên, vấn đề này, vào những ngày đại lễ quan trọng ở trong chùa, đối với người Phật tử thì có khác. Cần nói thêm, theo lệ thường ở Việt Nam, mỗi khi người Phật tử đến chùa lễ Phật, trước tiên là họ thắp hương đem cắm vào các bàn thờ

Phật và nhất là các bàn thờ vong. Rồi sau đó họ mới đến bàn thờ chánh để lạy Phật.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được mạng phép góp chút thành ý trong vấn đề thắp hương của người Phật tử chúng ta. Theo phong tục của người Á Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng, vào ngày đầu năm Tết Nguyên đán, nhất là tối đêm giao thừa, chúng ta thấy trong chùa chỗ nào cũng đầy mùi khói nhang bay nghi ngút mịt mù. Phần thì số lượng người quá đông đảo, phần thì hít thở hưởng mùi khói nhang ai nấy đều muốn nghẹt thở. Vẫn biết, đây là một phong tục cổ truyền lâu đời khó bỏ, nhưng nếu mạnh ai nấy thắp, nhất là những người Hoa, họ thắp rất nhiều nhang. Thế thì, bảo sao không gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường chung quanh cho được? Và nhất là rất có hại cho sức khỏe của con người. Dĩ nhiên, trong đó cũng có họ nữa.

Tuy biết đây là phong tục, nhưng nếu chúng ta xét thấy, điều gì bất lợi không còn phù hợp vệ sinh cho môi trường sống nữa, thì chúng ta cũng nên suy xét mà cải thiện giảm bớt đi. Chúng ta không nên quá câu nệ cố chấp vào hình thức mà gây nên tai hại chung cho tập thể. Nếu chúng ta chưa có thể bỏ hẳn được, thì chúng tôi xin đề nghị là nên giảm bớt. Giảm bớt như thế nào? Giả như, có nhiều thành viên trong một gia đình cùng đi chùa lễ Phật, thì chỉ một người đại diện thắp một cây nhang là đủ. Còn những người khác thành tâm chấp tay khẩn nguyện, xong rồi, mọi người đồng lạy Phật. Còn nếu là cá nhân không phải chung trong gia đình, thì mỗi người chỉ nên thắp một cây nhang thôi, không nên thắp nhiều quá.

Xin thưa, việc cầu nguyện là do ở nơi lòng thành của chúng ta, chớ không phải ở nơi thắp nhang nhiều hay ít. Không phải thắp nhiều chư Phật mới chứng minh, còn thắp ít thì chư Phật không ngó tới. Có người sợ thắp ít nhang quá, thì Phật không chứng minh cho lời cầu nguyện của mình. Đó là một quan niệm rất sai lầm, thật quá mê tín, ta cần nên bỏ. Người Phật tử chúng ta nên ý thức và hiểu rõ điều đó. Nếu mỗi người ý thức giảm bớt tối thiểu, thì quả đó là chúng ta tiếp tay đóng góp vào việc bảo vệ môi trường, và tạo nên bầu không khí trong lành để mọi người cùng chung cộng hưởng.

Tóm lại, việc làm của Phật tử, theo tôi, thì không có gì là mất trang nghiêm, bất kính hay có lỗi cả. Có lỗi hay không là ở nơi tâm ý, thái độ, và việc làm của chúng ta. Điều quan trọng là ở nơi tâm lòng thành kính của Phật Tử. Tổ Ấn Quang thường dạy, có một phần cung kính là có thêm một phần phước đức. Tuy nhiên, tôi xin đề nghị với Phật tử là ngày thường thì Phật tử có thể chung bày như thế được, nhưng đến những ngày sóc vọng rằm hay ba mươi (nếu tháng thiếu là 29), Phật tử nên mua hoa quả tươi cúng Phật thì hay hơn.

Hình thức tuy cũng rất cần, nhưng tùy hoàn cảnh mà chúng ta khéo léo linh động cho phù hợp với môi trường và hoàn cảnh nếp sống của chúng ta. Kính chúc Phật tử vui sống trong an lành và hạnh phúc.

---o0o---

44. Vì bảo vệ đàn chim đuổi con mèo có lỗi không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, có một hôm con đang cúng thí thực gạo muối, xong rồi rải cho chim ăn, bỗng có một con mèo hoang gầy ốm nhảy đến chụp đàn chim, liền đó con đuổi con mèo chạy đi nơi khác, để đàn chim được tự nhiên ăn. Hành động đó của con, không biết con có lỗi với con mèo không?*

Đáp: Nếu bảo có lỗi với con mèo không, theo tôi, thì hành động đó dĩ nhiên là có lỗi rồi. Lỗi ở chỗ là tình thương của Phật tử còn thiên vị không công bằng. Như Phật tử nói, con mèo đó lại là con mèo hoang gầy ốm nữa. Như thế, chúng tỏ trong những ngày qua, nó rất là đói khát đau khổ. Thật là đáng thương xót! Nó không có thức ăn. Nó rất cần đến thức ăn của chúng ta ban cho. Nay nó thấy Phật tử rải thức ăn, nó không cần biết thức ăn đó là gì, cho nên nó mới nhảy vô tranh giành với đàn chim. Đó là bản năng sinh tồn của nó. Nhưng khi nó đến giành ăn với đàn chim, thì bị Phật tử nhần tâm lại đuổi nó đi. Hành động đó, theo tôi, thì Phật tử có hơi tàn nhẫn. Bởi sự giành ăn giữa các loài thú vật với nhau, đó cũng chỉ là bản năng bảo vệ mạng sống rất thường tình của chúng mà thôi. Nói rõ ra, đó là nghiệp quả của chúng.

Nếu chúng ta cho sự giành ăn của con mèo, là ý mạnh hiếp yếu, thì Phật tử thử xét lại xem, hành động của loài người chúng ta có ý mạnh hiếp yếu hay không? Chúng ta có tranh giành cấu xé sát hại lẫn nhau không? Chúng ta mệnh danh là con người tinh khôn gấp mấy ngàn lần loài vật, thế thì, chúng ta thử tự hỏi về lãnh vực này, chúng ta có hơn chúng nó không? Hay là chúng ta hành xử với nhau còn tệ hơn chúng nó? Đó là những vấn đề, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên quán chiếu suy tư chín chắn!

Nếu như Phật tử sợ những con chim bị con mèo làm mất miếng ăn mà chúng nó đói khát, thì tại sao Phật tử không tìm thức ăn khác cho con mèo? Nếu Phật tử có tình thương trang trải mở rộng tấm lòng của người Phật tử, Phật tử kiếm thức ăn khác cho con mèo ăn, thì tôi nghĩ, con mèo nó sẽ đội ơn Phật tử biết là ngàn nào! Vì nó đang cần đến thức ăn tình thương của Phật tử ban cho. Như một người đang đói khát, họ cũng cần đến tình thương của người khác ban cho. Nếu luận về nhu cầu cho sự sống để nuôi thân, thì giữa loài người và loài vật đâu có gì khác biệt nhau? Vì loài nào cũng cần đến sự

sống kia mà! Luận cho cùng, khi lâm vào cảnh khổ đói khát, thì loài nào cũng cần đến sự giúp đỡ thi ân của kẻ khác. Nhất là loài người của chúng ta.

Trường hợp này, nếu như lần sau, có xảy ra tương tự như thế, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên xử sự cho công bằng. Bằng cách là Phật tử nên ban bố tình thương của mình cho đồng đẳng. Như thế, thì con vật nào đói khát cũng được Phật tử bố thí cho ăn. Được vậy, thì nó sẽ cảm ơn Phật tử vô cùng. Phật tử cũng đã từng nghe qua những mẫu chuyện cổ tích, nói về chuyện cứu vật, cứu người. Như câu chuyện “*cứu vật thì vật trả ân, cứu nhân thì nhân trả oán*”. Tuy đây là chuyện cổ tích, nhưng không phải là không có xảy ra trong thực tế. Mong Phật tử suy xét để thể hiện hành động đúng theo tinh thần từ bi bình đẳng của đạo Phật. Kính chúc Phật tử vạn sự an lành.

---o0o---

45. Con cái chưa xong bề gia thất, mình bỏ đi xuất gia có lỗi không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, người bạn đời của con đã mất, các con của con chưa lập gia đình mà con đi xuất gia, như vậy con có thiếu bổn phận của một người mẹ đối với con của con không? Con có ích kỷ chỉ lo cho bản thân mình không? Kính mong thầy giảng giải nỗi thắc mắc cho con.*

Đáp: Nếu bảo Phật tử thiếu bổn phận hay ích kỷ, theo tôi nghĩ, thì không hẳn như thế. Tuổi trẻ đối với xã hội này, thật ra, chúng nó cũng không cần đến sự bảo hộ chăm sóc của cha mẹ về vấn đề vật chất. Bởi vật chất ở xứ Úc này, đâu có gì thiếu thốn. Còn nói về tinh thần, thì đâu phải Phật tử vào chùa xuất gia tu hành là không còn quan tâm gì đến con cái. Người xuất gia, tuy trang trải tình thương rộng khắp, nhưng đối với những người thân ruột thịt của mình, tất nhiên, mình cũng phải có sự quan tâm đến trước. Nếu không có tình thương yêu như thế, thì đừng nói đến tình thương yêu rộng lớn khắp cả chúng sanh. Trong Kinh Phật thường nói, Phật thương tất cả chúng sanh như thương yêu La Hầu La. La Hầu La là con trai của Phật. Như vậy, đức Phật thương yêu La Hầu La như thế nào, thì Phật thương chúng sanh cũng như thế đó. Nếu không được vậy, thì đó chẳng qua chỉ là một lời nói suông mà thôi!

Cũng như, bản thân mình, mình không biết quan tâm chăm sóc thương mình, thì đừng nói đến tình thương người khác. Có những người họ đang hủy hoại tàn hại bản thân của họ. Như họ đang bị bệnh gan nặng mà họ vẫn tiếp tục uống các thứ rượu mạnh. Như có người bị bệnh lao phổi mà họ vẫn không

chịu bỏ hút thuốc lá. Như thế, có phải là họ đang tự hủy hoại tàn hại họ chết dần chết mòn hay không? Họ có biết tự thương họ không?

Tự thương và khéo chăm sóc cho mình cả hai lĩnh vực: thể xác và tinh thần, thì đó không phải là ích kỷ. Mình có tu sửa, có an lạc hạnh phúc, thì mình mới chia sẻ hiến tặng sự an lạc hạnh phúc đó đến cho mọi người. Nếu nói Phật tử đi xuất gia, không lo tròn cho con cái là thiếu trách nhiệm bổn phận, điều đó, theo tôi, cũng chưa hẳn là đúng. Thử hỏi biết đến bao giờ Phật tử mới lo cho tròn trách nhiệm bổn phận đây? Hơn nữa, Phật tử đâu phải là người còn trẻ, tuổi đời cũng đã cao. Như thế, thì cái chết cũng gần kề, nếu không tự lo cho mình, thì thử hỏi biết đến bao giờ mới tự lo cho mình? Phật tử không tự lo thì ai là người lo cho Phật tử? Khi Phật tử rơi vào hoàn cảnh đau khổ, có đứa con đứa cháu nào, có thể thay thế nỗi khổ đau đó cho Phật tử hay không? Theo định lý nhân quả ai gây nhân nào thì người đó sẽ gặt hái quả đó. Ai ăn nấy no, ai học nấy biết chữ. Ai làm nấy chịu, không ai thay thế cho ai.

Theo như Phật tử nói, các đứa con của Phật tử tuy chưa có lập gia đình hết, nhưng các người con cũng đã lớn khôn. Chúng nó tự lo bảo vệ chăm sóc cho chúng nó được. Nếu trường hợp con của Phật tử tuổi còn nhỏ dại mà Phật tử bỏ đi như thế, tất nhiên là Phật tử thiếu trách nhiệm bổn phận của một người mẹ. Vì tuổi đó còn cần phải có sự chăm sóc bảo dưỡng trực tiếp của cha mẹ. Còn nếu tuổi của chúng nó đã trưởng thành, thì không có gì gọi là thiếu bổn phận cả.

Phật tử nên nhớ rằng, tuổi trẻ ở xứ này, chúng nó thích sống đời sống tự do độc lập hơn là có cha mẹ bên cạnh. Có mình ở bên cạnh, đôi khi lại trở thành sự cản trở cho chúng nó không được tự do thoải mái với bạn bè. Và lại, khi Phật tử quyết định xuất gia, thì Phật tử cũng đã thảo luận rõ ràng ý nguyện của Phật tử cho chúng nó biết, và chúng nó cũng rất vui vẻ đồng ý để cho Phật tử được tròn sở nguyện. Nếu chúng nó là những đứa con ngoan hiền hiếu thảo, chắc chắn là chúng nó sẽ rất vui khi thấy Phật tử quyết định như thế. Phật tử thử nghĩ, việc đời biết lo sao cho đầy đủ trọn vẹn! Giả sử như Phật tử không còn có mặt trên cõi đời này nữa, thì chả lẽ chúng nó không sống được sao? Chúng nó không biết tự lo bảo vệ cuộc sống của chúng nó sao? Vì mỗi người ai cũng có một cuộc sống riêng.

Hơn nữa, việc xuất gia của Phật tử, đâu phải là chỉ nghĩ cho riêng mình. Vì người xuất gia là người của tất cả mọi người. Không có cái ta sở hữu riêng biệt. Đó là hạnh nguyện cao cả tuyệt vời của người xuất gia. Đó cũng là con đường chơn hạnh phúc cứu mình giúp người rộng ra là giúp cả muôn loài đều được giải thoát. Như thế, Phật tử không phải chỉ hưởng niềm vui riêng

mà còn đem lại nguồn an vui chung cho mọi loài, tất nhiên, trong đó có con cháu của Phật tử rồi. Độ mình, độ người mà trước mắt là độ những đứa con và thân nhân ruột thịt của mình trước đã. Và sau đó độ cho mọi người đều được an vui thoát khổ. Đó là một lý tưởng cao đẹp nhất trên cõi đời này. Lẽ ra, chúng nó rất vui mừng mới phải, chớ đâu có lý nào chúng nó lại trách cứ Phật tử đâu mà Phật tử phải lo sợ.

Tóm lại, theo tôi, thì việc xuất gia của Phật tử không phải là ích kỷ hay thiếu bổn phận với con cái. Điều quan trọng là sau khi xuất gia, Phật tử có làm tròn hạnh nguyện cao đẹp của người xuất gia hay không? Điều đó mới là điều quan yếu, mà Phật tử cần phải ý thức tự duy về việc làm phát nguyện của mình. Nếu sau khi xuất gia, Phật tử cố gắng tu học đàng hoàng để được lợi mình, rồi sau đó làm lợi ích cho mọi người. Đó là Phật tử thật hành hạnh nguyện cao cả của Bồ tát đạo. Được vậy, thì con cháu của Phật tử chúng nó rất vui mừng khi nhìn thấy Phật tử đã được tròn sở nguyện. Kính chúc Phật tử tinh tấn tu hành chóng đạt được giác ngộ và giải thoát, theo hạnh nguyện của người xuất thế.

---o0o---

46. Đồ ăn dư cho chim ăn có mang tội hủy của hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, khi ăn đồ ăn dư, như cơm, bún v.v.. con thường đem ra để ngoài trời cho chim ăn. Như vậy, không biết con có mang tội phí phạm hủy của hay không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp nỗi thắc mắc này cho con. Cám ơn thầy.*

Đáp: Thật ra, đây không phải là tội phí phạm hủy của. Tội hủy của là khi nào món đồ đó còn dùng xài được mà Phật tử lại hủy bỏ một cách phung phí không tiếc. Như vậy mới gọi là tội hủy của. Ngược lại, đồ ăn dư thừa không thể dùng được nữa, thì Phật tử đem bố thí cho chim ăn, thì không có gì là mang tội. Vì những loài vật này, chúng nó cũng rất cần thức ăn của Phật tử ban cho. Điều này, ít ra, Phật tử cũng còn có chút từ tâm, vẫn còn nghĩ đến thương các loài sinh vật. Do đó, nên Phật tử không bỏ vào sọt rác. Tuy nhiên, có điều Phật tử nên biết rằng, cơm là thức ăn nhu cầu chính yếu đối với người Việt mình. Do đó, nên từ xưa tới nay, tổ tiên ông bà mình rất quý trọng hạt gạo cho đó là hạt ngọc trời cho. Các trẻ con khi đang ăn lỡ làm đổ tháo một vài hạt cơm rơi xuống đất, thì liền bị cha mẹ ông bà la rầy quở trách ngay. Vì ông bà rất sợ tội phung phí hạt cơm trời cho. Nếu thế, thì sau này sẽ bị mang tội trả quả báo nghèo khổ đói khát không có cơm ăn.

Sự quý trọng đó không phải là không có lý do. Vì hôm nay chúng ta có được hạt cơm ăn, phải nói công lao của nhà nông, họ đổ ra không biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt. Họ phải cật lực lam lũ vất vả ngày đêm dầm mưa dãi nắng, cực khổ trăm bề. Phật tử cứ thử nghĩ, từ lúc gieo hạt cho đến khi có được hạt cơm chúng ta ăn, phải trải qua không biết bao nhiêu là công lao cực khổ mới có được. Công sức không chưa đủ, mà còn phải tùy thuộc vào thời tiết mưa thuận gió hòa nữa. Nếu không nhờ mưa thuận gió hòa, chỉ cần bị hạn hán hay mưa bão, lụt lội, thì ôi thôi! thử hỏi làm sao chúng ta có cơm xoi đây? Bởi thế, nên ông bà ta mới nói đó là những hạt ngọc trời cho.

Trời nói ở đây, xin Phật tử chớ vội hiểu là có một ông Ngọc Hoàng Thượng Đế hình thù kỳ dị, tác oai tác quái, làm mưa làm gió thưởng phạt muôn loài. Trời mà tổ tiên ông bà ta nói ở đây, là ám chỉ cho thiên nhiên tức khí hậu thời tiết. Thuận mùa thì no bụng dạ, nghịch mùa thì đói chết khô. Như vậy, câu nói trời cho mới nghe qua ta cho là vô lý. Vì người ta phải bỏ ra không biết bao nhiêu công sức làm lụng vất vả mới có lúa gạo ăn sao lại nói trời cho? Và đến chúng ta là những người tiêu thụ cũng phải bỏ tiền ra mua mới có gạo nấu cơm ăn. Thế thì tại sao lại nói là trời cho? Sự thắc mắc đó không phải là vô lý, nhưng nếu chúng ta bình tâm xét kỹ như trên chúng tôi đã nói, thì quả thật phải do trời (thời tiết khí hậu thiên nhiên) cho mới có được. Nếu nói theo ngôn ngữ nhà Phật thì phải hội đủ nhân duyên tốt, tức thuận duyên mới có được. Nhân tốt đã đành, mà cũng cần phải có các trợ duyên tốt nữa. Chánh nhân là người gieo hạt, còn lại tất cả đều là trợ duyên.

Nói thế, để Phật tử thấy rằng, chúng ta có được hạt cơm ăn, thật là cả một vấn đề khó khăn trải qua không biết bao gian lao nhiều khê cực khổ mới có được. Do đó, nên chúng ta sử dụng cần phải cẩn thận đừng để phung phí thừa thải mà mang tội. Nói về bố thí thức ăn cho các loài sinh vật như chim muông v.v... thì có nhiều loại thức ăn khác mà chúng ta cũng có thể bố thí cho chúng. Còn riêng cơm hay bún như Phật tử đã nói, khi nào bắt đắc dĩ lắm thì ta mới cho chúng nó ăn mà thôi. Vì ta cũng cần phải có lòng quý trọng hạt ngọc trời cho như tổ tiên ông bà ta đã từng nhắc nhở răn dạy con cháu vậy.

---o0o---

47. Nhà có nhiều chuột phải giải quyết như thế nào không còn chuột mà khỏi phải mang tội sát sanh?

Hỏi: Kính thưa thầy, nhà hàng xóm của con có nuôi chim biết nói nên họ rất thích và cho ăn đồ ăn thừa thải, do đó, gây ra tình trạng có nhiều chuột xuất

hiện ở phía sau nhà của con. Để chuột con nhiều thì mất vệ sinh, mà báo cho council thì sợ mịch lòng hàng xóm, bỏ thuốc cho chuột ăn thì sợ nó chết mang tội sát sanh. Như vậy con phải làm sao? Kính xin thầy cho con một lời khuyên.

Đáp: Qua những vấn đề Phật tử nêu trên, tuy rất khó giải quyết cho mọi việc được ổn thỏa lưỡng toàn, nhưng nếu muốn tránh mọi việc có thể gây ra không tốt, theo tôi, thì chỉ có một phương cách giải quyết duy nhất. Cách này, không phải do đích thân chúng tôi làm, mà chúng tôi chỉ nghe người khác đã làm và nói lại. Nay, Phật tử đã hỏi, thì chúng tôi cũng xin nêu bày về cách làm của người đó. Rồi tùy ý Phật tử quyết định lấy. Theo người đó kể lại, thì việc làm của họ, tuy đơn giản nhưng rất có kết quả hiệu nghiệm tốt.

Việc làm này, không cách gì khác hơn là họ mua một loại thuốc có mùi hôi làm cho chuột chịu không nổi mùi hôi mà chúng nó tự động bỏ đi nơi khác. Loại thuốc này, thú thật, tôi không còn nhớ rõ nhãn hiệu của nó. Phật tử có thể hỏi tìm kiếm ở các cửa hàng chuyên bán về các loại thuốc diệt trùng. Hoặc giả Phật tử có thể hỏi những người đã từng có kinh nghiệm làm qua trong việc này. Thậm chí, có chùa khi chuột vào nhiều, thì không có cách nào hơn, cũng phải làm như thế thôi. Phật tử hãy tìm kiếm hỏi mua và thí nghiệm thử.

Theo tôi, chỉ có cách đó thì mới có thể tạm giải quyết tương đối ổn thỏa thôi. Ngoài ra, còn có cách nào khác hay hơn nữa, thú thật, tôi không rõ lắm. Phật tử làm như thế, tất nhiên là tránh khỏi phải mang tội sát sanh. Thật ra, sống ở cõi đời tương đối này, không có cách chi mà chúng ta có thể giải quyết một cách hoàn hảo hết được. Bởi mỗi loài sinh vật đều có nghiệp quả riêng của nó. Là Phật tử, thiết nghĩ, chúng ta nên cố tránh sát hại chúng sanh được chừng nào thì quý tốt chừng đó. Tấm lòng từ bi tránh sát hại sinh vật của Phật tử như thế, theo tôi, cũng đã là quý tốt lắm rồi. Nếu như gặp những người không có lòng từ bi như Phật tử, thì họ có thể giết hại bao nhiêu con chuột lại không được. Phật tử dùng cách đuổi chúng nó đi nơi khác, thì cũng là điều quý tốt lắm rồi. Kính chúc Phật tử luôn vui sống và sẽ được toại nguyện.

---o0o---

48. Ý nghĩa chơn tâm và bản tánh như thế nào?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con có một thắc mắc về chơn tâm và bản tánh. Sao gọi là chơn tâm? Sao gọi là bản tánh? Vậy giữa chơn tâm và bản tánh giống*

nhau hay khác nhau? Con hay nghe cái tánh Phật của mọi người nó bất sanh bất diệt, thế nào là bất sanh bất diệt?

Đáp: Giữa chơn tâm và bản tánh tuy hai danh từ có khác nhưng ý nghĩa thì không khác. Nói chơn tâm là đối với vọng tâm mà nói. Chơn là chơn thật không biến đổi đó là nghĩa thường hằng bất sanh bất diệt. Tâm là biết, cái biết này nó lặng lẽ trong sáng không bị ngoại cảnh chi phối. Nếu trong lúc ngòai thiên, khi tâm chúng ta chưa đầy động khởi nghĩ bất cứ thứ gì, mà lúc đó chúng ta vẫn có cái biết sáng suốt hiện tiền, chính đó mới là cái biết chơn thật. Trong Kinh thường gọi cái “**biết**” này là chơn tâm. Còn khi chúng ta khởi niệm nghĩ đến chuyện lành dữ, phải trái, hơn thua v.v... thì cái biết đó trong kinh gọi là vọng tâm. Nghĩa là cái biết duyên theo trần cảnh đối đãi mà có. Kinh Viên Giác nói: “Cái tâm này nó do duyên theo bóng dáng sáu trần, mà có ra cái tướng tự tâm”. Nên nói nó là vọng tướng. Chính nó do duyên sanh, nên bản chất của nó là không thật. Vì không thật, cho nên nó khởi sanh, khởi diệt, chợt có, chợt không, sanh diệt biến đổi liên miên không dừng.

Còn nói bản tánh là vì cái tánh “**Biết**” nó sẵn có từ hồi nào đến giờ. Trong kinh gọi là Phật tánh hay chơn như. Bản tánh là tên khác của Phật tri kiến hay Viên giác v.v... Thí như trong quặng như sắt có chất vàng ròng trong đó. Đứng về mặt bản thể của sự vật, thì nói là bản tánh. Thí như nước và sóng, nếu đứng về mặt bản thể, thì người ta gọi là nước. Nhưng nếu đứng về mặt hiện tượng thì người ta gọi là sóng. Như vậy, sóng và nước không thể ly khai ra mà có. Chính trong lúc sóng nổi lên, thì nó mang sẵn chất nước tiềm tàng ở trong sóng. Nếu không có nước thì làm gì có sóng? Nhưng nói sóng là nước thì không đúng.

Cũng thế, khi phiền não (dụ cho sóng) đầy khởi thì nó che phủ mờ tánh giác sẵn có. Ngay khi phiền não đầy lên, thì mình không thể nói phiền não là chơn tâm hay bản tánh được. Nhưng bản tánh cũng không rời phiền não mà có. Như nước trong không rời là nước đục mà có. Muốn có nước trong cần phải lắng. Lắng có nghĩa là tu, tu là chuyển hóa những thứ phiền não nhiễm ô, để cho tâm ta được thanh tịnh sáng suốt. Hai thực thể này không thể ly khai mà có. Đây là lý “*Bất Nhị*” hay pháp môn “*Không Hai*” của Kinh Duy Ma Cật đã nói. Và đây cũng chính là yếu lý “*Trương Tức Trương Nhập, hay Lý Sự vô ngại*” của hệ tư tưởng giáo lý trong Kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, nên nói một là sai, mà nói hai thì không đúng.

Thí dụ như lúc mình nổi giận, thì cái tánh không giận nó tiềm tàng sẵn có trong cái phiền não giận. Giận là hiện tượng đầy khởi từ bản thể. Bản thể vốn vắng lặng. Vì nó sẵn có nên khi hết giận thì cái tánh không giận (trước

khi nổi giận) nó trở lại với cái tánh không giận. Sở dĩ giận là vì tại mình không khéo gìn giữ ở nơi cái tánh không giận, nên để cho tập khí giận nổi lên.

Nói giận là để tiêu biểu cho tất cả những thứ phiền não khác. Giận là vì nó gặp nghịch cảnh cho nên khởi giận. Cũng như nước vốn không phải sóng, nhưng vì gặp gió thổi nên nước mới nổi sóng. Khi sóng dừng lại thì tánh nước sẽ hiện bày trở lại như cũ, nghĩa là như cái lúc mà nước chưa khởi thành sóng. Cho nên trong kinh nói: “*Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn*” là ý đó. Sóng thì khi có, khi không, nhưng nước thì lúc nào cũng vẫn có. Nước là dụ cho bản tánh hay chơn tâm, còn sóng là dụ cho vô minh hay phiền não. Muốn hết phiền não thì phải dùng vô minh. Muốn không có sóng thì gió phải dừng lại.

Đó là ý nghĩa của sự tu hành là diệt trừ phiền não. Tham thiền, niệm Phật, tụng kinh, hay trì chú v.v... vô lượng pháp môn Phật dạy cũng nhắm thẳng vào một mục đích duy nhất đó. Nói rõ hơn là Phật muốn cho chúng sanh nhận và hằng sống lại với cái thể tánh chơn thật sáng suốt hằng hữu bất sanh bất diệt sẵn có của chính mình. Sở dĩ nói bất sanh bất diệt là vì cái thực thể này vốn nó không có hình tướng, giống như hư không. Hư không thì không có sanh có diệt. Tuy nhiên, hư không thì vô tri, nhưng tánh giác thì hằng tri hằng giác. Khác nhau là ở chỗ đó. Thế nên, Kinh Bát Nhã nói: “*Thị chư pháp Không Tướng, bất sanh, bất diệt*” v.v... Tướng của các pháp thì giả có, nhưng tánh của các pháp thì không. Nhưng cái “*Tánh Không*” này, xin chớ vội lầm hiểu là không trơn như lông rùa sừng thỏ. Mà cái “*Không*” này là cái “*Không Chơn Thật*” của vạn pháp.

Đứng về mặt tu hành mà nói, thì cái chánh nhân Phật tánh tuy sẵn có, nhưng vì bị vô minh phiền não che lấp, nên có đó mà cũng như không. Đây là nghĩa Như Lai tại triền (tánh giác còn bị các thứ phiền não trói buộc). Khi nào hành giả nỗ lực gia công tu hành chuyển hóa hết vô minh phiền não, thì cái thể tánh thanh tịnh sáng suốt kia mới hiện bày. Đây là nghĩa Như Lai xuất triền (tánh giác ra khỏi phiền não nhiễm ô ràng buộc). Cũng thí như mây tan, thì trăng hiện, chỉ cần vệt tan mây mù vô minh, thì ánh trăng Chơn Như sẽ hiện bày.

---o0o---

49. Minh tâm kiến tánh là nghĩa gì?

Hỏi: Kính thưa thầy, xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con hiểu về ý nghĩa của minh tâm kiến tánh như thế nào?

Đáp: Minh tâm hay kiến tánh ý nghĩa không khác mấy. Minh tâm là nhận rõ cái bản tâm hay bản tánh chơn thật nói ở trên. Nghĩa là phải biết rõ cái tâm nào chơn thật và cái tâm nào giả dối. Kiến tánh là ngầm nhận hay thấy rõ cái tánh chơn thật của chính mình. Hiện tại mình đang sống cuốn hút theo dòng vô minh vọng động, không phút giây nào tâm thức mình yên cả. Dù mình sẵn có cái bản tánh chơn thật đó, nhưng mình có nhận được đâu. Bởi do không nhận được nên mình cứ mãi bám theo vọng tưởng lăng xăng tạo nghiệp lành dữ để rồi mãi trôi lăn trong dòng sanh tử khổ đau. Phật muốn cho mình nhận được cái bản tánh chơn thật đó, nên Phật dạy bao nhiêu kinh điển cũng chỉ nhắm thẳng vào một mục đích chính duy nhất đó mà thôi.

Nghĩa lý này rất thâm áo, không phải chỉ nói trên lý thuyết mà có thể hiểu được. Muốn hiểu, cần phải có sự thật hành. Phải đi sâu vào đời sống tâm linh. Phải có những thời giờ yên tĩnh thiền quán, thì may ra chúng ta mới có thể nhận hiểu được chút ít phần nào. Như người uống nước lạnh nóng tự biết. Tuy nhiên, nếu Phật tử muốn hiểu rõ hơn về vấn đề này, thì Phật tử có thể tìm đọc quyển Kiến Tánh Thành Phật của Thiền Sư Chân Nguyên soạn vào đời Hậu Lê ở nước ta, do Hòa Thượng Thích Thanh Từ giảng giải xuất bản năm 2000, để nghiên cứu tìm hiểu cặn kẽ thêm.

Kính chúc Phật tử luôn được dồi dào sức khỏe và luôn tinh tấn trên con đường tu học trau dồi Phật pháp ngày càng thêm tiến bộ.

---o0o---

50. Tụng kinh cầu siêu khác ngôn ngữ, người chết có nhận hiểu hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, cha mẹ hai bên của con là người Hoa, không biết nói và hiểu tiếng Việt, mà quý thầy tụng kinh bằng tiếng Việt, vậy không biết họ có hiểu hay không? Nếu không hiểu thì làm sao họ siêu thoát? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Đó là quan niệm theo nhận thức phân biệt thường tình của chúng ta. Điều nghi ngờ này, không phải là vô lý. Vì ai cũng biết, lúc còn sống trong khi giao tiếp với những sắc dân có các nguồn gốc ngôn ngữ khác nhau, nếu mình không học hỏi những ngoại ngữ đó thì làm sao mình hiểu biết được. Trên thế giới, cứ mỗi một sắc dân là có một loại ngôn ngữ riêng biệt của họ. Thế thì, một người thường làm sao có thể thông hiểu cho hết mọi thứ ngôn ngữ trên đời? Lúc còn sống đã thế, khi chết thì sao? Tụng kinh khác ngôn ngữ của mình, liệu họ có thể nghe hiểu được không?

Xin thưa, không có gì là trở ngại không hiểu cả. Vì sao? Vì con người sau khi chết, nếu không phải là người cực thiện hay cực ác, thì tất cả đều rơi vào trung âm thân. Mà cái thân trung âm này, trong kinh nói, nó rất là thông minh lanh lợi sáng suốt bén nhạy. Không có thứ gì mà nó không hiểu biết. Vì trung âm thân có thần thông không giống như cái xác thân tứ đại (tiền âm) của chúng ta. Kinh Địa Tạng nói: cái thân trung âm này nó chỉ tồn tại được trong khoảng thời gian 49 ngày. Và sau đó, tùy theo nghiệp thiện ác đã gây tạo mà nó sẽ chiêu cảm thọ báo thân khác. Trong thời gian 49 ngày này, cứ mỗi 7 ngày là nó sẽ chết đi sống lại một lần. Thân trung âm, nếu nhìn bằng nhục nhãn ta không thể nào thấy được. Chỉ có Phật và Bồ tát dùng huệ nhãn mới có thể thấy biết được hình thể của nó rất rõ ràng mà thôi.

Đã thế, thì mọi thứ ngôn ngữ trên đời, không có thứ ngôn ngữ gì mà thân trung âm không hiểu biết. Sự hiểu biết của thân trung âm không có ngăn ngại như chúng ta tưởng. Tuy rằng, ta không thể chứng minh cụ thể được. Chúng ta chỉ nên nghe theo lời Phật Tổ chỉ dạy mà thôi. Vì lời dạy của chư Phật là Thánh giáo lượng. Các Ngài không bao giờ nói sai sự thật. Chúng ta nên tin chắc điều đó. Như bình thường chúng ta không nghe thấy những hình ảnh và các thứ tiếng bâng bạc khắp trong không gian, chẳng lẽ vì không thấy, không nghe mà chúng ta cho là không có sao? Nếu muốn thấy nghe, thì chúng ta phải nhờ đến công cụ phương tiện máy móc như radio hay tivi v.v... Chỉ cần có những thứ phương tiện máy móc này là chúng ta sẽ thấy hình ảnh và nghe các thứ âm thanh ngay. Cũng thế, đối với con mắt thịt thường tình của chúng ta, thì chúng ta không thấy, nhưng với con mắt trí huệ của Phật và Bồ tát thì các Ngài thấy biết rất tường tận. Do đó, nên các Ngài mới nói lại cho chúng ta biết. Tin hay không đó là quyền quyết định của mỗi người.

Tóm lại, Phật tử đừng lo họ không hiểu. Tuy nhiên, hiểu là một chuyện, còn có chịu hồi tâm tỉnh giác hướng thiện tu hành hay không lại là một chuyện khác. Cũng như hiện tại chúng ta còn sống đây, không phải ai nghe kinh điển hiểu biết rồi phát tâm tỉnh ngộ tu hành hết. Có đôi khi chúng ta chỉ nghe hiểu biết suông trên văn tự chữ nghĩa không thôi. Vì vậy, điều quan trọng là phải hồi tâm tỉnh thức hướng về con đường lành tu hành giải thoát, đó mới là điều quan trọng đáng nói mà thôi.

Kính chúc Phật tử đạt được nhiều kết quả tốt đẹp trong đời sống hướng thiện.

51. Trong chiêm bao thấy sát sanh không biết có tội không?

Hỏi: Kính bạch thầy, trong giấc chiêm bao con thấy con giết nhiều cá. Vậy con có mang trọng tội sát sanh hay không? Xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ. Con rất lo sợ.

Đáp: Xin thưa ngay đề Phật tử yên tâm là không có gì tội lỗi mà Phật tử phải lo sợ. Tại sao? Vì đó chỉ là giấc mộng. Đã mộng thì làm gì có thật đâu mà Phật tử lo sợ. Trong giấc mộng, chỉ có ý thức hoạt động thôi. Cho nên, nó không có năng lực tạo thành nghiệp. Đã không phải thành nghiệp, thì làm gì có quả báo tội lỗi? Sở dĩ Phật tử thấy giết nhiều cá như thế, có thể là do túc nghiệp sát sinh (nói cách khác là tập khí) hại vật của Phật tử trải qua nhiều đời hoặc trong hiện đời kể ra cũng khá sâu nặng. Nếu như trong hiện đời này Phật tử không có sát sanh hại vật nhiều, thì đó là hiện tượng bởi do nhiều đời trước. Đây là những hạt giống (tập khí) mà chính do Phật tử đã hành động huân chứa sâu vào trong kho A lại da thức.

Chính vì thế, nên trong lúc ngủ thì những hạt giống này từ trong vô thức nó trôi lên và ý thức duyên vào đó để tác động thành hiện tượng chiêm bao thấy sát hại sinh vật. Như vậy, tôi thành thật khuyên Phật tử nên sám hối và cố gắng tu tạo thêm nhiều phước lành. Nhờ đó, mà tội sát sanh hại vật trong nhiều đời cũng như hiện đời của Phật tử sẽ được giảm bớt và lần lần sẽ được chuyển hóa không còn. Nên nói tu là chuyển nghiệp. Nếu nghiệp quả không chuyển được thì thử hỏi chúng ta tu hành để làm gì?

Tóm lại, việc chiêm bao thấy giết nhiều cá của Phật tử không thành tội. Đã không thành tội nghiệp, tất nhiên sẽ không có quả báo. Phật tử đừng lo sợ. Kính chúc Phật tử tinh tấn tu hành và chóng đạt thành sở nguyện như ý.

---o0o---

52. Sau khi chết cái gì bị thọ hình hành phạt đau khổ trong địa ngục vô gián?

Hỏi: Kính thưa thầy, khi ta chết, thân tứ đại tan rã. Nhưng tại sao các cực hình trong địa ngục vô gián còn hành phạt trên thân xác của người chết? Hai việc này có phải mâu thuẫn nhau không? Mong thầy giải thích cho chúng con rõ.

Đáp: Xin thưa ngay là không có gì mâu thuẫn cả. Phật tử nên nhớ rằng, thân tứ đại tuy có tan rã, nhưng nghiệp thiện ác mà chúng ta đã gây tạo, thì sẽ không bao giờ mất. Vì tất cả đều được huân chứa vào trong kho tàng thức hết. Nếu cho rằng mất hết, thì sẽ rơi vào tà thuyết của phái “Đoạn Kiến”

ngoại đạo. Như thế, thì sẽ không tin có quả báo đời sau. Và như thế, thì thế gian này sẽ trở thành đại loạn. Vì không còn ai tin tưởng vào luật nhân quả báo ứng nữa cả. Và như thế, thì quả thật đó là một họa hại rất lớn cho xã hội loài người.

Để Phật tử hiểu rõ hơn về vấn đề này, tôi xin tạm nêu ra đây một thí dụ. Thí như trong lúc Phật tử chiêm bao, thấy mình bị rắn cắn hay bị ma quỷ rượt bắt, thử hỏi lúc đó Phật tử có hốt hoảng kinh sợ không? Vậy thì cái gì làm cho Phật tử hốt hoảng kinh sợ? Có phải cái thân kinh sợ hay là cái tâm thức của Phật tử kinh sợ? Rõ ràng, cái thân xác của Phật tử thì đang nằm ngủ mê say trên giường kia mà! Như vậy, thì thử hỏi cái gì sợ hãi và cái thân nào cầm đầu cầm cổ chạy trốn chết để tìm phương thoát nạn? Có phải cái thân Phật tử đang nằm ngủ chạy không? Không phải cái thân đó, vậy thì cái thân nào chạy?

Như vậy, trong lúc chiêm bao ta vẫn thấy có thân và có sự buồn khổ hay vui sướng. Có lúc ta thấy mình đi chơi ăn uống nhậu nhẹt say sưa tiệc tùng với bạn bè. Cũng có khi mình cảm thấy đói khát khổ sở đi lang thang tìm kiếm thức ăn. Và đôi lúc lại thấy thân mình bị người khác đánh đập hành hạ rất là đau đớn khổ sở! Và có lúc lại thấy thân mình nhẹ nhõm bay bổng lên trời cao v.v... Vậy thì, cái thân mà ta cảm nhận có sự vui khổ như thế là cái thân nào? Có phải cái thân ta đang nằm ngủ hay cái thân trong chiêm bao?

Cũng thế, khi ta đọa vào địa ngục a tỳ bị hình phạt đau đớn khổ sở, trạng thái đó cũng giống như trong lúc ta đang chiêm bao thấy thân ta bị hành phạt đau khổ vậy. Tuy cái thân xác tứ đại đã tan rã, nhưng tùy theo cái nghiệp ác đã gây tạo, mà ta phải chiêu cảm thọ cái báo thân khác để thọ khổ ở trong địa ngục. Và cái báo thân này, với con mắt phàm tục của chúng ta thì làm sao ta thấy được? Cũng giống như trong lúc ta đang chiêm bao, thấy thân mình đang hoạt động ăn uống, nói cười, vui chơi hoặc bị người khác tra tấn hành phạt đánh đập v...v... vậy thì, thử hỏi có ai thấy được cái thân đó không? Tuy không ai thấy biết, mà cái thân đó có cảm nhận những việc xảy ra hay không có? Chắc chắn không ai dám phủ nhận là không có cái thân đang xảy ra trong chiêm bao.

Tuy nhiên, có điều, ta cũng nên biết rằng, những hiện tượng xảy ra trong lúc chiêm bao là không thật, nhưng đang khi chiêm bao ta vẫn cảm nhận là thật có. Nếu không, thì tại sao ta lại cười khóc và lo sợ? Chỉ khi nào ta giật mình thức dậy, thì mới biết đó là cảnh tượng trong chiêm bao và chừng đó bao nhiêu sự lo âu sợ hãi mới thực sự tan biến hết. Cũng thế, tuy cảnh tượng bị hành phạt khổ sở ở trong địa ngục là không thật, nhưng trong lúc còn đang mang nghiệp thức si mê, tất nhiên là ta cũng phải cảm nhận sự đau khổ. Bao

giờ chúng ngộ được chân lý toàn triệt rồi, thì lúc đó ta mới nhận ra rằng cảnh giới địa ngục là hư giả không thật. Như Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác đã nói trong Chúng Đạo Ca:

Chúng thật tướng vô nhơn pháp

Sát na diệt khước A tỳ nghiệp.

Muốn diệt hết nghiệp a tỳ trong một sát na, với điều kiện là chúng ta phải thực chứng “Thật Tướng” của vạn pháp.

Thế mới biết, một người đã gây tạo tội ác, sau khi chết đọa vào địa ngục a tỳ như Phật tử đã nói, thì sự hành phạt khổ đau, tất nhiên là không phải ở nơi trên thân xác tứ đại, mà chính là do ở nơi thần thức của họ cảm nhận cái báo thân địa ngục thọ khổ đó thôi. Khác nào như người sợ hãi trong giấc chiêm bao vậy. Tuy thân xác không biết gì (dù như thân xác tứ đại đã bị tan rã) nhưng tâm thức của họ thì lại quá khiếp đảm chịu đựng khổ đau. Như vậy, địa ngục có là có đối với những ai đã gây tạo tội lỗi. Còn không có là đối với những người mà họ không gây tạo ác nghiệp. Như cảnh tượng đau khổ trong chiêm bao là có đối với những người mà họ đang ngủ say chiêm bao. Còn không có là đối với những người không ngủ.

Chúng tôi thiết nghĩ, qua thí dụ đó, chắc có lẽ Phật tử cũng tạm hiểu phần nào và sẽ không còn cho là mâu thuẫn nữa. Thật ra, vì chúng ta còn sống trong vòng vô minh nghiệp thức, nên sự hiểu biết của chúng ta rất là cạn cợt hạn hẹp sai lầm. Chỉ nhận thức theo quan niệm phân biệt của vọng thức phàm tình mà thôi. Khác nào như người bị bệnh nhắm mắt, thấy hoa đốm lảng xăng trong hư không. Nhưng kỳ thật thì hư không vốn không có hoa đốm. Sở dĩ thấy thế là bởi do bị bệnh nhắm mắt mà ra. Còn đối với những người không bị bệnh nhắm mắt thì họ thấy trong hư không là cả một bầu trời trong tạnh.

Theo thế giới quan của Phật giáo, thì trong vũ trụ bao la có muôn loài chúng sinh mang nghiệp báo khác nhau. Tùy theo mỗi nghiệp báo mà chúng sanh thọ mỗi thân hình khác nhau. Báo thân loài người là một trong vô số báo thân. Do đó, nên sự thọ khổ ở cảnh giới địa ngục cũng là một báo thân. Đó là, chúng ta nhìn theo quan điểm sự tướng. Nếu căn cứ vào lý tánh, thì địa ngục có ra cũng chính là ở nơi tâm ta. Những hình phạt bị khổ đau vày vò bức bách khó chịu, cũng chính do ở nơi tâm ta thọ nhận. Tất cả đều từ tâm mà ra. Địa ngục hay thiên đường, sanh tử hay Niết bàn, không có gì ngoài tâm ta cả. Tâm vô minh vọng chấp đó là địa ngục. Tâm sáng suốt buông xả mọi thứ dục tình đó là tâm hạnh phúc Niết bàn.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được nói thêm để Phật tử có thể hiểu rõ hơn giữa thân và tâm. Để Phật tử biết rõ cái nào quan trọng và cái nào thứ yếu. Nếu xét kỹ, thì cái thân này giống như chiếc xe. Chiếc xe tuy đủ bộ phận, nhưng nếu không có anh tài xế lái, thì chiếc xe vẫn phải nằm yên một chỗ. Như vậy, chiếc xe tùy thuộc vào anh tài xế mà có hoạt động. Như có người dùng cây đập mạnh vào chiếc xe, thử hỏi chiếc xe có bị đau không? Chiếc xe là vật vô tri vô giác làm gì biết đau. Tuy chiếc xe không đau, nhưng anh tài xế rất đau. Bởi anh ta cho chiếc xe đó là của anh. Do sự chấp chặt đó nên ai đụng tới chiếc xe là đụng tới anh. Do đó mà anh ta phải ra sức cố bảo vệ chiếc xe tới đờ. Tuy dù có cố gắng bảo vệ tới đâu, nhưng cuối cùng chiếc xe đó cũng không thể nào tồn tại.

Xét kỹ, cái thân này cũng giống như chiếc xe. Tài xế là dụ cho tâm thức của chúng ta. Khi tâm thức còn ở trong thân, thì nó điều khiển cái thân. Cái thân hoạt động là do nó. Khi nó ra khỏi thân, giống như anh tài xế ra khỏi xe, thì dù cho cái thân vẫn còn đủ bộ phận đó, nhưng tuyệt nhiên không có hoạt động gì cả. Lúc đó, người ta gọi là chết. Như vậy, cái gì biết đau? Cái xe đau hay anh tài xế đau? Cái thân đau hay tâm thức biết đau? Rõ ràng là cái tâm thức biết đau. Nhưng lâu nay, tại vì mình chấp chặt cái thân này là mình rồi, nên mình nói cái thân đau chứ ít có ai biết đó là cái tâm đau. Vì thế, nên Phật nói tất cả đều do tâm ta mà ra. Tâm dẫn đầu, tâm làm chủ tạo tác tất cả. Kinh nói: “Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức” là thế.

Như vậy, sự cảm nhận biết khổ hay vui là chính ở nơi tâm chứ không phải ở nơi thân. Tuy rằng giữa thân và tâm có sự liên quan mật thiết với nhau. Thân chỉ là một sự quan hệ công cụ của tâm mà thôi. Nói cách khác, tâm là gốc mà thân chỉ là ngọn phụ thuộc. Do nghĩa này, nên khi sống ta nên khéo biết lợi dụng thân để tu hành. Lợi dụng khác với nghĩa nô lệ hay hủy hoại. Ta không nô lệ hay hủy hoại nó. Mà ta cần phải trân kính và biết ân nó. Vì nhờ nó mà ta mới tu hành giải thoát. Cũng như ta phải khéo biết lợi dụng chiếc xe để chở ta đến nơi an toàn mà ta mong đến đích.

Hiểu thế, thì hằng ngày chúng ta không nên nô lệ cho thân, vì có nô lệ cho nó, cung chiều nâng niu nó đến đâu, cuối cùng rồi nó cũng phải tan rã. Thế nhưng, ở đời, ít có ai nghĩ đến cái tâm mà ai ai cũng chỉ lo cung phụng và bảo vệ cho cái thân. Bởi thế, nên Phật mới quả chúng ta là những kẻ si mê điên đảo. Do chấp cái thân này quá sâu nặng nên đến khi chết rồi mà người ta vẫn nghĩ còn mang nó theo. Giống như Phật tử nghĩ, nếu như không có cái xác thân tứ đại, thì cái thân nào chịu hành phạt khổ sở ở nơi địa ngục vậy. Đó là căn bệnh chấp ngã sâu nặng chung của tất cả chúng sanh.

53. Tam bành lục tặc là gì?

Hỏi: Kính thưa thầy, con thường nghe nói tam bành lục tặc mà con không hiểu tam bành là gì? Và lục tặc là sao? Kính mong thầy giải đáp cho con hiểu. Con cảm ơn thầy.

Đáp: câu hỏi của Phật tử nó có liên quan đến một điển tích. Tam bành theo học thuyết của Lão Tử cho rằng, cái Thần (tinh thần) của con người ở vào 3 nơi. Một ở óc, hai ở minh đường (quả tim), ba ở dạ dày.

Theo sách *Thái thượng tam thi trung kinh* thì: “*Thượng thi tên Bành Cừ vốn ở đầu con người; trung thi tên Bành Chất vốn ở bụng con người; hạ thi tên Bành Kiên ở chân người. Ba thần này gọi là thần Tam Bành hay xúi giục người làm bậy. Đến ngày Canh Thân, ba vị thần này lên tàu với Ngọc hoàng Thượng Đế cho người mau chết để khỏi phải theo dõi nữa. Người ta tin rằng những sự giận dữ, nóng nảy là do thần Tam Bành xúi giục gây ra. Để cho con người dễ làm bậy*”.

Chính vì sự giận dữ nóng nảy sân hận này, mà người ta gây ra không biết bao nhiêu điều họa hại. Chẳng những họa hại cho chính bản thân mình mà còn làm khổ lụy tổn thương cho không biết bao nhiêu người khác. Sự thù hận chém giết lẫn nhau của nhơn loại ngày nay, cũng do con người không kiềm chế được lòng sân hận nóng nảy này mà ra. Chính do điển tích trên, mà mỗi khi con người nổi nóng lên chửi bới đánh đập hoặc hành hung sát hại người khác, thì người ta thường nói, ông đó hay bà đó tam bành đang nổi lên dữ tợn đấy mà phát sự!

Trong Truyện Kiều có câu:

Mụ nghe nàng nói hay tình

Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên.

Đó là nói tam bành. Còn Lục tặc, đây là người ta y cứ vào giáo lý nhà Phật mà nói. Lục là sáu, tặc là giặc. Sáu giặc gồm có: “sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”. Sắc là chỉ chung cho các thứ sắc đẹp người và vật. Thanh là những thứ âm thanh có năng lực quyến rũ hấp dẫn kích động lòng người. Hương, nói chung là các loại mùi thơm. Vị là mùi vị của các loại phẩm vật. Xúc là sự tiếp xúc giao nhau giữa căn và trần. Pháp là pháp trần là những hạt giống gieo vào trong tâm thức do sự tiếp xúc giữa căn và trần mà có. Thế nhưng tại sao gọi sáu thứ này là giặc? Vì sáu thứ này làm cho người tu hành không được an ổn. Nó có một ma lực hấp dẫn lôi cuốn làm cho sáu căn (6 giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), của người tu hành luôn luôn bị dao động

xáo trộn bất an. Chính vì 6 căn đấm nhiễm ở nơi 6 trần nên gây ra cho người tu một chướng ngại rất lớn trên bước đường tu hành giải thoát. Do có đó, nên nhà Phật gọi nó là sáu thứ giặc.

---o0o---

54. Suối vàng và chín suối ý nghĩa giống nhau hay khác nhau?

Hỏi: *Kính thưa thầy, thường con nghe người ta nói, người chết xuống suối vàng hay chín suối, con không hiểu suối vàng chín suối là gì? Mong thầy giải thích cho con rõ. Con kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Hai chữ “Suối vàng” người ta dịch từ chữ huỳnh tuyền. Huỳnh là màu vàng còn tuyền là suối. Nghĩa là suối nước màu vàng. Theo truyền thuyết của người Trung Hoa, thì người ta tin rằng, ở dưới âm phủ có chín cái suối nước vàng. Chín suối do dịch từ chữ cửu tuyền của chữ Hán. Suối vàng hay chín suối là chỉ cho chỗ ở của người chết. Sở dĩ có truyền thuyết này, theo sử liệu ghi lại là người ta y cứ vào câu chuyện xảy ra ở đời Xuân Thu Chiến Quốc. Câu chuyện nói về bà Khương Thị vợ của vua Trịnh Vũ Công.

Truyện tích kể rất dài dòng, nhưng ở đây, tôi chỉ xin kể ngắn gọn tóm lược mà thôi. Đây là câu chuyện nói về chúa nước Trịnh là Trịnh Trang Công tên là Ngô Sinh. Ông này rất có hiếu với mẹ. Mẹ của ông là bà Khương Thị. Bà này là vợ của vua Trịnh Vũ Công. Bà có hai người con. Người lớn là thái tử Ngô Sinh, sau lên ngôi là vua Trang Công. Còn người con kế tên là Đoạn. Tuy cả hai đều là con của bà, nhưng bà lại thương không đồng. Bà có ác ý hay ghét Ngô Sinh, vì khi sanh Ngô Sinh ra một cách thành linh làm bà chịu nhiều đau đớn khổ sở. Và kể từ đó, bà cho Ngô Sinh là đứa con oan gia bất hiếu, vì hành hạ bà đau đớn ngay từ lúc đầu. Do đó, mà bà sanh tâm ác cảm với Ngô Sinh. Ngược lại, bà rất thương yêu nuông chiều người con kế tên là Đoạn.

Vì có ý muốn cho Đoạn lên làm vua, nên bà tìm đủ mọi phương cách thủ đoạn dèm pha hãm hại Trang Công. Việc hãm hại của bà kể từ khi Trang Công còn làm thái tử, cũng như sau khi ông này lên làm vua. Về sau, việc âm mưu hãm hại của bà bị bại lộ. Trang Công biết được em mình là Đoạn nổi loạn phản nghịch, nên cử binh đánh dẹp và cuối cùng Đoạn phải tự tử. Từ đó, vua Trang Công mới an trí mẹ mình nơi vắng vẻ và thốt lên lời thề nặng là: *“Chẳng phải chôn suối vàng thì chẳng nhìn mặt nhau”*. (Bất cập huỳnh tuyền vô tương kiến dã).

Trang Công vốn là người con có hiếu nên sau đó nhà vua nghĩ lại, cảm thấy rất hối hận về việc xử tệ bạc với mẹ mình, nhưng đã lỡ thề nặng nên nhà vua không biết phải làm sao để gặp lại mẹ mình. Bấy giờ, có ông quan cận thân tên là Đình Khảo Thúc biết ý Trang Công, nên ông ta tìm cách giải lời thề bằng cách là cho người đào đất đến tận mạch nước, rồi cho xây cất một cái nhà nhỏ bên cạnh suối nước. Xong, liền cho người dẫn bà Khương Thị xuống đó ở. Mục đích là để cho Trang Công xuống đó gặp lại mẹ. Quả thật khi gặp lại, hai mẹ con ôm chầm lấy nhau khóc than một cách thảm thiết! Vì lẽ đó, nên mới có câu chuyện là gặp nhau ở suối vàng.

Trong truyện Kiều có câu:

"Đã không kẻ đoái, người hoài

Sẵn đây ta thấp một vài nén hương

Gọi là gặp gỡ giữa đường

Họa là người dưới suối vàng biết cho"

Tóm lại, nói suối vàng hay chín suối ý nghĩa không khác nhau, cả hai đều là chỉ cho chỗ ở của người chết vậy.

---o0o---

55. Tại sao người tu pháp môn niệm Phật không thờ riêng Đại Thế Chí mà thờ đức Quán Thế Âm?

Hỏi: Kính bạch thầy, trong kinh nói, Bồ Tát Quán Thế Âm do tu thiên mà chứng đạo, trái lại, Bồ Tát Đại Thế Chí do tu niệm Phật mà chứng đạo. Thế thì, tại sao những người tu theo pháp môn niệm Phật mà không thờ riêng tượng Bồ Tát Đại Thế Chí (có thờ chảnh cũng thờ chung tượng Tam Thánh) mà lại riêng tôn thờ hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm? Xin hỏi, lý do tại sao phải thờ như thế? Và thờ như vậy có đúng không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

Đáp: Xét trên phương diện hành môn, thì Phật nói có vô lượng pháp môn, tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người mà chọn lựa cho mình một pháp môn tu thích hợp. Phương tiện bày ra tuy nhiều, nhưng cứu cánh đạt thành quả vị Phật thì chỉ có một. Như cái nhà tuy có nhiều cửa vào mà căn nhà thì chỉ có một. Tùy theo sở thích, ai thích cửa nào thì bước vào cửa đó. Điều quan trọng là phải bước vào đúng cửa đã chọn. Một khi đã chọn lựa kỹ càng rồi, thì cứ thế mà thẳng tiến vào. Có thế, thì mới thực sự vào trong ngôi nhà được.

Đối với hai vị đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí trong lúc tu nhân, hai Ngài đã tự chọn cho mình một pháp tu riêng. Người chọn tu Thiền, tức Bồ Tát Quán Thế Âm từ “Nhĩ Căn” “phản văn văn tự tánh” mà vào. Người chọn tu Tịnh, tức Bồ Tát Đại Thế Chí từ “Thiệt Căn” và Ý Căn (nói rộng là thu nhiếp sáu căn) mà vào. Nghĩa là theo sự trình bày của Ngài trong Kinh Lăng Nghiêm thì, chỗ nhân địa tu hành của Ngài là do dùng tâm niệm Phật mà ngộ được “vô sanh nhẫn”. Như vậy, ta thấy giữa Thiền và Tịnh tuy có hai, lồi vào tuy có khác, nhưng cứu cánh quả chứng thì không hai. Đó là yếu lý dung thông hội chứng của Phật pháp vậy.

Nhiều người tu hành thời nay, vì không hội thông được pháp tu, cho nên dễ gây ra tình trạng nghi ngờ và thậm chí họ còn kích bác chống đối nhau. Ai có quan niệm đó, thì hãy xem noi theo tấm gương của hai vị Đại Bồ Tát này.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nói thêm, nếu nhìn vào hình tượng Tam Thánh thì, chúng ta cũng có thể thấy rõ sự biểu trưng cho sự hội thông đó. Hai vị Bồ Tát đứng hầu hai bên trái, phải của đức Phật A Di Đà. Trái, phải là hai, như Thiền, Tịnh là hai, nhưng tánh giác nào có hai. Đứng về mặt sự tướng, danh ngôn đối đãi, thì thấy dường như có hai, nhưng đứng về mặt bản thể lý tánh thì không khác, tức muôn pháp đồng như thể. Nhìn trên mặt hiện tượng thì thấy có muôn ngàn lượn sóng lớn nhỏ khác nhau, nhưng thể nước chỉ là một. Đức Phật A Di Đà là tiêu biểu cho tánh giác vượt lên trên đối đãi nhị nguyên. Đó là biểu thị cho sự hội nhập dung thông triệt tiêu nhị nguyên đối đãi vậy.

Người tu hành mà còn thấy có hai bên: Tịnh khác, Thiền khác, đạo khác, đời khác, anh khác, tôi khác v.v...thì làm sao ngộ được tự tánh? Không ngộ được tự tánh, thì làm sao giải thoát? Chính do vọng chấp thiên kiến này nên chúng ta mới thấy có những cặp đối đãi nhị nguyên. Đây là đầu mối của sự tranh chấp hơn thua đấu đá chém giết lẫn nhau. Thế giới đảo điên thác loạn cũng bởi do cái nhìn “biến kế” vọng chấp này mà ra. Từ đó, con người tạo ra vô số nghiệp ác, để rồi phải chịu cảm thọ lãnh vô số nghiệp quả khổ đau. Vì thế, mà con người mãi phải chịu trầm luân nổi trôi trong biên đời đầy đau thương khóc hận. Kinh Duy Ma Cát ở phẩm “Pháp Môn Bất Nhị” đã dạy rõ cho chúng ta bài học “Không Hai” vô giá này. Nhưng rất tiếc thay! Con người vì vô minh che lấp nên chưa nhận ra được cái chân lý siêu việt này.

Phật tử hỏi tại sao người tu theo pháp môn Tịnh Độ, lẽ ra là phải tôn thờ tượng Đại Thế Chí mới phải, vì Ngài tu theo pháp môn niệm Phật mà được chứng quả Thánh. Thế nhưng, hầu hết Phật tử (dù tu theo Tịnh Độ Tông hay các Tông phái khác) cũng đều thờ riêng hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Lý do tại sao?

Xin thưa, vì mỗi vị Bồ Tát đều có phát khởi hạnh nguyện riêng. Do vì trong lúc tu nhân, các Ngài mỗi người đều phát đại nguyện độ sanh khác nhau. Như Bồ Tát Quán Thế Âm Ngài phát đại nguyện là tâm thỉnh cứu khổ chúng sanh ở cõi Ta bà này. Bất luận chúng sanh nào, khi gặp hoạn nạn khổ đau, mà hết lòng thành tâm xưng niệm danh hiệu Ngài, thời Ngài sẽ hiện thân đến để cứu độ họ. Bởi do hạnh nguyện đó, nên Ngài có nhân duyên rất lớn với chúng sanh ở cõi này. Vì vậy, mà chúng ta không lạ gì khi thấy hầu hết các nước tu theo hệ phái Phật Giáo Phát Triển đều có tạc tượng tôn thờ hình tượng của Ngài. Sở dĩ người ta tôn thờ Ngài là vì người ta rất tin tưởng vào việc cứu khổ cứu nạn theo bản nguyện của Ngài.

Còn Bồ Tát Đại Thế Chí mặc dù Ngài chuyên hành trì theo pháp môn niệm Phật mà chúng đạt Thánh quả, nhưng Ngài không có phát nguyện rộng lớn độ sanh ở cõi Ta bà này như Bồ Tát Quán Thế Âm. Ngài chỉ phát nguyện phụ lực với đức Phật A Di Đà để tiếp dẫn những chúng sanh nào có nhân duyên niệm Phật A Di Đà được vãng sanh về cõi Tây phương Cực lạc. Và Ngài chỉ trực tiếp giáo hóa chúng sanh ở cõi nước đó mà thôi. Căn cứ vào bản nguyện độ sanh của Ngài như thế, nên người ta không có thờ riêng hình tượng của Ngài giống như Bồ Tát Quán Thế Âm. Người ta chỉ thờ Ngài qua hình tượng Tam Thánh mà thôi.

Ngược lại, riêng Bồ Tát Quán Thế Âm không những Ngài phát nguyện phụ lực tiếp dẫn chúng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc giống như Bồ Tát Đại Thế Chí, mà Ngài còn phát nguyện thị hiện 32 ứng thân ở cõi Ta bà này để hóa độ chúng sanh. Bởi lý do đó, nên người ta mới tạo tượng tôn thờ riêng Ngài. Thờ như thế quả đúng với bản nguyện độ sanh của Ngài, chớ không có gì là sai trái cả.

---o0o---

56. Thực phẩm chay nhưng thực đơn nêu toàn đồ mặn?

Hỏi: *Kính thưa thầy, Phật dạy người Phật tử nên tránh những thứ dục nhiễm, những thứ có tánh cách gợi cảm làm cho con người sanh tâm đắm nhiễm. Nhưng con không hiểu sao, ở các tiệm cơm chay, người ta hay bày thực đơn tên gọi những thức ăn toàn là đồ mặn nghe thật hấp dẫn. Nào là cá kho tộ, gà xé phay, mì vịt tiềm v.v... Xin hỏi lý do tại sao phải đặt tên như thế? Và như thế có phải gợi cho người ta ăn chay mà còn nghĩ tưởng đến đồ mặn hay không? Và việc làm đó có mang tội hay không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Xin thưa ngay chúng tôi không phải là người đặt ra tên gọi của những thức ăn đó. Vì vậy cho nên, tôi không thể nào trả lời chính xác cho Phật tử thỏa mãn được. Vả lại, đây là lãnh vực chuyên môn trong phạm vi thương mại. Đã thương mại, tất nhiên ai cũng muốn có lợi nhuận. Dù đó là bán thức ăn chay. Tôi nghĩ, nếu Phật tử trực tiếp hỏi những người đặt ra tên gọi của những thức ăn đó, thì có lẽ họ sẽ trả lời chính xác và chắc chắn là hay hơn tôi. Tuy nhiên, để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, thì tôi cũng xin mạo muội góp chút ngu ý trong vấn đề này.

Tôi đồng ý với Phật tử, Phật dạy người Phật tử nên tránh những thứ dục nhiễm, những thứ có tánh cách gợi cảm làm cho con người sanh tâm đắm nhiễm. Tuy nhiên, trong nhà Phật thường có nêu ra hai thứ dục nhiễm: thiện nhiễm và ác nhiễm. Dục nhiễm ác là những thứ mà một khi con người vướng vào thì rất là đau khổ. Như những thứ dục nhiễm say sưa rượu chè, cờ bạc, hút xách xì ke ma túy v.v...Đó là những thứ gây ra có tác hại rất lớn cho sức khỏe bản thân cũng như làm tan vỡ mất đi hạnh phúc gia đình và có ảnh hưởng không tốt đối với nhân quần xã hội. Những thứ đó, là Phật tử chúng ta cần nên tránh. Tuy nhiên, đối với những thứ dục nhiễm thiện có lợi cho bản thân, gia đình và xã hội, thì ta cần nên tích cực cố gắng, thật hành và phát triển. Như những dục nhiễm thiện: ăn chay, niệm Phật, tụng kinh, lễ bái, hành thiện lợi tha v.v... đó là những thứ dục nhiễm thiện mà ta cần phải phát huy cố gắng mạnh mẽ. Người tu hành ở nơi nhơn thừa và thiên thừa, thì Phật dạy cần phải có những thứ dục nhiễm thiện. Nói rõ ra là chúng ta cần phải tập cho mình có những thói quen tốt, đó là thiện nghiệp. Thói quen ăn chay, là một trong những thiện nghiệp mà người Phật tử cần phải phụng hành.

Việc đặt tên gọi giả danh cho những thức ăn mang tính gợi cảm thích thú, theo tôi, đó cũng là một bí quyết thủ thuật rất hay của những nhà làm thương mại mà họ đã tư duy đặt ra. Bí quyết đó nhằm đánh động được tính hiếu kỳ của con người. Đã biết đó là tiệm cơm chay, thì dù cho tên gọi có hấp dẫn đến đâu đi nữa, thực chất của nó cũng vẫn là đồ chay mà thôi. Tên gọi chẳng qua cũng chỉ là một thủ thuật khai thác lòng thị hiếu hấp dẫn khẩu vị của con người.

Có gợi cảm đặc biệt như vậy, thì mới có thể lôi cuốn hấp dẫn thực khách ăn chay. Cách bày ra đó, ngoài việc đánh động thị hiếu tò mò của con người ra, nó còn có một tác dụng là làm cho người ta không gây thêm tội sát sinh hại vật nữa. Đó cũng là cách bày ra phương tiện tốt. Nói thế, hoàn toàn tôi không có ý biện minh hay xu phụ theo những chủ nhà hàng chay. Xin Phật tử chớ vội hiểu lầm. Tôi nghĩ, việc làm đó, tuy mang tính thương mại, nhưng cũng là điều rất tốt. Trong một quốc gia nếu có được nhiều tiệm cơm chay

và nhiều người ăn chay như thế, thì đó là một điều đại hạnh cho quốc gia đó. Vì ít ra, cũng còn có nhiều người lương thiện.

Tôi nghĩ, dù cho họ đang ăn chay mà lòng họ có nghĩ tưởng đến đồ mặn đi chăng nữa, theo tôi, cũng không có gì là mang tội cả. Nếu bảo nghĩ đến là có tội vậy thử hỏi những người không ăn chay mà họ vẫn nghĩ đến đồ mặn vậy là đều có tội hết hay sao? Nên nhớ, Phật tử đang tu theo nhơn thừa kia mà! Hơn nữa, những người vào quán ăn chay, đâu phải tất cả đều là thực khách Phật tử hết. Có những người họ không phải là Phật tử, nhưng họ thích ăn chay, như vậy, chả lẽ họ không được quyền nghĩ đến đồ mặn (mạng) hay sao? Nếu chỉ có ý thức nghĩ đến thì đó chưa hẳn là thành tội. Tuy rằng, ý thức là chủ động để sai khiến thân và miệng tạo nghiệp. Nhưng ở đây ta thấy, những người một khi đã bước vào tiệm ăn chay, tất nhiên là lòng họ đã có phát khởi thiện tâm rồi. Nếu không, thì họ vào quán ăn chay để làm gì? Dù họ ăn với lý do kiêng cử hay thay đổi thử khẩu vị cũng là điều tốt cả. Ít ra, họ cũng tránh được một bữa ăn trên sự đau khổ kêu la giãy chết của những loài sinh vật khác. Dù trực tiếp sát hại hay gián tiếp cũng thế.

Và như, hằng ngày cả nhơn loại đều đắm nhiễm thức ăn chay như thế, thì thử hỏi thế giới loài người sẽ ra sao? Có phải sống trong cảnh thái bình an lạc hết không? Đã bày ra như thế mà vẫn còn quá ít người đắm nhiễm. Nếu không bày ra tên gọi hấp dẫn đó, thì thử hỏi có được bao nhiêu người bước vào quán cơm chay? Riêng chúng tôi, thì chúng tôi cũng rất ước mong mọi người đều đắm nhiễm thức ăn chay qua giả hiệu đồ mặn. Có thêm được một người ăn chay, thì xã hội sẽ bớt đi một người sát hại sanh vật. Sát sanh hại vật còn không có, nói chi đến cảnh tượng giết người. Đã thế, thì làm gì nhơn loại còn sống trong cảnh phập phồng lo sợ hiện tượng đao binh chiến tranh khùng bố xảy ra nữa chứ?!

Tóm lại, theo tôi, việc đặt giả hiệu gọi thức ăn đồ mặn như thế, cũng là một cách rất hay để khéo gợi cảm giác thương thức háo ăn của con người. Và những thực khách thương thức ăn chay qua nhãn hiệu đồ mặn đó, giả như có vọng tưởng nghĩ đến đồ mặn đi chăng nữa, cũng là điều tốt chứ không có gì là tội lỗi cả. Và người đặt ra tên gọi cũng không có tội lỗi gì. Biết đâu nhờ sự gợi cảm đó mà Phật tử thích ăn chay. Khi ăn chay lâu ngày trở thành thói quen. Từ đó, Phật tử phát tâm ăn trường chay luôn. Như vậy, có phải nhờ nghĩ tưởng giả hiệu đồ mặn mà trở thành người ăn chay trường, thế thì, không phải tốt lắm hay sao? Như vậy, có đắm nhiễm cũng là một điều rất tốt chứ không có tội lỗi chi cả. Hiểu thế, thì chúng ta cần nên cảm ơn người bày ra tên gọi giả hiệu đồ mặn. Nhờ họ mà người ta mới phát tâm ăn chay nhiều.

57. Cách thờ Phật và Quy y Tam Bảo như thế nào mới đúng?

Hỏi: Kính bạch thầy, con là Châu Anh, con có một thắc mắc kính xin hỏi thầy: Gia đình con muốn lập bàn thờ Phật tại nhà. Có người cho rằng có thể đặt bát hương chung thờ Phật và thờ thần linh. Có người nói phải lập bàn thờ Phật riêng làm con rất bối rối. Con xin thầy chỉ dạy làm cách nào mới đúng và nên thờ tượng Phật nào tại nhà. (Ba con mất được 1 năm, mẹ con theo Tịnh độ tông và đang tu tập Thiên tông). Nhân đây, con hỏi thêm một câu, mẹ con khuyên con nên quy y Tam bảo. Nhưng con chưa tìm hiểu kỹ nên chưa dám nghe theo. Con xin thầy chỉ cho con biết sau khi quy y thì có gì khác với cuộc sống bình thường không? Con cần phải làm những việc gì và không được làm những việc gì? Con kính cảm ơn thầy.

Đáp: Trong câu hỏi của Châu Anh, gồm có 4 vấn đề mà Châu Anh muốn biết. Để tiện bàn giải, tôi xin nêu ra đây từng vấn đề một để xin chân thành góp ý.

1. Châu Anh nghe người ta nói có 2 trường hợp trái ngược nhau:

a. Nên lập bàn thờ Phật chung với thần linh.

b. Nên lập bàn thờ để thờ Phật riêng.

Do hai ý kiến trái nhau, nên Châu Anh đâm ra hoang mang phân vân không biết phải thờ Phật như thế nào mới đúng.

Theo lời Phật dạy, trời thần vẫn còn là chúng sinh, vẫn còn phải chịu trôi lăn trong tam giới. Do đó, nên khi quy y Tam bảo, Phật dạy người Phật tử không được quy y với thiên, thần, quỷ, vật. Vì thần cũng là một loại quỷ, nhưng chẳng qua loại quỷ có thế lực quyền uy cao hơn những loài quỷ khác, nên người ta gọi là thần. Nói chung là quỷ thần. Đã thế, thử hỏi làm sao quỷ thần dám ngồi chung một bàn với Phật? Thần có ác thần và thiện thần. Những vị thiện thần thì luôn luôn phát nguyện hộ trì chánh pháp của Phật.

Tôi rất thông cảm cho sự băn khoăn bối rối của Châu Anh. Tại vì Châu Anh chưa có cơ hội để học hỏi nghiên cứu tìm hiểu kỹ càng về Phật pháp, nhất là về phương diện đời sống tâm linh mang tính siêu hình. Vì thế, nên Châu Anh mới có sự băn khoăn thắc mắc nghi ngờ về vấn đề đó. Hơn nữa, chính người nói thờ Phật chung với thần linh, thật ra bản thân của họ cũng chưa hiểu gì về Phật pháp cả. Nghĩa là họ không phân biệt sự sai khác hơn kém giữa thần linh và chư Phật, Bồ tát.

Người nói, nên thờ Phật riêng, chứng tỏ người đó có hiểu phần nào về cách tôn trí thờ phụng. Và họ biểu lộ được tấm lòng tôn kính ở nơi đức Phật. Vì

họ biết giữa Phật và thần linh có sự khác biệt rất xa. Thiết nghĩ, Châu Anh nên nghe theo lời khuyên của người đó.

Nói tóm lại, qua câu hỏi này, thì tôi thành thật khuyên Châu Anh nên thiết lập bàn thờ Phật riêng và chỉ thờ một vị Phật mà thôi. Nên nhớ phải thiết lập bàn thờ nơi chỗ trang nghiêm thanh tịnh. Đó là vì chúng ta biểu lộ lòng tôn kính ở nơi đức Phật. Có thế, thì chúng ta mới có thêm nhiều phước báo.

2. Nên thờ tượng Phật nào? Theo Châu Anh nói, người mẹ theo Tịnh Độ tông, nhưng hiện thờ bà lại tu theo Thiên tông. Thông thường, người Phật tử tu theo tông nào thì người ta hay thờ tượng Phật cho phù hợp với tông chỉ của mình đang tu theo tông đó. Tuy rằng, Phật nào cũng thờ được cả. Vì đã là Phật thì tất cả đều như nhau, Phật Phật đại đồng, không có gì là sai biệt. Tuy nhiên, điều này còn tùy theo quan niệm và Tông phái mà người đó đang tu theo. Do đó, nên việc tôn thờ Phật tượng có sai khác. Xưa nay, người tu theo Thiên tông, thì người ta chỉ tôn thờ một tượng Phật Thích Ca. Vì đức Phật Thích Ca do tu Thiên mà chứng quả. Ngược lại, người tu theo Tịnh độ tông, thường người ta hay thờ đức Phật Di Đà hoặc là thờ tượng Tam Thánh (Di Đà, Quan Âm và Thế Chí). Vì người ta muốn sau khi lâm chung được vãng sanh về thế giới Cực Lạc. Mà thế giới Cực lạc là do Phật Di Đà làm giáo chủ. Cho nên người ta chỉ thành quy hướng tôn thờ và niệm danh hiệu của Ngài để cầu vãng sanh về cõi đó.

Vấn đề này, theo ý kiến của tôi, thì tôi thành thật khuyên Châu Anh tốt hơn hết là Châu Anh nên hỏi qua ý kiến của mẹ, xem thử mẹ thích thờ tượng Phật nào. Nếu như hiện giờ Châu Anh còn đang chung sống với mẹ, thì nên tôn trọng ý kiến của mẹ. Tùy theo sở thích của bà mà thỉnh Phật về thờ. Như thế thì tôi nghĩ, sẽ được tốt đẹp cho cả hai. Vì đó cũng là cách làm cho mẹ vui và cũng không trái ý của bà mà gây nên phiền lòng giữa mẹ con với nhau không tốt. Vì chưa thỉnh Phật về nhà thờ mà tình mẹ con đã bất đồng bị sút mẻ rồi, thì điều đó không nên. Như thế, thì dù cho mình có thỉnh Phật về thờ thì cũng không có ông Phật nào chứng minh cho lòng mình điều đó. Đó là điều mà tôi thành thật khuyên Châu Anh cần nên hỏi qua ý kiến của mẹ.

3. Có nên quy y Tam bảo theo lời mẹ khuyên hay không? Điều này, thiết nghĩ, Châu Anh cũng không nên vội gáp. Vì bất cứ việc làm nào, trước khi quyết định, mình cũng phải tìm hiểu suy tư cho thật kỹ càng. Việc thông thường còn như thế, huống gì là việc quy y Tam bảo. Đó là một quyết định tối ưu hệ trọng cho đời sống tâm linh suốt cả cuộc đời của mình sau này. Do đó, nên mình cần phải cân nhắc tìm hiểu cho thật kỹ càng thận trọng trước khi quyết định.

Tuy nhiên, việc quy y có đôi khi, người ta vẫn quy y trước rồi sẽ học hỏi tìm hiểu Phật pháp sau. Lý do, là vì người ta sợ quỷ vô thường thành linh cướp mất đi mạng sống. Nếu như thế, thì e rằng, chừng đó có muốn quy y thì cũng đã quá muộn màng chậm trễ rồi! Theo tôi, thì Châu Anh, nếu muốn quy y theo lời mẹ khuyên, thì cũng tốt không có sao đâu. Tuy nhiên, sau khi quy y Tam bảo rồi, Châu Anh nên cố gắng siêng năng nghiên tầm tra dồi học hỏi Phật Pháp. Mục đích là để cho mình biết rõ đường lối tu hành, không bị rơi vào con đường tà ngoại. Và như thế mới có lợi ích thiết thực cho sự tu hành và mới thực sự thăng tiến xứng danh mình là người con Phật.

Điều này, tùy Châu Anh quyết định phương cách nào cũng được. Một là tìm hiểu trước rồi quy y sau, hoặc quy y trước rồi tìm hiểu học hỏi Phật pháp sau. Cả hai đều có lợi ích cả. Tuy nhiên, theo tôi, thì có đôi khi nhờ có quy y rồi, nên mình mới chịu nỗ lực gia công nghiên tầm học hỏi. Vì đó là điều do mình ý thức bổn phận của mình. Cũng như mình có vào trường rồi thì mình mới cố gắng gia công học hành. Còn không vào trường, thì mình đâu có chịu học hành. vì không có ai thức nhắc khuyến bảo hay bắt buộc mình cả.

4. Châu Anh hỏi sau khi quy y rồi đời sống có thay đổi như trước khi mình chưa quy y không? Hay cũng vẫn bình thường không có gì khác lạ? Và mình cần phải làm gì? Dĩ nhiên, sau khi quy y Tam bảo mình phải giữ gìn Tam quy (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng) và đồng thời mình cũng phải giữ gìn 5 giới cấm túc 5 nguyên lý đạo đức căn bản của người Phật tử tại gia để tăng thêm hơn cách đạo đức phẩm giá của một con người. Năm nguyên lý đạo đức Phật dạy gồm có:

Thứ nhất, Phật dạy người Phật tử không được sát hại sinh vật, chủ yếu là không được giết người. Nguyên lý đạo đức này là Phật dạy người Phật tử phải có lòng từ bi thương yêu muôn loài mà tôn trọng mạng sống cho nhau. Vì loài nào cũng đều ham sống sợ chết cả. Hơn nữa, còn tránh được quả báo oán thù hiện tại và mai sau.

Thứ hai, Phật dạy người Phật tử không được gian tham trộm cắp, vật gì của người ta mà người ta không cho thì mình không được lấy. Nghĩa là không được ngang nhiên chiếm đoạt cướp lấy vật sở hữu của người làm của mình. Nguyên lý đạo đức này là Phật dạy người Phật tử phải tôn trọng tài sản của người khác. Tài sản của mình nếu vô cớ bị người chiếm đoạt, tất nhiên là mình rất đau khổ. Người khác khi mất tài sản họ cũng đau khổ luyến tiếc như mình.

Thứ ba, Phật dạy người Phật tử khi có gia đình rồi không được làm việc tà hạnh tư thông dâm loạn làm mất trinh tiết gây tổn hại danh giá của người khác phái. Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là Phật nhằm bảo vệ mái ấm

hạnh phúc gia đình, làm cho vợ chồng và gia đình luôn luôn có được nếp sống an vui yêu thương hòa kính lẫn nhau.

Thứ tư, Phật dạy người Phật tử phải luôn luôn tôn trọng sự thật, không được nói dối. Nói dối hay nói láo là chuyện có nói không, chuyện không nói có, hoặc dùng những lời lẽ thù ghét, việc ít xích cho nhiều, gây nên đôi đàng xích mích với nhau. Không nên dùng lời ác khẩu trù rửa chửi mắng đối phương v.v... Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là Phật muốn cho người Phật tử phải luôn luôn trau dồi nuôi dưỡng đức tánh thành thật và phải nói lời ái ngữ thương yêu tôn trọng hòa kính với nhau. Đây là phương cách nhằm bảo vệ uy tín cho mình và người.

Thứ năm, Phật dạy người Phật tử không được uống rượu tức là những thứ mang chất kích thích tố làm cho con người mê say đắm nhiễm mất đi như cách phẩm giá đạo đức con người. Vì những loại có chất ma túy này, nó tác động gây nên rất tai hại cho mình, gia đình và xã hội. Vì thế, Phật răn cấm không cho người Phật tử dùng đến. Vì một khi bị mê say đắm nhiễm nó rồi, thì con người rất là đau khổ. Và từ đó không những có hại cho bản thân mà còn gây nên tệ hại mất đi mái ấm hạnh phúc gia đình. Nguyên lý đạo đức này, chủ yếu là Phật nhằm nâng cao phẩm giá đạo đức con người trong việc bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình vậy.

Đại khái, đó là năm điều cấm giới căn bản đạo đức mà người Phật tử sau khi quy y rồi, thì Phật khuyên phải nên gìn giữ cẩn thận không được phạm phải. Giới luật của Phật chế ra, không phải là điều bắt buộc làm cho con người mất đi tự do, mà trái lại Phật muốn bảo vệ tự do hạnh phúc tối đa cho con người.

Như vậy, sau khi quy y đời sống của mình có thể thay đổi làm mới tốt đẹp hơn. Nhưng với điều kiện là mình phải vâng theo lời Phật dạy mà giữ gìn giới cấm và làm những điều phước thiện lợi lạc cho mình và người. Nói rộng ra là cho cả nhân quần xã hội. Do đó, sự quy y Tam bảo và giữ gìn giới cấm rất có lợi cho đời sống của mình. Còn việc sinh hoạt hằng ngày Châu Anh vẫn sinh hoạt giao tiếp bình thường không có gì thay đổi. Tuy nhiên, Châu Anh đã có sự thay đổi làm mới cuộc đời của mình theo con đường thiện nghiệp để được an lạc hạnh phúc.

Tôi chỉ trình bày nêu ra một cách khái quát, để cho Châu Anh có một khái niệm qua thôi. Mong rằng, nếu có dịp, Châu Anh sẽ tìm hiểu nghiên cứu học hỏi nhiều hơn. Tìm hiểu học hỏi để tự trau dồi tu tâm sửa tánh, cho đời mình ngày càng thăng hoa tốt đẹp hơn. Sự tìm hiểu học hỏi, đối với thời đại kỹ thuật điện tử thông tin toàn cầu hiện nay, thì thật là quá ưu tiện lợi. Vì hiện

nay, phương tiện truyền thông giúp cho người ta tìm hiểu học hỏi Phật pháp không còn là vấn đề trở ngại khó khăn nan giải như xưa nữa.

Kính chúc Châu Anh chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

58. Tại sao ngày 23 tháng chạp lại đưa Táo Quân về trời?

Hỏi: *Kính bạch thầy, hằng năm đến ngày 23 tháng chạp, con thấy người Việt mình hay có tục lệ là cúng đưa ông Táo về trời. Thú thật là con không hiểu cái tục lệ và sự cúng kiến này như thế nào? Kính mong thầy hoan hỷ giải thích cho con hiểu. Xin cảm ơn thầy.*

Đáp: Việc thờ cúng này, đây là một tập tục đã có từ lâu. Đối với người Việt Nam chúng ta, ngoài việc thờ cúng tổ tiên ông bà ra, người mình còn có thờ cúng các vị thần linh khác nữa. Trong các vị thần linh mà người ta thờ ở trong nhà, thì thần Thổ công đã được mọi người quan tâm thờ cúng nhiều nhất. Người xưa có câu: “*Đất có Thổ công, sông có Hà Bá*”. Thổ công là vị thần cai quản trông coi gia cư định sự họa phúc kiết hung cho gia đình. Đây là vị thần đứng đầu của các vị thần khác. Người ta quan niệm rằng, trong nhà thờ thần Thổ công, thì không có ma quỷ nào dám xâm nhập phá phách quấy nhiễu những người trong nhà.

Sở dĩ người ta gọi là Táo Quân, tức ông vua Táo gồm có cả ba vị: Thổ công, Thổ địa và Thổ kỳ. Thổ công là thần đất cũng là thần trông coi việc bếp núc. Tục thường gọi là vua bếp. Người ta tin rằng ngày 23 tháng chạp, Thổ công lên châu Trời tâu bày mọi việc xấu tốt của trần gian. Vì vậy, người ta bày biện thức ăn chay, mặn tùy gia chủ để thiết cúng gọi là ngày tết ông Công. Vì ông đóng vai khách quan ghi chép hết mọi việc hung kiết xảy ra trong gia đình để ông về châu Thượng đế ở trên thiên đình mà tâu hết mọi việc. Do đó, muốn được yên ổn người ta phải cúng tế như lo lót cho ông để ông chỉ tâu điều lành tốt không nên tâu điều xấu ác.

Như trên đã nói, Vua Bếp gồm có ba vị thần linh. Thế nhưng lý do nào gọi Vua Bếp mà gồm chung có ba vị thần này? Bởi người ta căn cứ vào sự tích nói về Vua Bếp mà nêu ra. Chuyện tích tuy dài, ở đây chúng tôi chỉ xin được tóm lược một cách ngắn gọn mà thôi.

Chuyện kể rằng, ngày xưa có hai vợ chồng, người chồng tên Trọng Cao, vợ là Thị Nhi. Hai vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con. Một hôm, Thị Nhi bị chồng đánh rồi bỏ nhà ra đi. Trong lúc ra đi, nàng gặp một người đàn ông tên là Phạm Lang. Hai người tư tình cảm thông nhau và trở thành đôi vợ

chồng. Trong khi đó, Trọng Cao sau khi vợ bỏ nhà ra đi, chàng ta hối lỗi nên quyết định đi tìm vợ để chuộc lại lỗi lầm. Trên đường lang thang tìm kiếm, bỗng một hôm, chàng ta tình cờ gặp lại Thị Nhi. Hai người rất mừng rỡ trong nỗi xúc động ngẹn ngào. Trong lúc hai người đang than vãn chuyện trò, thì Phạm Lang về gặp. Thị Nhi quá xấu hổ then thùng, nên đâm đầu vào đống lửa mà chết. Trọng Cao thấy vợ chết vì mình, nên cũng nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang thấy vậy, muốn chung thủy với vợ nên cũng chết theo luôn. (có thuyết thì nói cả ba người đều chết trong đống rơm)

Thượng đế thấy ba người trọn tình chung thủy nên mới phong cho là Táo quân và mỗi người giữ một việc:

Phạm Lang là Thổ công trông nom việc trong bếp.

Trọng Cao là Thổ địa trông nom việc trong nhà.

Thị Nhi là Thổ kỳ trông nom việc chợ búa.

Do tích trên, nên người ta mới thờ cúng ba vị thần này gọi chung là cúng Táo quân vào ngày 23 tháng chạp hằng năm.

---o0o---

59. Thờ linh ảnh ở trong chùa, nhưng cúng kỵ giỗ ở nhà có được không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, ba con mất đã lâu (1999) và ảnh của ba con thì thờ ở chùa Quang Minh. Mỗi năm, đến ngày kỵ giỗ, chúng con tụ về nhà má con để cúng, còn ở Việt Nam em con cúng giỗ có thỉnh thầy đến nhà tụng kinh, nhưng không có đến chùa cúng giỗ nơi thờ hương linh. Vậy, xin hỏi gia đình chúng con cúng như vậy có được không? Kính mong thầy hoan hỷ chỉ dạy cho con.*

Đáp: Theo phong tục nước ta, việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, quan trọng nhất là ngày kỵ giỗ. Ngày giỗ hay còn gọi là ngày kỵ nhật, chính là ngày kỷ niệm người đã qua đời. Sau khi an táng người đã chết, thì các thân nhân con cháu trong gia đình sự thương nhớ từ từ sẽ nguôi ngoay dần và tất cả đều trở lại đời sống sinh hoạt bình thường. Tuy nhiên, hằng năm khi đến ngày kỵ giỗ, con cháu dù cho có bận rộn công ăn việc làm đến đâu, thì cũng phải nhớ ngày kỵ giỗ của người chết mà quy tụ về một nơi để cúng giỗ. Nơi đó thường là nơi từ đường, tức là nơi thờ phụng người chết. Nói cúng giỗ, chỉ có những người theo tôn giáo (mà tôn giáo đó) phải chấp nhận sự thờ cúng tổ tiên thì mới nói cúng. Ngoài ra, có những tôn giáo không chấp nhận

việc thờ cúng tổ tiên, thì người ta chỉ nói là làm giỗ kỷ niệm mà không nói cúng giỗ.

Trường hợp của Phật tử, việc thờ cúng người cha mất đã lâu, trong gia đình thân nhân của Phật tử theo phong tục lễ nghi thiết cúng như thế thì không có gì là sai trái. Việc thỉnh hương linh và gởi di ảnh thờ ở trong chùa, đó là việc làm đúng theo lệ thường của người Phật tử. Mục đích của việc làm này là trong thân nhân muốn cho hương linh ở trong chùa ngày đêm lắng nghe kinh kệ để sớm thức tỉnh tu hành chóng được giải thoát. Đó là một việc làm rất tốt và rất phù hợp với lễ nghi Phật giáo. Tuy nhiên, không phải vì thờ hình ảnh hay linh cốt trong chùa mà mỗi năm các thân quyến con cháu phải về chùa cúng giỗ. Điều này, còn tùy thuộc vào hoàn cảnh sinh sống gia đình của mỗi người.

Ngày nay, có những gia đình Phật tử ở thành phố, vì nhà cửa chật chội nên họ thường cúng giỗ ở trên chùa để tiện việc mời khách và cũng đỡ vất vả cho gia đình. Trường hợp của Phật tử thì có khác, gia cảnh tương đối có đầy đủ tiện nghi, không như thiết phải làm như thế. Theo tôi, đến ngày kỵ giỗ, Phật tử chỉ cần mua chút ít hoa quả nhang đèn mang đến chùa (nơi thờ linh ảnh) và hết lòng thành kính dâng lễ dâng lên cúng dường Tam bảo. Đồng thời, cầu nguyện cho hương linh của người mất chóng được siêu sanh thoát hóa. Chỉ ngần ấy là đủ rồi.

Sau đó, thì Phật tử và những con cháu trong gia đình tùy nghi thiết cúng tại tư gia. Điều quan trọng của việc cúng kỵ giỗ này, theo Phật dạy người Phật tử không nên vì người chết mà sát sanh hại vật để thiết cúng. Nếu thế, thì chỉ gây thêm tội lỗi cho người sống lẫn người chết mà thôi. Do đó, muốn cho hương linh chóng được siêu thoát, thì thiết nghĩ, Phật tử nên y cứ theo lời Phật Tổ chỉ dạy nên thiết cúng đồ chay là tốt nhất.

Đã nói là ngày kỷ niệm, tất nhiên với tâm ý là để nhắc nhở cho con cháu ghi nhớ công ơn của tổ tiên, ông bà hay cha mẹ mà con cháu nên hết lòng quy kính noi theo. Đó mới thật sự là tưởng niệm đền đáp công ơn của người đã chết. Không nên vì người chết mà tạo thêm ác nghiệp làm khổ đau cho người đã chết. Như thế, thì đó không phải là cách báo hiếu. Như Phật tử đã nói, mỗi kỳ cúng giỗ, em của Phật tử ở bên Việt Nam có thỉnh thầy đến tư gia để tụng kinh cầu siêu cho hương linh. Điều đó, thì thật là quý báu tốt đẹp. Tôi xin hết lòng tùy hỷ tán dương công đức của việc làm này.

Tóm lại, việc thiết cúng kỷ niệm ngày giỗ cho thân phụ của Phật tử như thế, theo tôi, thì không có gì là sai trái đối với phong tục lễ nghi của người mình. Chỉ có điều là nên tránh sát sanh hại vật để thiết cúng, thì đây mới là điều đáng nói và tốt nhất. Chẳng những ích lợi cho người đã chết mà còn ích lợi

cho những người còn sống nữa. Kính mong Phật tử nên ghi nhớ lời Phật Tổ chỉ dạy mà thật hành theo. Được vậy, thì kẻ còn và người mất cả hai đều được ân triêm lợi lạc vậy.

---o0o---

60. Làm sao cho bớt cơn nóng giận?

Hỏi: *Kính bạch thầy, xin thầy chỉ cho con phương cách nào để cho con bớt nóng giận. Dù con biết rằng, khi con giận và nổi nóng thì con cố gắng niệm Phật nhưng thật sự trong lòng con rất là tức tối mà không biết phải làm sao cho hết tức?*

Đáp: Giận là một thứ tập khí thuộc căn bản phiền não lâu đời. Nó là một trong ba thứ có gốc rễ sâu xa trải qua từ vô lượng kiếp. Nó thuộc loại câu sanh hay bản hữu chủng tử. Khi có mặt ta là đã có mặt nó. Ba thứ đó là: “**Tham, Sân, Si**”. Trong kinh thường gọi ba thứ này là “Tam độc”. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta trôi lăn xuống lên chịu nhiều đau khổ trong tam đồ lục đạo, cũng bởi ba thứ này làm tác nhân tạo nghiệp. Tuy nhiên, tùy theo tập khí sâu cạn do sự huân tu chuyên hóa của mỗi người mà cường độ hiện hành của nó có nặng nhẹ, mạnh yếu khác nhau.

Trường hợp tập khí nóng giận của Phật tử kể ra cũng khá sâu nặng. Vì thế, nên khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng, thì Phật tử liền nổi nóng lên dữ tợn. Khác nào như lửa cháy phừng bốc lên cao ngọn. Dù Phật tử đã có cố gắng chiết phục bằng cách niệm Phật, nhưng cũng không thể dần được cơn giận tức. Với tâm hành giận tức như thế, thì thật là đau khổ! Tôi rất cảm thông cho nỗi đau khổ của Phật tử, bởi do những cơn giận tức nổi lên hoành hành làm cho tâm trí của Phật tử rối loạn bất an. Tuy Phật tử đã cố gắng hết sức để khắc chế nó, nhưng cũng không thể nào khắc chế làm giảm cường độ nó được. Đây là tâm bệnh chung của chúng sanh, đâu phải chỉ riêng có mình Phật tử.

Muốn chữa cháy của ngọn lửa sân hận này, trong kinh Phật có nêu ra nhiều phương pháp chữa trị. Tùy theo trình độ nhận thức của mỗi người mà áp dụng mỗi phương cách trị liệu khác nhau. Nhưng phương pháp nào, Phật dạy chúng ta cũng phải sử dụng trí huệ quán chiếu sâu vào nội tâm. Tuyệt đối, không nên ức chế đè nén. Vì đè nén cơn giận tức, chỉ làm cho nó càng nặng sâu thêm. Trong đạo Phật rất tối kỵ và không chấp nhận việc đè nén dần ép này. Bởi đó không phải là phương cách giải quyết hữu hiệu tuyệt hảo làm cho ta hết đau khổ. Càng ức chế đè nén nó chừng nào, thì lòng bực tức sân hận của ta càng tăng trưởng lớn mạnh thêm chừng nấy. Đến một lúc nào đó, ta không còn ức chế đè nén sức ép của nó nữa, thì chừng đó nó sẽ nổ

tung lên dữ dội và tàn phá rất mãnh liệt. Đây là một hậu quả rất tai hại, mà không ai có thể lường trước được. Bằng chứng như những thảm cảnh khủng bố giết người gây nên sự tàn sát đẫm máu, không biết bao nhiêu người đã chết và bị thương tích, thật là khiếp đảm hãi hùng!

Đạo Phật dạy ta cần phải nhận diện và chuyển hóa cơn giận. Khi ta giận ta cũng có thể biểu lộ nói rõ cho đối phương biết là ta đang bức tức buồn giận họ. Ta có nỗi khổ niềm đau riêng của ta. Ta nên bày tỏ nỗi khổ của ta một cách rất chân tình và thật thà với người mà ta đang giận. Ta giận họ có thể vì họ không làm cho ta vừa ý. Ta phải nói rõ lý do để cho họ hiểu và cảm thông cho ta. Hoặc cũng có thể ta có những tri giác sai lầm về họ. Ta cần phải thiết lập truyền thông để tìm hiểu căn kẽ kỹ càng nhau hơn. Ta không nên nuôi dưỡng chất chứa hận thù trong lòng. Vì đó không phải là thái độ khôn ngoan hành xử của ta. Ta cần phải bắt nhịp cầu cảm thông để ta và họ có cơ hội giải tỏa những khúc mắc nội kết của vấn đề.

Khi trao đổi bàn giải với nhau, cả hai nên dùng lời ái ngữ ôn hòa và phải tỏ ra một cách hết sức thành thật cởi mở. Cả hai nên dẹp bỏ lòng tự ái kiêu căng ngã mạn. Vì lòng tự ái là con đẻ của bản ngã. Chính nó gây nên thù hận và giết chết đời ta. Một khi đã giải quyết ổn thỏa thông cảm với nhau rồi, thì ta cảm thấy lòng ta như trút đi một gánh nặng ngàn cân. Bây giờ, tâm hồn ta trở lại tươi mát nhẹ nhàng và cảm thấy thương yêu nhau nhiều hơn. Đó mới thực sự là phương cách hóa giải hận thù một cách tuyệt hảo vậy. Bằng ngược lại, ta cứ mãi ôm ấp hận thù, chỉ làm cho ta và người đau khổ sâu thêm chớ không có ích lợi gì.

Tâm lý thường tình, khi nổi giận là ta muốn trừng phạt nặng nề đối phương làm ta giận. Đó là ta tạo cho hai bên trở thành đối nghịch thù ghét lẫn nhau. Và như thế, thì cả hai đều có những nỗi khổ niềm đau như nhau. Người trừng phạt và kẻ bị trừng phạt cả hai đều phải bị mất ăn mất ngủ. Thắng cũng khổ mà bại cũng khổ. Tốt hơn hết là ta nên buông xả cho lòng ta được an vui thanh thoát. Dại khờ gì mà ta phải ôm ấp nỗi khổ cho riêng mình!

Là Phật tử, Phật dạy ta không nên nuôi dưỡng hạt giống thù hận ganh ghét với bất cứ một ai. Đôi khi ta sai lầm mà ta vẫn cứ khư khư cố chấp bảo thủ cái định kiến của ta. Lòng tự ái của ta lúc nào cũng muốn ta phải lấn lướt hơn người. Muốn hạ nhục người mà ta căm tức thù ghét đến tận cùng đau khổ thì ta mới hả dạ. Tâm trạng đó, thật là quá ác độc! Dù cho ta có thỏa mãn vị ngọt của sân hận, nhưng lòng ta luôn luôn bất an và đau khổ. Đó là điều mà ta tự chuốc quả khổ cho ta và làm tan nát đổ vỡ tình thân thuộc, bạn bè thân yêu của ta mà thôi.

Ta nên biết rằng, khi người nào đó nói hoặc hành động làm cho ta đau khổ, thì trước tiên người đó đã chuốc lấy đau khổ trước rồi. Do đó, ta nên cảm thông thương xót họ hơn. Vì họ cũng có nỗi đau khổ riêng. Có thể họ chất chứa nội kết sâu dày nhiều hơn ta. Bởi họ là người chưa từng biết chăm sóc cơn giận. Hạt giống giận hờn của họ luôn ẩn tàng sâu kín trong tâm thức. Muốn nhận diện bản chất của nó thật không phải dễ dàng. Vì nó vốn không có nơi trú ngụ. Nhưng ta nên biết rằng, muốn vô hiệu hóa cơn giận tức trước khi nó bộc phát, Phật dạy ta nên thường xuyên quán chiếu sâu vào nội tâm và phải luôn thực tập chánh niệm. Có mặt trời ý thức chánh niệm soi sáng, thì sự nhận diện để chuyển hóa cơn giận sẽ không còn là vấn đề khó khăn nan giải nữa. Giận tức không phải là kẻ thù của ta. Mà nó chính là một phần tử của tâm thức ta. Ta và nó không phải là hai kẻ thù đối nghịch. Mà ta và nó là đôi bạn tri kỷ thân thiết với nhau. Vậy ta cần phải luôn quan tâm để ý chăm sóc vỗ về an ủi nó nhiều hơn.

Nếu ta vung vãi những lời nói cay cú độc ác làm tổn thương cho người ta đau khổ, thì chính ta đã rước lấy nỗi khổ đau trước rồi. Ta nên ý thức rằng, ngậm máu phun người tất phải dơ miệng mình trước. Như thế, thì mình và người đều đau khổ như nhau. Chỉ cần ta khéo biết vỗ về an ủi chăm sóc khi cơn giận nổi lên, thì cường độ của sự giận tức sẽ không còn cơ hội bộc phát mạnh mẽ. Nguồn tuệ giác của đạo Phật giúp cho ta tháo gỡ thoát qua những cơn si mê giận tức này. Ta chỉ cần quán chiếu thật sâu và thật kỹ ở nơi chính mình và ở nơi tha nhân. Cần lấy gương soi lại gương mặt mình khi cơn giận tức nổi lên. Nhìn thấy chắc là ta sẽ phải ghê tởm cho ta lắm! Một gương mặt hình thù thật quái dị hung tợn rất là khó coi. Cái nhân như thế, thì cái quả đời sau chắc chắn là ta sẽ trở nên xấu xí vô cùng. Nhận thức rõ điều đó, cũng giúp cho ta bớt đi cơn giận dữ. Vì không ai muốn mình trở thành một kẻ xấu xí như quỷ Dạ Xoa, La Sát bao giờ!

Tóm lại, muốn chữa trị cơn giận tức cho có hiệu quả, theo tôi, thì ta có thể ứng dụng thực tập 4 nguyên tắc căn bản sau đây:

1. Phải thường xuyên thực tập chánh niệm bằng cách theo dõi hơi thở.
2. Lời nói và hành động phải luôn có mặt trời ý thức soi sáng.
3. Phải quán niệm thật hành lòng từ bi trải rộng tấm lòng yêu thương. Hãy mở rộng trái tim yêu thương cư xử, bao dung, tha thứ và hài hòa trong nếp sống giữa tình người với nhau.
4. Hãy quán chiếu thật sâu vào tâm thức để nhận diện thấy rõ hạt giống sân hận và nên chuyển hóa nó ngay từ trong trứng nước.

Đại khái đó là 4 nguyên tắc chính yếu mà Phật tử nên cố gắng thực tập một cách thường xuyên. Có thể, thì thói quen giận tức của Phật tử sẽ từ từ lắng dịu lại và một ngày nào đó tự nó sẽ yếu dần không còn bộc phát mạnh bạo làm Phật tử đau khổ nữa. Mong Phật tử chịu khó thực tập thường xuyên để có được đời sống an lạc và hạnh phúc. Kính chúc Phật tử sẽ gạt hái thành công trong sự chuyển hóa tu tập này.

---o0o---

61. Tự mình cầu siêu cho mình như thế nào?

Hỏi: *Kính bạch thầy, khi con còn đang mạnh khỏe, con nghe quý thầy dạy là hằng ngày mình phải tự cầu siêu cho chính mình, đó là cách chắc ăn nhất. Thú thật, con không biết phải tự cầu siêu cho mình như thế nào? Và lời dạy đó có ý nghĩa gì? Thường con chỉ thấy người ta cầu siêu cho người chết, đâu có ai cầu siêu cho người còn sống. Thế mà quý thầy dạy phải cầu siêu cho mình lúc còn sống là sao? Kính mong thầy giải đáp cho con hiểu. Con kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Từ ngữ cầu siêu nguyên là chữ Hán. Cầu có nghĩa là xin giúp hay mong muốn một điều gì đó; còn siêu có nghĩa là vượt qua. Hai chữ cầu siêu có nghĩa là mong muốn cho (vong linh) chóng vượt qua khôn khổ thác sanh về cảnh giới an lành.

Thông thường, khi nói đến cầu siêu, người ta liền nghĩ ngay đến việc cầu siêu cho vong linh của người mới chết. Mục đích là nhờ sự tụng kinh niệm Phật mà hương linh chóng được siêu sanh thoát hóa. Nếu là Phật tử tu theo pháp môn Tịnh Độ, thì khi tụng kinh cầu siêu, người ta cầu nguyện cho hương linh của người chết sớm được vãng sanh về cõi Cực lạc của đức Phật A Di Đà. Vì vậy, nên không ai nói đến cầu siêu cho người còn sống bao giờ.

Tuy nhiên, ở đây Phật tử lại nghi ngờ. Vì Phật tử đã nghe một vị thầy nào đó nói, là chúng ta nên cầu siêu cho mình lúc còn sống hơn là đợi đến sau khi chết. Lời nói này mới nghe qua, chúng ta thấy dường như là hoàn toàn nghịch lý. Nhưng nếu bình tâm xét kỹ, thì chúng ta thấy cũng không hẳn là không có lý lẽ của nó. Lời nói này, theo tôi, người nói nhằm mục đích là để khuyến tấn thức nhắc người Phật tử chúng ta ráng lo tu niệm trong khi mình còn khỏe mạnh.

Phải thành thật mà nói, có đôi khi vì bon chen tranh đua hơn thua trong việc mưu sinh, mà người Phật tử chúng ta lại quên đi sự tu hành. Cứ dần dà ngày qua tháng lại, hện lần hện lữa, đến khi ngã bệnh hay quý vô thường sắp cướp

mất mạng sống, chùng đó mới giật mình nghĩ đến hối tiếc ăn năn. Một việc hối tiếc ăn năn thật đã quá muộn màng lắm rồi!

Thế là, sau khi chết, bảy giờ trong thân quyền mới tỉnh chur Tăng, Ni và Phật tử đến tụng kinh hộ niệm. Việc làm này, không phải là không đúng. Nhưng xét kỹ ra, thì đã quá trễ. Lúc sống, thì mãi lo tranh danh đoạt lợi, tất tả ngược xuôi nổi trôi theo dòng đời lôi cuốn không lo tu niệm. Thậm chí, có người còn không có thời gian rảnh rỗi để đi chùa nghe pháp hay tụng niệm một thời kinh ở nhà. Có người thì lại sống buông thả tha hóa truy lạc, hút xách bạc bài, say sưa chè rượu, đàng điếm giao du. Có người thì lại đi sâu vào con đường tội lỗi, hành hung cướp của giết người. Có người thì mãi miết ham cạnh tranh làm giàu, không giây phút hồi tâm thức tỉnh v.v... Nói rõ ra, cũng là Phật tử, nhưng mỗi người theo mỗi nghiệp duyên mà hành động tạo nghiệp khác nhau. Nhưng dù sinh hoạt tạo nghiệp ở dạng thức nào, đến khi chết, thì người thân cũng phải nghĩ đến lo việc cầu siêu vong độ.

Có những người giàu có, tiền rủng bạc bể, khi chết thì họ lại dùng tiền bạc để làm ma chay rình rang, trống kèn inh ỏi, dậy xóm dậy làng... Mục đích là để cho người đời trông thấy mà nể nang khen tặng. Đó chỉ là những việc phô trương hình thức bề ngoài, không ăn nhằm gì đến việc siêu độ vong linh. Thậm chí, có người còn mướn các nhà làm vàng mã, nhà kho v.v... Đối với người Phật tử, Phật dạy nên tránh vấn đề này. Nói thế, chúng tôi không có ý kích bác hay chống đối việc làm này. Vì chúng tôi rất tôn trọng quyền tín ngưỡng tin tưởng của mọi người. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được trao đổi góp ý trong phạm vi của người Phật tử mà thôi. Và nhất là qua câu hỏi thắc mắc của người đã hỏi nêu trên.

Trở lại vấn đề trên, theo tôi, thì lời nói của vị thầy nào đó, xét kỹ lời khuyên nhắc đó rất là thực tế. Thực tế ở chỗ, rằng, mình nên ý thức lo cầu siêu cho mình trước. Vì cầu siêu theo ý nghĩa trên, có nghĩa là mong muốn vượt qua nỗi khốn khổ để sanh ra cảnh giới an lành. Đây là cầu siêu theo ý nghĩa hiện thực qua lời nói, và việc làm lành hằng ngày của chúng ta.

Một lời nói hay việc làm tốt lành, tất nhiên nó sẽ đưa đến cho chúng ta một quả báo tốt lành. Ngược lại, thì quả báo rất tồi tệ xấu xa. Sâu hơn, thì ta nên cầu siêu cho mình trong từng tâm niệm. Một tâm niệm ác vừa sanh khởi, ta nên diệt trừ ngay. Một tâm niệm lành vừa dấy lên, ta nên nuôi dưỡng và phát triển nó. Nói rõ hơn, giây phút trước niệm ác dấy lên làm cho ta đau khổ bất an, liền đó lập tức ta phải sử dụng chánh niệm nhận diện và chuyển hóa tâm niệm ác đó. Phút trước, ta đau khổ (địa ngục) ; phút sau, ta vượt qua và sanh ra cảnh giới an lành (Niết bàn).

Đây là ý nghĩa cầu siêu chiếu soi thật kỹ qua từng tâm niệm. Nếu áp dụng ý nghĩa cầu siêu liên tục như thế, thì chắc chắn đời sống của chúng ta, không lúc nào mà không ở trong cảnh giới an lành. Do đó, ta không còn ý lại, chờ mai sau khi ta chết đi, mới thỉnh Tăng Ni hay bạn đạo đến tụng niệm cầu siêu cho ta. Vì hằng ngày, ta đã tự cầu siêu cho chính ta rồi. Sau khi ta chết, có cầu siêu hay không, cũng không thành vấn đề đối với ta nữa. Có cũng tốt mà không có cũng không sao. Ngược lại, cầu siêu theo kiểu trông chờ ý lại ở bên ngoài, chờ ngày mai sau khi ta chết, xét kỹ cũng không lấy gì làm bảo đảm chắc chắn lắm! Điều này, rất là thực tế. Đạo Phật rất chú trọng đến sự sống thực tế. Đạo Phật không muốn chúng ta có ước vọng xa xôi viển vông. Theo luật nhân quả, nhân như thế nào thì quả sẽ như thế ấy.

Việc cầu siêu, chẳng qua đó chỉ là trợ duyên tốt giúp thêm cho chúng ta mà thôi. Nhưng điều quan trọng thực tế, vẫn chính là ở nơi ta. Theo đó, thì tốt hơn hết là mỗi người chúng ta nên tự nỗ lực cầu siêu cho chính mình trước đi. Cầu siêu bằng cách là nên nỗ lực huân tu làm lành lánh dữ. Đồng thời, chúng ta luôn giữ tâm ý mình cho được trong sạch. Được thế, thì lo gì mình không được siêu thoát. Vì chúng ta đã thực sự siêu thoát ngay trong cõi đời ược trước này rồi. Đó là ý nghĩa cầu siêu cho mình một cách rất thực tiễn. Hiểu thế, thì Phật tử sẽ không còn gì phải nghi ngờ nữa cả. Kính mong Phật tử hãy tự cầu siêu cho chính mình ngay trong đời sống hiện thực này.

---o0o---

62. Làm sao cho đứa con tự nguyện đi chùa một cách vui vẻ?

Hỏi: *Kính bạch thầy, xin cho con hỏi: con có đứa con, lúc trước nó có đi chùa vài lần. Nhưng sau, nó không muốn đi vì lười biếng. Bây giờ con làm cách nào để cho con của con nó tự nguyện đi chùa một cách vui vẻ?*

Đáp: Việc đi chùa hay tu hành là do căn duyên của mỗi người. Chúng ta không nên bắt ép. Vì như thế, có đôi khi chẳng những không có lợi ích mà trái lại, nó còn phản tác dụng có hại nhiều hơn nữa không chừng! Đứa con của Phật tử, như Phật tử đã nói, em có đi chùa vài lần. Nhưng sau đó em không còn đi nữa. Điều này, theo tôi, cứ hãy để cho em tự nhiên. Và Phật tử cũng không nên khuyến nhắc hay rầy la em. Tối kỵ nhất, là Phật tử không nên lấy quyền làm mẹ, mà bắt nạt nặng lời trách móc cho em là thứ hư thân làm biếng không chịu đi chùa. Bởi việc đi chùa, tùy theo quan niệm của mỗi người. Thiết nghĩ, là Phật tử chúng ta cũng cần nên biện biệt vấn đề này cho thật rõ ràng, để tránh sự hiểu lầm.

Thật ra, không phải ai đi chùa cũng đều là tu hết. Điều này chúng ta cần phải xét kỹ lại. Phật tử đi chùa có nhiều dạng thức và tâm niệm khác nhau:

- Có người đi chùa với mục đích là để phụ giúp làm công quả cho chùa. Trong khi hành sự, có ai nặng lời hay nghịch ý, chạm đến lòng tự ái của họ, thì lập tức tam bành lục tặc của họ nổi lên như sóng cồn. Họ la ó om sòm và bậm trợn dữ dội. Ai trông thấy họ cũng đều phát run sợ.

- Có người tới chùa với mục đích là để dòm ngó theo dõi xem tình hình sinh hoạt trong chùa ra sao. Với thâm ý là để tìm hiểu rồi phê bình chỉ trích nói xấu, một khi họ thấy những hành vi sai trái lỗi lầm của chư Tăng Ni và Phật tử.

- Có người đi chùa chỉ biết cúng bái hoặc thăm viếng vong linh, nơi mà ông bà cha mẹ hay người thân của họ thờ ở chùa. Xong rồi, là họ ra về. Họ chưa từng dự nghe một thời pháp hay tụng một thời kinh ở chùa.

- Có người đến chùa với mục đích là để nghe pháp học hỏi tu niệm v.v...

Nói tóm lại, người Phật tử đi chùa với nhiều hình thức và nhiều quan niệm khác nhau. Muốn biết đi chùa có tu hay không, trước hết, chúng ta cần hiểu nghĩa của chữ tu là gì. Chữ tu nguyên nghĩa là sửa đổi. Sửa dở thành hay, sửa tà thành chánh, sửa xấu thành tốt v.v...Nghĩa là chúng ta phải sửa đổi ở nơi hành vi và tâm niệm của chính mình. Hiểu nghĩa chữ tu như thế, thì không nhứt thiết là phải đi chùa mới gọi là tu. Tuy nhiên, đi chùa nó có điều lợi, là vì nơi đó có môi trường tăng thượng duyên tốt hơn ở nhà. Bởi lẽ, chùa là nơi trang nghiêm thanh tịnh, là nơi hành đạo hoằng truyền chánh pháp, là nơi hun đúc rèn luyện chúng ta trở thành người có đạo đức lương thiện. Cho nên, người Phật tử đi chùa với mục đích chính là để nghe pháp, học hỏi trau dồi thêm trí huệ và đạo đức. Đó là môi trường tốt tạo cho người Phật tử tăng thêm tín tâm và đạo lực. Nếu lệch ý nghĩa quỹ đạo này, thì sự đi chùa của người Phật tử sẽ không có kết quả tốt đẹp.

Do đó, nếu người Phật tử ở nhà, mà khéo biết sắp xếp thời gian và tạo nơi thờ Phật trang nghiêm, tạo môi trường sinh hoạt tốt đẹp như vườn tược cây cảnh v.v... Hằng ngày chuyên tâm tu niệm, phân chia thời khóa tụng niệm rõ ràng. Mỗi người tự tu tâm sửa tánh, tạo bầu không khí trong gia đình thật êm ấm an vui hạnh phúc. Mọi người khéo biết tương kính nhường nhịn hòa thuận với nhau. Nên cởi mở thiết lập truyền thông trao đổi với nhau bằng những lời lẽ ôn hòa nhã nhặn đầy yêu thương ái ngữ chân tình. Khi có chuyện gút mắc rắc rối không hay xảy ra trong gia đình, mọi người cùng nhau tìm cách tháo gỡ một cách êm xuôi trong tinh thần hòa ái cảm thông. Tuyệt đối, không nghi kỵ, giả dối, lường gạt, ngầm mưu hại lẫn nhau. Được

thế, tuy thân Phật tử còn ở tại gia, nhưng tâm của Phật tử đã rất gần với đạo lý giải thoát rồi.

Ngược lại, đi chùa mà không chuyên tâm tu học như thế, cứ để cho con khi ý thức chuyền nhảy theo ngoại duyên lung tung, rồi thêm sanh tâm phiền não giận hờn bực tức, hết giận hờn người này rồi lại trách móc người kia. Lập thành phe nhóm bè phái, chống báng nói xấu, xâm xì to nhỏ chỉ trích bươi móc nói lỗi với nhau. Hết nói xấu người này đến phê bình chỉ trích người khác. Lại thêm, ý mình có công lao, tài giỏi, rồi sanh tâm cống cao ngã mạn, hách dịch khinh người, lấn lướt miệt thị, coi ai cũng chẳng ra gì. Phật tử đi chùa với hành vi tâm niệm như thế, thì thử hỏi có được lợi ích phước đức gì không?!!! Hay chỉ gây tạo thêm nhiều tội lỗi. Làm mất đi bầu không khí trang nghiêm thanh tịnh ở trong chùa.

Trường hợp con của Phật tử, tôi thành thật khuyên Phật tử, cứ để cho em có sự quyết định chọn lựa một cách tự nhiên. Đó là chúng ta tôn trọng quyền tự do tin tưởng của em. Phật tử đừng quên hiện chúng ta đang sinh sống trong một đất nước tự do. Quyền quyết định là ở nơi mỗi cá thể. Nếu em thấy, sự đi chùa có lợi ích thiết thực và thích hợp với đời sống tinh thần của em, dù Phật tử có ngăn cấm đến đâu, thì em cũng nhất quyết tìm mọi cách đi chùa cho kỳ được. Vì đó là tự em ý thức và phát tâm mạnh mẽ. Bằng ngược lại, nếu em không thích đi, dù Phật tử có khuyên bảo hay bắt ép đến đâu, thì cũng vô ích mà thôi. Chi bằng, tốt hơn hết là Phật tử cứ thản nhiên để cho tự em quyết định lấy.

Phật tử nên biết, tuổi trẻ ở xứ này, các em không đi vào con đường xấu xa tội lỗi, thì đó là phước đức lắm rồi. Còn việc đi chùa đối với các em, chúng ta không nên ép buộc. Làm cha mẹ, chúng ta chỉ nên khuyến khích gây ý thức cho các em, khuyên các em nên gia nhập vào đoàn thể sinh hoạt, như đoàn thể Gia Đình Phật Tử chẳng hạn. Có thể, thì may ra các em mới đến chùa thường xuyên sinh hoạt mà thôi. Vì các em ham vui mà đến. Đó còn là môi trường sinh hoạt thích hợp với tuổi trẻ năng động của các em. Không phải các em đến chùa, vì lý do tu học hay làm công quả cho chùa như người lớn. Như đã nói, điều này còn tùy theo căn duyên nghiệp lực nặng nhẹ của mỗi người.

Qua những điều trình bày góp ý chân thành trên, tôi mong rằng, Phật tử cũng nên cảm thông với đứa con của Phật tử nói riêng và tuổi trẻ ở xứ này nói chung. Điều quan trọng là ở nơi Phật tử. Phật tử làm sao chứng minh cho con của Phật tử thấy, việc đi chùa của Phật tử thực sự có tu hành và có cải đổi tâm tánh tiến bộ thực tế. Tiến bộ từ lời nói đến việc làm. Việc hành xử hòa dịu êm ái đạo đức thật sự của Phật tử, đó chính là tấm gương phản chiếu

mạnh vào tâm thức của em. Từ đó, nó sẽ có tác động ảnh hưởng đến con của Phật tử. Vì nó thấy lời nói, thái độ, hành động của Phật tử là người thực sự có tu hành đàng hoàng. Như vậy, dù Phật tử không khuyên bảo nó, nó vẫn tìm hiểu và biết đâu nó sẽ trở thành người Phật tử chơn chánh sau này. Kính chúc Phật tử cố gắng hành thiện vững tiến trên bước đường tu niệm, gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trong khung trời an lạc hạnh phúc.

---o0o---

63. Treo hình tượng Phật và Bồ tát trên bàn thờ tổ tiên có được không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, nhà con đã có bàn thờ Phật và cũng có bàn thờ tổ tiên riêng. Nay con muốn treo thêm hình tượng đức Phật và đức Địa Tạng trên tường, tức trên bàn thờ tổ tiên, không biết treo như thế có được không?*

Đáp: Cách thiết trí thờ phụng của Phật tử như thế kể ra cũng khá ngăn nắp. Phật tử thiết trí bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên riêng biệt, điều đó rất tốt. Việc thờ phụng phải cho thành kính trang nghiêm. Điều này, còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, vị trí không gian của mỗi gia đình mà có sự thiết trí thờ phụng khác nhau.

Trường hợp của Phật tử, tuy đã có bàn thờ Phật rồi, nhưng nay Phật tử lại muốn treo thêm tượng Phật và tượng Bồ tát Địa Tạng trên tường, tức trên bàn thờ tổ tiên. Thật ra, việc làm này cũng không có gì là sai trái. Tuy nhiên, theo tôi, nếu ở trong nhà mà Phật tử treo nhiều hình tượng Phật, Bồ tát như thế, thì e rằng sẽ mất đi vẻ thâm mỹ trang nghiêm. Phật tử đã có thiết lập bàn thờ Phật rồi, như thế cũng là quá đủ. Trong nhà, khung cảnh không gian chật chội nhỏ hẹp, ta chỉ thờ Phật hay Bồ tát ở một nơi trang nghiêm là được rồi.

Như Phật tử đã thấy, hiện nay ở trong các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Tông (Phát Triển hay Đại Thừa), phần nhiều người ta cũng chỉ tôn thờ có một tượng đứng Trung Tôn, tức đức Phật Thích Ca ở chính giữa bàn thờ chánh điện. Thờ càng đơn giản càng tốt. Việc tôn thờ như thế, ngoài việc thâm mỹ trang nhã ra, nó còn tạo cho người ta có điểm lợi là dễ tập trung tư tưởng hơn. Vì khi hành lễ, mình dễ tập trung tinh thần vào một tụ điểm. Phật tử nên biết rằng, Phật Phật đại đồng. Giống như trong nhà của Phật tử tuy có nhiều bóng đèn điện khác nhau, nhưng dòng điện thì chỉ có một.

Xét trên hình thức hay hiện tượng tuy có khác, nhưng thực chất hay bản thể thì không có khác. Vì thế, Phật tử thờ một vị Phật là thờ tất cả chư Phật. Cũng như Phật tử lạy một vị Phật là lạy tất cả mười phương chư Phật. Do

đó, thờ một tượng Phật hay Bồ tát có tướng hảo quang minh, khi chúng ta nhìn vào sẽ gây cho chúng ta có một ấn tượng sâu xa và thật dễ chịu an lạc thanh thoát hơn. Còn thờ nhiều tượng mà các tượng không mấy tướng hảo quang minh, thì sẽ gây cho người ta một ấn tượng không mấy tốt đẹp trong sự tôn kính.

Thật ra, tâm lý thông thường của Phật tử chúng ta, cứ nghĩ rằng, thờ nhiều vị Phật, Bồ tát thì sẽ được các Ngài gia hộ độ trì cho chúng ta nhiều hơn. Thờ một vị thì ít quá, e rằng Ngài không đủ sức gia hộ cho gia đình mình. Nên thờ nhiều chừng nào thì tốt cho mình chừng nấy. Có nhiều Phật tử còn nghĩ rằng, thờ Phật, Bồ tát trong nhà nhiều thì các tà ma quỷ quái yêu tinh, chúng nó không dám xâm nhập vào nhà. Thế nên, trong gia đình sẽ không bị ma quỷ xâm nhập phá phách. Bởi có các Ngài gia hộ che chở trừ tà đuổi quỷ hết rồi. Do đó, nên trong gia đình mọi người lớn nhỏ sẽ được bình yên.

Quả đây là một quan niệm tin tưởng hết sức sai lầm. Thờ Phật, Bồ tát trong nhà, họ xem giống như thờ một vị thần linh. Bắt các Ngài phải có nhiệm vụ bảo hộ che chở cho mọi người trong gia đình. Nếu trong gia đình không may có việc gì xảy ra, thì họ lại trách cứ các Ngài, cho các Ngài là không linh thiêng. Thử hỏi thờ Phật, Bồ tát với quan niệm tin tưởng như thế, thì có còn xứng danh là Phật tử nữa hay không? Hay chỉ là một người đang tin tưởng theo lối tà đạo thần quyền, dù mệnh danh mình là Phật tử. Nếu ai có quan niệm tin tưởng như thế, thì hãy mau điều chỉnh hoán cải lại niềm tin của mình. Vì tin như thế, thật là quá mê tín. Ai có tâm niệm như thế, thì hãy mau dứt khoát trừ bỏ ngay. Nếu không, thì sẽ mang trọng tội với các Ngài.

Thờ Phật, Bồ tát trong nhà, cốt để cho chúng ta noi theo tấm gương trong sáng cao cả qua những công hạnh tu hành giải thoát của các Ngài. Hằng ngày chúng ta ra vô trông thấy hình tượng của các Ngài, như thầm nhắc nhở chúng ta phải nên cố gắng siêng năng tu hành. Chúng ta nên bắt chước tập tành làm theo, những gì mà chư Phật, Bồ tát đã chỉ dạy. Thờ Phật, Bồ tát như thế thì mới đúng ý nghĩa và mới thật sự có lợi ích thiết thực trong đời sống thực tế hằng ngày.

Tóm lại, những điều trình bày khái yếu trên đây, chúng tôi chỉ xin được nêu ra góp chút thành ý trong việc thờ phụng cho đúng cách theo tinh thần Phật Tổ chỉ dạy. Nhất là đối với người Phật tử, nếu không thờ thì thôi, khi đã tôn thờ thì chúng ta phải học hỏi và phải có quan niệm thực tiễn thờ cho đúng pháp. Có thế, thì việc thờ Phật hay Bồ tát của chúng ta, mới không sai lầm và mới thật sự có lợi ích thiết thực vậy.

64. Cha mẹ còn sống con có nên thờ Cửu huyền Thất tổ hay không?

Hỏi: Kính bạch thầy, nhà con có thờ Phật. Hiện nay, cha mẹ con vẫn còn sống và ông bà có thiết lập bàn thờ bên nội, bên ngoại. Nhưng có người bảo con phải thờ thêm Cửu huyền Thất tổ nữa mới đúng. Như vậy, con có nên thờ thêm hay không?

Đáp: Việc thờ phụng tổ tiên ông bà là một phong tục tập quán cổ truyền của người Việt Nam chúng ta. Đây cũng còn là một truyền thống văn hóa hiếu đạo rất cao đẹp tuyệt vời của dân tộc ta. Vì dân tộc ta rất chú trọng đến việc lễ nghi thờ phụng, nhất là đối với vấn đề tri ân và báo ân. “*Uống nước nhớ nguồn, hay ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây*”. Đó là những lời khuyên nhắc nhở dạy của tổ tiên. Đạo làm con bao giờ chúng ta cũng phải nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn đó là tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta. Họ là những người đã dày công giáo dưỡng chúng ta khôn lớn nên người. Thế nên, bổn phận làm con chúng ta phải luôn luôn ghi nhớ công ơn sanh thành giáo dưỡng của ông bà cha mẹ hầu để lo báo đáp thâm ân trong muôn một. Bởi đó là một công lao to lớn mà ở thế gian này không gì có thể so sánh được.

Theo nguồn gốc hiếu đạo, có tổ tiên mới sanh ra ông bà và có ông bà mới sanh ra cha mẹ. Vì thế, đối với con cái phải lo phụng dưỡng ông bà cha mẹ khi còn sống và phải tôn thờ cúng kỵ khi người đã khuất bóng. Đó là bổn phận của đạo làm con. Trong trường hợp của Phật tử, hiện cha mẹ còn sanh tiền, vả lại ông bà cũng có thờ phụng tổ tiên ông bà nội ngoại hai bên, như vậy, theo tôi, nếu như Phật tử muốn thờ thì cần phải hỏi ý kiến của cha mẹ trước. Đừng vì nghe người ta nói mà mình vội làm theo. Người xưa nói: “áo mặc sao qua khỏi đầu”. Đối với việc thờ cúng tổ tiên ông bà, Phật tử không nên tự động làm theo ý mình, khi mà cha mẹ còn sống. Trước khi muốn thờ, Phật tử cần phải thưa qua cho cha mẹ biết và phải được sự đồng ý cho phép của ông bà. Thế mới phải đạo làm con.

Còn người nào đó bày vẽ cho Phật tử, có thể là vì họ chưa biết Phật tử còn cha mẹ. Hoặc giả như họ có biết đi chăng nữa, nhưng thiết nghĩ, họ cũng chưa rành mấy về việc lễ nghi, nhất là về cách thức thờ phụng tổ tiên. Tại sao lại phải thờ cửu huyền, trong khi cha mẹ mình vẫn còn sống? Thông thường, người ta hay nói thờ Cửu huyền Thất tổ. Có đôi khi người ta cũng chưa hiểu rõ bốn chữ này như thế nào. Riêng hai chữ cửu huyền, thú thật, từ trước tới nay, chúng tôi đã tra cứu trong các quyển tự điển Phật học và Hán tự, nhưng không thấy chỗ nào có nêu ra hai chữ này cả. Chỉ thấy trong quyển Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của ông Bửu Kế và quyển Hán Việt Từ Điển của ông Đào Duy Anh, cả hai chỉ có nêu ra hai chữ cửu tộc và giải thích mà thôi. Tuyệt nhiên, không thấy có nêu ra hai chữ cửu huyền.

Theo trong Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của ông Bửu Kế, Nhà xuất bản Thuận Hóa, ở trang 328 giải thích, thì cửu tộc có nghĩa là chín lớp người trong một họ. 1. bản thân. 2. Cha. 3. Con. 4. Ông nội. 5. Cháu nội. 6. Ông cố. 7. Cháu tăng tôn. 8. Ông sơ. 9. Cháu huyền tôn. Ông còn nói thêm, có thuyết cho rằng: Cửu tộc gồm có: Họ nội 4, họ ngoại 3 và họ vợ 2. Căn cứ theo sự giải thích trên, thì tính từ bản thân mình trở lên gồm có 4 đời hay nói đúng hơn là trải qua 4 thế hệ: Cha, Ông nội, Ông cố, Ông sơ. Trở xuống 4 đời: Con, Cháu, Chắt, Chít. Tính luôn mình chung lại là 9 đời hay 9 thế hệ. Chữ huyền có nghĩa là sợi dây nối kết trải qua nhiều đời (chữ huyền có nhiều chỗ giải thích khác nhau).

Nếu phiên âm bằng chữ Hán thì được viết như sau: Cao, Tăng, Tô, Khảo, Kỳ, Tử, Tôn, Tăng, Huyền. Còn nói Thất tổ gồm có: Cao, tăng, tô, cao cao, tăng tăng, tổ tổ, cao tổ. Song có điều, riêng tôi vẫn còn thắc mắc thật sự chưa hiểu rõ: nếu chúng ta thờ cửu huyền trải qua chín đời như thế, thì thờ 4 đời trở lên không có gì phải nói. Nhưng nếu tính từ đời mình trở xuống mà thờ, thì thú thật tôi không thể hiểu được. Ở đây, tôi không dám cho việc thờ này là phi lý, vì tôi vẫn luôn tôn trọng ý tưởng đặt định của người xưa. Nhưng tôi rất thắc mắc về việc thờ phụng này. Vì chả lẽ mình lại thờ mình và thờ con cháu mình. Thậm chí, mình chưa có chắt, chít, thì lấy đâu mà thờ?

Thông thường, ở trong các gia đình người Việt chúng ta, chúng tôi chỉ thấy phần nhiều người ta chỉ thiết lập bàn thờ tổ tiên, ông bà, chớ ít có ai viết chữ để là thờ Cửu huyền Thất tổ. Bốn chữ này, chúng tôi thấy trong quyển sách: “Sự Lý Dung Thông” bằng chữ Hán của Thiền sư Hương Hải và được Tiến sĩ Lê Mạnh Thát đã dày công biên khảo và dịch lại, cho in chung trong Toàn Tập Minh Châu Hương Hải (Nhà Xuất bản TP. HCM, 2000) . Trong đó có hai câu thơ:

Thích độ nhân miễn tam đồ khổ

Thoát cửu huyền thất tổ siêu phương.

Ý nói giáo lý của đức Phật Thích Ca nhằm hóa độ chúng sanh thoát khỏi ba đường khổ: địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, đồng thời, cũng có khả năng cứu thoát cửu huyền thất tổ được siêu thăng. Ngoài ra, chúng tôi không còn thấy ở chỗ nào khác. Có thể là do sự tra cứu học hỏi của chúng tôi còn nông cạn hạn hẹp. Vấn đề này, xin được miễn bàn thêm, vì không phải lý do nghiên cứu ở đây. Chúng tôi chỉ xin nêu ra giải thích đôi điều để cho Phật tử biết sơ qua về cửu huyền thất tổ có liên quan đến việc thờ phụng mà Phật tử đã hỏi, thế thôi.

Tóm lại, tôi xin góp ý đề nghị với Phật tử, nếu như Phật tử muốn thờ, thì nên hỏi qua ý kiến cha mẹ của Phật tử trước. Thử xem ông bà nói sao. Sau đó,

Phật tử mới có quyết định. Như thế, thiết nghĩ cũng không phải là muộn và như thế sẽ được thuận thảo tốt đẹp cả hai. Phật tử không nên nghe người ta bày ra rồi mình tự động làm theo. Một việc làm mà mình không hiểu rõ ý nghĩa của việc mình làm, chỉ thấy xưa bày nay bắt chước, thì điều đó cũng không đúng lắm. Kính chúc Phật tử chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

65. Làm sao cho đứa con hướng về Tam bảo và sự cầu nguyện hồi hướng có tác dụng lợi ích hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con có hai câu hỏi kính mong thầy giải đáp:*

1. Mấy đứa con của con đều có tâm từ biết làm phước, bố thí, nhưng chúng nó chưa có hướng tâm về Tam bảo. Điều mà con mong muốn cho chúng nó nên hướng lòng về Tam bảo để lo tu niệm, nhưng không có đứa nào làm theo như ý muốn của con. Có phải đó là do căn duyên của chúng nó không? Và con phải làm sao?

2. Con có đứa con bị mang tật bẩm sinh và một đứa ham mê cờ bạc, con nghĩ đây cũng là do nghiệp duyên của nó, nên mỗi khi tụng kinh, niệm Phật, thì con đều hồi hướng công đức về cho chúng nó. Xin hỏi, như vậy có lợi lạc gì cho chúng nó không?

Đáp: Tôi rất cảm thông nỗi lòng đau khổ của Phật tử và hơn thế nữa, với tâm tư sâu muộn lo âu trong trách nhiệm bổn phận của một người mẹ. Tôi xin được chia sẻ góp chút thành ý với Phật tử qua hai câu hỏi đã nêu trên.

1. Việc bố thí làm phước của các đứa con của Phật tử, thật đó là điều đáng khen ngợi vui mừng. Nếu các em không có thiện căn biết thương yêu người, thì làm gì các em có thể biết hành thiện như thế. Đó cũng là do nhiều đời các em đã có huân tập hạt giống lành vào trong tâm điền, nên nay các em mới có được phát tâm như thế. Phật tử chỉ nên khuyến khích các em cố gắng tu tạo thêm phước đức để được lợi mình và lợi người. Đó là điều cần khích lệ cho các em. Khích lệ chớ không phải là bắt buộc. Có nhiều người vì muốn cho con mình có phước, nên thường bảo các em phải cúng dường, bố thí v.v... Điều này, tất nhiên là có ý tốt, nhưng việc làm từ thiện không nên ép buộc. Có đôi khi, Phật tử sẽ bị phản tác dụng, gây nên tình trạng không mấy tốt đẹp giữa tình mẹ con với nhau. Tốt hơn hết, là hãy để cho các em tự ý thức và phát tâm lấy.

Còn việc Phật tử nói, các em chưa hướng tâm về Tam bảo, theo ý của Phật tử mong muốn các em phải hướng về Tam bảo như thế nào? Có phải là các em nên đến chùa quy y thọ giới hay phải đi chùa thường xuyên hoặc là hằng đêm phải lễ bái tụng niệm v.v... Điều này, theo tôi, Phật tử không nên mong muốn những gì ngoài khả năng tầm tay của mình. Việc hướng lòng về Tam bảo tu hành còn tùy thuộc vào căn duyên chủng tánh của mỗi người. Không phải ai cũng có thể làm được. Nếu người đó thiếu căn lành với Phật pháp, thì dù mình có muốn cho họ thọ giới quy y hay đi chùa nghe kinh, tụng niệm, lễ bái... đâu phải là chuyện dễ làm.

Thật ra, làm cha mẹ ai cũng mong muốn cho con mình đi theo con đường chánh giáo đạo đức tốt đẹp, chớ không ai muốn cho con mình phải hư hỏng làm đường lạc lối, đi vào con đường tà giáo tội lỗi. Nhưng xin thưa với Phật tử, không phải cái gì mình muốn là được hết đâu. Muốn là một chuyện còn được hay không lại là chuyện khác. Nếu muốn cái gì cũng toại nguyện theo ý mình hết, thì cõi đời này chắc không còn một ai phải chịu nhiều đau khổ nữa. Vì mọi việc đều theo ý mình muốn hết rồi. Muốn trúng số độc đắc bạc triệu để mau làm giàu, mua vé số là trúng liền. Như thế, thì trần gian này sẽ trở thành cõi huỳnh kim thiên đường hạnh phúc. Người ta sở dĩ đau khổ thất vọng nhiều, chính là do những điều mong muốn mà không được toại ý. Đây là một trong tám nỗi khổ lớn của con người, đó là “cầu bất đắc khổ”.

Tại sao Phật tử lại bắt chúng nó phải theo ý của Phật tử? Nếu thế, thì chúng nó sẽ cho Phật tử là một người độc tài độc đoán. Nhứt nhứt cái gì cũng phải theo ý của Phật tử hết. Như thế, thì không nên. Và lại, ở cái xứ sở văn minh vật chất máy móc khoa học kỹ thuật tân tiến này làm gì có chuyện đó. Còn lâu chúng nó mới nghe theo ý mình hết. Chính cái ý niệm mong muốn đó là nguyên nhân đưa đến cho Phật tử phải đau khổ. Hẳn Phật tử còn nhớ câu người xưa nói: “*Sanh tử bất sanh tâm, sanh nguuru bất sanh giác*”. Phật tử chỉ có thể sanh được cái hình hài thể xác của chúng nó thôi, chớ làm sao sanh được cái lòng dạ của chúng nó. Nghĩa là chúng nó muốn cái gì, suy tính nghĩ ngợi điều gì, thử hỏi làm sao Phật tử có thể hiểu biết hết được? Phật tử nên nhớ, tư tưởng và quan niệm sống của mỗi người mỗi khác, không ai giống ai. Mình không nên bắt buộc người khác phải làm theo ý mình. Nếu thế, thì còn gì là tinh thần tự do, độc lập và làm sao phát triển tư tưởng theo chiều hướng tiến bộ được? Chả lẽ Phật tử muốn cho con của Phật tử có những tư tưởng thoái hóa lạc hậu hay sao?

Xưa kia, đức Phật khi thuyết pháp độ sanh, Ngài không bao giờ bắt buộc ai phải theo đạo của Ngài. Chủ trương của đạo Phật từ xưa tới nay và có thể nói mãi mãi về sau cũng thế. Đạo Phật không bao giờ khuyến dụ hay bắt buộc một ai theo đạo Phật cả. Vì đạo Phật lúc nào và bao giờ cũng tôn trọng

quyền tự do tin tưởng chọn lựa quyết định của con người. Đức Phật chỉ đóng vai trò của một vị Đạo Sư chỉ đường vạch bày hướng đi mà thôi. Phật chỉ rõ con đường nào đau khổ và con đường nào dẫn đến hoàn toàn an lạc hạnh phúc, rồi từ đó để cho mỗi người tự do quyết định chọn lựa lấy. Đi hay không là phần trách nhiệm của mỗi cá nhân, tuyệt đối, không bắt buộc ai cả.

Tôi thành thật khuyên Phật tử hãy để cho chúng nó tự quyết định chọn lấy con đường mà chúng nó thấy thích hợp. Chúng ta hãy tôn trọng quyền tự do tư tưởng của mỗi người. Vì điều này nó có tác dụng ảnh hưởng cả cuộc đời tinh thần của chúng nó sau này. Bốn phận làm mẹ mình chỉ có nhiệm vụ phân tích cân nhắc việc lợi và hại của những vấn đề tốt xấu, thiện ác, hay dở v.v... theo luật nhân quả và nghiệp báo. Từ đó, để tự chúng nó ý thức quyết định chọn lấy. Mình không nên xen vào việc quyết định của chúng nó. Điều tối kỵ, là mình không nên bắt chúng nó phải làm rập khuôn giống hệt theo ý mình.

Nói về việc tu hành như ở những câu trả lời của một vài câu hỏi trên, chúng tôi cũng đã có nói sơ qua. Nếu luận về sự tu hành, thì không như thiết là chúng ta phải đi chùa mới gọi là tu. Tu nghĩa là sửa đổi. Sửa những điều xấu xa, hư tệ, hung dữ v.v... trở thành những điều tốt đẹp, hiền lương, thiện mỹ cả thân lẫn tâm. Hiểu thế, thì ở bất cứ nơi đâu hay trong hoàn cảnh thuận nghịch nào mình cũng có thể tu hành được cả. Điều quan trọng là mình có ý chí cương quyết thực sự tu hay không mà thôi.

Ở đời, càng mong muốn thì lại càng đau khổ. Nhất là những điều mong muốn đó ngoài khả năng tầm tay của mình. Mong Phật tử không nên mong muốn những gì ngoài ý lực khả năng của mình.

2. Việc Phật tử tụng kinh niệm Phật cầu nguyện cho đứa con hư hỏng hiện đam mê trụy lạc vào con đường bài bạc, thật ra, việc cầu nguyện hồi hướng đó, tuy không phải là hoàn toàn không có ảnh hưởng, nhưng chỉ có được chút ít nhỏ nhoi phần nào thôi. Điều quan trọng là phải chính ở nơi đứa con đó. Làm sao cho nó phải tự thức tỉnh, cai nghiện bài bạc, thì nó mới hết khổ được. Nếu cầu nguyện được hết, thì thế gian này, chắc không còn ai đau khổ nữa cả. Nghĩa là không còn một ai phải chịu đau khổ vì những vấn nạn nghiện ngập bài bạc, rượu chè say sưa, hút chích xì ke ma túy. Nói tóm lại, là xã hội sẽ không còn những tội phạm gây nên những thảm họa và bị tù đày đau khổ như hiện nay. Và thế giới loài người sẽ trở thành một thế giới Cực lạc hết rồi.

Thiết nghĩ, là người Phật tử tu học chơn chánh, chúng ta cần phải tu tập hiện thực, không nên cái gì cũng tin tưởng hoàn toàn ỷ lại vào chư Phật, Bồ tát hết. Vì chư Phật, Bồ tát các Ngài cũng phải nỗ lực quán chiếu tự tu hành

không ngừng, nên các Ngài mới thành tựu được đạo quả. Tuyệt đối, không ai tu thế cho ai, vì không thể người này ăn mà người khác no bụng được. Ai tu nấy thành ai hành nấy đắc. Nguyên tắc xưa nay là như thế. Còn việc cầu nguyện mong các Ngài gia hộ, đó là điều trợ duyên giúp sức phần nào thôi, chớ không phải đó là nguyên nhân chánh yếu. Mà việc chánh yếu là mỗi người phải tự tỉnh ngộ lo tu hành chuyển hóa hết vô minh phiền não, những tập khí xấu ác đầy dẫy trong tâm thức, có thể thì mới mong được hoàn toàn giải thoát vậy.

Sự có mặt của chúng ta ở đời, là do báo nghiệp mà chúng ta đã gây tạo từ trước. Do đó, nên mỗi người có mỗi báo thân tốt xấu và hoàn cảnh sống khác nhau. Trường hợp đứa con bị khuyết tật bẩm sinh của Phật tử cũng thế. Đó là do nghiệp quả của em. Theo luật nhân quả, tất cả khổ vui đều do mình tạo lấy. Làm lành làm dữ cuối cùng rồi cũng phải trả. Hiểu thế, thì chúng ta nên an vui mà trả nghiệp. Trong truyện Kiều có câu:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa..”

Tóm lại, việc thành tâm cầu nguyện của Phật tử chỉ giúp được một phần nhỏ nhoi nào đó thôi, điều quan trọng là đương sự phải ý thức tự từ bỏ cái thói hư tật xấu nghiệp ngập của chính mình. Không ai cứu thoát mình, mà chính mình phải tự cứu thoát lấy mình. Có thế, thì mới mong tiêu nghiệp hết khổ được. Bằng trái lại, không có một bàn tay thần thánh nào cứu thoát mình được cả. Đạo Phật hướng dẫn chỉ dạy cho con người rất ích lợi thực tế trong đời sống. Nếu con người y theo đó mà thật hành. Phải dựa trên nền tảng của triết lý duyên sinh, nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, mà Phật Tổ đã chỉ dạy. Đó là những triết lý đạo đức căn bản nhằm xây dựng đời sống hướng thượng tròn phẩm cách của một con người. Nếu người Phật tử chịu khó áp dụng hành trì theo nguyên lý đạo đức căn bản qua 5 giới cấm của đạo Phật, thì chắc chắn người Phật tử sẽ không còn đau khổ nữa.

Phật tử một mặt nên thành tâm cầu nguyện, mặt khác và thực tế cụ thể hơn, là nên tìm mọi phương cách để giúp đỡ cho đứa con của mình sớm được cai nghiện cờ bạc. Xin nhắc lại, nếu mọi việc cầu nguyện đều theo như ý mình muốn hết, thì trần gian này chắc không ai đại khờ gì mà tu hành chi cho nó khổ sở mệt xác. Vì tất cả đều có chư Phật, Bồ tát lo hộ độ cho mình hết rồi. Nghĩa là ta muốn cái gì được cái nấy. Hiểu đạo Phật theo kiểu đó, tức vô tình ta mắc phải cái tội là dìm đạo Phật vào con đường mê tín. Kính mong Phật tử lưu ý điều này. Kính chúc Phật tử thân tâm thường lạc, trí huệ sáng suốt, nghị lực dồi dào để vượt qua mọi chướng duyên thử thách trên bước đường tu học Phật pháp.

---o0o---

66. Tụng kinh cầu siêu có ảnh hưởng đến người mất đã lâu không?

Hỏi: *Thưa thầy, con có người anh và một người em, người anh chết vì chiến tranh, còn người em thì chết khi tuổi còn nhỏ. Đối với người em vì tuổi quá nhỏ, nên trong gia đình không có cầu siêu cúng kiến chi hết. Nay hiểu ra, nên con tụng kinh cầu siêu cho họ. Không biết việc tụng niệm cầu siêu của con có ảnh hưởng gì đến người chết hay không? Kính mong thầy giải đáp cho con rõ. Cám ơn thầy.*

Đáp: Như trên chúng tôi đã có nói, việc cầu nguyện đương nhiên là có ảnh hưởng. Dù người mất đã lâu, nếu chúng ta thành tâm tụng niệm hồi hướng công đức về cho các hương linh đó, thì chắc chắn lời cầu nguyện của chúng ta sẽ có tác dụng ảnh hưởng đến họ. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng này là một trợ duyên có thể giúp phần nào cho họ sớm hồi tâm chuyển ý hướng về con đường tu niệm. Nhưng với điều kiện là người cầu nguyện phải hết sức thành tâm tha thiết trong khi hành thiện. Như niệm Phật, tụng kinh hay làm mọi việc lành khác. Điều này sẽ có ảnh hưởng là đánh động được tâm thức của họ. Chớ không phải do những lời cầu nguyện hồi hướng này mà họ được siêu thoát. Việc này, có lần chúng tôi cũng có đề cập đến trường hợp của bà Mục Liên Thanh Đề ở trong 100 câu hỏi Phật pháp tập một. Muốn biết rõ thêm, xin Phật tử hãy tìm đọc lại 100 câu hỏi tập một ở trang 68 mục 27 nói về việc cầu nguyện có siêu độ hay không.

Tôi thành thật khuyên Phật tử cứ tiếp tục tụng kinh, niệm Phật và hành thiện để hồi hướng công đức về cho các hương linh quá cố, dù mới hay cũ, dù lớn hay nhỏ gì cũng đều được dự phần lợi ích cả. Ngoài việc cầu nguyện cho những vong linh trong thân thuộc của mình, Phật tử cũng nên cầu nguyện cho các vong hồn yếu tử trong pháp giới chúng sanh chóng được siêu sanh thoát hóa. Việc làm này, trước tiên là lợi lạc cho Phật tử rất nhiều và cũng đem lại sự lợi lạc phần nào cho các vong linh nữa. Đó là một việc làm đúng theo tinh thần tự lợi, lợi tha của người Phật tử. Cầu nguyện cho Phật tử được dồi dào sức khỏe và luôn tinh tấn tu hành để được an lạc giải thoát.

---o0o---

67. Khuyên thân nhân tu học, bị phản ứng phải làm sao?

Hỏi: *Kính bạch thầy, khi biết tu học rồi, con thấy cuộc đời con bớt khổ hơn. Do đó, nên con muốn khuyến khích thân nhân của con biết tu học và được*

lợi ích như con. Nhưng con lại gặp phản ứng dữ dội và họ cho rằng con bị mù quáng, mê tín, đôi khi họ còn phỉ báng nhiều điều khó nói. Họ còn dẫn chứng những sự việc tiêu cực trong nhà chùa. Vì con sợ họ sẽ bị tội nên con dừng lại, không dám đề cập đến việc khuyên họ nữa. Trường hợp như thế, kính xin thầy cho con lời khuyên dạy để cho con được hiểu rõ hơn và phải làm sao?

Đáp: Trước hết, tôi xin thành thật chúc mừng cho Phật tử đã có chút ít tiến bộ trong việc tu hành. Vì đã có phần nào an lạc bớt khổ hơn trước khi chưa tu. Không tu thì thôi, mà hễ tu thì đương nhiên là chúng ta sẽ có ít nhiều kết quả lợi lạc. Và đời ta dĩ nhiên sẽ bớt khổ đau nhiều hơn. Đó là một sự thật. Nếu tu hành mà không được lợi lạc tiến bộ, thì chắc không ai bỏ công sức để tu hành làm gì. Theo luật nhân quả, hễ gây nhân tốt thì chúng ta sẽ gặt hái quả tốt. Ngược lại cũng thế. Vì vậy, chúng ta nên cố gắng gia công nỗ lực tu hành làm lành lánh dữ nhiều hơn nữa.

Phật tử tuy có tâm lòng vị tha nhân ái rất tốt, nhưng rất tiếc, Phật tử hơi vội nóng lòng muốn cho người khác, nhất là trong thân nhân ruột thịt của mình, cũng nên tu học để được lợi ích như mình. Do đó, nên Phật tử mới bị phản ứng dữ dội. Muốn tu tập theo hạnh Bồ tát thì Phật tử phải nên cố gắng gìn lòng an nhẫn. Có gặp chướng duyên thử thách như thế, thì mới đánh giá được sức tu tập nhẫn nại của mình. Song có điều, Phật tử nên nhớ rằng, căn duyên nghiệp quả của mỗi người mỗi khác nhau. Dù đó là thân nhân ruột thịt của mình cũng không ai giống ai. Vì mỗi người có những huân tập nghiệp tánh khác nhau. Sở dĩ có sự khác biệt này, phần lớn là do những tập khí đã được huân tập trong nhiều đời, nay trở thành thói quen sâu nặng và hiện hành trong hiện tại. Đồng thời, cũng do sự hấp thụ huân tập bởi những môi trường sống chung quanh, tùy theo mỗi thời đại mà sự huân tập có khác nhau. Từ đó, mỗi người có những quan niệm, kiến thức, nhận định cách nhìn qua những vấn đề khác nhau.

Khi khuyên bảo ai tu hành hay làm những việc từ thiện, Phật tử nên dè dặt cẩn thận. Vì Phật tử chưa phải là người có đầy đủ khả năng kinh nghiệm trong lãnh vực của đời sống tâm linh. Cũng như chưa thật sự nắm vững những hệ thống giáo lý Phật pháp mà mình đang hướng lòng tu học. Chẳng qua Phật tử cũng chỉ là người đang tập sự trên bước đường tu học mà thôi. Do đó, muốn khuyên bảo chuyển hóa người khác theo hướng tu học của mình, ít ra, mình cũng phải có khả năng thông hiểu phần nào trong lãnh vực này. Nhất là phần đạo hạnh chân thật ở nơi chính mình. Hiện tượng của phần đạo đức này, được thể hiện qua những phong cách như: lời nói, giao tiếp, xử sự, hành động v.v... Phải chứng minh thật sự mình là người có đạo đức chân thật.

Được thế, thì dù Phật tử không khuyên, người ta cũng sẽ tự tìm hiểu tu hành như Phật tử. Hãy để cho người ta tự tìm hiểu là tốt hơn. Phật tử nên nhớ rằng, giáo pháp Phật dạy có vô lượng pháp môn tu. Không phải vì người ta không đi chùa, hay ăn chay, tụng kinh, lễ bái giống như mình, mà mình vội cho họ là người không biết tu hành. Chúng ta không nên vội kết luận như thế. Tuy người ta không tu áp dụng giống như pháp môn của mình, nhưng biết đâu người ta đang hành trì ứng dụng một pháp môn tu khác. Thậm chí, người ta không theo một pháp môn nào hết, nhưng hằng ngày người ta vẫn tu tỉnh tự sửa lấy mình, như thế cũng là tốt lắm rồi. Và lại, người mình khuyên, có chắc là họ đã quy y trở thành người Phật tử giống như mình hay không?

Đừng bao giờ thấy người ta tu không giống mình, rồi mình vội vã cho rằng người đó không biết tu. Như những câu hỏi trên trong tập sách này, chúng tôi cũng đã có nói sơ qua về chữ tu. Tu có nghĩa là sửa đổi. Chúng ta thấy, có người tuy họ không đi chùa ngày nào, nhưng mà ở nhà họ vẫn tu tâm sửa tánh rất kỹ lưỡng. Thế thì, mình cho họ là người không biết tu hành hay sao? Kết luận vội vã như thế, e rằng không khéo chúng ta sẽ mắc phải cái lỗi là quá nông cạn hàm hồ. Ngược lại, có người khuyên người khác tu hành, nhưng nhìn lại bản thân của họ, thực sự họ chưa chứng minh được điều đó. Vì vậy, nên người ta khó có thể cảm thông và tin theo lời khuyên bảo của họ. Đó không phải là lỗi của người mình khuyên mà chính là lỗi ở nơi người khuyên. Người xưa nói: *“Con đường thành công nhất trên đường đời là bạn hãy thật hành những gì mà bạn thường khuyên bảo kẻ khác”*. Khuyên người ta ăn chay, mà bản thân mình chưa từng ăn một bữa nào. Khuyên người ta tụng kinh niệm Phật mà bản thân mình chưa thật hành tụng một thời kinh niệm Phật nào. Như vậy, lời khuyên đó thật là hư rỗng chẳng có mang lại bổ ích gì!

Trường hợp khác, cũng có người vì nghĩ tình thân thuộc trong gia đình, nên khi khuyên bảo người thân, họ không cẩn thận ở nơi lời nói, thốt ra những lời lẽ kém nhã nhận ôn hòa, từ đó gây nên tình trạng bất hòa tranh cãi với nhau. Biến lời khuyên trở thành một cuộc tranh chấp cãi vã hơn thua với nhau kịch liệt. Rốt cuộc, cả hai đều chuốc lấy phiền muộn nặng nề và rồi mất đi tình thương yêu tương kính với nhau.

Đây quả là một tai hại vô cùng. Tuy cái nhân ban đầu là tốt, nhưng vì thiếu chánh niệm chăm sóc cẩn thận ở nơi lời nói hay thái độ, nên hậu quả trở thành tội tệ xấu xa như thế. Cho nên lòng tốt của mình khi thể hiện cũng phải đặt định cho đúng chỗ, đúng nơi. Và khi khuyên ai tu hành, ta phải hết sức cẩn trọng và phải biết dừng lại khi cần thiết. Những điều trình bày trên,

chúng tôi chỉ muốn đóng góp chút ít thành ý chung, trong vấn đề khuyên bảo người khác tu học như mình.

Trở lại trường hợp của Phật tử, như Phật tử đã nói, khuyên những người thân tu hành để cho họ được lợi ích. Chẳng những họ không nghe theo, mà họ còn chống đối kịch bác. Quả thật lời khuyên của Phật tử thật không có tác dụng lợi ích chi cả. Thậm chí, họ còn cho Phật tử là mê tín mù quáng. Ngoài ra, họ còn dùng những lời lẽ công kích mạ sát thậm tệ mà Phật tử không thể nói ra hết được. Đối với những người này, theo tôi, thì chúng ta chẳng những không nên trách móc họ, mà trái lại ta còn phải thông cảm và thương họ nhiều hơn. Bởi vì chủng tánh, nghiệp thức vô minh của họ còn quá sâu dày. Vì thế, nên họ chưa có cơ hội tiếp xúc để học hỏi Phật pháp. Do đó, nên họ mới có những lời lẽ thiếu nhã nhặn và chống đối Phật tử. Đó là vì họ chưa học hỏi biết cách sử dụng hai phương pháp: “*Lắng nghe và ái ngữ*” của Phật giáo đó thôi.

Phật tử nên nhớ, khi khuyên ai, chúng ta cũng nên tìm hiểu sơ qua về nếp sống, cá tánh, khuynh hướng, tôn giáo, của đối tượng mà ta khuyên. Lời khuyên tuy hợp lý, nhưng không phù hợp căn cơ, thì lời khuyên đó sẽ trở nên thất bại vô hiệu quả. Đôi khi còn bị phản tác dụng và gây nên sự tranh luận hơn thua với nhau, như Phật tử đã nói. Hạt giống tuy rất tốt, nhưng gieo không đúng đất thích hợp, thì hạt giống kia tất sẽ bị thui chột đi. Muốn gieo hạt giống tốt, ta cần phải chọn lựa môi trường thích hợp. Không nên đùng đâu gieo đó, chẳng những không kết quả, mà còn bị thiệt hại nữa. Việc này, Phật tử muốn khuyên ai tu hành như mình, phải nên hết sức thận trọng.

Tuy nhiên, biết đâu lời khuyên của Phật tử tuy không có hiệu quả hiện thực, nhưng chính đó lại là hạt giống tốt gieo vào tâm điền của họ. Mong rằng, một lúc nào đó, khi họ gặp những điều bất trắc xảy ra không may, bây giờ, họ mới trực nhớ lại lời khuyên bảo chí tình hợp lý của Phật tử. Và chừng đó, biết đâu họ sẽ làm theo những điều mà Phật tử đã hết lòng khuyên bảo họ. Như thế, thì sự khuyên bảo của Phật tử, thiết nghĩ cũng không bị thiệt thòi lỗ lã chi cả. Xin Phật tử chớ nên buồn phiền mà có ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe và cho sự tu hành của mình.

Kính chúc Phật tử luôn an nhẫn mãi mãi tiến bộ và gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp trên bước đường tu học Phật pháp.

68. Đã lỡ phạm tội sát hại sinh vật nhiều quá giờ phải làm sao?

Hỏi: *Thưa thầy, hồi còn nhỏ, mỗi lần Tết đến con có luộc hột vịt lộn để bán. Vì còn nhỏ và không biết đạo nên con đã lỡ phạm giới sát sanh nhiều quá. Nay già rồi và biết đạo nên con rất sợ nghiệp sát, và hiện nay con đã bị đủ thứ chứng bệnh. Thưa thầy, lúc nào con cũng cố gắng bố thí, làm phước, phóng sanh. Con vừa chứng kiến người bạn bị vô thường tới quá bất ngờ, nên con như người tỉnh mộng, có ý định xuất gia, nhưng con không có sức khỏe nên sợ tu không được. Xin thầy từ bi chỉ dạy cho con phải làm thế nào? Con thành kính tri ân thầy mãi mãi.*

Đáp: Phật tử đã có lòng cải hối ăn năn những lỗi lầm đã phạm phải trong quá khứ, như thế, thì thật là quá tốt và rất hiếm có. Tuy rằng, theo luật nhân quả đã có gây nhân, tất nhiên là phải có quả. Thế nhưng, luật nhân quả không phải cứng nhắc như thế. Mà nhân quả luôn luôn linh động và uyển chuyển. Vì từ nhân tới quả, còn phải tùy duyên. Nghĩa là, nó còn phải tùy thuộc vào những điều kiện phụ thuộc tốt hay xấu. Đó gọi là những yếu tố trợ duyên giúp cho cái chánh nhân được hình thành. Nếu là những trợ duyên tốt, thì cái chánh nhân kia sẽ dẫn đến cái quả báo tốt đẹp. Ngược lại, thì phải lãnh lấy cái quả báo xấu xa. Do đó, nên nói tu hành là chuyển nghiệp. Nếu nghiệp không chuyển được, thì thử hỏi chúng ta gia công nỗ lực tu hành để làm gì? Nhờ có chuyển được nghiệp, nên chúng ta mới tu và mới được giải thoát.

Trường hợp của Phật tử, thiết nghĩ, Phật tử cũng không đến nỗi phải ưu tư lo lắng lắm. Vì sự sát hại sinh vật của Phật tử tuy rằng cũng khá nhiều, nhưng việc đó ít có mấy ai tránh khỏi. Thật ra, chủ yếu của giới thứ nhứt, Phật dạy người Phật tử không được tự ý sát hại sinh vật. Nhưng chủ ý chính là Phật muốn ngăn cấm chúng ta không được giết hại sinh mạng con người. Vì sinh mạng của con người rất lớn và rất quan trọng, so với những loài sinh vật khác. Từ không được giết người rồi hạ thấp lần xuống, đến những loài sinh vật nhỏ nhít khác, Phật tử giữ được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu. Vì sự sinh tồn bảo vệ mạng sống của mình, tất nhiên, mình không thể nào tránh khỏi sự sát hại những loài sinh vật nhỏ nhít khác. Đó là nói trong phạm vi của người Phật tử, đã quy y và phát nguyện giữ giới. Tuy nhiên, thử hỏi có bao nhiêu người Phật tử đã thật sự giữ trọn vẹn giới thứ nhứt không sát sanh hại vật này?

Phật tử thấy, ngay như gìn giữ không giết hại sinh mạng con người, mà người ta còn giữ không được thay, hà tất gì đến những loài sinh mạng nhỏ nhít khác. Thậm chí nhỏ nhít như hột vịt lộn mà Phật tử đã nói. Nếu cả hơn loại chỉ cần giữ được giới thứ nhứt không giết người thôi, thì thế giới loài

người sẽ không còn có khổ cảnh loạn lạc thảm họa vì chiến tranh cầu xé bắn giết tàn sát lẫn nhau.

Nhưng trải qua mấy ngàn năm nay, thử hỏi trong thiên hạ có bao nhiêu người giữ được không sát hại mạng sống con người? Cùng là loài người với nhau mà họ còn nỡ ra tay tàn sát đẫm máu lẫn nhau, nói chi đến những loài sinh vật khác! Tuy nhiên, đối với người Phật tử, thì chúng ta cố gắng giữ gìn không sát hại sinh vật được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu. Vì sao? Vì có nhiều điều lợi ích cho bản thân của chúng ta trong hiện tại cũng như mai sau. Thứ nhất, là chúng ta biết tôn trọng lẽ sống công bằng. Thứ hai, là chúng ta nuôi lớn được lòng từ bi thương người thương vật. Thứ ba, là chúng ta tránh được quả báo oán thù dây dưa truyền kiếp về sau. Đó là những lợi ích thực tế trong đời sống mà Phật đã dạy người Phật tử không nên sát hại sinh vật.

Trở lại trường hợp của Phật tử, theo như Phật tử đã nói, vì hồi còn nhỏ chưa hiểu đạo, nên Phật tử mới sát sanh hại vật nhiều như thế. Do đó, nên bị quả báo bệnh hoạn đau yếu hoại. Nay hiểu được chút ít đạo lý, nên Phật tử cố gắng gia công tu hành, bố thí, phóng sanh và làm nhiều điều phước thiện khác. Đồng thời, chúng kiến cảnh vô thường nhanh chóng qua cái chết bất ngờ của người bạn, nên Phật tử có ý định bỏ tục xuất gia. Nhưng vì tuổi già hay đau yếu bệnh hoạn, nên không biết có nên xuất gia vào chùa ở hay không.

Qua những điều trình bày của Phật tử, tôi xin mạo muội góp chút thành ý và thành thật khuyên Phật tử một vài điều như sau:

Thứ nhất, Phật tử nên yên tâm vui lòng mà trả nghiệp. Nhờ Phật tử khéo biết tu hành, làm lành lánh dữ, nên thay vì trả nghiệp báo nặng, nay chuyển thành trả quả báo nhẹ. Đó là Phật tử thường hay đau yếu bệnh hoạn. Như vậy, Phật tử nên vui chớ không nên buồn. Vì trả nghiệp sớm chừng nào là Phật tử sẽ được nhẹ nhàng thanh thoi sớm chừng ấy.

Thứ hai, tình trạng già yếu bệnh hoạn của Phật tử hiện nay, theo tôi, thì Phật tử cứ tiếp tục tu hành ở tại gia. Phật tử nên cố gắng hành trì chuyên tâm niệm Phật. Lấy việc niệm Phật làm phần chánh yếu trong việc tu hành. Ngoài ra, Phật tử cũng nên cố gắng tu tạo nhiều điều phước thiện khác, như từ trước tới nay Phật tử đã làm. Phải hết lòng niệm Phật cầu nguyện vãng sanh về Cực lạc. Được vậy là quý lắm rồi.

Còn việc xuất gia vào chùa, không phải là chuyện dễ dàng. Bởi hạnh nguyện của người xuất gia thật là cao cả, không phải là chuyện tầm thường như có một số người lầm tưởng. Đó là hạnh tu của người xuất thế, phải có ý chí cao thượng và khả năng siêu trần đạt đạo. Phật tử già cả hay bệnh hoạn đau yếu, mà xuất gia vào chùa, đó chỉ là thêm gánh nặng cho nhà chùa mà thôi. Và

lại, tuổi tác của Phật tử hiện nay, làm sao có thể theo nổi những thời khóa tụng niệm cũng như quy chế của thiền môn. Chi bằng tốt hơn hết là Phật tử cứ hành trì tu tập ở nhà. Như vậy, có lẽ tiện lợi và không làm phiền đến ai. Đó là lời khuyên chí tình thành thật của chúng tôi. Kính chúc Phật tử an vui mạnh khỏe, vững tâm tu hành, chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

69. Nuôi cá kiểng trong nhà có mang tội hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con gái của con có nuôi cá kiểng ở trong nhà để giải trí, mỗi khi đầu óc của cháu bị căng thẳng vì học thi. Nuôi như vậy con không biết cháu có bị mang tội hay không? Khi xưa, con chưa hiểu đạo thì không nói chi, bây giờ hiểu rồi con rất sợ tội. Kính mong thầy hoan hỷ cho con lời khuyên giải.*

Đáp: Tội phát xuất từ nơi tâm. Tùy chỗ dụng tâm mà có ra thành tội hay không thành tội. Nếu dụng tâm ác rồi thúc đẩy thân hành động ác, miệng nói lời thô ác, thì đó là mang trọng tội. Ngược lại, nếu dụng tâm lành, thân làm điều lành, miệng nói điều lành, kết quả, tất nhiên sẽ hưởng quả báo lành. Do đó, luận về tội hay không tội, là gốc ở nơi tâm. Một hành động, được kết hợp chặt chẽ bởi ba nghiệp: thân, ngữ, ý, thì mới kết thành tội được.

Dựa theo luận cứ căn bản này, thì việc con gái của Phật tử nuôi cá kiểng chưa hẳn đánh giá kết luận là tội được. Tại sao? Bởi vì chỗ dụng tâm của em không mang tính độc ác. Vì em chỉ nghĩ đến việc nuôi cá như là một niềm vui giải trí, khi cho cá ăn hoặc khi nhìn thấy sự bơi lội đùa giỡn tung tăng của cá. Hơn thế nữa, mục đích là để cho đầu óc của em được thư giãn thoải mái thanh thản, khi bị căng thẳng, vì việc học hành thi cử. Thay vì, không nuôi cá, thì các em lại nuôi những con vật khác, như chó, mèo, chim chóc v.v... Như vậy, chả lẽ nuôi mấy con vật đó đều mang tội hết hay sao? Nếu như mang tội, thì tại sao ở trong chùa lại có những chùa nuôi những con vật này? Có nhiều chùa vẫn có xây hồ để nuôi cá, hoặc là nuôi chó, mèo v.v...

Theo tôi, có tội hay không là khi chúng ta nuôi mà bỏ bê chúng nó. Chúng ta không chăm sóc chúng nó kỹ lưỡng và thường bỏ đói chúng nó. Nếu nuôi như thế, thì mới là có tội. Tội là vì bỏ đói chúng nó. Thay vì, nếu chúng ta không nuôi chúng nó, thì chúng nó cũng vẫn biết tự đi tìm kiếm thức ăn. Đàng này, nuôi mà bỏ đói chúng nó, hoặc cho chúng nó ăn thất thường bữa đói bữa no, như thế thì thật là có tội.

Tóm lại, Phật tử yên tâm đừng có lo lắng và đứa con gái của Phật tử cũng không có tội tình gì. Vì mục đích là tốt chứ không phải là xấu. Điều quan trọng là nên chăm sóc nó cẩn thận, đừng bỏ đói chúng nó là được. Tuổi trẻ ở xứ này, đa số phải thành thật mà nói, chúng nó rất quý mến thương yêu các loài sinh vật. Sự thương yêu nuông chiều loài vật của các em, thật không thua sút gì thương yêu loài người. Thậm chí có khi còn hơn thế nữa. Đó là một sự thật, không ai có thể phủ nhận được.

---o0o---

70. Làm sao có thể ứng dụng lý Bát nhã vào đời sống hiện thực?

Hỏi: *Kính bạch thầy, trong thời khóa tụng kinh ở phần cuối đều có tụng Bát nhã Tâm Kinh, lý Bát nhã của đạo Phật chỉ có một chữ KHÔNG. Nhưng thực tế cuộc đời thì luôn luôn đối đãi, chẳng hạn con người làm việc mới có tiền để sống (chánh mạng). Có phương tiện mới di chuyển được (xe cộ v.v) Điều này là rơi vào lý nhị nguyên. Kính xin thầy từ bi khai thị cho chúng con nắm vững trong việc học hỏi tránh sự hiểu sai không chính xác sẽ rơi vào tà kiến. Kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Giáo lý của đạo Phật tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh mà có phân chia “Thừa”, “Giáo” và “Thời” khác nhau. Về thừa thì có năm thừa: Nhơn, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát. Về giáo thì có phân ra nhiều hệ tư tưởng cao thấp, sâu cạn, đốn tiệm khác nhau. Bát nhã thuộc về hệ tư tưởng Đại thừa. Nếu luận về Thời, theo sự phán giáo của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, thì Ngài chia trọn đời thuyết giáo của đức Phật ra làm 5 thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa và Niết Bàn. Trong 5 thời kể trên, thì Bát nhã thuộc về thời thứ tư. Sự phán giáo này được tóm tắt bằng một bài kệ cho dễ nhớ như sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhựt

A Hàm thập nhị Phương Đẳng bát

Nhị thập nhị niên Bát nhã đàm

Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Nghĩa là, hai mươi một ngày đầu Phật nói kinh Hoa Nghiêm. Mười hai năm, Phật nói kinh A Hàm và tám năm Phật nói kinh Phương Đẳng. Hai mươi hai năm ròng rã Phật nói kinh Bát nhã và tám năm sau cùng Phật nói kinh Pháp Hoa và Niết Bàn. Riêng về kinh Bát nhã sau này chư Tổ kết tập lại thành một hệ thống gồm có 600 quyển. Tâm kinh Bát nhã mà Phật tử chúng ta thường trì tụng sau mỗi thời kinh, đó là tinh yếu của toàn bộ hệ thống kinh

Bát nhã. Nói thế, để chúng ta thấy tầm mức quan trọng của bài Tâm Kinh Bát nhã thật là quan trọng đến ngần nào.

Tư tưởng bát nhã nhằm phá chấp, triệt tiêu hết mọi vọng chấp của chúng sanh. Vọng chấp của chúng sanh tuy nhiều, nhưng không ngoài tứ tướng: “Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả”. Như trong kinh Kim Cang Bát Nhã đã nêu rõ. Nói gọn, là không ngoài hai lối chấp căn bản: “*Ngã chấp và Pháp chấp*”.

Cốt lõi của kinh Bát nhã là nói rõ về tánh không của vạn pháp. Bởi các pháp do nhân duyên giả hợp mà thành. Do đó, nên thể tánh của vạn pháp là không. Chữ không này, xin chớ vội hiểu lầm là không trơn như lông rùa sừng thỏ. Mà chữ không (sunyata) của Bát nhã nói, là “thật tánh” hay “tướng không” của các pháp. Hiểu được chữ “**Không**” này là hiểu được toàn bộ hệ thống kinh Bát nhã. Vì thể của các pháp là không, nên trong cái tánh không đó, không sanh, không diệt, không cấu, không tịnh v.v... Nghĩa là, nó vượt ngoài đối đãi nhị nguyên.

Nêu rõ triết lý “*Tánh Không*” của Bát nhã như thế, để Phật tử thấy rằng, đây là cả một bầu trời thênh thang tự do giải thoát. Vì nơi đó triệt tiêu mọi thứ vọng tình chấp trước của chúng sanh. Muốn áp dụng lý Bát nhã vào cuộc sống, đối với trình độ sơ cơ nông cạn như chúng ta hiện nay, thật không phải là chuyện dễ dàng. Vì chúng ta đang sống trong vòng vô minh nghiệp thức, chấp trước rất sâu nặng. Mọi hiện tượng có mặt đối với chúng ta, cái gì chúng ta cũng cho là thật cả. Bởi do thấy các pháp hữu vi là thật, nên chúng ta mới khởi sanh ra bao nhiêu thứ phiền não nhiễm ô: tham, sân, si ... Từ đó, tạo nghiệp thọ khổ, nên mãi trôi lăn trong vòng tam đồ lục đạo.

Muốn thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử khổ đau này, đức Phật mới dùng nhiều phương tiện để chỉ bày nhiều pháp môn tu cho chúng ta. Pháp tu, Phật nói tuy nhiều, nhưng tóm lại, không ngoài hai pháp: “*Đốn và Tiệm*”. Đốn tu là thẳng đó mà trực nhận chứng ngộ, không có phương tiện vòng vo, quanh co, dài dòng, lòng thòng chi cả. Trái lại, pháp tiệm tu, thì Phật Tổ phương tiện bày ra có nhiều thứ lớp từ thô đến tế, từ cạn đến sâu và từ thấp lên cao.

Luận về pháp đốn tu, nếu không phải là hàng thượng căn thượng trí, thì khó có thể đạt thành sở nguyện. Về pháp tiệm tu, tức là dần dần tiến lên, thì rất thích hợp cho mọi căn cơ. Ai cũng có thể ứng dụng hành trì tu niệm được cả. Giống như người leo thang bước lên từng nấc, từ thấp lên cao.

Trường hợp như người Phật tử tại gia, bước đầu, Phật dạy nên hành trì tu tập tam quy và ngũ giới. Tiến lên là tu thập thiện để được sanh thiên hưởng phước báo. Đây là hai pháp tu căn bản của người Phật tử tại gia. Tuy nhiên, nếu sự thật hành huân tu của Phật tử khá thuần thục rồi, thì Phật tử cũng có

thể áp dụng những lối tu khác. Phật tử có quyền chọn lựa cho mình một pháp tu nào đó cảm thấy thích hợp. Nghĩa là phải thích hợp với khả năng, căn cơ trình độ và hoàn cảnh sống hiện thực của mình và gia đình.

Phật tử nên cẩn thận, đừng có ham trèo cao quá mà phải té nặng. Khi tu hành, người Phật tử phải nên khéo léo biết lượng sức mình. Phật tử không nên đua đòi những gì mà nó vượt ngoài khả năng tầm tay của mình. Không khéo sẽ trở thành họa hại. Phật tử phải biết vị trí của mình hiện đang ở đâu và làm gì.

Về hướng tu để đạt được giải thoát, đức Phật đã phân định ra hai đường lối tu rõ rệt. Một là hướng tu còn đi trong luân hồi để thọ hưởng phước báo. Hai là hướng tu giải thoát luân hồi sanh tử khổ đau. Hướng tu đi trong luân hồi để hưởng phước báo như đã nói ở trên. Nghĩa là người Phật tử chỉ thật hành tam quy và ngũ giới cũng như tu mười điều lành. Còn hướng tu siêu xuất luân hồi, thì Phật dạy có nhiều pháp tu. Như pháp Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ v.v... Nói chung, là các pháp tu cao vượt ngoài đôi đũa nhị nguyên. Nghĩa là hành giả không còn bị vướng mắc nhị biên, rơi vào cái bẫy hai đầu, tức phải diệt trừ hết vô minh phiền não.

Những pháp tu này, khi ứng dụng hành trì, hành giả phải hoàn toàn tự lực. Ngoài ra, còn một pháp tu khác rất thích hợp với mọi căn cơ, gồm nhiếp tất cả, vừa tự lực mà cũng vừa có phần tha lực. Đó là pháp môn Tịnh độ. Đây là một pháp môn thẳng tắt rất thích hợp căn cơ thời nay. Pháp tu này lấy việc niệm Phật làm chánh yếu. Niệm Phật có sự niệm và lý niệm. Về sự niệm, thì hành giả phải chuyên tâm trì niệm sáu chữ Di Đà một cách miên mật để cầu vãng sanh về Cực lạc. Về lý niệm, hành giả phải buông xả tất cả, chỉ còn có một tâm thể thanh tịnh sáng suốt hiện tiền. Như mặt gương chiếu sáng không dính một mảy may trần cảnh. Đến đây, hành giả không niệm mà niệm. Kinh Duy Ma Cật gọi là: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh, hay duy tâm Tịnh độ”. Nghĩa là cõi Tịnh độ có mặt ngay trong giây phút hiện tiền, không cần phải tìm kiếm ở đâu xa, với điều kiện là tâm mình phải thanh tịnh.

Đại khái, đó là những pháp tu Phật dạy, tôi xin nêu ra rồi tùy Phật tử chọn lựa lấy. Sau khi chọn lựa và ứng dụng tu, Phật tử cũng cần nên tham vấn học hỏi với những bậc chơn tu đức độ và có nhiều kinh nghiệm già dặn trong sự tu hành. Có thế, thì sự tu học của Phật tử mới mong tiến bộ và mới khỏi rơi vào con đường tà kiến vậy.

Kính chúc Phật tử thành công trên bước đường tu học.

71. Khi đến chùa thọ bát tu học, thọ dụng của đàn na tín thí có mang tội hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, khi đến chùa thọ bát tu học mà con thọ dụng thức ăn do Đàn na tín thí thập phương dâng cúng. Xin hỏi thọ dụng như thế chúng con có mang tội hay không? Kính xin thầy giải đáp cho con rõ, để con khỏi phải lo sợ. Con kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Sự dè dặt cẩn thận lo sợ của Phật tử, tuy không cần thiết, nhưng thật đáng khen. Dù sao Phật tử cũng có tâm tốt khéo biết lo xa vì sợ mang tội. Chúng tở Phật tử làm việc gì cũng có sự cân nhắc cẩn trọng. Nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống tâm linh. Đó là điều thật đáng quý kính. Tuy nhiên, Phật tử nên nhớ rằng, mục đích của Phật tử tới chùa là để tu học, chớ đâu phải tới chùa để quậy phá đâu mà Phật tử lại lo sợ mang tội.

Phật tử thọ dụng của Đàn na tín thí dâng cúng là để hành thiện tu trì, chớ không phải thọ dụng để làm những việc bất thiện. Như vậy, làm gì có tội mà Phật tử phải ái ngại lo sợ? Thậm chí, có người còn lo ngại sợ làm phiền cho chùa, nhất là sợ phiền những người nấu nướng ở nhà trù, nên họ có ý muốn tự túc đem thức ăn theo trong những ngày đến chùa thọ bát. Đó cũng là một thiện ý rất tốt. Nhưng tôi thiết nghĩ, cũng không cần thiết phải làm như vậy. Vì sao? Vì chùa là môi trường để cho mọi người đến tu học gieo thiện duyên với Tam bảo và cũng để tài bồi thêm phước đức. Ai cũng muốn bòn phước đức cho riêng mình. Kẻ công quả, người cúng thí, họ đều là những người phát tâm hảo ý, muốn giúp thêm phương tiện cho mọi người để được yên tâm tu học.

Còn người dự tu cũng muốn cho mình có được an tâm yên ổn mà dốc chí tu hành. Như vậy, ai cũng có phước đức hết cả. Không ai thiệt thòi thua kém hơn ai. Tuy nhiên, điều quan trọng là mỗi người nên tự khắc chế phiền não trong khi hành sự. Phải khéo gìn giữ ba nghiệp thân, miệng, ý của mình cho thanh tịnh. Đó là điều tối thiết yếu mà mọi người nên cẩn thận gìn giữ. Được vậy, thì thật là quý giá biết bao! Một môi trường sống chung hòa hợp trong tinh thần tương trợ tu học như thế, thì thử hỏi còn gì cao quý tốt đẹp cho bằng?!

Ở đời, có đôi khi mình chỉ thấy cái lợi trước mắt mà không thấy cái hại sau lưng. Nghĩ rằng, thức ăn do mình tự túc mang theo, không làm phiền và thọ dụng của ai, do đó, nên mình lại sanh tâm ý lại và xem nhẹ xao lãng việc thức liễm tu hành. Còn nếu như mình thọ dụng của Đàn na tín thí, và những người khổ cực nấu nướng cho mình thọ dụng, tất nhiên, là mình sẽ không dám khinh thường lơ là trong việc hành trì bái sám tu niệm. Vì sợ mang tội

mắc nợ họ, nên mình phải nỗ lực tinh tấn chuyên tâm tha thiết tu hành. Nhờ đó, mà mình và họ cả hai đều được lợi lạc rất lớn vậy.

Ngược lại, có người đến chùa không lo tu niệm, chẳng những thế, mà họ còn có tâm bất hảo, gây ra nhiều chuyện rắc rối lôi thôi, tổn mình, hại người, với tâm niệm bất chánh như thế, thì mới thật là có tội. Tội là do ba nghiệp bất chánh của họ gây ra. Tới chùa thay vì lo thúc liễm thân tâm để lo công phu tu học, hay làm công quả, họ lại gây ra những điều phiền phức cho chùa và cho mọi người. Như lớn tiếng tranh chấp cãi vã hơn thua với nhau. Vì ý mình có công lao lớn giúp cho chùa. Vì tự cao ngã mạn, nên họ gây ra xáo trộn làm loạn động trong chúng. Bản thân họ đã bị ngọn lửa phiền não sân si đốt cháy bất an, rồi còn gây ra làm cháy lan động tâm niệm của những người khác. Người có tâm niệm và hành động như thế, mới quả thật là có tội. Họ là người không xứng đáng thọ dụng thức ăn của Đàn na tín thí dâng cúng.

Trái lại, Phật tử đi chùa đâu có phải như hạng người nói trên. Phật tử đến chùa là để thọ bát tu học. Suốt thời gian thọ bát ở chùa, Phật tử tuân hành giữ gìn oai nghi phẩm hạnh của một người tập tu theo công hạnh của người xuất gia. Phật tử tụng kinh, niệm Phật, giữ đúng theo thời khóa. Tu hành như vậy, thì tại sao Phật tử lại ái ngại lo sợ mang tội? Ăn của Đàn na tín thí dâng cúng, với điều kiện là mình không tu, thì mới mắc nợ họ.

Tóm lại, sự lo ngại của Phật tử tuy rất tốt, nhưng không phải như Phật tử nghĩ đâu. Chỉ sợ là Phật tử không đến chùa tu học thôi, một khi đã đến chùa thật tâm tu niệm, thì Phật tử sẽ được tăng trưởng phước đức và có nhiều lợi lạc trong việc mở mang trí huệ. Vì một ngày Phật tử thọ bát quan trai ở chùa, đó là Phật tử đang tu tập thật hành theo công hạnh của người xuất gia. Đó là hướng tu xuất thế nhằm mục đích thăng tiến trên bước đường giác ngộ giải thoát. Như thế, thì chỉ tăng thêm phước đức chớ làm gì mang tội?

Kính mong Phật tử luôn cố gắng tinh tấn hành trì đúng theo quy chế của thiền môn đã đặt định hướng dẫn trong ngày thọ bát.

Kính chúc Phật tử trí huệ sáng suốt, Bỏ đề tâm bất thối, tinh tấn tu hành, chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

72. Khi lâm chung tưởng nhớ Phật, nhưng không thấy Phật rước có được vãng sanh hay không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con được phước duyên tu theo pháp môn Tịnh độ gần 2 năm. Con thấy rất là an lạc mỗi khi con niệm Phật. Và con cố gắng gìn*

giữ chánh niệm trong tâm. Xin hỏi một may khi con vô thường đến, lúc đó con vẫn nhớ niệm Phật, mà không thấy Phật Di Đà hiện đến tiếp dẫn con, như vậy, con có được vãng sanh hay không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con được yên tâm. Thành kính cảm ơn thầy.

Đáp: Qua sự trình bày của Phật tử, thật chúng tôi rất tùy hỷ tán thán vui mừng. Thời gian tu hành niệm Phật của Phật tử, tuy mới trải qua thời gian hai năm thôi, nhưng kết quả rất có tiến bộ khả quan. Niệm Phật mà tâm được an lạc, thì đó là điều rất tốt. Tuy nhiên, Phật tử cũng nên cẩn thận, vì tập khí phiền não của con người sâu dày lắm. Trong kinh Phật dạy, khi nào chứng quả A la hán, thì mình mới nên thật sự tin ở nơi tâm mình. Vì quả vị A la hán là đã dứt trừ hết “Kiến Tư” hoặc phiền não. Hễ trong tâm còn phiền não, dù là rất vi tế, nó cũng làm cho tâm mình dao động bất an. Nói chi đến những phiền não thô trọng khác.

Khi niệm Phật mà tâm mình được an định, thời gian lâu hay mau, điều này, còn tùy thuộc vào sự huân tu già dặn miên mật hay không già dặn miên mật của mỗi người. Nhưng chúng ta nói là an định, nhưng kỳ thật, theo tôi, thì lúc đó chỉ không có những vọng niệm phiền não thô phù thôi. Chớ những vọng niệm phiền não vi tế làm sao sạch hết được. Nếu sạch hết là thành Thánh nhân rồi.

Việc gìn giữ chánh niệm, cũng không phải là chuyện dễ dàng. Bởi vì chánh niệm có nghĩa là chỉ nhớ hay biết những gì đang xảy ra ngay trong giây phút hiện tại. Tâm ta không vọng tưởng nghĩ nhớ hai đầu. Không nhớ những việc đã qua và những việc sắp đến. Được thế, mới đúng với nghĩa chánh niệm. Khi niệm Phật, ta chỉ chú tâm vào câu hiệu Phật, tuyệt đối, không có một tạp niệm nào xen vào. Được thế, mới tạm gọi là tương ưng phần nào với chánh niệm.

Theo nghĩa đó, là người chí thiết tu hành, chúng ta không phải chỉ gìn giữ chánh niệm trong lúc niệm Phật không thôi, mà còn phải gìn giữ chánh niệm suốt trong mọi thời gian và nơi chốn. Có gìn giữ như thế, thì tâm mình mới không bị tán loạn thất niệm. Việc này, thật là rất khó làm. Nếu dễ, thì chắc chúng ta sẽ thành Phật tác Tổ hết rồi. Tuy nhiên, giây phút nào tâm ta được chánh niệm, thì giây phút đó là ta có được an lạc hạnh phúc ngay. Ngược lại, là ta bị đau khổ. Ta đau khổ bất an vì tâm loạn động thất niệm. Đó là chúng tôi xin được góp thêm chút ý kiến về việc gìn giữ chánh niệm, như Phật tử đã nói.

Còn việc Phật tử hỏi, khi con vô thường bất thần xảy đến, nói rõ hơn là trong giờ phút hấp hối sắp lâm chung, Phật tử nhớ đến đức Phật A Di Đà, nhưng không thấy Ngài hiện thân đến tiếp dẫn, như vậy, Phật tử đâm ra nghi

ngờ không biết mình có được vãng sanh hay không? Xin thưa ngay là Phật tử hãy yên tâm. Đức Phật A Di Đà không bao giờ bỏ rơi hay phụ lòng Phật tử đâu. Giả dụ như Phật tử dù không thấy Ngài đến tiếp dẫn, thì Phật tử cũng vẫn được vãng sanh. Vì lúc đó Phật tử đã nhớ đến Phật. Phật ngoài tuy không đến rước Phật tử, nhưng ông Phật tâm của Phật tử đã cứu thoát Phật tử rồi. Đó chỉ là nói giả dụ thôi, chớ làm gì có thật như thế mà Phật tử phải lo sợ. Chỉ lo sợ là liệu lúc đó Phật tử có được thân an niệm chánh tha thiết nhớ đến Phật hay không mà thôi.

Phật tử nên nhớ rằng, với 48 điều đại nguyện của đức Phật A Di Đà, không có nguyện nào mà Ngài không nghĩ đến việc tiếp dẫn chúng sanh về cõi nước của Ngài. Nhưng với điều kiện là, chúng sanh đó phải hết lòng xưng niệm danh hiệu Ngài. Ngoài ra, hằng ngày còn phải tu tạo nhiều điều phước thiện khác. Với một bản nguyện chí tình chí thiết như thế, thì thử hỏi làm sao đức Phật A Di Đà có thể bỏ rơi Phật tử cho được? Chỉ ngại và lo sợ rằng, lúc sắp lâm chung khi thân thể bị đau nhức hoành hành, lúc đó, liệu Phật tử có còn vững tâm nhớ đến Ngài một cách tha thiết hay không? Hay là Phật tử chỉ nhớ đến cơn đau nhức cùng những người thân thuộc và tài sản. Đó mới là điều quan trọng đáng nói.

Tuy nhiên, với công phu hành trì niệm Phật hiện tại của Phật tử, như Phật tử đã nói, thì tôi nghĩ rằng, giờ phút lâm chung của Phật tử chắc chắn là sẽ được đức Từ Phụ A Di Đà tiếp dẫn Phật tử vãng sanh. Bởi vì niệm Phật như mẹ con nhớ nhau. Con đã chí tình tha thiết nhớ đến mẹ, thì mẹ lại nỡ lòng nào mà không thương tưởng nhớ đến con! Điều quan trọng, là Phật tử phải cố gắng tinh tấn chuyên tâm niệm Phật nhiều hơn nữa. Có đôi khi, lúc bình thường không có việc gì xảy ra cho thân tâm, thì Phật tử niệm Phật thấy an lạc. Nhưng bất chợt có việc gì quan trọng xảy đến, bấy giờ, liệu Phật tử có còn giữ được chánh niệm an lạc nữa hay không? Nghĩa là lúc đó Phật tử có yên tâm mà nhớ đến Phật như lúc bình thường hay không? Sự tu hành không ai biết rõ hơn bằng mình tự biết lấy mình. Vì mình chưa làm chủ được bản tâm mình. Tâm vọng tưởng của mình nó theo duyên trần khởi lên mạnh lắm. Phật tử nên cẩn trọng dè dặt, chớ thấy nó tạm thời lắng dịu an lạc trong giây phút niệm Phật mà cho mình đã được chánh niệm. Hãy thận trọng quán chiếu sâu vào nội tâm cho thật kỹ càng. Không nên vội mừng cho mình đã được như thế.

Kính cầu nguyện Phật lực gia hộ cho Phật tử mạnh khỏe vững tâm tu hành và niệm Phật chóng được thành tựu viên mãn theo sở nguyện.

73. Thờ người chết như cha mẹ hay ông bà nhiều nơi có được không?

Hỏi: Kính bạch thầy, những người thân như cha mẹ, ông bà đã qua đời, mình có thể thờ cúng nhiều nơi được không? Chẳng hạn trong gia đình có nhiều con cái anh em đều muốn thờ, như vậy có trái phép tắc luật nghi hay không?

Đáp: Việc thờ phụng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, theo phong tục xưa, thì người ta chỉ thờ phụng một nơi. Nơi đó gọi là từ đường. Nghĩa là ngôi nhà thờ chung. Đến ngày kỵ giỗ, thì tất cả con cháu và những thân quyến trong đại gia đình, đều tập trung về nơi trú xứ đó mà thiết lễ cúng giỗ. Theo lệ cúng giỗ ngày xưa cũng rất là rườm rà phức tạp. Tuy nhiên, chỉ có những gia đình nào khá giả giàu có, thì người ta mới làm đủ lễ. Còn những gia đình nghèo khó không đủ khả năng, thì người ta cũng chỉ thiết cúng đơn sơ mà thôi.

Như đã nói, việc thờ cúng với mục đích là để kỷ niệm người mất như lúc còn sống. Theo quan niệm xưa, ông bà cha mẹ tuy đã qua đời, nhưng linh hồn của những người đã mất vẫn tồn tại và luôn ở bên cạnh con cháu để mà phù hộ độ trì cho con cháu và những người thân thuộc trong gia đình luôn được bình an khỏe mạnh. Gia hộ cho mọi người làm ăn phát tài thành vượng. Do đó, nên việc tưởng niệm thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, trở thành một tục lệ rất quan trọng đối với người Việt mình.

Ngày nay, thì có khác. Tuy người Việt mình cũng vẫn duy trì phong tục thờ cúng theo lệ cổ truyền đó. Nhưng vì hoàn cảnh xã hội, nhất là hoàn cảnh sinh sống hiện nay của mỗi người mỗi khác. Vì nhu cầu sự sống, hoặc vì một hoàn cảnh đặc biệt nào đó mà người Việt mình phải sinh sống rải rác mỗi nơi cách xa nhau. Kể ở nước này, người nước nọ. Những gia đình có con cháu đông, thì họ sinh sống rải rác nhiều nơi trên thế giới. Vì đường xá xa xôi cách trở, nên việc họp mặt với nhau trong ngày kỵ giỗ thì thật là bất tiện. Do đó, nên người ta phải linh động uyển chuyển mà thờ cúng ông bà cha mẹ ở mỗi nơi khác nhau.

Điều quan trọng, tuy con cháu thờ cúng ở mỗi nơi khác nhau, nhưng tinh thần của mỗi người qua lời cầu nguyện hướng về người thân vẫn là họp nhất. Như trường hợp cha mẹ chết ở Việt Nam hay ở Mỹ chẳng hạn, thì người con ở Úc cũng có thể thiết lập bàn thờ để thờ cúng cha mẹ hoặc ông bà của mình. Điều này, theo tôi, thì không có gì là sai trái cả. Vì hoàn cảnh bất như ý, kỳ thật trong thâm tâm không ai muốn như thế. Vả lại, đây chỉ là hình thức tưởng niệm, kỳ thật đâu có ông bà cha mẹ nào chờ đợi cho con cháu cúng mình. Thử hỏi một năm 365 ngày mà con cháu chỉ cúng cho ông bà cha mẹ ăn có một lần, còn lại 364 ngày khác, thì cha mẹ, ông bà phải chịu

chết đói chết khát hết hay sao? Hiểu thế, thì chúng ta mới thấy tục lệ thờ cúng tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta, là nhằm nói lên tinh thần tri ân và báo ân, hướng về cội nguồn, theo một nền văn hóa hiếu đạo thật sâu sắc tuyệt vời của người Việt Nam. Đây mới chính là bản sắc văn hóa cổ truyền có gốc rễ vững chắc cắm sâu vào lòng dân tộc từ ngàn xưa và mãi đến ngàn sau vậy.

---o0o---

74. Cúng dường trai tăng cho người đã mất như thế nào mới hợp lý?

Hỏi: *Kính thưa thầy, xin thầy giảng cho con hiểu về cách thức của việc cúng dường trai tăng. Khi người thân qua đời ở đâu, thì mình chỉ cúng dường trai tăng ở nơi đó, hay là có thể cúng ở nơi khác có được không? Thí dụ người thân mất ở Mỹ, con có thể cúng dường trai tăng ở Việt Nam có được không? Kính xin thầy từ bi giải đáp cho con rõ. Kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Việc cúng dường trai tăng, đây là người Phật tử noi theo tấm gương chí hiếu của tôn giả Đại Hiếu Mục Kiền Liên khi xưa. Vì chính Tôn giả là người đứng ra tổ chức thiết lễ trai tăng cúng dường đầu tiên, để cầu siêu cho thân mẫu của Ngài. Đó là Ngài vâng theo lời Phật dạy. Buổi đại lễ trai tăng này được các chùa theo hệ phái Phật giáo Bắc Tông, (Phát triển) thực hiện vào ngày rằm tháng bảy âm lịch hằng năm, sau khi chư tăng ni làm lễ “Tự tứ” mãn hạ. Từ đó, mới có lễ cúng dường trai tăng truyền thống này.

Noi theo truyền thống đó, nên người Phật tử mỗi khi trong thân quyến có người thân qua đời (thông thường là đến 49 ngày cúng chung thất), thì họ thường thiết lễ cúng dường trai tăng ở trong chùa, hoặc có đôi khi tổ chức tại tư gia. Điều này, còn tùy thuộc vào khả năng và hoàn cảnh của mỗi người. Nhưng phần lớn là người Phật tử thường tổ chức lễ trai tăng ở trong chùa. Vì tổ chức ở nhà có nhiều điều bất tiện hơn.

Theo lệ thường, trước ngày cúng tuần chung thất, trong tang quyến đến chùa (thường là ngôi chùa nơi thờ linh cốt của người mất) trình bày về việc thiết lễ cúng dường trai tăng cho vị trụ trì hoặc tăng ni của ngôi chùa đó biết, để tiện bề sắp xếp và cung thỉnh chư tôn đức tăng ni. Việc cung thỉnh chư tôn đức tăng ni tham dự chứng minh của buổi lễ này, nhiều hay ít, đều do thân nhân trong tang quyến quyết định.

Mục đích của buổi lễ này là để thân quyến có dịp bày tỏ dâng lên nỗi lòng thương kính báo hiếu tri ân đối với người đã mất. Đồng thời cũng thành tâm

dâng lên phẩm vật để cúng dường Tam bảo và hiện tiền tăng. Nhờ sức chú nguyện của chư Tôn đức tăng ni mà hương linh của người quá cố chóng được siêu sanh thoát hóa. Đó là chúng tôi trình bày đại khái về nguyên nhân cũng như về cách thức của buổi lễ cúng dường trai tăng cho Phật tử biết sơ qua.

Trở lại câu hỏi của Phật tử. Phật tử hỏi rằng, khi người thân qua đời ở đâu, thì nên cúng dường trai tăng ở nơi đó hay có thể cúng dường ở nơi khác được không? Xin thưa, là được không có gì trở ngại. Như chúng tôi đã nói, tùy theo hoàn cảnh sinh sống của mỗi người. Chúng ta nên linh động uyển chuyển mà không sai trái với lễ nghi. Trường hợp, như cha mẹ mất ở bên Việt Nam hay ở bất cứ nơi đâu, mà Phật tử không thể về hoặc đến nơi đó được, thì Phật tử cũng có thể cúng dường trai tăng ở Úc. Không nhất thiết là phải cúng dường trai tăng nơi chỗ người mất. Tuy nhiên, có những trường hợp, mình cũng có thể cúng dường trai tăng trong lúc còn tang lễ hoặc một vài tuần thất sau đó, nếu có mặt mình trong khi dự tang lễ. Ngoài ra, thì có thể tổ chức bất cứ nơi đâu cũng đều được cả. Đó là tùy theo hoàn cảnh sinh sống ngoài ý muốn của mình. Điều quan trọng là ở nơi tâm lòng thành kính của mình, khi thiết lễ dâng cúng.

Tóm lại, việc cúng dường trai tăng tùy theo hoàn cảnh sinh sống của Phật tử mà Phật tử có thể tùy nghi linh động thiết cúng bất cứ nơi đâu cũng được. Tuy nhiên, theo tôi, nơi nào có đông thân nhân tang quyến thì tốt hơn. Vì ngày đó, cũng là dịp để cho mọi người về chùa gieo thiện duyên với Tam bảo. Đồng thời, sự sum họp có mặt đông đủ của con cháu làm cho linh hồn người mất cũng được an vui hơn.

Kính chúc Phật tử thân tâm thường lạc, tinh tấn tu hành, chóng đạt thành ý nguyện.

---o0o---

75. Câu nói: “Đạo Phật đến đâu thì hòa bình đến đó” ý nghĩa như thế nào?

Hỏi: *Kính bạch thầy, năm rồi về Việt Nam con có đi dự đại lễ Phật Đản, thấy có một biểu ngữ: “Đạo Phật đến đâu hòa bình đến đó”. Có người không đồng ý. Con hiểu, nhưng vì trình độ tu học của con còn rất yếu kém, nên con không dám giải thích. Con kính xin thầy hoan hỷ giải thích rõ thêm cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Việc không đồng ý đó là quyền của họ. Có thể là vì họ chưa có dịp tìm hiểu về đạo Phật. Nếu vì chưa hiểu, thì nên tìm hiểu. Chưa tìm hiểu rõ ràng, mà vội thốt lên lời nói khẳng quyết như thế, chứng tỏ người đó quả không có chút cẩn trọng. Nếu là người đã có nghiên cứu ít nhiều về đạo Phật, thì chắc chắn không ai dám thốt lên lời nói bất cẩn vô ý thức như thế.

Câu nói này phải nói là một chủ đề lớn. Trong phạm vi trả lời câu hỏi, chúng tôi chỉ xin được trình bày một cách khái quát qua một vài nét đơn sơ mà thôi. Câu châm ngôn đó, tuy rất ngắn gọn, nhưng nó đã gói trọn cái tôn chỉ từ bi, vị tha, bình đẳng của đạo Phật. Đạo Phật luôn chủ trương và kêu gọi nhơn loại hãy sống chung hòa bình. Từ ngàn xưa đến nay và có thể nói mãi mãi đến ngàn sau, đạo Phật lúc nào và ở đâu cũng đều nêu cao tôn chỉ đó. Chính vì thế, nên sự truyền bá của đạo Phật, theo dòng thời gian trải dài trong quá khứ, lịch sử nhơn loại đã chứng minh cụ thể điều đó. Đạo Phật đi đến đâu chỉ mang lại tình yêu thương và lẽ công bằng, tạo sự hòa bình an vui hạnh phúc cho nhơn loại. Có thể nói, trong sự truyền bá đó, đạo Phật chưa bao giờ gây ra đổ một giọt máu đào nào cho nhơn loại. Đó là điểm đặc thù trong suốt chiều dài lịch sử truyền bá của đạo Phật.

Bởi những hiện tượng xung đột gây nên thù hận chiến tranh, đó không phải là bản chất cá tánh của loài người. Mà bản chất của loài người là bất bạo động, là yêu chuộng tự do và hòa bình. Đạo Phật cho rằng, Hòa bình hay chiến tranh không phải tìm kiếm ở bên ngoài mà có, mà nó nằm ngay trong lòng của mỗi con người. Nguồn gốc gây nên sự xung đột chiến tranh, theo Phật giáo, động lực chính là do vô minh chủ động. Mà hiện tượng của nó là “*tham, sân, si*”. Bao giờ nhơn loại còn nuôi dưỡng chất chứa trong lòng ba thứ hạt giống độc tố này, thì đừng hòng nhơn loại có thể sống chung hòa bình với nhau. Muốn có hòa bình, con người phải diệt trừ những nguyên nhân gây ra mâu thuẫn nội tại. Nói rõ hơn là phải thường xuyên nhận diện và chuyển hóa hết những thứ vô minh phiền não. Chính những thứ này là nguồn gốc gây ra mọi sự khổ đau và làm cho thế giới trở nên thác loạn đảo điên không cùng.

Điều rõ nét nhứt mà ngày nay cả nhơn loại đang gào thét trong sự phá hủy tiêu diệt trái đất, mà nguyên nhân chính cũng bởi do lòng tham lam quá độ của con người mà ra. Hằng ngày, họ cho thải ra không biết bao nhiêu lượng khí độc, tạo nên tình trạng ô nhiễm môi sinh ngày càng khốc liệt hơn. Những trận thiên tai họa hại giáng xuống khắp nơi, đó là sự cảnh cáo đe dọa của thiên nhiên. Ngoài ra, còn biết bao những tệ nạn xã hội họa hại khác. Thật nói không thể hết. Phải chăng tất cả đều do con người gây ra!

Phải thành thật mà nói, sự sống của nhơn loại ngày nay như đang đứng trên bờ vực thẳm. Không biết mình sẽ rơi xuống hố sâu vào lúc nào. Chính vì ý thức được nỗi khổ niềm đau cộng nghiệp lớn lao của nhơn loại, nên Phật giáo đã kêu gọi con người nên tìm mọi phương cách cứu thoát chính mình. Muốn cứu thoát con người ra khỏi cộng nghiệp khổ đau này, theo Phật giáo, chỉ có một cách duy nhất là mỗi người nên tự quán chiếu sâu vào nội tâm để chuyển hóa những hạt giống bất thiện, chính nó là nguyên nhân nội tại làm khổ đau cho mình và người.

Đó là con đường hóa giải những mâu thuẫn, hận thù, xung đột, tỵ hiềm, kỳ thị v.v... đã và đang tiềm ẩn sâu kín trong lòng của mỗi cá thể. Có thế, thì nhơn loại mới thực sự mở rộng tâm thức bao dung, tha thứ và biết thương yêu nhau hơn trong sự hòa hợp sống chung trong tình huynh đệ. Đạo Phật đã và đang vận dụng tận lực mọi khả năng trong sự đóng góp bằng con đường nhập thế phát triển mọi hướng, nhằm đem lại sự yêu thương hàn gắn mọi vết thương của nhơn loại hiện nay. Đó là con đường hóa giải tạo sự công bằng tự do nhân ái trong tinh thần từ bi, vị tha và bình đẳng của đạo Phật vậy.

---o0o---

76. Thọ giới Bồ tát nhưng không đến chùa Bồ tát kiểm giới có mang tội không?

Hỏi: Kính bạch thầy, con đã thọ giới Bồ tát, nhưng thỉnh thoảng con không có đến chùa sám hối và Bồ tát nghe giới, như vậy con có phạm giới không? Và có phạm tội không?

Đáp: Xin thưa ngay là không có phạm giới và cũng không có phạm tội lỗi chi cả. Theo luật, sau khi Phật tử đã thọ giới Bồ tát, thì mỗi nửa tháng tốt nhất, là Phật tử nên đến chùa trước là sám hối cùng với đại chúng, sau là nghe giới đã lãnh thọ. Bồ tát là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là trường tịnh. Trường có nghĩa là nuôi lớn; tịnh có nghĩa là trong sạch hay an lạc. Hai chữ này có nghĩa là nuôi lớn căn lành và tịnh trừ nghiệp chướng. Mục đích là để cho thân tâm của Phật tử được trong sạch. Đó là ý nghĩa của hai chữ Bồ tát. Thế nhưng, tại sao mỗi nửa tháng chúng ta lại phải tụng hoặc nghe giới? Bởi vì tâm tánh của chúng ta nó dễ buông lung phan duyên theo trần cảnh. Khác nào như con khi, con vượn, luôn chuyền nhảy lung tung. Đã thế, thì thử hỏi làm sao chúng ta có thể tránh khỏi sự gây tạo lỗi lầm?

Giới luật Phật chế, mục đích là để ngăn ngừa những lỗi lầm sai quấy. Nhờ gìn giữ giới luật mà chúng ta mới được tự do, an vui, giải thoát. Giới có công năng lớn lao như thế, nên chúng ta đã lãnh thọ thì cần phải tôn

trọng gìn giữ. Nhưng muốn gìn giữ cho có hiệu quả tốt đẹp, thì chúng ta cần phải nghe và học hỏi thường xuyên. Cho nên, Bồ tát là cơ hội để nhắc nhở cho chúng ta nhớ lại những giới luật mà mình đã lãnh thọ. Vì bản tánh của chúng ta hay dễ quên lãng.

Do đó mỗi nửa tháng chúng ta cần phải tụng hoặc nghe giới một lần. Tuy nhiên, nếu vì hoàn cảnh bệnh tật hay vì một lý do đặc biệt quan trọng nào khác, mà Phật tử không thể đến chùa sám hối làm lễ Bồ tát được, thì Phật tử cũng có thể gửi dục, nghĩa là nhờ một vị khác đồng giới thay Phật tử để bạch trình cho đại chúng biết. Như thế, cũng là hợp pháp. Còn nếu trong trường hợp Phật tử bị mang tật bệnh dài lâu, cũng như không có phương tiện đến chùa được, thì Phật tử cũng có thể thưa bạch xin phép đại chúng là Phật tử chỉ xin được ở nhà sám hối tụng giới. Điều này cũng không có gì là sai trái.

Nói tóm lại, ngày lễ Bồ tát có những điều lợi ích thực tế sau đây:

- Nghe lại những giới luật đã thọ, để khắc ghi sâu đậm mà cẩn thận gìn giữ. Đồng thời, cũng tăng trưởng thêm hạt giống lành và chuyển hóa thân tâm thanh tịnh an lạc. Nhất là ý thức đến sự vô thường, thời gian trôi qua nhanh chóng, để nỗ lực tiến tu, chóng được giải thoát.

- Nếu như trong nửa tháng qua, có phạm giới căn bản hay phạm những lỗi nhỏ, thì người phạm giới phải ra trước giữa đại chúng mà phát lồ tác bạch sám hối. Nhờ đó, mà tội lỗi tiêu mòn và thân tâm trở nên trong sạch.

- Nhờ Tam bảo chứng minh gia hộ và nhờ năng lượng gia trì mạnh mẽ của đại chúng, mà mình tăng thêm phước đức và tăng trưởng đạo lực trong sự tinh tấn tu hành ngày càng tốt đẹp hơn.

Đại khái đó là những điều lợi ích thực tế trong buổi lễ Bồ tát vậy.

Kính chúc Phật tử tùy tâm mãn nguyện và thăng tiến mãi trên bước đường tu hành tiến đến Phật quả.

---o0o---

77. Muốn thọ giới Bồ tát, có nên học giới trước rồi thọ sau được không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con muốn thọ giới Bồ tát, nhưng con chưa hiểu Bồ tát giới như thế nào, con có thể học giới trước rồi thọ giới sau được không? Kính xin thầy giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Điều này trong luật không cho phép. Bởi có những lý do sau đây:

Một, khi chưa thọ mà học giới trước, thì có thể Phật tử thấy giới luật khó quá, nên Phật tử lại dễ thôi thối Bồ đề tâm, không dám lãnh thọ. Không lãnh

thọ, tất nhiên, Phật tử không có gìn giữ. Do đó, đời sống có thể buông lung phóng túng hơn, vì không có gì kèm thúc. Chính đó cũng là nguyên nhân làm cho Phật tử không tiến bộ trên bước đường tu hành, tiến đến đạo quả giải thoát.

Hai, khi học giới rồi, có thể Phật tử lại khinh chê phê bình những ai đã thọ giới mà lại giữ không tròn. Đó là sanh cái tâm công cao ngã mạn, cho mình thông hiểu, tự đắc cao ngạo khinh thường kẻ khác, gây thêm tội lỗi, thật không ích lợi gì!

Ba, sau khi thọ giới, Phật tử thấy cần phải học hỏi để hiểu và cố gắng gìn giữ cẩn thận. Nhờ đó, mà Phật tử mới tinh tấn tu học, tăng trưởng giới thân huệ mạng và thăng tiến trên đường giác ngộ nhanh hơn. Vì Phật tử sợ tội, nên mới chuyên tâm học hỏi gìn giữ đạo tâm. Còn học trước mà không thọ, đôi khi, Phật tử lại sanh tâm khinh thường giới luật và mang thêm cái lỗi vạch lá tìm sâu, tự cao, tự đại như đã nói ở trên.

Chính vì, biết rõ tâm bệnh của chúng sanh, nên Phật cấm một vị Sa di không được trộm lén nghe hay đọc giới luật của thầy Tỳ kheo hay giới Bồ tát. Một khi đã lén nghe, thì sau này sẽ không được thọ. Lén nghe còn bị Phật cấm, hà tất gì lại học trước sao? Do đó, nếu Phật tử muốn thọ để tiến tu mau được giải thoát, thì nên thọ trước rồi sẽ học hỏi giới luật sau. Đó cũng là điều rất tốt và rất đúng theo thứ lớp thọ học mà trong giới luật Phật đã nêu ra. Bởi những lẽ đó mà trong luật, Phật Tổ không cho chúng ta học trước là như thế.

Kính chúc Phật tử bền tâm dũng tiến mãi trên bước đường tu học để được an lạc giải thoát.

---o0o---

78. Niết Bàn và Cực lạc ý nghĩa giống nhau hay khác nhau?

Hỏi: *Kính bạch thầy, có người nói ý nghĩa của Niết bàn và Cực lạc giống nhau. Con không biết có đúng không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho chúng con rõ.*

Đáp: Người nói như thế chỉ đúng ở một phương diện, chớ chưa đúng hẳn hoàn toàn. Nếu đứng về mặt lý tánh mà nói, thì ý nghĩa giống nhau. Vì Niết bàn là một tâm thể vắng lặng an vui giải thoát. Cực lạc hay Tịnh độ cũng là một tâm thể an thoát thuần vui cùng cực. Cả hai đều vượt ngoài phạm trù đối đãi nhị nguyên, là một thực thể bất sanh bất diệt... Đến đó bất dứt tất cả mọi danh ngôn sắc tướng, suy nghĩ không đến, luận bàn chẳng nhằm. Đó là điểm giống nhau trên căn bản lý tánh.

Tuy nhiên, nếu đứng về mặt sự tương mà nói, thì giữa Niết bàn và Cực lạc cảnh giới và ý nghĩa khác nhau rất xa. Vì Niết bàn không phải là một cảnh giới có hình tướng cụ thể ngoại tại. Có người lầm tưởng cho rằng, Niết bàn như là một cảnh giới thù thắng vi diệu ở một cõi xa xăm nào đó, sau khi chết con người thác sanh về cõi đó để thụ hưởng những điều phước lạc. Hiểu nghĩa Niết bàn như thế, thì quả thật đó là một điều sai lầm rất lớn. Mà Niết bàn như trên đã nói, nó là một cảnh giới nội tại, do diệt trừ hết tập nhân vô minh phiền não mà đạt được. Giống như gạn lọc hết quặng nhơ thì nguyên chất vàng ròng hiện ra. Mây tan thì trăng sáng. Đây là một quả vị cứu cánh tịch diệt giải thoát hoàn toàn.

Ngược lại, Cực lạc là một cảnh giới ngoại tại có hình tướng chánh báo và y báo cụ thể. Điều này, Kinh A Di Đà đã diễn tả cho chúng ta thấy rất rõ. Đó là một cảnh giới được xây dựng tự thành bằng bảy thứ báu rất trang nghiêm thù thắng vi diệu. Từ cảnh vật cho đến nhân dân ở cõi đó, tất cả đều cực kỳ thắng diệu. Một thế giới hoàn toàn thuần vui không khổ. Thế nhưng, do đâu mà chúng ta biết được cảnh giới này? Đó chính là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự giới thiệu. Nhờ đó mà chúng ta mới biết được.

Thế giới Cực lạc hiện nay do đức Phật A Di Đà làm giáo chủ. Có thể nói, đây là một thế giới văn minh tốt cùng qua hai lãnh vực vật chất và tinh thần. Đó là một xã hội cao cấp tuyệt vời với một nền giáo dục đạo đức thượng đẳng. Người dân ở cõi đó toàn là những bậc thượng thiện hơn cao đức dễ thương. Phải nói chánh báo và y báo ở cõi Cực lạc so với ở cõi Ta bà này, thì khác nhau rất xa một trời một vực. Chính vì một thế giới trang nghiêm cực kỳ thắng diệu cao đẹp như thế, nên người ở cõi này mới phát tâm đồng mãnh niệm Phật A Di Đà để cầu sanh về cõi nước đó.

Nói tóm lại, Niết Bàn và Cực lạc, nếu xét về phương diện lý tánh thì ý nghĩa thực chất của nó giống nhau. Còn xét về phần sự tướng thì rất là dị biệt. Nhưng nếu chúng ta khéo dung hợp trong sự tu hành, thì Niết bàn hay Cực lạc cũng từ tâm thể chúng ta mà ra. Tất cả không gì ngoài tâm ta cả. Kinh nói: “*Nhứt thiết duy tâm, vạn pháp duy thức*” là thế. Khác nào như nước trăm sông đều chảy về biển cả. Biển và sông tuy khác, nhưng thể nước vẫn đồng. Cực Lạc hay Niết Bàn cũng từ tâm ta mà có. Nếu Phật tử đạt được nhứt tâm, thì muôn pháp đều dứt.

Kính chúc Phật tử được đầy đủ phước duyên thắng tiến mãi trên con đường tu học Phật pháp và sẽ đạt thành như ý nguyện.

79. Mang chuỗi đeo tay vào toilet có mang tội không?

Hỏi: Kính bạch thầy, thường con hay đeo xâu chuỗi tay để niệm Phật, nhưng khi đi toilet con vẫn mang trong tay, như thế con có mang tội không?

Đáp: Phật tử yên tâm không có gì phải mang tội cả. Bởi chủ ý của Phật tử đâu phải muốn mang chuỗi vào toilet. Mà mục đích đeo chuỗi là để lần chuỗi niệm Phật. Như vậy, đó là một dụng ý rất tốt. Phật tử không nên quá câu nệ vào hình thức. Điều quan trọng là khi Phật tử đeo chuỗi, Phật tử có nhớ thường xuyên niệm Phật hay không? Đó mới là điều đáng nói. Còn việc Phật tử mang chuỗi tay vào nhà cầu không có gì đáng ngại cả. Bởi đó là việc sinh hoạt rất tự nhiên bình thường của con người. Không có ai bắt tội Phật tử đâu. Phật tử đừng lo sợ. Bởi chư Phật, Bồ tát các Ngài đâu còn phân biệt thường tình như phạm phu tục tử chúng ta. Các Ngài đâu còn thấy có nhớ sạch, mà bắt tội Phật tử? Không lẽ, vì sợ tội, nên mỗi lần đi vệ sinh, thì Phật tử lại cởi chuỗi ra. Nhưng khi cởi ra, thì Phật tử phải để cất nó ở đâu? Đó lại thêm một vấn đề phiền phức rắc rối khác.

Có nhiều người họ đeo tượng Phật nhỏ ở cổ. Khi vào nhà vệ sinh, họ vẫn đeo như thường. Không lẽ mỗi lần vào nhà cầu, họ phải cởi ra sao? Việc tu hành, Phật tử nên linh động tùy duyên một chút. Nếu chấp nhứt câu nệ vào hình thức quá, thì rất trở ngại cho việc tu hành.

Thậm chí có những Phật tử nữ, đến ngày có kinh nguyệt lại không dám tụng kinh niệm Phật chi cả. Vì họ sợ dơ bẩn mà mang tội. Điều này, tôi cũng đã có giải thích cặn kẽ trong quyển 100 câu hỏi Phật Pháp tập một. Xin Phật tử hãy tìm quyển sách đó mà đọc lại cho thật kỹ, thì Phật tử sẽ hiểu rõ và không có gì phải thắc mắc lo sợ nữa.

Kính chúc Phật tử an tâm tu hành, chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

80. Ý nghĩa chánh báo và y báo

Hỏi: Kính bạch thầy, xin thầy hoan hỷ giải thích cho con rõ ý nghĩa của chánh báo và y báo là như thế nào?

Đáp: Chánh báo và y báo là thuật ngữ chuyên môn của Phật giáo. Nói chánh báo là chỉ chung cho các loài hữu tình chúng sanh. Đặc biệt tiêu biểu là loài người. Vì loài người là loài hữu tình cao cấp thượng đẳng. Không có loài hữu tình nào có trí khôn thông minh bằng loài người. Còn y báo là chỗ nương tựa cho các loài hữu tình. Chữ y là nương; báo là đáp lại. Nghĩa là chỗ để cho các loài hữu tình nương tựa mà sống. Nói cách khác, đây thuộc

về loài vô tình chúng sanh hay khí thể gian. Theo sinh vật học, thì hữu tình thuộc về loài động vật. Còn vô tình hay y báo thuộc về loài thực vật và khoáng vật. Nói gọn cho dễ hiểu hơn, chánh báo thuộc về con người. Y báo thuộc về môi trường cảnh vật chung quanh. Như vậy, giữa chánh báo và y báo có sự sống hỗ tương liên quan mật thiết với nhau. Nhưng chánh báo là chủ động tạo tác, còn y báo là phụ thuộc vào chánh báo. Như những thứ: nhà cửa, xe cộ, vườn tược, cây cối, ao hồ, đất đá, sông biển v.v... tất cả đều thuộc về y báo.

Một chánh báo tốt đẹp trang nghiêm, thì y báo cũng tùy đó mà trang nghiêm tốt đẹp theo. Muốn cho y báo, tức hoàn cảnh môi trường sinh thái chung quanh được an lành tốt đẹp, thì trước hết phải giáo dục xây dựng chánh báo, tức giáo dục xây dựng con người. Nghĩa là phải giáo dục xây dựng con người có một đời sống đạo đức văn minh, văn hóa cao đẹp cả hai phương diện về thể chất cũng như tinh thần.

Muốn biết một quốc gia có nền văn hóa mức sống tiên bộ cao hay thấp, hãy thử nhìn vào y báo, tức hoàn cảnh môi trường sống chung quanh của quốc gia đó, thì chúng ta sẽ biết ngay. Nhất là những nơi sinh hoạt công cộng như: bến xe, đường xá, cầu xí, phố thị v.v...Cứ nhìn vào những nơi này, thì chúng ta cũng có thể đánh giá biết được phần nào đời sống trình độ dân trí của người dân, cũng như hệ thống tổ chức cai trị của quốc gia đó. Nhất là đời sống kinh tế của họ. Không cần phải tìm hiểu ở đâu xa. Cứ nhìn vào y báo người ta có cũng thể biết được chánh báo. Ngược lại cũng thế. Thí như nhìn vào sự trang trí của một căn nhà, hay khu vườn (y báo) ta cũng có thể đoán định được phần nào về cá tánh khuynh hướng đời sống của những người (chánh báo) trong căn nhà đó. Trái lại, nếu là người có nếp sống bê bối cầu thả, thì cảnh trí chung quanh họ cũng bê bối không trang nhã ngăn nắp trật tự.

Dựa theo ý nghĩa cụ thể này, nếu ta khéo biết ứng dụng chánh báo và y báo vào đời sống tu hành của chúng ta, thì cũng rất là hay và có nhiều điều lợi ích thiết thực. Sự tu hành, trước hết là ta phải sửa ở nơi chánh báo, tức sửa ở nơi thân tâm của ta. Nếu thân tâm của ta được an bình tốt đẹp, thì cảnh vật chung quanh ta (y báo) cũng theo đó mà an ổn tốt đẹp theo. Đó là chúng ta khéo biết tu sửa ở nơi cái gốc. Hễ cái gốc vững chắc lành mạnh tốt đẹp rồi, thì cái ngọn cũng theo đó mà có nhiều khởi sắc tốt đẹp. Bởi vì mọi vật đều do chính con người tạo ra. Con người có đạo đức tốt đẹp, thì tạo ra cảnh vật chung quanh cũng trang nhã xinh lịch tốt đẹp. Nghĩa là, ai trông thấy cũng khen ngợi thích thú.

Kính A Di Đà đã diễn tả cho chúng ta thấy rõ điều đó. Những nét đẹp thù thắng cực kỳ trang nghiêm thanh tịnh ở thế giới Cực lạc, đều do đức Phật A Di Đà và nhơn dân ở cõi đó tạo ra. Từ chánh báo đến y báo, tất cả đều cực thắng trang nghiêm thanh tịnh. Được thế do đâu? Phải chăng tất cả đều do chánh báo tạo tác mà ra. Điều đó, đủ chứng minh cho thấy, việc giáo dục xây dựng chánh báo (con người) mới là điều quan trọng tối thiết yếu. Câu nói: “Tâm bình thế giới bình” hay “Tâm xuân thế giới xuân”, đó là nói lên ý nghĩa của chánh báo và y báo. Muốn thế giới hòa bình, thì trong tâm của mỗi người phải có hòa bình trước. Nếu không được vậy, thì đó chỉ là điều mơ mộng ảo huyền mà thôi!

Mong sao mỗi chánh báo (tức mỗi con người) tự trau dồi đạo đức, tu tâm sửa tánh, xây dựng đời sống thân tâm an bình tốt đẹp, đừng tiếp tục gây nên thảm họa chiến tranh và làm ô nhiễm môi trường. Được vậy, lo gì y báo (môi trường sống) không mang lại cho con người có nhiều tinh khiết mát mẻ trong lành tốt đẹp để cho con người thụ hưởng tạo nên một đời sống hòa bình an vui hạnh phúc tuyệt vời vậy.

---o0o---

81. Ý nghĩa cúng rước vía đức Phật Di Lặc đầu năm?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con không hiểu lý do tại sao đêm giao thừa ở các chùa cũng như ở tư gia của nhiều gia đình Phật tử lại thiết lễ cúng rước vía đức Phật Di Lặc. Vậy ý nghĩa rước vía đó như thế nào? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ. Con kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Việc thiết cúng rước vía đức Phật Di Lặc, đây là một truyền thống đã có lâu đời. Nhưng dựa vào đâu mà người ta lấy ngày mừng một Tết hằng năm để làm ngày kỷ niệm rước vía Ngài? Vấn đề này, theo sự khảo cứu của chúng tôi, thì chúng tôi chưa thấy có chỗ nào nói rõ việc này. Chỉ thấy trong quyển “Xuân Trong Cửa Thiên” của Hòa Thượng Thích Thanh Từ, xuất bản năm 1997, Hòa Thượng có nêu ra và giải thích vấn đề này. Sở dĩ người ta chọn ngày đầu năm, tức ngày mừng một Tết âm lịch, các chùa theo hệ phái Phật giáo Phát Triển cũng như đa số Phật tử làm lễ rước vía Ngài, theo Hòa Thượng Thanh Từ cho rằng, đây là do chư Tổ Trung Hoa bày ra. Chớ không thấy sách sử nào ghi rõ về ngày sanh của Ngài cả.

Bồ tát Di Lặc theo sử ghi, thì Ngài là một nhân vật lịch sử có thật ở Ấn Độ thời Phật. Di Lặc là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Từ Thị. Thị nghĩa là họ của Ngài, còn Từ là chỉ cho từ bi. Về tên họ của Ngài có nhiều thuyết nói không giống nhau. Ngài cũng có tên là A Dật Đa (tiếng Phạn) Trung Hoa

dịch là Vô Nan Thắng. Theo thói quen, chúng ta thường gọi Ngài là Phật Di Lặc, kỳ thật, thì Ngài chỉ là một vị Bồ tát nhất sanh bồ xứ, hiện ở nội viện thiên cung của cõi trời Đâu Suất. Theo lời huyền ký của đức Phật Thích Ca, thì sau này, Ngài sẽ hạ sanh xuống cõi Ta bà tu hành thành Phật dưới cội cây Long Hoa. Bây giờ, người ta mới tôn xưng Ngài là Phật Di Lặc.

Ngày nay, trong các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Tông đều tôn thờ hình tượng Ngài, với tư thế Ngài ngồi phạch ngực, mập mạp, bụng to và miệng cười toe toét. Có hình tượng trên thân hình Ngài còn có 6 đũa con nít bu chung quanh, đũa thì móc lỗ tai, móc mắt, móc miệng v.v... Ai trông thấy cũng tưởng như là một trò đùa, nhưng đó là tượng trưng một ý nghĩa rất thâm sâu. Ý nói rằng, dù cho 6 giác (6 trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp) có quấy phá đến đâu, cũng không làm cho tâm Ngài phải bị dao động, Vì sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) của Ngài đã hoàn toàn thanh tịnh. Hình tượng này, người ta y cứ vào hóa thân của Ngài là một vị Bồ Đại Hòa Thượng (HT mang túi vải lớn) ở vào thời Ngũ Đại khoảng thế kỷ thứ 10 bên Trung Hoa, mà người ta tạo tạc, đắp tượng tôn thờ. Thế nhưng, tại sao biết đó là hóa thân của Bồ tát Di Lặc? Vì trước khi viên tịch, Ngài có để lại bài kệ:

Di Lặc chơn Di Lặc

Phân thân thiên bách ức

Thời thời thị thời nhơn

Thời nhơn tự bất thức

Nghĩa là:

Di Lặc thật Di Lặc

Phân thân trong muôn ức

Thường thường chỉ dạy người đời

Người đời tự không biết.

Chính nhờ bài kệ này mà người ta mới biết Bồ Đại Hòa Thượng là hóa thân của đức Di Lặc.

Trở lại câu hỏi trên, tại sao phải lấy ngày mừng một Tết làm ngày vía? Thường người ta hay lấy ngày sanh hoặc ngày tịch để làm ngày kỷ niệm gọi là ngày vía. Nhưng ở đây thì không nằm trong thông lệ đó. Mà đây là ý nghĩa thâm sâu trong nhà Thiền, do chư Tổ khéo bày chọn ngày này làm ngày vía của Ngài. Theo tục lệ của người Á Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng, phần đông người ta rất chú trọng đến việc kiêng cử ngày đầu

năm. Vì ngày đầu năm, người ta cho rằng đó là ngày quyết định cho việc tốt xấu, hên xui, trọn một năm. Do đó, nên người Phật tử cúng rước vía Bồ Tát Di Lặc với tâm ý là để được trọn năm an vui hạnh phúc. Vì Bồ tát Di Lặc chuyên tu hạnh hỷ xả. Do đó, nên người ta tạc tạo tượng Ngài lúc nào cũng thấy Ngài ngồi an nhiên vui cười hỷ hạ.

Đức Di Lặc ngồi trơ bụng đá

Bao bụi trần bám đã rồi rơi

Mặc cho thế sự đây vui

Dững dưng như một nụ cười an nhiên.

Niềm ước vọng cuối cùng của người tu là mong cầu thành Phật. Gần hơn là người ta mong được an vui hạnh phúc. Muốn thế, tất nhiên người Phật tử cần phải noi theo tấm gương hỷ xả của ngài. Từ, bi, hỷ xả, đó là tứ vô lượng tâm tức bốn tâm hành không lường của một vị Bồ tát. Mà Bồ tát Di Lặc là biểu trưng đầy đủ cụ thể cho bốn tâm hành này. Lúc nào trên gương mặt của Ngài cũng hỷ xả an vui hạnh phúc.

Có xả bỏ những ưu phiền nội kết trong tâm, thì con người mới thật sự có an vui hạnh phúc. Đó mới thật là thứ hạnh phúc chơn thật. Cho nên, khi tưởng niệm lễ bái Ngài đầu năm, người Phật tử ước vọng tương lai đời mình sẽ được thành Phật như Ngài. Đồng thời, cũng quyết tâm thật hành theo hạnh hỷ xả của Ngài. Có thế, thì trọn năm người Phật tử mới được nhiều lợi lạc vui tươi hạnh phúc. Bằng ngược lại, thì sẽ chuốc lấy nhiều đau khổ. Đó là ý nghĩa và cũng là lý do chính yếu mà người Phật tử tưởng niệm lễ vía Ngài đầu năm vậy.

Kính chúc Phật tử trọn hưởng một mùa xuân Di Lặc và luôn luôn an vui hạnh phúc bằng một nụ cười hỷ xả trên môi.

---o0o---

82. Vấn đề tịnh khẩu?

Hỏi: *Kính bạch thầy, trong những khóa tu ngắn hoặc dài hạn, con thấy có một vài Phật tử phát nguyện tịnh khẩu tuyệt đối không nói chuyện. Chỉ khi nào có việc cần thiết, thì họ ra dấu hoặc viết bằng giấy mà thôi. Con không hiểu việc làm này có đúng theo kinh điển Phật dạy hay không? Có người còn nói, đó là á khẩu chứ không phải tịnh khẩu. Kính xin thầy giải đáp cho chúng con được rõ. Cám ơn thầy nhiều.*

Đáp: Tịnh khẩu có nghĩa là thanh tịnh khẩu nghiệp. Chữ tịnh có nghĩa là trong sạch và an ổn. Cái miệng chỉ là cơ quan hay công cụ để phát ra lời nói. Trong kinh Phật thường răn dạy, người Phật tử phải hằng giữ gìn ở nơi ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Trong ba nghiệp này, ngoài ý nghiệp chủ động ra, khẩu nghiệp cũng rất là quan trọng. Nói cho đúng phải nói là gìn giữ ở nơi ngữ nghiệp. Tức là thói quen của lời nói.

Lời nói có 4 cách: nói dối, chuyện không nói có, chuyện có nói không. Nói lời thù dật trau chuốt. Nói lười hai chiều, tới đây nói kia, tới kia nói đây, gây xích mích ly gián hai bên với nhau. Nói lời hung ác trù rửa chưởi mắng. Nếu nói theo Hán Việt là: vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu. Đây là bốn cách nói gây nên tội lỗi của cái miệng, nên gọi là khẩu nghiệp. Tuy nhiên, nếu chúng ta dùng những lời nói ái ngữ, chân thật, hòa nhã, yêu thương, đoàn kết, xây dựng v.v... thì đó là ta đã khéo biết thanh tịnh hóa khẩu nghiệp. Nghĩa là ta khéo biết sử dụng lời nói có ý thức hạn chế theo chiều hướng thiện nghiệp. Đó cũng là ý nghĩa của tịnh khẩu.

Chúng ta chỉ nói những điều gì khi cần thiết phải nói. Nói trong tinh thần hiểu biết cảm thông và có chánh niệm soi sáng. Lời nói đó, tất nhiên là sẽ mang lại cho chúng ta những điều lợi ích thiết thực cho mình và người. Hiểu theo nghĩa nói đó, thì tịnh khẩu không có nghĩa là hoàn toàn câm lặng. Theo Thiền sư Nhất Hạnh, *“Tịnh khẩu là một phương pháp thực tập rất sâu sắc chứ không phải là chuyện câm nói. Tịnh khẩu không có nghĩa là không nói mà thôi. Nó có nghĩa là quán chiếu bằng chánh niệm của mình những điều gì mình định nói”*. Tuy nhiên, trong các khóa tu, nếu Phật tử là người dự tu, xét thấy mình không có phận sự gì, thì cũng nên phát nguyện tịnh khẩu không nói để giữ cho tâm mình được thanh tịnh mà chuyên tâm niệm Phật, theo tôi, đó cũng là điều rất tốt. Nhưng đó chưa hẳn đúng nghĩa của việc tịnh khẩu như đã nói ở trên.

Việc tịnh khẩu này, tùy theo mỗi tình huống mà đức Phật có khi khen ngợi, nhưng cũng có khi đức Phật quở trách trong hàng đệ tử xuất gia của Ngài. Khen ngợi, là khi Phật thấy trong chúng khéo biết trao đổi kiến giải tu học trong ái ngữ, ôn hòa, đoàn kết. Quở trách, là trường hợp có những vị hoàn toàn câm lặng, dù biết mình hành sai mà cũng không nêu ra để trao đổi luận bàn. Cứ chấp chặt câm lặng không nói một lời. Đó là thái độ hoàn toàn không phải trong tinh thần tịnh khẩu Phật dạy.

Vẫn biết việc giữ im lặng không nói là điều tốt. Nhưng cũng phải tùy theo trường hợp. Thay vì không nói diễn tả bằng lời, lại ra dấu hiệu diễn tả bằng cách nói ở nơi tay như ra dấu hoặc viết giấy v.v... thì đó cũng là một cách nói, chỉ khác nhau bằng lời và hành động mà thôi. Cho nên, tốt hơn hết là ta

nên nói, nhưng chỉ nói những gì cần thiết đáng nói và phải nói bằng những lời ái ngữ hòa nhã êm dịu. Đó chính là cách tịnh khẩu hay nhất và cũng đúng theo lời Phật dạy. Những ai có bệnh già hàm nói nhiều thì trong những khóa tu, đó là môi trường tốt để ta thực tập tịnh khẩu bớt nói. Có tịnh khẩu như thế thì thân tâm ta mới được an lạc và sự tu hành của chúng ta mới thực sự có tiến bộ vậy.

Kính chúc Phật tử có nhiều tiến bộ trên đường tu học.

---o0o---

83. Nằm niệm Phật có lỗi không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con năm nay tuổi đã già trên 80, lại thêm có chứng bệnh đau xương sống, ngồi lâu không được. Con không biết trong khi nằm mình có nên niệm Phật được không? Có người nói, nằm niệm Phật thì có lỗi, nên con không biết có phải như thế không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Phật Tổ thường dạy chúng ta là niệm Phật trong 4 oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Nghĩa là, niệm Phật trong tất cả thời gian và nơi chốn. Như vậy, nằm niệm Phật cũng không có gì trở ngại. Tuy nhiên, khi nằm niệm Phật thì Phật tử không nên niệm ra tiếng. Vì niệm ra tiếng, thì có lỗi. Còn nếu Phật tử chỉ niệm thầm thì không sao cả. Nhưng niệm Phật trong tư thế ngồi, thì dễ được định tâm hơn và ít bị hôn trầm bằng cách nằm mà niệm. Vì nằm niệm hay dễ đi vào giấc ngủ lắm.

Trường hợp của Phật tử vì xương sống bị đau nên khó ngồi lâu. Vậy, Phật tử có thể linh động thay đổi trong 4 oai nghi mà niệm. Người tu Tịnh độ, muốn niệm Phật được bền lâu, phải tùy theo tinh thần, sức khỏe, và hoàn cảnh mà chúng ta nên uyển chuyển linh động cho thích hợp. Không nên quá cố chấp câu nệ vào hình thức mà làm trở ngại cho bước tiến trong việc hành trì niệm Phật của mình.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được trình bày sơ qua về bốn cách niệm Phật thành tiếng, mà trong kinh điển Phật Tổ đã chỉ dạy, để cho Phật tử hiểu rõ thêm. Theo chư Tổ Liên Tông dạy, niệm Phật thành tiếng có bốn cách: 1. Cao thanh niệm. 2. Đê thanh niệm. 3. Kim cang niệm. 4. Mặc niệm (thầm niệm).

1. **Cao thanh niệm**, cách này là chúng ta phải niệm lớn tiếng. Nhất là trường hợp có nhiều người đồng niệm. Mặc dù niệm lớn tiếng, nhưng tất cả đều phải giữ hòa âm với nhau. Nghĩa là âm thanh của mỗi người phải giữ ở một

cung bậc hòa nhịp với nhau. Không nên ý mình có âm thanh tốt mà niệm lớn tiếng, làm áp đảo âm thanh của những người khác. Niệm như thế thì không nên. Niệm Phật đồng người, giống như một buổi hòa nhạc. Tất cả đều phải giữ tiết tấu ở một cung bậc không cao không thấp. Như thế, thì khi phát ra âm thanh không bị chói tai. Đó là nói niệm Phật cao thính khi có đồng người.

Còn trường hợp nếu niệm Phật một mình, thì chúng ta cũng có thể niệm lớn tiếng. Cách niệm này, có cái lợi là dễ dẹp trừ vọng niệm. Vì khi niệm lớn tiếng thì những vọng niệm nghĩ xằng tính bậy khó có cơ hội sanh khởi. Nhưng với điều kiện là mình phải nhiếp tâm lắng nghe thật kỹ lại âm thanh của mình. Nghĩa là khi đó tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau và phải niệm âm thanh cho thật rành rẽ rõ ràng. Nên nhớ, khi niệm không mau cũng không chậm. Tuy nhiên, niệm theo cách cao thính này, chúng ta sẽ dễ bị hao tổn khí lực.

2. Đề thính niệm, là niệm thấp hay nhỏ tiếng vừa đủ nghe. Cách niệm này, tuy lực dụng đôi trị vọng niệm, không bằng cách cao thính, nhưng ít bị hao tổn khí lực tinh thần. Khi niệm lớn tiếng cảm thấy mệt, thì liền đổi cách niệm nhỏ tiếng lại.

3. Kim cang niệm, là chỉ niệm sẽ động môi mà thôi. Cách niệm này được cái lợi là hành giả có thể niệm nhanh hơn là niệm ra tiếng. Theo Đạo Nguyên pháp sư dạy, thì niệm theo lối kim cang trì này, hành giả vừa không bị phí sức mà lại vừa được số câu nhiều hơn. Nếu như hành giả chỉ niệm bốn chữ: A Di Đà Phật. Theo Tổ Liên Trì cho rằng, cách niệm kim cang trì này là có thể được bền lâu hơn những cách kia. Vì niệm thầm (mặc trì) thì dễ hôn trầm, niệm lớn tiếng (cao thính trì) cảm thấy phí sức. Tuy nhiên, Tổ bảo chúng ta cũng không nên chấp một pháp nào cố định, mà phải tùy nghi linh động thay đổi cho nó thích hợp.

4. Niệm thầm (mặc trì) đây là cách niệm ở trong tâm. Nghĩa là chỉ có tâm niệm chớ không có khẩu niệm. Cách niệm này, hành giả phải cẩn thận tinh ý lắm mới được. Vì con khi ý thức nó hay chuyễn nhảy lăm. Khi niệm, nếu chúng ta chỉ cần lơ đãng chăm chú một chút, là nó sẽ chạy rong khi nào mình không hay biết. Niệm Phật theo cách này, thì Phật tử nằm vẫn niệm được. Niệm theo hai cách trên khi phát ra thành tiếng, thì không nên nằm mà niệm. Vì như thế, theo chư Tổ dạy, đó là phạm vào cái lỗi khinh suất.

Nói tóm lại, bốn cách niệm Phật nói trên, Phật tử tùy nghi linh động mà chuyễn đổi. Không nhất thiết phải theo một cách nào cố định. Việc tu hành niệm Phật, ta phải khéo léo tùy thời mà uyển chuyễn, nhất là phải thích hợp với tinh thần, sức khỏe và hoàn cảnh của mình. Vì sự tu hành niệm Phật

không phải một ngày một bữa, mà nó đòi hỏi chúng ta phải gắng sức bền chí dẻo dai lâu dài.

Do đó, chúng ta cũng không nên quá cố chấp câu nệ vào hình thức. Nếu như Phật tử không thể ngồi lâu, thì Phật tử niệm Phật bằng cách niệm thầm nói trên, thì cũng không có lỗi chi cả. Điều này kinh sách Phật Tổ chỉ dạy rất rõ. Thậm chí, những lúc đi vệ sinh, chúng ta cũng vẫn niệm thầm. Chỉ không nên niệm ra tiếng mà thôi. Nếu những nơi không thanh tịnh mà chúng ta niệm thành tiếng thì mới có lỗi. Ngoài ra, thì không có sao cả. Vì phạm vi trả lời câu hỏi, nên chúng tôi chỉ trao đổi trình bày đại khái. Nếu Phật tử muốn biết tường tận hơn thì tôi khuyên nên tìm kinh sách đọc thêm.

Kính chúc Phật tử thân tâm thường lạc, tịnh nghiệp tinh chuyên, chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

84. Ý nghĩa và chức năng tác dụng của một ngôi chùa?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con là một Phật tử đã từng đi chùa từ lúc còn thơ ấu. Dù đã đi như thế, nhưng thú thật cho đến hôm nay, con cũng vẫn chưa hiểu rõ về nguyên ủy xuất phát, cũng như ý nghĩa và tác dụng của ngôi chùa như thế nào. Có người hỏi con về việc này, nhưng con không biết phải trả lời ra sao cho người đó hiểu. Vậy nay con kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con hiểu rõ về vấn đề này. Con xin cảm ơn thầy.*

Đáp: Câu hỏi của Phật tử mới nghe qua tuy đơn giản, nhưng đây lại là một vấn đề mang tính chuyên sâu rộng lớn. Ngôi chùa tuy hiện diện trước mắt chúng ta, nhưng muốn hiểu rõ về nội dung cũng như hình thức tác dụng của nó, thiết nghĩ cũng không phải là chuyện dễ dàng. Vấn đề này, đâu phải chỉ riêng có Phật tử không hiểu, mà hầu như đại đa số Phật tử chúng ta, ít có ai chịu khó nghiên cứu tìm hiểu tường tận về vấn đề này. Với một đề tài sâu rộng như thế, mà chúng tôi chỉ trình bày giới hạn trong phạm vi trả lời câu hỏi, thì chắc chắn là chúng tôi không thể nào nói hết tầm mức quan trọng về ý nghĩa sâu xa và tác dụng của ngôi chùa được.

Tuy nhiên, để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, ở đây, chúng tôi cũng chỉ xin trình bày một cách dón gọn đơn sơ qua một vài nét khái quát, theo sự hiểu biết nông cạn của chúng tôi mà thôi. Nếu có dịp, tôi thành thật khuyên Phật tử nên nghiên cứu tìm hiểu sâu rộng cạn kẽ hơn.

Trước hết, xin nói sơ qua về những tên gọi của nó. Chùa, tiếng Hán Việt gọi là tự. Nó còn có những tên khác như: Tăng già lam, Già lam, Phạm sát, Lan

nhã, Tùng lâm, Tinh xá, Đạo tràng v.v... Có chỗ gọi là tự viện. Tiếng Phạn tương đương với tự viện là Vihara.

Truy nguyên về nguồn gốc của ngôi chùa, ta thấy, ở vào thời kỳ đức Phật Thích Ca, thì có hai ngôi tinh xá xuất hiện nổi tiếng sớm nhất ở Ấn Độ. Một là tinh xá Trúc Lâm ở thành Vương xá do vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) kiến lập. Hai là tinh xá Kỳ Hoàn hay còn gọi là Kỳ Viên (Jetavana) ở thành Xá vệ, do trưởng giả Tu Đạt Đa (Anathapindika) tạo dựng để cúng dường cho Phật và chúng tăng cư trú.

Còn ở Trung Quốc, theo sử liệu cho biết, ngôi chùa đầu tiên có tên là Hồng Lô Tự, do triều đình xây dựng để tiếp đãi tăng khách bốn phương. Thường các vị tăng Tây Vực (Ấn Độ) khi đến Trung Quốc thì trước tiên thường hay đến nơi này để nghỉ và rồi sau đó mới đi nơi khác. Do đó về sau, gọi nơi tăng ni ở là “Tự” tiếng Việt gọi là chùa. Đó là những ngôi chùa đầu tiên đã được kiến lập ở Ấn Độ và Trung Quốc.

Riêng ở Việt Nam, chúng tôi thấy trong quyển Đạo Phật Việt Nam, xuất bản năm 1995 tại TP Hồ Chí Minh, Hòa Thượng Thích Đức Nghiệp có nói đến ngôi chùa Yên Phú, thuộc xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Ngôi chùa này có mặt dài lâu nhất trên đất nước Việt Nam tức vào khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch. Ngoài ra, trong quyển Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam tập 1, khi nói về nhà Sư Phật Quang và di tích đầu tiên của Phật Giáo Việt Nam, giáo sư Lê Mạnh Thát cũng có đề cập đến một ngôi chùa cổ ở trên núi Quỳnh Viên. Nhưng rất tiếc ông không có nêu rõ tên chùa.

Nếu nói một cách chung chung, thì từ khi đạo Phật du nhập vào đất nước ta, khi đã có hình bóng của các vị tăng sĩ tu hành truyền đạo, tất nhiên là phải có những cơ sở cho những vị đó trú ngụ hoằng pháp. Cơ sở đó chính là ngôi chùa. Dĩ nhiên, trong thời kỳ phôi thai này, chắc chắn là những ngôi chùa đã được dựng lên, tất phải còn đơn sơ nghèo nàn lắm. Làm gì có được những ngôi chùa đầy đủ tầm vóc nguy nga tráng lệ, nghệ thuật kiến trúc thẩm mỹ độc đáo như sau này.

Về tác dụng của ngôi chùa, trước hết phải nói ngôi chùa mang chức năng là một cơ sở giáo dục. Nói chung, dù chùa nhỏ hay lớn, đơn sơ hay hoành tráng, đều có chung một mục đích là mang tính tác dụng giáo dục. Thử nhìn lại, những giai đoạn hưng vong, thịnh suy của dân tộc và Phật giáo, lịch sử đã chứng minh, bất luận thời nào, ngôi chùa cũng đóng một vai trò then chốt quan trọng trong việc điều hướng giáo dục quần chúng nhân dân. Có thể nói chùa là cái nôi là cái lò rèn luyện chuyên đào tạo cho mọi người hướng thiện tu hành.

Có những ngôi chùa biến thành như một ngôi trường làng, đề ra chương trình giáo dục thực tiễn nhằm xây dựng đạo đức nhân bản cho con người. Mục đích là nhằm đào tạo con người có được đời sống tâm linh phong phú và trên hết là chất liệu văn hóa tình người. Đó là con đường hướng đến Chân, Thiện, Mỹ, mà những vị tăng ni đóng vai trò chủ chốt trong việc đào tạo này. Một học giả đã viết: *“Thời Giao Châu đô hộ phủ, các lò huấn dục nhân tài ắt phải ở tại các ngôi chùa Phật giáo cổ xưa, vốn thân cận với nhân dân bị trị, nơi quy tụ tín ngưỡng của nhân dân”* (PGVN, Nguyễn Đăng Thục, T, 284)

Ngoài ra, ngôi chùa còn là một hình ảnh thân thương rất quen thuộc gắn gũi với nếp sống hiền hòa của những người dân quê mộc mạc. Câu nói: *“Đất vua, Chùa làng”* đã cho ta thấy cái giá trị tín ngưỡng thiêng liêng trong tình tự hài hòa gắn bó thể hiện trong nếp sống tình cảm chơn chất đơn thuần của người dân quê. Vì chùa là mái ấm che chở ấp ủ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của họ. Họ xem ngôi chùa như là một mái ấm gia đình chung. Do đó, nên họ cùng nhau quyết tâm đóng góp xây dựng bảo vệ và phát huy mạnh mẽ. Mái chùa là niềm an ủi xoa dịu những nỗi buồn u uất đè nặng trong tâm hồn của họ. Và vì thế nên họ không thể nào quên được.

Mai này tôi bỏ quê tôi

Bỏ trăng, bỏ gió, chao ôi bỏ chùa.

Bỏ quê bỏ cả gió trăng nhưng niềm đau nhứt là phải bỏ chùa! Làm sao có thể quên được? Vì chùa là nơi mà họ đã từng tới lui ấp yêu tràn đầy những kỷ niệm yêu thương gắn bó nhớ nhung. Đã thế, bảo sao họ có thể quên lãng cho được! Đó là một tình cảm thật thân thiết đậm đà nồng nàn, chứng tỏ hình ảnh của ngôi chùa nó đã ăn sâu trong lòng người Việt Nam như là một dấu ấn sâu đậm không thể nào phai nhòa trong tâm trí của họ. Chính vì lẽ đó, nên chúng ta cũng không lạ gì, khi thấy bất cứ nơi đâu có đồng đảo đồng hương Phật tử sinh sống, thì chắc chắn nơi đó sẽ mọc lên ngôi chùa.

Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông.

Chùa là một biểu tượng thiêng liêng thấm sâu vào lòng dân tộc Việt từ ngàn xưa. Như nước thấm sâu vào lòng đất. Do đó, dù đã trải qua mấy ngàn năm thăng trầm, thịnh suy, vinh nhục, vật đổi sao dời, qua phân ly tán, nhưng hình ảnh của ngôi chùa vẫn mãi mãi hiện ngang hiện hữu tồn tại trong lòng người dân Việt.

Quả đúng như lời thơ của Vũ Hoàng Chương đã viết:

...Dân tộc ta không thể nào thua

Đạo Phật ta đời đời sáng lạn

Dầu trái mấy qua phân ly tán

Nhưng vẫn còn núi còn sông

Còn chót vót mãi ngôi chùa.

Đây cũng còn là nơi để chúng ta tôn thờ hướng lòng tri ân và báo ân đối với các bậc tiền nhân, những vị đã có công lao dựng nước và giữ nước, gắn nhứt là các đấng sanh thành đã dày công khó nhọc giáo dưỡng chúng ta nên người.

Về thực chất đạo đức, ngôi chùa còn có tác dụng trực tiếp hướng dẫn con người hướng thiện. Nền luân lý đạo đức của Phật giáo dạy người Phật tử phải ăn ở hiền lành. Năm giới cấm của người Phật tử tại gia, đó là năm nguyên lý đạo đức căn bản mà người Phật tử phải giữ gìn cẩn thận. Đồng thời phải ý thức và áp dụng lý nhân quả vào đời sống. Có thế thì người Phật tử mới tránh được những điều tội lỗi. Đó là hướng tiến thẳng hoa đạo đức của người Phật tử trong việc tu thân tề gia và đem lại nhiều lợi ích cho nhân quần xã hội. Thử hỏi được thế do đâu? Nếu không có ngôi chùa, thì làm sao người Phật tử có thể quy tụ công phu thực tập tu học thành công như thế?

Nói tóm lại, ngôi chùa ngoài hình thức ngoại diện như lối kiến trúc thẩm mỹ mang tính chất nghệ thuật tuyệt hảo biểu trưng đầy đường nét hoa văn dân tộc tính ra, nó còn có nhiều chức năng nhằm nuôi dưỡng đời sống tâm linh và đóng góp xây dựng nếp sống đạo đức hiền hòa cao đẹp cho con người theo chiều hướng thánh thiện. Đồng thời, nó cũng còn đáp ứng được những nhu cầu tín ngưỡng, thờ phụng, lễ bái, tu học, sinh hoạt xã hội của mọi tầng lớp dân chúng. Do đó, ngôi chùa thật là quan trọng mà chúng ta cần phải có bốn phận bảo tồn duy trì và phát huy mạnh mẽ trong tinh thần phụng sự nhơn sinh vậy.

---o0o---

85. Tại sao gọi là Kết kỳ niệm Phật mà không gọi là Phật thất?

Hỏi: Kính thưa thầy, tại sao ở những nơi khác khi khóa tu mở ra bảy ngày, thì người ta gọi là Phật thất? Còn ở đạo tràng Quang Minh của chúng ta, thì lại gọi là Kết kỳ niệm Phật? Như vậy giữa hai tên gọi này giống nhau hay khác nhau? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho chúng con hiểu.

Đáp: Danh từ Phật thất có lẽ người ta mới dùng sau này. Trước kia, chúng tôi ít khi nào nghe nói đến. Hơn nữa, đọc trong kinh sách, thì chúng tôi chỉ

thấy các bậc Cổ Đức thường dùng những danh từ như là: đã thất, kiết thất, nhập thất hay kết kỳ niệm Phật. Tuyệt nhiên, chúng tôi không thấy có chỗ nào nói là Phật thất cả. Tên gọi Phật thất có lẽ xuất xứ từ Trung Quốc, do các bậc Tổ sư ở Trung Quốc bày ra. Nhưng thú thật, chúng tôi không biết rõ tổ chức Phật thất có từ thời điểm nào. Vì chúng tôi chưa tìm ra tài liệu nào chính xác nói rõ về việc này. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, sở dĩ có danh từ này là do các ngài dựa vào kinh A Di Đà mà lập nên. Với mục đích là nhằm tổ chức quy tụ nhiều người về một đạo tràng để cùng nhau hết lòng niệm Phật.

Điều mà chúng ta cũng nên lưu ý là Phật thất khác với kiết thất, hay nhập thất. Khác nhau như thế nào? Bởi vì kiết thất hay nhập thất (chữ thất này là nhà) là ở trong ngôi nhà nhỏ hay một gian phòng, dứt hết ngoại duyên chỉ chuyên tâm niệm Phật trong khoảng bảy ngày hay nhiều hơn, tùy theo sự phát nguyện của hành giả. Còn nói Phật thất là chỉ niệm Phật hạn định trong vòng thời gian bảy ngày thôi. Chúng tôi thấy có nhiều người lầm nhận cho rằng Phật thất cũng giống như kiết thất hay nhập thất. Sự nhầm lẫn này cũng có lý do, bởi vì họ không biện biệt được chữ thất trong chữ Hán. Họ nghĩ rằng chữ thất là nhà.

Chữ thất trong chữ Hán nó có nhiều chữ: thất là nhà; thất là mất (thất bại) thất là bảy (tính theo số mục từ 1 – 7) v.v... Trong khi đó, khi viết thành chữ Việt, thì chỉ có một chữ thất. Nói Phật thất là danh từ ghép của hai chữ Hán Việt (chữ Hán đọc âm theo chữ Việt). Nếu chiết tự cắt nghĩa, thì chữ “Phật” nguyên tiếng Phạn là Buddha, Trung Hoa phiên âm là Phật Đà dịch nghĩa là giác giả. Tiếng Việt gọi là người giác ngộ hay người tỉnh thức.

Còn chữ “thất” là con số bảy. Chớ không phải thất là nhà. Nói Phật thất có thể hiểu nôm na là ước định thời gian bảy ngày niệm Phật. Muốn cho rõ nghĩa dễ hiểu hơn thì phải thêm chữ “niệm” vào trước chữ Phật và chữ “ngày” sau số bảy, thì mới có thể hiểu được. Nghĩa là niệm Phật bảy ngày, hoặc nói ngược lại bảy ngày niệm Phật. Còn nếu dịch chữ đầu nghĩa đó, thì chẳng lẽ nói bảy giác? (Phật là giác; thất là bảy) Phật thất là bảy giác. Nếu dịch như thế thì không có ý nghĩa và cũng không ai hiểu gì cả.

Trở lại câu hỏi của Phật tử, sở dĩ trong đạo tràng Quang Minh không dùng những chữ đã thất, kiết thất, hay Phật thất mà chỉ dùng cụm từ “*Kết kỳ niệm Phật*”, điều này cũng không có gì là khó hiểu. Vì chúng tôi muốn cho quý liên hữu trong đạo tràng nhận định chữ nghĩa một cách chính xác rõ ràng. Tránh sự ngộ nhận lầm lẫn khó cắt nghĩa. Đồng thời, chúng tôi cũng noi theo các bậc Cổ Đức đã thường dùng như thế. Cụm từ này đã có lâu đời chớ không phải do chúng tôi mới bày ra. Cho nên cũng không có gì là lập dị khác lạ.

Như có lần chúng tôi cũng đã có giải thích sơ qua về ý nghĩa của cụm từ này. Ở đây, chúng tôi chỉ xin được nhắc sơ lại để cho Phật tử nhớ thôi. Nói kết kỳ, chữ kết hay kiết, theo trong quyển Hán Việt Tự Điển của cụ Thiều Chửu ở trang 483, cụ giải thích: kết có nghĩa là “thắt nút dây”. Đó là nói nghĩa đen còn nghĩa bóng là kết hợp lại tạo thành một mối. Nghĩa là cái gì có tánh cách ràng buộc lại với nhau thành một khối đều gọi là kết. Còn chữ kỳ là chỉ cho thời gian. Trong Qui Sơn Cảnh Sách có câu: “*Vô thường lão bệnh bất dữ nhơn kỳ*”. Nghĩa là vô thường già bệnh, không hẹn (kỳ) cùng người. Hoặc như có người nói: “Tôi kỳ hạn cho anh 3 ngày nữa phải trả cho hết món nợ mà anh đã thiếu tôi”.

Như vậy, kết kỳ niệm Phật (nếu nói rộng) có nghĩa là kết hợp những người bạn đồng tu lại với nhau và giới hạn ở trong một đạo tràng, quy định thời gian là bảy ngày (có thể hơn tùy phát nguyện) để cùng nhau hết lòng niệm Phật cho được nhứt tâm bất loạn. Đó là nói sự kết hợp quy tụ nhiều người đồng tu. Còn nếu áp dụng cho mỗi cá nhân cũng thế. Thế nhưng, tại sao phải dùng con số bảy? Mà không dùng những con số khác? Trong Kinh Di Đà Phật có dạy: “*Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn nào, nghe nói đến Phật A Di Đà, giữ niệm danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không loạn*”.

Căn cứ theo lời dạy đó, nên thường người ta chỉ kết kỳ niệm Phật bảy ngày. Tuy nhiên, từ đó chúng ta cũng có thể tiến lên 21 ngày hoặc 49 ngày. Nhưng phải lấy con số bảy làm đơn vị chính rồi từ đó mà nhân lên. Như nhân ba lần bảy là hai mươi mốt, hoặc bảy lần bảy là bốn mươi chín. Điều này, theo Mật Tông giải thích, con số bảy là con số cùng cực của sự sanh hóa, nên thân trung âm cũng bảy ngày chết đi sống lại một lần và tụng chú cũng phải tụng bảy lần mới có hiệu nghiệm. Nhưng bảo giải thích lý do tại sao? Thì không ai có thể giải thích lý lẽ một cách tường tận minh bạch được. Đây là con số dựa theo nguyên lý sinh thành biến dịch cấu tạo của vũ trụ. Trong nhà Phật có câu: “*Pháp nhĩ như thị*”. Nó là thế ấy. Xin đừng hỏi tại sao lửa lại nóng hay nước lại lạnh? Bởi vì đã nói “*Pháp nhĩ như thị*” kia mà!

Nói tóm lại, giữa Phật thất và kết kỳ niệm Phật, nếu giải thích về ý nghĩa của từ ngữ thì có rộng hẹp khác nhau. Nói Phật thất thì có ước định thời gian rõ rệt chỉ trong vòng bảy ngày thôi. Còn nói kết kỳ niệm Phật, vừa dễ hiểu lại vừa không hạn cuộc thời gian cố định. Tùy sự phát nguyện của hành giả mà thời gian dài ngắn khác nhau. Tuy nhiên, nếu xét về mục đích nhắm tới thì cả hai đều không khác. Nghĩa là cả hai đều nhắm tới một mục đích chung là kết hợp những bạn đồng tu theo pháp môn Tịnh độ mà cùng nhau niệm Phật

theo một thời gian đã quy định cho được nhứt tâm bất loạn để được vãng sanh “Cực lạc” ngay trong hiện đời cũng như sau khi lâm chung vậy.

---o0o---

86. Việc di chúc và ủy quyền trong lúc hấp hối và sau khi chết?

Hỏi: *Kính bạch thầy, hiện con đang hành trì theo pháp môn niệm Phật, con muốn trong lúc hấp hối và sau khi chết cho thân tâm con được ra đi một cách an ổn nhẹ nhàng, không gặp bất cứ một chướng duyên nhỏ lớn nào làm trở ngại cho việc vãng sanh của con. Vậy xin hỏi con có cần phải làm tờ di chúc và ủy quyền không? Và phải làm cách thức như thế nào? Cúi xin thầy hoan hỷ chỉ dạy cho con biết rõ cách thức phải làm để khi nhắm mắt con được yên tâm. Thành kính cảm ơn thầy.*

Đáp: Vấn đề này, phải nói thật là tối ư quan trọng. Cả đời tu hành, nhất là Phật tử đang hành trì chuyên tâm niệm Phật, trong giờ phút hấp hối và sau khi tắt thở, chỉ cần gặp một chướng duyên trở ngại nhỏ nhỏ cũng đủ làm cho Phật tử mất chánh niệm khó đạt thành sở nguyện. Vì không phải ai cũng hiểu được sự hộ niệm giúp cho bệnh nhân sắp chết được yên ổn nhẹ nhàng ra đi. Một sự ra đi mà không bị tác động ảnh hưởng bởi ngoại duyên gây ra.

Đối với những bác sĩ hay y tá, họ là những người có trách nhiệm theo dõi chữa trị bệnh cho mình, phần nhiều là họ chỉ làm theo nhiệm vụ chức năng của họ thôi. Chớ họ không có quan tâm gì đến đời sống tâm linh của người khi sắp chết cũng như sau khi chết. Dù mình có thác sanh đi đâu, họ cũng không cần biết đến. Vì đó là do hấp thụ bởi một nền tín ngưỡng theo niềm tin tôn giáo của mỗi người. Vì vậy, muốn cho họ hiểu và tôn trọng niềm tin theo tín ngưỡng đạo giáo của mình, thì mình nên bày tỏ nguyện vọng của mình cho họ biết. Có thế, thì họ mới cảm thông và đáp lại theo ý nguyện của mình. Nếu không, thì họ chỉ làm theo chức năng nghề nghiệp của họ thôi. Và như thế, thì sẽ gây ảnh hưởng tác động trở ngại rất lớn cho việc vãng sanh Cực lạc của mình.

Rồi đến thân nhân ruột thịt trong gia đình của mình cũng thế. Phần nhiều, chỉ vì nặng phần quyền luyến trong thâm tình ân ái, nên họ cũng chỉ làm theo tình cảm đơn thuần ý muốn của họ thôi. Ít có ai làm theo ý muốn của bệnh nhân trong giờ phút hấp hối sắp lâm chung này. Và nhất là bệnh nhân vừa mới tắt thở. Kinh nói: **“Sau tám tiếng đồng hồ, thân thức mới hoàn toàn lìa khỏi xác”**. Bởi do không biết quan tâm nghĩ đến giúp cho phần thân thức của bệnh nhân, nên có nhiều người thay vì ra đi êm ái nhẹ nhàng lại có hiện tượng không mấy tốt đẹp. Bởi thế, vấn đề hộ niệm cho bệnh nhân trong

giờ phút này thật rất là hệ trọng. Phần nhiều ít có ai hiểu rõ về phương pháp hộ niệm. Nếu không khéo, thay vì thương xót lại trở thành thương hại. Xin mọi người hãy nên chú ý cẩn thận vấn đề này. Tất cả bởi do nóng lòng vì nặng tình ân ái theo thế gian thường tình mà ra. Do đó, nên rất trở ngại cho việc vãng sanh của bệnh nhân. Thậm chí có khi họ còn làm cho người sắp chết nổi cơn bực tức nóng giận. Thế thì, thử hỏi làm sao bệnh nhân thác sanh về cảnh giới an lành cho được? Quả đó là một sự tác hại rất lớn cho cận tử nghiệp.

Đó là chưa nói có người bị dụ bỏ đạo trong giờ phút nửa tỉnh nửa mê, tinh thần yếu đuối này. Họ không còn đủ sáng suốt để giữ vững niềm tin. Nếu không có người cận kề trợ niệm nhắc nhở họ. Do đó, họ sẽ trở thành nạn nhân rơi vào con đường tà ngoại thật đáng thương xót! Chỉ vì họ thiếu phúc duyên không có được thiện hữu tri thức bên cạnh thức nhắc. Vì thế, theo tôi, tốt hơn hết, chúng ta nên làm tờ di chúc dặn dò trước cho rõ ràng kỹ lưỡng để tránh hậu hoạn không tốt có thể xảy ra. Đó là chúng ta khéo biết phòng bị cho mình một cận tử nghiệp tương đối khá hoàn hảo. Có thế, thì việc cầu vãng sanh Cực lạc của ta mới có đủ đảm bảo vững chắc.

Theo tôi, việc Phật tử có ý định làm tờ di chúc và ủy quyền cho những người có trách nhiệm lo lắng chăm sóc sức khỏe về mặt y khoa (bác sĩ hoặc y tá hay người nhà v.v...) cũng như những vị lãnh đạo tinh thần của Phật tử thật rất cần thiết nên làm. Nhất là trong khi bệnh nặng, hấp hối và sau khi chết khoảng 8 tiếng đồng hồ trở lại.

Về cách thức để lập nên tờ di chúc, điều này cũng có người đã làm và đã có kết quả rất tốt. Nay chúng tôi y cứ vào tờ di chúc đã có sẵn, do Đạo Tràng Tu Viện Hộ Pháp biên soạn, xin nêu ra đây, để rồi tùy ý Phật tử tự quyết định lấy. Nếu thấy được, thì tôi xin đề nghị với Phật tử là chúng ta nên thực hiện ngay, càng sớm càng tốt.

Tờ Di Chúc và Ủy Quyền

Tôi tên là.....hiện cư trú tại.....

.....Thành phố.....

Thị xã.....Tiểu bang.....

Tôi xin làm tờ di chúc ủy quyền qua những điều thiết yếu sau đây:

1. Tôi khẳng định hủy bỏ hết tất cả các di chúc trước đó và các di chúc mà đã được Tòa Án công nhận trong thời gian qua trước kia tôi đã làm. *(chỉ có phần di chúc liên quan đến cái chết, chớ không phải vấn đề tài sản. Ghi chú của người giải đáp).*

2. Tôi là một người tín đồ theo đạo Phật. Tôi muốn cuối đời tôi tang lễ phải được xếp đặt hoàn toàn theo nghi lễ Phật giáo. Việc này do chư Tăng Ni hoàn toàn quyết định, thân nhân con cháu chỉ làm theo sự hướng dẫn của chư Tăng Ni mà thôi.

2. Nếu não bộ của tôi đã chết nằm mê man, và hoàn toàn không có triệu chứng cứu vãn phục hồi, xin làm ơn đừng duy trì sự sống của tôi (ngưng ngay ống dẫn thức ăn và ống thở oxygen nếu có).

3. Nếu trái tim ngừng đập vì bất cứ lý do nào, xin đừng làm gì hết kể cả làm giạt điện để làm hô hấp sống lại. Làm ơn hãy để cho tôi ra đi trong sự bình an.

4. Khi bác sĩ tuyên bố tôi đã chết, làm ơn không được đụng vào thể xác hay di chuyển thân thể của tôi, nếu muốn đụng và di chuyển thể xác tôi xin hãy để yên tối thiểu là sau 8 tiếng đồng hồ.

5. Xin làm ơn báo tin cho vị thầy tinh thần của tôi, chư Tăng, Ni, gia đình và bạn bè những người hộ niệm cho tôi đến trợ niệm cho tôi trong lúc tôi đang hấp hối. Mọi việc sẽ do Thầy và ban trợ niệm giúp cho tôi, mọi người trong gia đình phải nghe theo sự sắp xếp của những vị đó. Những vị này niệm Phật hộ niệm cho tôi sau 8 tiếng đồng hồ rồi sau đó nhà quản mới làm việc của họ.

6. Nếu những sự kiện ước muốn nêu trên được làm đầy đủ đúng theo như ý nguyện của tôi, thì tôi sẽ nhắm mắt ra đi trong sự an lạc vắng sanh về cõi Cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Trong sự làm chứng, tôi đã tự ký trong bản di chúc ủy quyền này trước mặt các vị làm chứng có tên phía dưới và ngàytháng.....năm.....

Chữ ký của đương sự.....

Chữ ký và địa chỉ của người làm chứng:

1.....

(tên)

2.

(tên)

3.....

(tên)

Và đây là bản tiếng Anh (cũng do Đạo Tràng Tu Viện Hộ Pháp biên soạn)

LAST WILL AND TESTAMENT

OF

Ia resident of.....

In the city of....., country of.....

State of.....make and publish this my will and testament.

- 1.I revoke all former wills and codicils I have previously made.
- 2. I am a Buddhist. I want my final arrangements to be performed in Buddhism.
- 3. If I am in coma and there is no sign of recovery, please do not put me on life support (Pull out the feeding tube and breathing tube)
- 4. If my heart ceases to beat for any reason, please do not do any electroshocks to revive me. Please let me die peacefully.
- 5. When I am announced dead, please do not touch and move body for at least (8) eight hours.**
- 6. Please let my Master, monks, nuns, family, and friends perform all the necessary religious rituals beside my bed during these eight hours. Afterwards, the funeral home should come to do their job.
- 7. If these above wishes are fulfilled, I will return my life to Lord Amitabha Buddha in peace and happiness, and will be eternally grateful to you all.

IN WITNESS WHEREOF, I have signed this my Last Will and Testament on the.....day of.....200...

Signature of.....

Signature of witness Address of Witness
(Name).....

Signature of Witness Address of Witness
(Name).....

Signature of Witness Address of Witness
(Name).....

Notary Public: Initials of the Witness.....

Phật tử cũng có thể tùy nghi thêm bớt nội dung của tờ Di Chúc và Ủy Quyền này. Xong rồi, nên in ra làm nhiều bản 2 mặt: tiếng Anh mặt trước và tiếng Việt ở mặt sau. Phải ký tên vào mỗi bản chánh mới có giá trị. Nhờ 3 người làm nhân chứng ký vào mỗi bản, và ký tắt ở phần góc phải. Nếu không, thì

có thể nhờ thầy trụ trì chứng minh bằng con dấu của chùa vào tờ Di Chúc thì cũng có giá trị và tiện dụng.

Mọi việc xong xuôi, Phật tử nên giữ một bản và trao cho những vị có liên hệ trách nhiệm mỗi người giữ một bản. Như vợ hoặc chồng, các con, và trình cho thầy trụ trì hay vị lãnh đạo tinh thần và các bác sĩ gia đình. Như vậy là chúng ta an tâm mà nhắm mắt. Đó là phương cách phòng bị tốt nhất, mà tôi thiết nghĩ mỗi người Phật tử chúng ta nên làm.

Trên đây chúng tôi chỉ trình bày đại khái về cách thức thực hiện. Nếu Phật tử muốn biết tường tận hơn, thì có thể trình bày với những vị có nhiều kinh nghiệm về pháp lý cũng như các bậc tôn đức lãnh đạo tinh thần.

Kính chúc Phật tử chóng đạt thành ý nguyện.

---o0o---

87. Có phải vì vô tình mà phạm tội sát sanh hay không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, vì sơ ý con bị con chó của nhà hàng xóm cắn vết thương khá sâu, nên con có đến bệnh viện chữa trị và cũng có báo cho council biết. Sau đó, con vẫn thấy con chó này đi lang thang ngoài đường. Trong lúc chủ nhà của nó đi vắng, nên con có kêu council đến bắt giữ nó lại, vì con sợ nó sẽ cắn người khác nữa. Nhưng không ngờ là council đã bắt giết nó. Được tin này, lòng con cảm thấy rất ray rứt bùi ngùi xót xa cho nó. Vì nghĩ đến cái chết của nó. Xin thầy hoan hỷ cho con biết, như vậy con có phải phạm tội sát sanh hay không?*

Đáp: Việc này, theo tôi, thì Phật tử không có phạm tội sát sanh. Lý do tại sao mà tôi dám quả quyết như thế? Bởi chúng tôi căn cứ vào giới luật Phật chế. Theo luật, tội có ra là do sự kết hợp chặt chẽ của ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Mà ý nghiệp là đầu mối chủ động quan trọng hơn hết. Xét về ý nghiệp, thì Phật tử không có ác ý muốn giết con chó. Vì Phật tử lo sợ nó cắn người khác như Phật tử đã bị nó cắn. Do đó, vì nghĩ đến người khác mà Phật tử muốn ngăn ngừa hậu họa không tốt có thể xảy ra.

Như vậy, chúng tôi Phật tử đã có một dụng ý rất tốt. Do chỗ dụng ý tốt, nên Phật tử mới báo cho council (Hội Đồng Thành Phố) biết để họ bắt nhốt nó lại. Theo ý của Phật tử là nghĩ như thế. Nhưng có sự xảy ra lại ngoài ý muốn của Phật tử. Việc council giết con chó đó là trách nhiệm của họ. Điều này, xét kỹ thì không có liên hệ gì đến Phật tử. Chủ ý của Phật tử là muốn báo cho họ biết để bắt nhốt nó thôi. Vì người chủ của nó đi vắng. Sở dĩ council

giết nó là vì họ biết con chó này hay cắn người. Nhất là nó lại đang đi hoang. Tội là tội của họ chứ không phải tội của Phật tử.

Thế nên, xét ở nơi ba nghiệp, về ý nghiệp, thì Phật tử đâu có cố ý sát hại con chó. Về khẩu nghiệp, thì Phật tử chỉ báo cho họ biết để bắt nhốt nó lại. Về thân nghiệp, thì Phật tử đâu có ra tay giết nó. Như vậy, Phật tử không phải tự mình giết, cũng không xúi giục dạy bảo người khác giết hay Phật tử thấy người khác giết rồi sanh tâm vui theo. Xét về ba cách của giới sát này, thì Phật tử cũng không có phạm vào điều nào cả. Nếu có lỗi, thì chỉ lỗi ở nơi cái miệng, vì Phật tử báo cho council biết. Tuy nhiên, như đã nói cái miệng chỉ làm theo cái ý chủ động sai sử tốt mà thôi. Thật ra, nó cũng không có tội và gì.

Chẳng những thế, khi hay tin con chó bị giết chết, Phật tử lại khởi từ tâm thương xót và lòng cảm thấy buồn rầu trong lòng thật khó chịu. Chúng tỏ, là Phật tử không có ý nhẫn tâm giết nó. Chỉ vì Phật tử lo sợ người khác bị nó cắn mà phải chịu đau khổ như Phật tử đã bị. Chó tuyệt nhiên, lòng Phật tử cũng không có ý muốn trả thù giết hại nó.

Căn cứ vào những điều mà Phật tử đã thật lòng trình bày trên, theo tôi, thì Phật tử hãy yên tâm không có gì phải áy náy ray rứt buồn phiền. Luận cho cùng, thì đó cũng là cái nghiệp quả của nó. Nếu nó không cắn Phật tử, thì nó cũng cắn người khác. Và rồi cuối cùng nó cũng phải bị cái hậu quả như thế mà thôi.

Theo luật pháp ở đây, nuôi một con vật mà người chủ không bảo quản an toàn, làm tổn hại gây nên thương tích cho người khác, thì chính người chủ đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nuôi con chó không bảo quản kỹ, để nó chạy rong ngoài đường trở thành con chó hoang, gặp ai cắn nấy, thì thử hỏi phải làm sao đây? Cho nên, theo luật thì bắt buộc council phải thi hành theo nhiệm vụ của họ. Vì họ muốn bảo vệ an toàn cho người dân. Theo luật pháp thế gian tương đối là như thế. Họ cũng chỉ là người thi hành đúng theo pháp luật đã quy định mà thôi.

Tuy nhiên, đối với người Phật tử, Phật dạy chúng ta phải có lòng từ bi thương xót bảo vệ chúng nó. Nhưng, việc này đối với luật pháp thế gian thì có khác. Thậm chí, đến như người đời, thì họ coi vấn đề này là một chuyện xảy ra rất bình thường trong xã hội.

Tóm lại, Phật tử có từ tâm thì rất tốt. Nhưng không phải vì thế mà Phật tử phải bận lòng ray rứt hối lỗi buồn phiền. Trường hợp này, thì Phật tử không có phạm giới sát sanh đâu mà phải lo sợ. Tuy nhiên, nếu vì thương xót nó, thì Phật tử cũng có thể sau những giờ hành lễ tụng niệm, nên thành tâm cầu

siêu độ cho nó. Vì nó cũng có tánh linh mạng sống như mình. Đó là điều rất tốt và cũng rất phù hợp với lẽ đạo vậy.

Kính chúc Phật tử thân tâm thường lạc, chuyên cần tu học, đạo quả chóng viên thành.

---o0o---

88. Đã là người xuất gia tu hành tại sao còn có việc tranh giành y bát?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con có đọc sách thiên nói về đức Lục Tổ Huệ Năng, khi Ngài đã được đức Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn truyền y bát, khi đó Ngài lại bị một vị đệ tử của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn tên là Huệ Minh đuổi theo muốn giành lấy y bát lại. Nhưng Huệ Minh đã được đức Lục Tổ giáo hóa ngộ đạo. Con thắc mắc đây có phải là một ẩn dụ hay là sự thật? Nếu là sự thật, thì tại sao người xuất gia tu hành mà còn tranh giành y bát như thế? Hay có một nhân duyên sâu sắc gì khác mà con chưa hiểu. Kính mong thầy giải đáp cho con được rõ.*

Đáp: Căn cứ vào sử liệu, nhất là ở phẩm Hành Do của Kinh Pháp Bảo Đàn chính do đức Lục Tổ Huệ Năng tự thuật, thì đây không phải là một ẩn dụ chỉ cả mà đó là một sự thật. Và sự thật này đã được hầu hết các học giả, sử gia khi nghiên cứu bản kinh Pháp Bảo Đàn đều thừa nhận như thế.

Phật tử thắc mắc tại sao người xuất gia tu hành mà lại còn tranh giành y bát như vậy? Thật ra, đây cũng chỉ là một khía cạnh tâm lý rất thường tình mà thôi. Không phải người xuất gia nào cũng dứt sạch hết phiền não. Bởi vì người xuất gia tuy đã từ bỏ tất cả những vật dục ở thế gian, nhưng đối với những phiền não vi tế trong tâm, không phải ai cũng dễ dàng từ bỏ dứt hết được đâu. Nếu đã dứt hết, thì đã trở thành bậc Thánh nhân mất rồi. Vì còn là phàm tăng, nên trên bước đường tu hành để đạt được giác ngộ cứu cánh giải thoát, tất nhiên các vị đó còn phải gia công nỗ lực hành trì quán chiếu chuyên hóa phiền não dài dài, chớ chưa có ai hoàn toàn giác ngộ giải thoát được hết. Nói thế để Phật tử hiểu mà cảm thông cho.

Song có điều sự tranh giành ở đây, thực chất nội dung của nó không giống như sự tranh giành ở thế gian. Ở thế gian, người ta tranh giành với nhau chỉ vì muốn chiếm hữu quyền lợi riêng tư. Một khi họ không thỏa mãn được lòng dục vọng của họ, thì họ nổi lên tranh chấp hơn thua tàn sát đẫm máu với nhau kịch liệt. Ngược lại, ở đây ta thấy những vị này họ tranh nhau là vì vấn đề kế thừa tổ vị và nhất là chỉ đòi hỏi lấy lại sự công bằng mà thôi.

Nếu chúng ta tự đặt mình trong tâm tư và hoàn cảnh của những vị đó, thì chúng ta mới thấy sự đuổi theo tranh giành đoạt lấy y bát của họ cũng không phải là quá đáng hay hoàn toàn vô lý. Nên nhớ rằng, đức Lục Tổ Huệ Năng, khi đã được đức Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn truyền trao y bát cho, là phải truyền lên, chớ không dám truyền công khai cho đại chúng thấy biết. Vì sao? Vì khi ấy, Tổ Huệ Năng còn mang hình thức là một ông cư sĩ nhà quê dốt nát. Khi đến đạo tràng Huỳnh Mai, Ngài chỉ là người phục dịch làm việc ở nhà trù. Nghĩa là Ngài phải giã gạo có hơn tám tháng trời.

Trong khi đó, những vị kia là những tăng chúng và cư sĩ đồ đệ của Ngũ Tổ với số đông có hơn ngàn người. Riêng tăng chúng đã có hơn năm trăm người. Những vị này đã theo Ngũ Tổ thụ học và có một quá trình tu học dài lâu. Bây giờ vị giáo thọ sư dạy đồ chúng là Ngài Thần Tú. Trên là Ngũ Tổ dưới là Thần Tú. Một vị giáo thọ sư tài ba lão thông kinh điển mà không được truyền trao y bát, lại truyền cho một ông cư sĩ nhà quê hèn hạ dốt nát, thử hỏi như thế làm sao mà họ không bất bình và nổi giận cho được? Cho nên, họ quyết định giành lấy lại y bát với mục đích là để đòi hỏi lấy lại sự công bằng mà thôi.

Sở dĩ các đồ chúng đuổi theo (trong số đó có Thượng Tọa Minh là người cỡi ngựa giỏi nhất, vì trước khi xuất gia ông là một nhà tướng) chẳng qua cũng chỉ với mục đích đó. Hơn nữa, họ không muốn Phật pháp nói rõ hơn là Thiên tông phải về tay của một ông cư sĩ tầm thường nhà quê không có tài cán chi. Thế mà, ông lại được truyền tở vị để đảm đương gánh vác trọng trách nối thanh dòng pháp. Đó là một điều mà họ không thể nào chấp nhận được. Họ không thể nào chịu nổi cái cảnh y bát ngang nhiên lại về tay của một ông nhà quê dốt nát thất học đó. Và lại, ông ta là một cư sĩ làm sao có thể sánh được với một bậc cao tăng tài đức vẹn toàn như là ngài Thần Tú. Nếu y bát được Ngũ Tổ truyền thừa cho ngài Thần Tú thì làm gì có chuyện xảy ra tranh giành như thế? Vì ai cũng nghĩ chỉ có ngài Thần Tú mới xứng đáng được truyền trao y bát và kế thừa tở vị mà thôi.

Có tư duy thâm xét như thế, thì ta mới có thể cảm thông cái bối cảnh tâm tư nguyện vọng và hành động của các ngài. Sự thật, thì những vị này cũng không có ý mưu đồ gì riêng. Nên nhớ, lúc đó trong đồ chúng không một ai thấu hiểu được sự ngộ đạo của Tổ Huệ Năng cả. Vì đức Ngũ Tổ đã cố tình che giấu không muốn Lục Tổ bị bại lộ tông tích cho đến giờ phút chót. Vì chỉ cần sơ hở bại lộ bí mật một chút, thì tánh mạng của Lục Tổ Huệ Năng khó được bảo đảm an toàn. Do đó, ta thấy mọi việc đều do đức Ngũ Tổ sắp xếp an bày toàn bộ. Đó là một hoàn cảnh thật bất khả kháng và vô cùng bí mật đặc biệt. Thậm chí, về sau, Lục Tổ phải ở ẩn chung sống với những anh

chàng thợ săn trong rừng núi trải qua 15 năm trời. Nếu không như thế, thì Ngài tất sẽ bị họa hại.

Còn như nếu nói giữa Huệ Minh và Lục Tổ, có một nhân duyên kỳ đặc, thì điều đó cũng không phải là vô lý. Rõ ràng, khi Huệ Minh giở y bát không lên, thấy có gì màu nhiệm, nên ông ta mới trình thưa, là ông đến đây vì pháp chớ không phải vì y bát. Do lời nói chân tình xuất phát từ đáy lòng thiết tha của một người cầu pháp, nên Lục Tổ Huệ Năng mới xuất hiện lộ diện và bảo Huệ Minh nên bình tâm trong giây lâu và rồi Ngài đồng dạy tuyên bố một câu thẳng thừng: “*Đừng nghĩ thiện cũng đừng nghĩ ác, chính ngay giây phút đó cái gì là Bản lai diện mục của Thượng Tọa Minh*”? Ngay câu nói này, Huệ Minh liền đại ngộ. Đó không phải là một cơ duyên ngộ đạo hy hữu lắm sao! Bảy lâu nay, sống trong đờ chúng theo Ngũ Tổ và ngày đêm thọ học với giáo thọ Thần Tú, thế mà không tỏ ngộ, nay chỉ nghe một ông cư sĩ nhà quê nói một câu sấm sét, ông ta liền bừng sáng tỏ ngộ. Nếu không phải là một nhân duyên kỳ đặc giữa hai người từ trước thì làm gì có được như thế?

Nói tóm lại, việc tranh giành y bát đây là chuyện trong nhà Thiền và sự kiện xảy ra trong một hoàn cảnh thật là quá hy hữu đặc biệt. Xét về khía cạnh tâm lý của con người, ta thấy thời nào cũng thế. Bởi y bát chính là đầu mối của sự tương tranh. Vì vậy, mà y bát từ thời Lục Tổ Huệ Năng trở về sau không còn tiếp tục truyền thừa nữa. Thứ nhất, vì thiền tông đã được lưu truyền thanh hành, và đã được nhiều người biết đến. Thứ hai, để tránh cái mầm mống họa hại tranh giành với nhau. Vì tu hành chưa dứt sạch hết phiền não tham, sân, si... thì việc tranh chấp vẫn không thể nào tránh khỏi. Đó là một sự thật.

Tuy nhiên, sự tranh giành của người có tu, dĩ nhiên có khác hơn sự tranh giành của người đời rất nhiều. Từ một ý niệm đang tương tranh với nhau, đã được cơ phong chuyển hóa trở thành “*vô tranh vô niệm*”. Việc chuyển mê khai ngộ chỉ đột khởi xảy ra trong chớp mắt. Nếu ngài Huệ Minh không có chuẩn bị trong tâm thức chín muồi, thì làm sao ông được tỏ ngộ nhanh chóng qua lời nói của đức Lục Tổ?

Đó là một bài học quý giá cho chúng ta thấy, trong ý niệm tranh chấp có cái thực thể không tranh chấp. Nói cách khác trong cái tướng sanh diệt, có cái thể tánh bất sanh bất diệt tiềm ẩn trong đó. Như trong sóng sấn có nước. Chỉ cần sóng dừng lặng thì toàn thể tánh nước hiện bày. Sóng và nước không thể ly khai nhau. Muốn thấy nước, chỉ cần sóng lặng. Cũng thế, cái thể tánh chơn thật nằm sấn trong cái hiện tượng sanh diệt giả dối. Nói cách khác, cái bản thể sấn có tiềm tàng trong hiện tượng. Rồi hiện tượng không có bản thể. Hay ngược lại cũng thế. Vì vốn có sấn như thế, nên chỉ cần có người chỉ

điểm khai thị đúng lúc, thì đương cơ sẽ nhận được cái thể tánh “**không tranh hằng hữu**” ở nơi chính mình. Như vậy, “*tranh mà không có gì là tranh cả*”. Điển hình qua sự kiện ngộ đạo của Thượng Tọa Minh đó là một chứng minh cụ thể vậy.

---o0o---

89. Một sự ngộ nhận về luật nhân quả?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con không phải là người tu theo đạo Phật, nhưng lâu nay con nghe nói nhiều về luật nhân quả của đạo Phật và duyên nghiệp nhiều đời trông chéo lên nhau. con thấy có nhiều người nói về nhân quả, nhưng thường thì họ chỉ nói chứ ít khi nào áp dụng vào đời sống của mình. Con có một cá tánh là khi biết người khác đối xử xấu với mình, con thường im lặng và tìm cách tránh chớ không nói. Như vậy, đối với luật nhân quả con có phạm hay không? Kính mong thầy giải thích.*

Đáp: Trong câu hỏi của bạn, nếu phân tích thì tôi thấy có ba vấn đề chi tiết cần được trao đổi chia sẻ:

Thứ nhất, theo bạn nói: “*bạn thấy có nhiều người nói về nhân quả, nhưng thường thì họ chỉ nói chứ ít khi nào áp dụng vào đời sống của mình*”. Điều này, tôi hoàn toàn đồng ý với bạn. Nhưng thưa bạn, trên đời này ít có mấy ai thật hành đúng theo hết những gì mà mình đã nói. Giữa lý thuyết và thật hành, thật khó mà song hành hợp nhứt với nhau. Nói thì rất dễ nhưng làm thì rất khó. Vì thế, nên sách Nho có câu: “Thuyết dị, hành nan” hay “năng thuyết bất năng hành”. Lý thuyết bao giờ cũng đi xa hơn hành động. Nếu nói và làm đi đôi với nhau, thì cõi đời này chắc không còn ai chịu nhiều đau khổ nữa. Do đó, nên ta thấy các bậc Cổ Đức, thường các ngài ít nói, và chỉ nói những gì trong phạm vi khả năng mà các ngài có thể thật hành được thôi. Bởi vậy, nên các ngài rất cẩn trọng ở nơi lời nói.

Trong đạo Phật có câu nói: “*Tri hành hợp nhứt*”. Câu nói này nhằm để cảnh tỉnh khuyến tấn, nhưng trên thực tế thì ít có mấy ai làm đúng. Chính vì không hợp nhứt, nên đôi khi trở thành là kẻ nói khoát. Hiểu biết tuy cũng rất cần thiết, nhưng nó chỉ đem lại lợi ích cho phần sở tri kiến giải của mình thôi. Cũng như người có đôi mắt thật sáng, nhìn xa thấy rộng, họ có thể nói đông nói tây đủ thứ chuyện trên đời, nhưng nhìn lại, thì họ vẫn còn dậm chân tại chỗ. Dù rằng họ có đôi chân rất mạnh.

Như thế, thì thử hỏi làm sao đến nơi mà họ nhắm tới. Khác nào như người ngồi đó chỉ biết diễn tả phân tích đủ thứ món ăn tuyệt diệu trên đời, nhưng rốt lại thì bụng họ vẫn đói meo. Họ nói thì rất hay, nhưng bản thân họ chưa từng bước chân xuống bếp. Người xưa có câu: *“Muốn ăn phải lặn vào bếp, muốn chết phải lết vô hòm”*. Đây là câu nói nhằm cảnh tỉnh thức nhắc người ta nên làm hơn là nên nói. Hãy biến nhận thức của mình thành hành động cụ thể. Có thể, thì mới có lợi ích thiết thực.

Tuy nhiên, sự nhận định hiểu biết đúng hướng chân lý (chánh kiến) tuy chưa thật hành đúng theo, nhưng điều đó cũng rất là tốt và cần thiết. Chỉ sợ nhận định sai lầm (tà kiến) rồi chấp chặt bảo thủ làm theo, đó mới là điều tai hại đáng nói. Cho nên, điều quan yếu trước tiên là phải nhận định đúng với chân lý, còn việc thật hành thì có thể thực hiện từng bước cũng không sao. Cũng như người đứng dưới chân núi, thấy rất rõ hình dạng của ngọn núi, nhưng muốn tới ngọn núi, thì đòi hỏi họ phải gắng sức trèo lên từ từ từng bước vững chắc. Tuy chưa tới ngọn núi liền, nhưng cái hướng thấy của họ không bị sai lệch.

Trong nhà Phật có câu nói: *“Đốn ngộ, nhưng phải tiệm tu”*. Có thể cái chỗ thấy biết tương đồng với Phật Tổ, nhưng phải từ từ tu tiên, vì tập khí nghiệp chướng của con người còn quá sâu nặng. Như vậy, có những người tuy họ nói nhiều về nhân quả, nhưng sự thật hành của họ quả không đúng theo những gì họ nói. Người như thế, tuy họ không được lợi ích nhiều, nhưng ít ra họ cũng không đến nỗi phải gây ra những lỗi lầm sâu nặng. Vì họ đã có ý thức đến lý nhân quả vậy trả phần nào.

Như bạn nói, họ ít khi áp dụng chớ không phải hoàn toàn là họ không có áp dụng. Nghĩa là họ có áp dụng từ từ, đó gọi là họ đang hướng đời mình trên bước đường tu tập. Như thế, kể ra họ cũng vẫn còn tốt hơn là những người mà cả đời chưa bao giờ học hỏi biết đến nhân quả và họ cũng không bao giờ áp dụng một chút nào theo lý nhân quả trong cuộc sống. Do đó, nên suốt đời họ gặp phải nhiều tai nạn khổ đau. Có tránh nhân xấu thì mới không gặp quả xấu. Ở đời, nếu mình đòi hỏi phải thật hành một cách toàn vẹn, điều đó, thật khó có ai làm được, ngoại trừ các bậc Thánh nhân.

Thứ hai, bạn nói: *“là bạn có cá tánh khi biết người khác đối xử xấu với mình thì bạn thường im lặng và tìm cách tránh chớ không nói”*. Điều này là bạn hiện tập cho mình có một thói quen tương đối khá tốt. Nghĩa là bạn khéo áp dụng câu châm ngôn của người xưa: *“Im lặng là vàng nói là bạc”*. Điều đáng nói hơn nữa, là bạn khéo biết tránh duyên. Bạn tìm cách tránh né chớ không muốn đương đầu để tranh cãi hơn thua. Đứng về mặt xử thế tự lợi,

điều này bạn xử sự rất tốt cho bạn. Vì bạn không muốn gây ra những chuyện phiền phức rắc rối cho mình và người.

Đây là bạn đang thực tập hạnh nhẫn nhục rồi đó. Nhưng nếu bạn tập tánh khá hơn nữa là tuy tìm cách tránh né, nhưng bạn không bao giờ quan tâm cất chứa những lời nói của họ ở trong lòng. Đó là bạn đang thực tập hạnh hỷ xả. Hạnh này thật rất khó làm. Nhưng nếu bạn cố gắng thực tập, thì chắc chắn có ngày bạn sẽ thành công. Chẳng những bạn không buồn giận họ, mà bạn còn thương xót tật tánh của họ. Vì họ chưa biết thực tập tánh tốt không nói xấu ai. Người thích nói xấu chỉ trích lỗi lầm kẻ khác là vì người đó tâm của họ còn quá thô tháo vọng động, còn thích nhiều chuyện thị phi. Họ là hạng người thích làm cảnh sát quốc tế. Do đó, nên bạn cần thương họ nhiều hơn. Vì biết họ vẫn còn ôm ấp quá nhiều đau khổ nội kết trong lòng. Bởi thế, họ là người thật đáng thương hơn đáng trách!

Thứ ba, bạn nêu ra câu hỏi: “*Như vậy đối với luật nhân quả bạn có phạm hay không?*” Điều này, có lẽ bạn đã hiểu lầm về luật nhân quả rồi. Thưa bạn, luật nhân quả khác hơn những điều luật cấm giới. Luật nhân quả không mang tính giới điều như là giới luật mà người ta đã lãnh thọ. Dù bạn tu theo bất cứ tôn giáo nào, mỗi tôn giáo đều có những giới luật răn cấm cả. Nhân quả, sở dĩ người ta gọi là luật, bởi vì nó là luật tác thiên nhiên có tác dụng vận hành chi phối toàn thể vũ trụ. Vì thế nên nói nhân quả là một chân lý phổ biến. Chân lý này nó tiềm tàng bao trùm trong mọi sự vật, không có một vật thể nào thoát ngoài định luật này. Từ thực vật, động vật, khoáng vật v.v... không một loài nào thoát khỏi.

Nói cách khác là từ vật lý, sinh lý, cho đến tâm lý... không có một thứ gì mà không có nhân quả. Lý nhân quả được đặt định trên chiều thời gian. Vì từ nhân tới quả phải có thời gian. Ngoài chánh nhân ra, nó còn nhiều trợ duyên khác nữa. Cho nên nhân quả là một hiện tượng rất phức tạp xuyên suốt qua ba thời kỳ: quá khứ, hiện tại và vị lai, chứ không phải đơn giản như nhiều người lầm tưởng. Bạn thử tìm mọi hiện tượng trên đời này có cái gì không phải là nhân quả. Ăn là nhân, no là quả. Học là nhân, biết chữ là quả v.v...

Nói tóm lại, người hiểu lý nhân quả và khéo biết ứng dụng vào trong đời sống, thì họ sẽ có được lợi lạc rất lớn. Như vậy luật nhân quả là quy luật vận hành tự nhiên của vạn hữu vũ trụ. Không ai đặt định bày ra luật nhân quả này. Đức Phật cũng chỉ là người giác ngộ khám phá ra luật nhân quả mà thôi. Mong bạn cố gắng khéo ứng xử hành hoạt đúng theo luật nhân quả, tức theo chiều hướng thánh thiện, thì đời bạn sẽ gặt hái nhiều điều lợi lạc trong đời sống vậy.

90. Hoạn tử là gì?

Hỏi: Kính thưa thầy, thường con nghe nói đến hoạn tử, nhưng con không hiểu nghĩa hoạn tử là như thế nào? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ. Thành thật cảm ơn thầy.

Đáp: Hai chữ “hoạn tử” là từ Hán Việt. Đúng ra phải nói là hoành tử. Vì chữ hoành có nghĩa là ngang. Theo quyển Hán Việt Tự Điển của cụ Thiều Chửu, thì chữ “hoành” có ba âm đọc: hoành, hoạnh và quáng. Chữ quáng có nghĩa là hăng hái. Trong quyển Hán Việt Từ Điển của cụ Đào Duy Anh giải nghĩa: hoạnh tử có nghĩa là cái chết không chính đáng.

Trong quyển Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của ông Bửu Kế, ông giải thích: hoành là ngang; tử là chết. Hoành tử hay hoạnh tử có nghĩa là không phải chết bình thường do già cả, bệnh tật mà chết bất ngờ (chết đuối, bị sét đánh).

Đó là chúng tôi dẫn chứng 3 quyển từ điển giải thích về hai chữ hoạnh tử. Còn trong quyển Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 4, trang 2968, giải thích hai chữ hoạnh tử như sau:

“Hoạnh tử còn gọi là Phi thời tử, Bất lự tử, Sự cố tử. Chết oan, do gặp phải tai họa ngoài ý muốn mà chết. Hoạnh tử gồm có 9 thứ:

1. Bệnh mà không có thầy thuốc rồi chết.
2. Bị Luật Vua tru lục mà chết.
3. Phi nhân đoạt tinh khí mà chết.
4. Lửa cháy mà chết.
5. Nước nhận chìm mà chết.
6. Ác thú ăn thịt mà chết.
7. Té xuống sườn núi mà chết.
8. Bị thuốc độc, bùa chú mà chết.
9. Đói khát ép ngặt mà chết.

Trên đây là chúng tôi y cứ vào các quyển từ điển để chứng minh nói về hai chữ hoạnh tử. Nếu Phật tử muốn biết rõ hơn về chín thứ hoạnh tử này, thì nên tìm đọc Kinh Dược Sư Bốn Nguyện Công Đức ở phần đầu, số trang 62 do chùa Quang Minh ấn tống.

Nói chung, hoạnh tử là những cái chết bị oan ức ngang trái không bình thường. Những cách chết này, theo Phật giáo thì thật khó siêu thoát theo ý

muốn. Bởi vì cái chết xảy ra quá đột ngột bất ngờ làm cho người chết rất sợ hãi hoang mang. Đồng thời không có người trợ niệm giúp sức để cho người chết có được chánh niệm bình an. Do đó, nên gọi là hoạnh tử.

---o0o---

91. Vấn đề kết hôn khác tôn giáo?

Hỏi: *Kính thưa thầy, gia đình con có truyền thống tu theo đạo Phật. Ông bà cha mẹ con đều là những người theo đạo Phật. Con cũng đã quy y Tam bảo và đã trở thành một Phật tử. Nhưng con có quen với một người bạn gái theo đạo Thiên Chúa. Chúng con định kết hôn với nhau. Nhưng khi biết được, ba mẹ con quyết định không đồng ý cho con kết hôn với người bạn gái đó. Con xin hỏi, nếu chúng con tiến tới hôn nhân thì con có mang tội với tôn giáo của mình không? Và đối với gia đình con có phải là đưa con bất hiếu không? Kính xin thầy hoan hỷ cho con biết ý kiến và con rất muốn nghe lời khuyên bảo của thầy.*

Đáp: Đây là một vấn đề rất tế nhị, vì nó được đặt định trên cơ sở của niềm tin. Ở đây, chúng tôi chỉ dựa vào tinh thần vô ngã phá chấp bao dung của đạo Phật mà chúng tôi xin được góp chút thành ý chung chung trong vấn đề này.

Niềm tin đối với con người rất hệ trọng. Nhất là đối với niềm tin tôn giáo. Vì thế, đạo Phật xưa nay rất tôn trọng niềm tin tưởng của mọi người. Đạo Phật không bao giờ bắt buộc ai phải tin theo đạo Phật một cách mù quáng vô điều kiện. Cho nên, việc chọn lựa là quyền quyết định của mỗi cá nhân. Việc từ bỏ một tôn giáo này theo một tôn giáo khác, đối với đạo Phật cũng không có ngăn cấm. Vì đạo Phật rất tôn trọng quyền tự do tư tưởng quyết định tuyệt đối của con người. Tuy nhiên, việc chọn lựa khổ hay vui, là chính do con người tự định đoạt lấy. Đạo Phật chỉ vạch bày cặn kẽ cho mọi người thấy rõ, đâu là con đường đưa đến an vui hạnh phúc và đâu là con đường dẫn đến khổ hải trầm luân. Từ đó, mỗi cá nhân tự tư duy sát nghiệm cho thật kỹ càng rồi mới nên quyết định. Đạo Phật chỉ khuyên con người cần có một quyết định sáng suốt. Bởi theo đạo Phật, niềm tin bao giờ cũng phải có sự vận dụng của trí huệ soi sáng dẫn đường. Có ý thức như thế, thì mới không bị sa đọa vào con đường tà ngoại.

Với chủ trương vô ngã phá chấp, đạo Phật khuyên con người nên mở rộng cõi lòng hỷ xả bao dung phá bỏ mọi thành kiến cố chấp dị biệt. Định kiến cố chấp, đó không phải là tinh thần căn bản của đạo Phật. Càng cố chấp chùng nào thì con người càng chuốc lấy hệ lụy khổ đau nhiều chùng nấy. Chẳng

những làm khổ mình mà còn làm khổ lụy bao nhiêu người khác. Đạo Phật sở dĩ được tồn tại trải dài theo thời gian mà vẫn không bị lỗi thời, là vì đạo Phật tuyệt đối không có vấn đề mặc khải giáo điều. Nguồn giáo lý của đạo Phật mang đủ hai yếu tính cơ bản thiết thực: khế lý và khế cơ. Khế lý là hợp với chân lý muôn đời bất di bất dịch. Khế cơ là thích nghi với mọi hoàn cảnh, căn cơ, thời đại. Nhất là luôn luôn thích nghi phù hợp với mọi trào lưu tư tưởng tiến hóa của nhrơn loại.

Vấn đề tình cảm hôn nhân, đối với xã hội ngày nay nó không còn định hình thủ cựu như ngày xưa nữa. Những phong tục lễ nghi tùy theo mỗi thời đại mà có sự thay đổi biến thể khác nhau. Chúng ta chỉ nên duy trì những lễ nghi phong tục nào, xét thấy còn mang tính thuần phong mỹ tục đặc trưng cho bản sắc dân tộc và khế hợp với thời đại khoa học, còn những phong tục lễ nghi nào rườm rà phức tạp, mê tín, lỗi thời, thì chúng ta nên giảm bớt hoặc mạnh dạn dứt khoát loại bỏ không nên duy trì.

Là phụ huynh, chúng ta không nên cố chấp vào những nếp nghĩ bảo thủ xưa, mà làm đau khổ cho những thế hệ trẻ. Chính tình trạng bắt ép theo kiểu cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đó, đã hơn một thời gây ra không biết bao nhiêu những cặp thanh niên nam nữ phải chịu nhiều đau khổ. Thậm chí có người vì quá yêu thương không được toại nguyện, nên họ đành phải chọn cái chết để kết liễu đời mình. Đó là hậu quả thật vô cùng tai hại do những thành kiến bảo thủ cố chấp gây ra. Với thời đại khoa học tân tiến hiện nay, việc bảo thủ định kiến tai hại này, theo tôi, thì không còn thích hợp nữa. Chúng ta cần phải mở rộng cõi lòng dung hợp trong tinh thần đạo đức nhân bản nhằm tiến đến xây dựng tình người trong cộng đồng nhrơn loại.

Trở lại câu hỏi của Phật tử, Phật tử hỏi rằng, nếu Phật tử tiến đến hôn nhân có mang tội với tôn giáo của mình không? Theo tôi, thì Phật tử không có gì là mang tội cả. Vì đó là chuyện quyết định chọn lựa tình cảm riêng tư của Phật tử. Không phải vì kết hôn với một người khác tôn giáo mình, mà Phật tử lại từ bỏ lý tưởng đạo giáo của mình. Phật tử đâu có nói là khi tôi thành hôn với người đó, thì tôi quyết định từ bỏ đạo giáo của tôi. Phật tử chỉ quyết định trong việc cưới hỏi thành hôn thôi mà! Còn việc đạo giáo tín ngưỡng thì đạo ai nấy gìn giữ tôn thờ.

Đó là mình vẫn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mỗi người. Điều quan trọng là cả hai phải tôn trọng thỏa thuận niềm tin của nhau. Nói theo Thiên sư Nhất Hạnh thì, Phật tử có thêm một gốc rễ tâm linh thứ hai. Như vậy, thì Phật tử được phong phú dồi dào thêm chớ sao lại có tội? Phật tử có bao giờ phản bội làm thiệt hại đến đạo giáo của mình đang tôn thờ đâu? Không phải vì kết hôn với một người khác tôn giáo với mình mà mình không có hạnh

phúc. Quan niệm này xét thấy thật không hợp lý lắm. Chúng tôi thấy có nhiều cặp vợ chồng không cùng chung một tôn giáo mà họ vẫn sống rất hạnh phúc với nhau cho đến trọn cuộc đời.

Ngược lại, có lắm người cùng chung một tôn giáo mà đời sống của họ không bao giờ có hạnh phúc. Điều quan trọng là ở nơi cá tánh của mỗi người chớ không phải ở nơi tôn giáo. Họ không bao giờ biết nhường nhịn lẫn nhau. Mặc dù tôn giáo đã dạy họ như thế. Nhưng họ vẫn tranh cãi ăn thua đủ với nhau. Thậm chí có người vì quá sân hận nóng nảy nên gây ra cảnh bạo hành đánh đập với nhau. Hậu quả là gia đình tan nát đổ vỡ, mỗi người một ngã. Ngày xưa thương yêu bao nhiêu nay trở thành đối nghịch thù hận bấy nhiêu. Cha mẹ ly dị thì con cái phải chịu nhiều đau khổ! Như vậy hạnh phúc do đâu? Có phải do khác tôn giáo hay không? Theo tôi, hạnh phúc có hay không, chính là ở chỗ giữa hai trái tim có thiết thực thông cảm, hiểu biết, yêu thương, và có khéo biết cư xử thành thật tôn trọng với nhau hay không mà thôi. Nói rõ ra là hạnh phúc chỉ nằm gọn trong “*trái tim yêu thương*” chân thật thông cảm của hai người. Đó mới là điều quan trọng trong việc bảo vệ hạnh phúc lứa đôi.

Còn việc Phật tử hỏi như thế có bất hiếu với gia đình hay không? Điều này, theo tôi, nếu căn cứ theo truyền thống hiếu đạo của người Việt Nam chúng ta, thì con cái mà cãi lời cha mẹ, chỉ biết làm theo ý mình, bất cần lời khuyên bảo dạy dỗ của cha mẹ, thái độ như thế thì đó là người con bất hiếu. Bất cứ thái độ hành động hay lời nói nào làm khổ cho cha mẹ, thì đều gọi là bất hiếu cả. Bởi vì làm cha mẹ lúc nào ai cũng muốn cho con cái của mình có được một cuộc sống an vui hạnh phúc. Không có cha mẹ nào muốn cho con mình phải hư hỏng chịu nhiều đau khổ. Chính vì sự yêu thương quan tâm lo lắng rất mực đó, nên giữa cha mẹ và con cái mới có những sự bất đồng quan điểm gây nên tình trạng mâu thuẫn xung đột bất hòa với nhau. Và cả hai đều có những nội kết nỗi khổ niềm đau riêng.

Hơn ai hết, là người Phật tử chúng ta nên vâng theo lời Phật dạy mà khéo xử sự nhẫn nhịn ôn hòa với nhau. Bởi tư tưởng của con người là do huân tập ở mỗi môi trường, hoàn cảnh, thời đại khác nhau. Do đó, nên mỗi người có những ý nghĩ quan niệm sống khác nhau. Trong gia đình, giữa cha mẹ và con cái nên thiết lập truyền thông bàn giải trong tinh thần yêu thương cởi mở dung hòa để tìm ra một giải pháp thích hợp. Trên đời, không có bài toán đồ khó khăn nào mà không tìm ra đáp số. Nếu chúng ta chịu khó ngồi lại với nhau để cùng nhau quyết tâm tìm cách giải đáp. Theo tôi, đối với thời đại ngày nay, chuyện cưới gả kết hôn đôi với người khác tôn giáo, thật ra không có gì là lỗi đạo hay không đem lại hạnh phúc cho lứa đôi.

Do đó, sự quyết định nên để cho con cái tự do quyết định hay hơn là cha mẹ lấy quyền quyết định. Nếu cuộc hôn nhân do cha mẹ quyết định, khi thuận thảo yên xuôi cơm lành canh ngọt thì thôi, bằng trái lại, khi hôn nhân của chúng nó bị chia ly đổ vỡ, thì ai là người lãnh lấy trách nhiệm? Có phải mọi việc chúng nó sẽ đổ trút lên hết trách nhiệm cho cha mẹ hay không? Đây là một bài học quá cay đắng và quá xưa đã lỗi thời rồi. Thế thì, muốn cho yên xuôi trên hòa dưới thuận, thì tốt hơn hết là hãy để cho chúng nó tự quyết định lấy. Đó là biện pháp hay nhất và không lỗi thời. Mọi việc nên hư, thành bại, đắc thất... đều do chúng nó ý thức tự quyết định lấy. Cha mẹ chỉ đóng vai trò là người cố vấn phân tích lợi hại và thức nhắc chúng mà thôi. Tuyệt nhiên, không nên can dự vào sự quyết định chọn lựa của chúng nó.

Đó là những điều mà chúng tôi xin được chân thành trao đổi chia sẻ góp ý cùng với các bậc phụ huynh cũng như với các bạn trẻ. Nhất là đối với Phật tử đã hồi. Thật ra, đối với thời nay, phải nói ngược lại mới đúng. Nghĩa là con cái đặt đâu thì cha mẹ ngồi đó. Mong rằng, những chia sẻ góp ý này, sẽ giúp cho quý vị phần nào nhằm giải tỏa những mâu thuẫn gút mắc trong gia đình về việc hôn nhân, nhất là hôn nhân khác tôn giáo. Sự chân thành góp ý này, nếu có gì sai trái, thì xin quý vị cũng niệm tình thứ lỗi bỏ qua cho.

Kính chúc Phật tử mọi việc sẽ đạt được an ổn tốt đẹp như ý muốn.

---o0o---

92. Tập khí là gì?

Hỏi: *Kính bạch thầy, xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ ý nghĩa của hai chữ tập khí là gì?*

Đáp: Tập khí là thuật ngữ của Phật giáo. Tiếng Phạn, Pali: Vāsana. Tập khí còn có những tên gọi khác như: phiền não tập, dư tập, tàn khí, chủng tử. Hai chữ này nguyên là từ ngữ Hán Việt. Trong quyển Hán Việt Tự Điển của cụ Thiều Chửu giải thích hai chữ tập khí như sau:

Chữ “tập” gồm có 5 nghĩa: 1. Học đi học lại, như giảng tập. 2. Quen thạo. Như tập kiến: thấy quen; Tập văn: nghe quen. 3. Tập quen. Phàm cái gì vì tập quen không đổi đi được đều gọi là tập. Như tập nhiễm. 4. Chim bay vì vút. 5. Chồng, hai lần.

Chữ “khí” gồm có 6 nghĩa: 1. Hơi thở. 2. Cái gì không có hình chất mà cùng cảm ứng với nhau được gọi là khí, như khí vận, khí tượng, khí vị v.v... 3. Khí hậu. 4. Khí tức hơi. 5. Thở hơi. 6. Người.

Như vậy hai chữ tập khí có nghĩa là những tập tánh được huân tập vào kho A lại da thức trở thành những hạt giống (chủng tử) thiện ác. Nói cách khác dễ hiểu hơn thì, tập khí có nghĩa là những kinh nghiệm, thói quen mà do con người tích lũy được.

Trong quyển Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 7 trang 6578 giải thích hai chữ tập khí như sau:

“Tập khí chính là phần tàn dư , khí còn sót lại của phiền não, dần dần kết chặt vào tâm, trải qua thời gian lâu xa tích tập thành tánh, rất khó phá trừ. Ví như đốt một thỏi hương vào hộp, khi lấy thỏi hương ra, trong hộp vẫn còn mùi thơm; tức là tuy đã diệt trừ chánh thể (chánh sử) phiền não nhưng vẫn còn khí phân tập quán. Trong kinh Phật có nói đến dâm tập của ngài Nan Đà, sân tập của ngài Xá lợi phất và Ma ha ca diếp, mạn tập của ngài Tỳ lãng già bà bát, khiêu hỷ tập của ngài Ma đầu ba tư tra, ngu nghiệp tập của ngài Kiều phạm ba đề... Chỉ có Phật là đoạn trừ vĩnh viễn chánh sử và tập khí”.

Qua đó, chúng ta thấy rằng những tập khí phiền não như: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... nói chung là những thứ căn bản phiền não và chi mạng phiền não, thật không phải dễ trừ dễ đoạn. Bình thường ta không thấy bọn chúng ẩn trốn trú ngụ nơi đâu, giống như không khí bàng bạc khắp nơi, không thấy hình dạng chi cả, nhưng khi đối cảnh xúc duyên, trái ý nghịch lòng thì chúng xuất đầu lộ diện ngay. Như có người mắng chửi ta, thì tập khí sân hận, liền phát khởi hiện hành tức khắc. Vì thế, người tu hành sợ nhất là lũ tập khí phiền não này. Chính bọn chúng luôn luôn khuấy động làm cho tâm ta không lúc nào yên cả. Tập khí, tùy theo sức huân tu của mỗi người mà nó có nặng nhẹ khác nhau. Ngoài những thứ tập khí phiền não lâu đời (bản hữu chủng tử) như tham, sân, si ...ra, còn có những thứ tập khí mà chúng ta mới huân tập (tân huân chủng tử) vào. Như những tập khí (thói quen) nghiệp ngập: cờ bạc, rượu chè, hút thuốc, nói nhiều, chửi thề, trạo cử run đùi v.v...

Những thứ tập khí này, tuy mới huân tập trong hiện đời mà chúng ta thật còn khó bỏ thay, hà tất gì những thứ tập khí lâu đời lâu kiếp. Muốn dứt trừ chúng thật là thiên nan vạn nan. Đời hỏi người tu hành phải chuyên cần tinh tấn và phải có một quyết tâm mạnh mẽ luôn hành trì già dặn miên mật lắm mới được. Người tu hành hơn nhau là ở chỗ khéo dẹp trừ những thứ tập khí phiền não xấu ác. Những thứ tập khí này có thô tế, sâu cạn, nặng nhẹ khác nhau. Tu hành diệt trừ được phần thô cũng đã là khá lắm rồi. Còn những thứ phiền não vi tế, chỉ có Phật mới dứt sạch hết mà thôi. Tất cả những pháp môn Phật

dạy đều nhằm mục đích duy nhất là để đối trị, đoạn trừ hoặc chuyển hóa những thứ tập khí phiền não này.

---o0o---

93. Không quy y Tam bảo niệm Phật có được vãng sanh không?

Hỏi: Kính thưa thầy, mặc dù con chưa chánh thức quy y Tam bảo để trở thành người Phật tử, nhưng hằng ngày con vẫn lo tu niệm không làm điều gì sai quấy tội lỗi. Hơn nữa, con tuy ở nhà không có đi chùa, nhưng vẫn thường niệm Phật. Như vậy, không biết khi lâm chung con có được vãng sanh về Cực lạc hay không? Xin thầy vui lòng giải đáp cho con biết.

Đáp: Việc niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc, không luận là quy y hay không quy y. Và cũng không luận là ở chùa hay ở nhà. Bất cứ dưới hình thức nào và bất cứ ở nơi đâu cũng có thể tu hành niệm Phật được cả. Điều quan trọng là chúng ta có thật tâm chí thành tu hành và niệm Phật hay không mà thôi. Tuy nhiên, dù sao quy y Tam bảo cũng vẫn là điều tốt hơn. Vì sao? Vì chúng ta có chỗ quy hướng để nương tựa tu học. Nhờ có quy y phát nguyện giữ giới đúng theo lời Phật dạy, nên chúng ta ít gây ra những điều tội lỗi sai quấy. Đó cũng là một trợ duyên tăng thượng rất tốt làm tăng thêm sức định tâm trong khi chúng ta hành trì niệm Phật. Quy y là để chúng ta nương tựa vào Tam bảo để học hỏi biết rõ đường lối tu hành, chớ không phải quy y cốt để cho mình trở nên một người Phật tử mang danh nghĩa rỗng suông. Nếu hiểu nghĩa quy y theo quan niệm như thế, thì thật là trái với ý nghĩa quy y và không xứng danh là người Phật tử.

Trường hợp của đạo hữu, tuy đạo hữu chưa đủ nhân duyên quy y Tam bảo, nhưng đạo hữu vẫn tin tưởng và chọn cho mình một pháp môn tu theo Phật giáo, điều đó thật là quý giá. Điều quý giá hơn nữa là, đạo hữu lại chọn cho mình một pháp môn niệm Phật thù thắng để chuyên tâm niệm Phật cầu vãng sanh Cực lạc. Việc tin tưởng hành trì này đủ chứng minh rằng, đời trước đạo hữu đã từng gieo chủng duyên sâu dày với pháp môn niệm Phật, nên nay, đạo hữu mới có được duyên lành như thế. Nếu đời trước đạo hữu không có duyên lành tròng sâu với pháp môn Tịnh độ, thì làm sao đời nay đạo hữu lại phát tâm niệm Phật như thế?

Tuy nhiên, trong khi hành trì niệm Phật thì đạo hữu lại đâm ra nghi ngờ bán tín bán nghi. Nghi rằng, mình chưa có quy y Tam bảo mà niệm Phật như thế, thì không biết khi chết mình có được vãng sanh hay không? Nghĩa là không biết đức Phật A Di Đà và các vị Bồ tát có chiếu cố phóng quang tiếp rước mình trong giờ phút lâm chung hay không? Điều nghi ngờ này, xét ra tuy

cũng có lý, nhưng xin đạo hữu đừng có lo ngại. Chỉ cần đạo hữu quyết tâm một lòng chí thành tha thiết niệm Phật và nhất là phải niệm Phật cho đúng cách theo lời Phật Tổ chỉ dạy, thì tôi tin chắc rằng, đức Phật Di Đà cũng như các hàng Thánh chúng sẽ không bao giờ bỏ sót đạo hữu đâu. Vì đó là bản nguyện tiếp dẫn độ sanh của các Ngài. Đạo hữu cứ yên tâm xin chớ có nghi ngờ lo sợ. Vì nghi ngờ, đó cũng là một chướng ngại rất lớn cho việc vãng sanh.

Điều quan yếu của việc niệm Phật là phải bền lâu. Bởi thế, nên Tổ sư có dạy: *“Niệm Phật không khó, mà khó ở bền lâu, bền lâu không khó mà khó ở nơi nhất tâm”*. Ngài Ngẫu Ích Đại Sư là vị tổ thứ 9 bên Liên Tông có dạy: *“Pháp môn niệm Phật không chi kỳ lạ, chỉ tin sâu, nguyện thiết, gắng sức thật hành mà thôi. Điều cần yếu là tin cho thấu đáo, giữ cho bền lâu, một lòng chuyên niệm, mỗi ngày đêm hoặc mười muôn, ba muôn, hay năm muôn câu, lấy số quyết định không thiếu làm lệ. Hành trì như thế trọn một đời, thế không thay đổi, nếu không vãng sanh, thì chư Phật ba đời thành ra nói dối. Khi được vãng sanh, tất không còn bị thói chuyển, bao nhiêu pháp môn đều được hiện tiền. Rất kỵ tâm không thường hằng, nay vậy mai khác, thấy ai nói pháp chi huyền diệu liền xu hướng theo, thì không môn nào thành tựu. Đâu biết một câu A Di Đà niệm được thuần thực, thì ba tạng mười hai phần kinh những giáo lý cực tác đều ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, đường lối hướng thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tu tịnh giới cũng ở trong đó”*.

Niệm Phật tối kỵ nhất là tâm loạn tưởng lăng xăng phan duyên theo trần cảnh. Cần phải buông bỏ hết muôn duyên, chỉ giữ tâm cho thật yên lặng. Nên nhớ niệm Phật là phải tâm niệm chớ không phải chỉ có khẩu niệm suông không thôi. Tâm và tiếng phải hiệp khấn nhau và niệm mỗi câu, mỗi chữ phải cho rành rõ ràng. Có thế, thì việc niệm Phật mới có kết quả tốt đẹp.

Tôi thành thật khuyên đạo hữu nên tìm các kinh sách hay băng giảng do Phật, Tổ cũng như chư Tôn Đức chuyên sâu giảng giải về pháp môn niệm Phật. Có thế, thì việc hành trì niệm Phật của đạo hữu mới không bị sai lệch. Và như thế, thì việc cầu vãng sanh của mình mới có phần bảo đảm vững chắc hơn.

Còn việc quy y hay không quy y, đi chùa hay ở nhà, điều đó còn tùy thuộc vào căn duyên biệt nghiệp và hoàn cảnh của mỗi người. Nếu như đạo hữu đã có lòng tin tưởng tu hành niệm Phật như thế, mà vẫn còn lo nghĩ nghi ngờ, theo tôi, thì tốt hơn hết là đạo hữu nên quy y Tam bảo. Vì sau khi quy y Tam bảo, thì tín tâm của đạo hữu lại càng kiên cố vững chắc hơn. Đồng thời việc cầu nguyện vãng sanh của đạo hữu cũng được tăng trưởng niệm lực tha thiết

hơn. Vì lúc đó đạo hữu sẽ không còn lo sợ hoài nghi như hiện nay nữa. Như thế thì thật là lợi lạc biết bao nhiêu! Đây chỉ là lời khuyên chân thành của chúng tôi thôi, chớ tuyệt nhiên chúng tôi không dám có cái ý là muốn buộc đạo hữu phải quy y đâu. Vì chúng tôi rất tôn trọng niềm tin và sự chọn lựa quyết định của mọi người. Nhất là vấn đề niềm tin tôn giáo. Mong đạo hữu hiểu và thông cảm cho.

Kính chúc đạo hữu tín tâm kiên cố, tinh nghiệp tinh chuyên và chóng đạt thành sở nguyện.

---o0o---

94. Vấn đề oan gia trái chủ?

Hỏi: *Kính thưa thầy, trong Kinh Dược Sư có nói, người nào chí thành thọ trì đọc tụng kinh này thì oan gia trái chủ sẽ được tháo mở. Con muốn biết nếu một người vợ cầu cho oan gia trái chủ của mình được tháo mở thì she có chia tay với her husband (giả sử he là oan gia của her) sau khi oan gia trái chủ được tháo mở?*

Đáp: Trước hết, tưởng cũng nên tìm hiểu sơ qua về cụm từ: “oan gia trái chủ”. Oan gia, theo cụ Đào Duy Anh giải nghĩa trong quyển Hán Việt Từ Điển thì, oan gia có nghĩa là người thù hận – Nhà bị oan trái lâu đời. Còn chữ trái nghĩa là vay nợ. Trái chủ là chủ nợ. Trong quyển Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của ông Bửu Kế giải thích hai chữ oan gia: oan bị nghi ngờ, qui lỗi mà bản thân không phạm. Gia là nhà. Ghép hai chữ lại có nghĩa là: nhà bị nhiều điều oan trái. Còn hai chữ trái chủ ông giải thích nghĩa cũng giống như trên. Như vậy, oan gia trái chủ có nghĩa là do vương nợ nần oan trái lâu đời với nhau nên nay chúng ta phải trả cái nghiệp báo mà mình đã gây tạo.

Theo sự thắc mắc của Phật tử cho rằng: trong Kinh Dược Sư có nói: “Người nào chí thành thọ trì đọc tụng kinh này thì oan gia trái chủ sẽ được tháo mở”. Rồi từ đó Phật tử thắc mắc việc tháo mở oan gia trái chủ giữa vợ chồng. Nói rõ ra là ly dị. Nghĩa là cả hai chấm dứt sống chung không còn vương vấn nợ nần oan gia trái chủ gì với nhau nữa. Trong câu hỏi này, trước tiên, xin được minh định về việc Kinh Dược Sư nói.

Thú thật, tôi đã đọc kỹ lại ba bản kinh: Dược Sư Bản Nguyên Công Đức. Dược Sư Thất Phật Bản Nguyên Công Đức và Dược Sư Sám Pháp. Ba bản kinh văn này gom lại thành một quyển đề là Kinh Dược Sư do chùa Quang Minh ấn tống, dịch giả là Thích Huyền Dung. Trong đó, tôi không thấy chỗ nào nói tụng kinh này oan gia trái chủ sẽ được giải kết. Không biết có bản

văn kinh nào khác có đề cập đến hay không? Vì trong câu hỏi của Phật tử chỉ nói Kinh Dược Sư nói, nhưng rất tiếc Phật tử không có nêu rõ chi tiết. Để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, giả sử cho rằng, có bản kinh Dược Sư nào đó nói, thì tôi xin thưa ngay rằng, Phật tử đã hiểu lầm ý kinh dạy.

Kinh nói nếu người nào “*thọ trì đọc tụng*” và chí thành trì niệm danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, thì sẽ giải kết oan gia trái chủ trong nhiều đời. Phật tử nên nhớ bốn chữ ***thọ trì đọc tụng*** trong kinh nói. Thọ trì đọc tụng hiểu theo nghĩa thông thường là đọc tụng trên mặt văn tự chữ nghĩa. Nếu chỉ hiểu trên phần sự tướng không thôi, thì Phật tử sẽ không hiểu được thâm ý nghĩa lý của kinh văn. Nếu không khéo người Phật tử sẽ trở thành mê tín kinh. Trong kinh Phật dạy chủ đích là nhắm thẳng vào phần lý tánh hơn là phần sự tướng.

Thọ trì đọc tụng nói ở đây, không phải chúng ta chỉ gỡ kinh ra đọc tụng suông trên mặt văn tự mà gọi là thọ trì. Đó chỉ là phần thọ trì sự tướng bên ngoài. Kinh nói thọ trì ở đây có nghĩa là chúng ta phải hằng sống lại với ánh sáng trí tuệ tự tại trong ngần như ngọc lưu ly bất sanh bất diệt (Lưu Ly Quang Vương Như Lai) của chính mình. Sống được như thế mới đúng với ý nghĩa thọ trì. Thọ là nhận nghĩa là nhận ra tánh giác (kiến tánh) ; trì là gìn giữ không cho sót mất, nghĩa là luôn luôn không rời tánh giác. Người nào hằng thọ trì kinh như thế, thì thử hỏi còn có thứ gì mà vướng mắc nữa chớ? Vì tự tánh là “*bản lai vô nhứt vật*” hay “*ly nhứt thiết tướng*” kia mà!

Như vậy, không phải chỉ giải kết oan gia trái chủ không thôi mà còn giải kết tất cả những vô minh tội lỗi nghiệp chướng trong vô lượng kiếp. Bởi oan gia trái chủ cũng chính từ tâm gây ra, nay cũng chính từ tâm mà chứng nhập. Khi đã chứng nhập bản thể rồi, thì bật hết dấu vết không còn vi tế vô minh nào nữa cả. Chỉ có một tâm thể lầu lầu thanh tịnh sáng suốt trong ngần mà thôi.

Trong Chứng Đạo Ca ngài Vĩnh Gia Huyền Giác có nói:

Chứng thật tướng vô nhơn pháp

Sát na diệt khước a tỳ nghiệp...

Nghĩa là khi chứng được thật tướng (tướng Không của các pháp) thì nhơn và pháp chấp không còn. Mà không còn thấy có nhơn có pháp, thì thử hỏi cái nghiệp a tỳ là cái thứ gì mà có thể tồn tại được? Khác nào như bóng tối trong một căn nhà bỏ hoang trải qua hằng tỷ tỷ năm, chỉ cần có ngọn đuốc chiếu sáng soi vào, thì bóng tối kia sẽ tan biến ngay lập tức. Vì sao thế? Vì bóng tối không có thực thể cố định. Cũng vậy, bao nhiêu oan gia nghiệp báo tội

lỗi trải qua trong nhiều đời nhiều kiếp, một khi hành giả đã chứng đạt chơn lý tuyệt đối rồi, thì tất cả đều tiêu tan hết.

Đó là chúng tôi nói sơ qua cho Phật tử hiểu được phần nào về thâm ý lý lẽ của kinh dạy. Cho nên, khi tụng đọc kinh điển đại thừa, chúng ta không nên chỉ một bề hiểu trên mặt văn tự chữ nghĩa sự tướng không thôi, mà cần phải lưu tâm tìm hiểu sâu xa về nghĩa lý thâm sâu trong kinh. Nếu một mặt hiểu trên phần sự tướng, coi chừng chúng ta sẽ bị rơi vào mê tín kinh. Và như thế, thì sẽ oan ức cho ba đời chư Phật (Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan)

Khi hiểu được thâm ý kinh dạy như thế, thì Phật tử sẽ không còn hiểu theo kiểu tháo mở trong sự quan hệ vợ chồng. Không phải tụng kinh Dược Sư rồi vợ chồng xúm nhau chia tay ly dị hết. Hiểu theo cái nghĩa giải kết (tháo mở) đó như Phật tử nói, thì chắc chắn không một ai dám tụng kinh Dược Sư nữa. Vì tụng kinh rồi vợ chồng tháo mở oan gia chia tay đường ai nấy đi hết. Như thế, thì Phật tử thử nghĩ xã hội loài người chúng ta sẽ ra sao? Thử hỏi Phật Tổ nào dạy bảo chúng ta phải làm như thế? Như vậy, thì lòng từ bi của chư Phật như thế nào? Không lẽ chư Phật dạy cho con người sống đảo lộn mất hết luân thường đạo lý nhân nghĩa hết hay sao? Đã thế, thì còn gì là tình người? Tình người chưa có, nói chi đến tình đạo. Đây là một sự hiểu lầm ý kinh rất nguy hiểm.

Phật tử nên hiểu rằng, tháo mở Phật nói ở đây là, Phật bảo chúng ta là phải tháo mở những gút mắc oan gia oán thù ở nơi tự tâm của chúng ta. Nói rõ ra, là hãy tháo mở những thứ giây mơ rễ má phiền não kiết sử đã lâu đời chúng nó trói buộc chặt chúng ta. Chúng nó sai sử chúng ta tạo nhiều nghiệp ác để rồi phải chịu trầm luân trong vòng sanh tử khổ đau vay trả trả vay với nhau. Bởi thế, nên chúng ta mãi trôi nổi đắm chìm trong tam đồ lục đạo. Tất cả đều bởi do lũ phiền não kiết sử trói buộc. Chúng là những nhân tố chính yếu gây ra làm cho chúng ta phải chịu nhiều đau khổ.

Hiểu theo nghĩa thông thường thì Phật khuyên chúng ta oan gia trái chủ nên mở không nên cột. Nghĩa là những gì mà trước đây vì si mê tâm tối, nên chúng ta chấp nhứt thù hận gây ra làm đau khổ cho nhau, nay tụng đọc kinh điển, dâng theo lời Phật dạy, chúng ta nên cởi bỏ hết mọi oán thù tranh chấp. Hãy mở rộng trái tim yêu thương bao dung tha thứ cho nhau. Như vậy, thì đời sống trong gia đình rộng ra là quốc gia xã hội, thật là an ổn tốt đẹp hạnh phúc biết bao nhiêu.

Nhưng khổ nổi, chúng ta tụng thì tụng mà thật hành theo kinh dạy thì không. Do đó, nên chúng ta mãi chịu trôi lăn khổ đau dài dài. Phần nhiều Phật tử chúng ta chỉ biết tụng kinh cho có phước, chớ ít có ai tụng kinh để tìm hiểu nghĩa lý thâm sâu trong kinh Phật dạy những gì. Dĩ nhiên, tụng kinh thì

chúng ta có phước. Nhưng nếu chỉ có thế, thì chưa đúng với ý nghĩa tụng kinh. Bởi tụng kinh là cốt để tìm hiểu nghĩa lý thâm huyền trong kinh mà Phật đã dạy. Khi nhận hiểu rồi, chúng ta liền đem ra áp dụng thật hành ngay trong đời sống thực tế. Như thế thì mới được lợi ích thiết thực vậy.

Kính chúc Phật tử an vui mạnh khỏe tấn tu đạo nghiệp viên thành đạo quả Bồ đề.

---o0o---

95. Giang sơn dễ đổi, tánh nết khó dời?

Hỏi: *Kính thưa thầy, câu nói giang sơn còn dễ đổi, chớ tánh nết thì khó dời. Ý nghĩa của câu nói này như thế nào? Con chưa hiểu rõ lắm. Kính xin thầy hoan hỷ giải thích cho con được rõ thêm.*

Đáp: Câu nói trên, ta thấy gồm có hai vế đối nhau. “Giang sơn còn dễ đổi” đối lại với “tánh nết thì khó dời”. Vế đầu, nói về sự vô thường thay đổi của những hiện tượng ngoại cảnh. Vế sau, một phần nói lên cái tánh bên trong và đồng thời cũng diễn tả cái nết hiện tượng bên ngoài. Năm chữ giang sơn còn dời đổi, thì quá rõ nghĩa, ai cũng có thể hiểu được hết. Điều này, khỏi phải luận bàn thêm. Còn năm chữ “tánh nết thì khó dời”, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên tìm hiểu kỹ hơn.

Trước tiên, chúng ta cần minh định rõ về chữ tánh. Chữ tánh nói ở đây, xin chớ vội lầm nhận là tánh thể hay bản thể hằng hữu của chúng sanh. Nếu hiểu chữ tánh đó là sai. Mà chữ tánh này cổ nhân muốn ám chỉ là cái tánh do sự huân tập lâu ngày thành một thói quen. Như có người nói tánh của tôi sao hay nóng nảy quá! Vậy thì tánh nóng nảy này do đâu mà có? Có phải là do huân tập ở những môi trường sống chung quanh mà tạo nên không? Hay chính do con người huân tập lâu ngày thành thói quen, rồi chính thói quen đó người ta gọi là tánh. Tánh này còn có những tên gọi khác như: tập khí, chủng tử, phiền não và nghiệp.

Nếu phân tách rõ hơn, ta thấy tánh này trong kinh thường nêu có hai loại: bản hữu và tân huân. Bản hữu là những thứ chủng tử có sẵn từ vô thủy. Chúng được huân tập hình thành trong kho tàng thức lâu đời. Như những thứ hạt giống phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi v.v... Đây là những thứ tập khí thật khó trừ khó đoạn. Nói khó thôi, chớ không phải là không đoạn trừ được. Còn những thứ tân huân thành tánh hiện đời này, thì dễ trừ bỏ hơn. Như những tật tánh: hút thuốc lá, xì ke ma túy, cờ bạc, rượu chè, ca hát, nói nhiều v.v... Những thứ này vì mới huân tập thành tánh nết thói quen, nhưng nếu ta

cương quyết thì cũng có thể trừ bỏ được. Vì những thứ này nó mới huân vào thành thói quen cạn cợt, giống như những rễ bàng ăn trên mặt đất vậy.

Như vậy, nói tu tức là chuyển đổi cái tật tánh hay tập khí xấu ác này. Nếu tánh hay tập khí này mà không chuyển đổi được, thì thử hỏi chúng ta tu hành để làm gì? Nên nói, tu là chuyên nghiệp. Nếu nghiệp không chuyển được thì làm sao thành Phật tác Tổ? Nhờ sức huân tu già dặn miên mật của chúng ta, nên mới chuyển đổi từ những tánh xấu trở thành những tánh tốt thánh thiện.

Tuy nhiên, nói tánh nét khó dời, đây là cổ nhân muốn nói đến những con người cố chấp và không biết tu niệm. Họ là hạng người mang nặng thành kiến bảo thủ. Những gì họ suy nghĩ, nói năng hay hành động, dù rằng những điều đó sai trái có hại cho bản thân, gia đình và xã hội, nhưng họ vẫn cố chấp quyết định không từ bỏ. Cho nên người ta gọi hạng người này tánh nào tật nấy là thế. Đó là do họ bảo thủ cố chấp trở thành con người mang nặng kiến thủ mà thôi. Chớ không phải cái tật tánh đó không thay đổi được. Nói khó dời là đối với hạng người này. Ngược lại, đối với những người cầu tiến khéo biết cải thiện chuyển đổi thì không thể nói như thế. Cho nên, lời nói này không thể hiểu một chiều cố định được.

Đã nói đến tánh, tất nhiên là có tánh tốt và tánh xấu. Nói cách khác trong kho A lại da thức của mỗi người chúng ta đều có sẵn hai loại hạt giống thiện và ác. Người tu hành, Phật Tổ dạy chúng ta là nên tiêu diệt những hạt giống ác. Nói theo tinh thần của giáo nghĩa Đại thừa thì phải nói là chuyển hóa. Chúng ta nên chuyển hóa những hạt giống ác thành những hạt giống thiện. Đồng thời nên nuôi dưỡng và phát triển những hạt giống lành. Nếu người nào tu cao khá hơn thì, chúng ta nên chuyển hóa cả hai. Nghĩa là không còn tánh dữ và cũng không còn tánh lành. Lành và dữ là hai phạm trù đối nghịch với nhau. Không còn thấy có hai (nhị biên), tất nhiên là ta đã vượt ra ngoài phạm trù đối đãi nhị nguyên. Nếu hành giả nào nhận và sống được với thể tánh viên minh này, thì gọi người đó là người ngộ đạo hay chứng đạo vậy.

Nói tóm lại, tánh và nét, ta có thể sửa đổi được. Vì nó không có một thực thể cố định. Một khi đã sửa đổi tánh rồi, tất nhiên cái nét cũng theo đó mà được trang nghiêm tốt đẹp theo. Vì cái nét nó hệ thuộc vào cái tánh. Nét thì hiện ra hình dáng bên ngoài. Đối với phái nữ người ta rất chú trọng đến cái nét. Người có thái độ cử chỉ đúng đắn, nói năng lễ độ đàng hoàng, thì người ta cho rằng người đó có nét na đoan trang thùy my dễ thương. Ngược lại, người con gái không thùy my đoan trang đúng đắn đàng hoàng, thì người ta cho là thứ đồ con gái hư thân mất nét.

Như vậy, tánh nét ta có thể sửa được. Như trước kia người đó có tánh lao chao lóc chóc, ngồi đứng không yên, luôn luôn trạo cử, nay biết tu hành sửa

đổi lại tâm tánh hiền hòa điềm đạm và thân không còn dao động trạo cử như xưa. Như vậy, từ tánh nét xấu sửa đổi thành tánh nét tốt. Cũng con người đó, ngày xưa hung dữ ác độc ai trông thấy cũng ghê tởm ghét sợ, nhưng khi sửa đổi lại thành tánh tình hiền hòa không còn hung dữ nữa. Bây giờ ai trông thấy họ cũng sanh tâm cảm tình thương mến. Thế thì, tại sao nói tánh nét khó đời? Khó đời là đối với những hạng người bảo thủ cố chấp không biết cải thiện. Chớ đối với những người biết tu hành cải thiện thì làm sao nói khó đời cho được? Thế nên, câu nói đó chúng ta không nên hiểu cố định một chiều. Nếu như không chuyển đổi được thì kẻ xấu phải xấu hoài, họ không bao giờ trở nên con người hoàn thiện. Nhưng ở đời đâu phải ai cũng như thế mãi. Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật kia mà! Bằng chứng như chư Phật Tổ và các vị Bồ tát. Nếu các Ngài không chuyển hóa những vô minh phiền não, thì sao các Ngài thành Phật tác Tổ? Chỉ cần chúng ta có ý chí cương quyết là không có gì mà không sửa đổi được. Vì tánh đó phải nói ngược lại là hay đời đời vô thường vậy.

---o0o---

96. Ý nghĩa uốn lưỡi bảy lần trước khi nói?

Hỏi: Kính thưa thầy, người ta thường nói: phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói. Câu nói này ý nghĩa của nó như thế nào? Con chưa hiểu rõ, kính xin thầy hoan hỷ giải thích cho con được rõ.

Đáp: Lời nhắc nhở khuyên răn này là cả một kinh nghiệm già dặn trong việc giao tiếp xử thế của người xưa. Bởi người xưa rất am hiểu và rất sợ cái lưỡi không xương của con người. Chính vì nó không xương nên nó mới có nhiều đường lắt léo. Nó muốn uốn như thế nào cũng được. Nó uốn xuôi cũng được mà uốn ngược cũng hay. Khi có cảm tình với ai, thì nó uốn theo ý muốn của người đó. Có khi vì muốn được quyền lợi riêng tư nào đó, thì nó uốn cong theo kiểu ton hót nịnh bợ. Người đó muốn thứ gì nó cũng uốn chiều theo được hết. Mục đích nó uốn là để lấy lòng thủ lợi. Dù cho người đó xử sự hành động trăm lần sai trái, nó cũng uốn cong ca ngợi người đó cái gì cũng tốt đẹp hết. Đó là nó uốn theo chiều gió để được hưởng chút lợi lộc. Nó uốn miễn sao được vinh thân phì gia thì thôi. Nó không cần biết đến phẩm cách thể diện giá trị làm người chi cả. Đây là nó uốn theo chiều hạ đẳng để được lợi lộc âm thân.

Ngược lại, khi mà nó ghét ai, thì nó uốn theo kiểu trù rửa, đâm thọc, nói xấu, đặt điều thêm thắt, mắng nhiếc, nhục mạ. Nghĩa là bằng mọi cách nó phải đìm hại người đó cho đến chết mới thôi. Đó là nó uốn theo chiều gian xảo

quỷ quyết rất là độc ác. Đại khái nó uốn theo cách đường mật cũng được hay nó uốn theo cách cay đắng như ớt như bồ hòn cũng xong. Cho nên trong năm giới cấm của người Phật tử tại gia, thì giới thứ tư là giới Phật cấm người Phật tử không được nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều và nói lời hung ác.

Chính vì không muốn cho nó uốn một cách vô ý thức và gây ra nhiều tội ác như thế, nên các bậc Cổ Đức mới khuyên răn người ta trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần. Lời dạy này, theo tôi, là nó hàm chứa một ẩn ý mang tính chất ngụ ngôn. Nghĩa là cái ý hay đẹp nó ẩn trong lời nói. Thật ra, không có ai phải uốn cái lưỡi bảy lần rồi mới nói. Nếu hiểu theo nghĩa đen như thế, thì thử hỏi làm sao chúng ta giải thích được. Đâu có ai điên khùng gì đến độ trước khi nói phải uốn cong cái lưỡi lên xuống qua lại bảy lần rồi mới nói. Và nếu uốn như vậy, thì đâu có lợi ích và ý nghĩa gì. Chỉ làm khổ nhọc cho cái lưỡi thêm đau mà thôi. Cho nên, nói uốn lưỡi bảy lần ở đây, ta có thể hiểu là ý cổ nhân muốn khuyên dạy ta trước khi nói: “*phải nhìn lên, nhìn xuống, nhìn bốn phía, và rồi nhìn ngang*”. Đó là cách nhìn suy tư giống như con số bảy (7). Vì con số bảy gồm có: thượng, hạ, đông, tây, nam, bắc và dấu gạch ngang thân hình của nó (lời viết theo người Đông phương). Điều này nói lên ý nghĩa là chúng ta phải suy nghĩ kỹ trước khi phát ngôn. Nhìn lên, thì lời nói không để cho xúc phạm với các bậc trưởng thượng. Nhìn xuống, thì không nên nói năng gây ra làm khổ cho người thấp dưới mình. Như chửi rửa la rầy nặng lời con cháu chẳng hạn. Nhìn ngó bốn bên là lời nói không gây ra ác độc làm khổ lụy cho bất cứ một ai. Và cuối cùng, nhìn ngang khi phát ra lời nói ta cũng cố giữ hòa khí đừng để gây ra làm mất lòng với những đồng bạn đồng hành ngang hàng với mình.

Cổ nhân đã dạy cách uốn lưỡi 7 lần trước khi phát ngôn là như thế. Đó là lời nói khi phát ra không gây tổn hại cho bất cứ ai. Chúng ta nên sử dụng lời nói mang tính chất ái ngữ, từ tốn, hiền dịu, hòa nhã, đoàn kết, yêu thương, xây dựng v.v... để làm lợi ích cho mọi người.

Có uốn lưỡi cẩn thận kỹ lưỡng như thế, thì lời ta nói ra mới có giá trị và có ảnh hưởng tác động rất lớn. Đối với các bậc trưởng thượng cao đức ta phải hết lòng kính trọng. Không nên dùng lời nói thô ác gây nên tổn hại làm xúc phạm đến các vị ấy. Nếu thế, tất nhiên là ta đã phạm thượng và phải chuốc lấy nhiều tội lỗi.

Trong luật Sa Di có kể câu chuyện một thầy Sa Di khinh chê một Thầy Tỳ Kheo già tụng kinh âm thanh như chó sủa. Nhưng vị Tỳ kheo già đó lại là người tu hành đã chứng quả A la hán. Vì không muốn cho vị Sa Di trẻ tuổi đó phải đọa vào địa ngục, nên Thầy Tỳ kheo già bảo ông Sa Di phải sám hối.

Nhờ thành tâm sám hối, nên vị Sa Di kia không bị đọa vào địa ngục, nhưng vẫn mắc phải cái quả báo làm thân con chó trải qua năm trăm đời. Đời nào sanh ra cũng mang thân con chó. Đó là hậu quả của lời nói ác khi thốt ra mà không chịu uốn lưỡi. Nếu chịu khó uốn lưỡi bảy lần theo lời người xưa răn dạy, thì chắc chắn chúng ta sẽ tránh được cái quả báo xấu xa hiện đời và đời sau.

Nói tóm lại, nói uốn lưỡi bảy lần, đó là cách nói ẩn ý ngụ ngôn mà người xưa đã khuyên nhắc chúng ta phải hết sức cẩn trọng giữ gìn ở nơi lời nói. Vì: “*lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*”. Hay “*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe*”. Chúng ta nên ghi nhớ câu: “*Họa tùng khẩu xuất, bệnh tùng khẩu nhập*”. Một lời nói hưng nhà lợi nước, cũng một lời nói mà nước mất nhà tan. Một lời nói tán thân mất mạng và một lời nói cứu muôn vạn sanh linh. Đối với người Phật tử, Phật dạy ta nên dùng lời ái ngữ chân thật trong khi giao tiếp với mọi người. Lời nói của ta phải là lời nói mang chữ ký có giá trị muôn đời.

---o0o---

97. Vấn đề bói toán xem số tử vi?

Hỏi: *Kính bạch thầy, ba của con khi còn sống thường hay bói toán xem số tử vi cho người ta. Và ông cũng có truyền dạy lại cho con. Con cũng có xem cho mọi người, nhưng đó không phải là nghề nghiệp sinh sống chính yếu của con. Nay khi con học hỏi về Phật pháp, hiểu được chút ít về lý nhân quả và cố gắng tu tạo nghiệp lành. Nhưng đối với việc làm này thật con cũng chưa bỏ được. Vì con thấy trong chùa cũng có cho người ta xin xăm đoán quẻ. Vậy xin hỏi việc làm của con có trái với lý nhân quả và có mang quả báo tội lỗi không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Nếu căn cứ theo lý nhân quả Phật dạy, bất cứ việc làm nào mà không phù hợp với chân lý, thì đều rơi vào con đường tà kiến mê tín hết cả. Bói toán hay xem số tử vi v.v... đều là trái với lý nhân quả. Vì nhân quả là một chân lý phổ biến khách quan bao trùm khắp cả muôn loài vạn vật. Không một loài vật nào thoát khỏi lý nhân quả. Nhân quả rất công bằng như tiếng dội giữa không gian. La lớn thì tiếng đáp lại lớn. La nhỏ thì âm thanh đáp lại nhỏ. Cho nên nói, nhân quả như vang theo tiếng, như ảnh tùy hình là thế. Mọi ý nghĩ, lời nói hay hành động của chúng ta, tất cả đều không có gì thoát ra ngoài nhân quả.

Trong câu hỏi, Phật tử có đề cập đến việc xin xăm đoán quẻ ở trong chùa. Vấn đề này, chúng tôi cũng đã có giải thích trong quyển 100 câu hỏi Phật

Pháp tập một, ở mục nói về chánh tín và mê tín, số trang 139. Ở đây, chúng tôi không muốn lặp lại dài dòng. Nếu Phật tử muốn biết rõ, thì hãy tìm đọc lại quyển sách đó. Tuy nhiên, để khỏi phụ lòng Phật tử đã hỏi, thì nhân đây, tôi cũng xin tạm giải thích đôi điều.

Trong chùa sở dĩ bày ra những việc coi ngày, coi sao và xin xăm đoán quẻ ..., phải thành thật mà nói, tất cả cũng chỉ vì muốn đáp ứng lại cái nhu cầu tín ngưỡng, theo tập tục mê tín lâu đời của mọi người mà thôi. Thật ra, thì việc làm này không đúng với chánh pháp Phật dạy. Nhất là trái hẳn với lý nhân quả. Nhưng vì đã trở thành một thói quen tin tưởng lâu đời rồi, nên người Phật tử cũng khó dứt khoát trừ bỏ hẳn. Chính vì lẽ đó, nên trong chùa mới bày ra đó thôi. Đây cũng là một trong muôn ngàn phương tiện độ sanh. Vì nếu không bày ra như thế, thì Phật tử cũng vẫn đi tìm nơi khác để xem coi. Thay vì chạy đi nơi khác thì lại càng lún sâu thêm vào con đường tà kiến mê tín. Chi bằng, tốt hơn là trong chùa bày ra như thế để Phật tử còn có cơ duyên về chùa. Khi Phật tử về chùa thì dù sao Phật tử cũng còn lay Phật hoặc nghe pháp. Như thế có phải là lợi ích hơn không? Lợi ích là vì Phật tử còn có cơ hội tra dồi học hỏi thêm Phật pháp và đồng thời cũng gieo duyên lành với Tam Bảo. Và nhân đó, chư Tăng Ni còn có thể giải thích cho Phật tử biết thêm về chánh lý nhân quả. Nhờ phương tiện bày ra đó, có nhiều Phật tử bước đầu chưa hiểu Phật pháp còn mê tín tin tưởng theo, nhưng dần dần về sau, khi nghe chư Tăng Ni giảng pháp và tìm hiểu học hỏi Phật pháp, rồi từ đó họ phát khởi tín tâm thâm tín vào Tam bảo và lý nhân quả. Nhờ thế, mà người Phật tử không còn tin tưởng vào việc mê tín này nữa. Đó cũng là một phương tiện tốt nhằm hướng dẫn những người chưa quy y Tam bảo hoặc những người đã quy y Tam Bảo mà vẫn còn mê tín trở lại với con đường chánh lý, chánh tín vậy.

Trường hợp của Phật tử, như Phật tử đã nói nhờ học hỏi Phật pháp và hiểu biết chút ít về lý nhân quả, nhưng việc bói toán xem tử vi, Phật tử cũng vẫn chưa dứt khoát bỏ hẳn được. Điều này cho thấy, Phật tử tuy có hiểu, nhưng chưa có chí quyết thật hành. Tôi rất cảm thông với Phật tử, vì bỏ một tập khí hay định kiến, thật không phải là chuyện dễ dàng. Nhưng đã mang danh là Phật tử, tức con của đấng Giác Ngộ, mà Phật tử vẫn làm như thế thì thật là đáng tiếc! Dù rằng việc đó không phải là một nghề nghiệp nuôi sống, như Phật tử đã nói. Nhưng theo lời Phật dạy, thì điều đó là một tà mạng nghiệp quả không tốt. Nếu Phật tử cương quyết từ bỏ hẳn, thì thật là tốt biết mấy. Vì tôi chỉ sợ Phật tử sẽ chuốc thêm nghiệp quả không hay đó thôi. Đó là lời khuyên chân thành chí tình của tôi. Còn bỏ hay không điều đó còn tùy ở nơi Phật tử quyết định.

Phật tử thử nghĩ xem, như Phật tử đã có học hỏi Phật pháp và hiểu biết chút ít về lý nhân quả, mà Phật tử cũng vẫn còn chưa bỏ được tập khí tà kiến đó, trách gì những người khác họ chưa từng học hỏi Phật pháp và cũng chưa hiểu biết lý nhân quả là gì. Như thế, thì thử hỏi làm sao họ không rơi vào con đường tà kiến mê tín cho được?! Nếu như mọi người đều tin chắc lý nhân quả Phật dạy, quyết không còn mê tín nữa, thì thử hỏi trong chùa bày ra những thứ đó để làm gì? Vì chính quý Phật tử đã giúp cho chư Tăng Ni trong chùa có thêm thời giờ tu học. Đó là điều thật đáng tán thán quý kính biết bao! Nhưng rất tiếc, đa số Phật tử chúng ta vẫn chưa có thể bỏ hẳn được. Nói lên điều này, chúng tôi không có ý kích bác hay chống đối với bất cứ ai. Nhất là đối với những ai hiện đang tin tưởng và hành nghề bói toán. Vì chúng tôi rất tôn trọng niềm tin và việc làm của mọi người. Ở đây, chúng tôi chỉ dựa vào lý nhân quả Phật dạy mà phân tích đôi điều để cho Phật tử hiểu thêm thôi.

Theo như Phật tử đã nói, chuyện bói toán xem tử vi là Phật tử muốn nối nghiệp do người cha truyền lại. Do đó, nên Phật tử chưa dám mạnh dạn dứt khoát bỏ hẳn được. Điều này theo tôi, thì không hẳn như thế. Có thể trước kia vì ông chưa tìm hiểu Phật pháp và cũng chưa thấu hiểu được lý nhân quả Phật dạy, nên ông mới làm như thế thôi. Không lẽ người trước hành sai rồi mình cũng theo đó mà hành sai theo. Nếu thế, thì con người sẽ không bao giờ cải thiện tốt đẹp được. Theo đạo Phật cho đó là mắc phải cái thành kiến bệnh cố chấp. Bệnh này cũng rất là nguy hiểm. Là Phật tử, ta không nên cố chấp để trở thành một định kiến tai hại như thế. Nếu thế, thì con người làm sao tu hành để trở thành những bậc hiền thánh cho được?

Phật tử nên suy nghiệm quán chiếu lại cho thật kỹ những gì Phật dạy. Theo lời Phật dạy, thì người Phật tử phải đặt định niềm tin đúng theo chánh pháp. Nghĩa là niềm tin đó phải được đặt định trên cơ sở nền tảng trí huệ. Nếu không, thì niềm tin đó sẽ trở nên lỏng lẻo và mù quáng. Đã thế, thì không làm sao tránh khỏi rơi vào con đường tà kiến. Cho nên, người Phật tử khi làm việc gì, Phật dạy chúng ta phải có chánh kiến. Có chánh kiến thì việc nhận định quyết đoán của chúng ta mới sáng suốt không bị sai lầm. Việc đó, còn tùy Phật tử nhận thức qua sự nghiên cứu tìm hiểu học hỏi chánh pháp mà Phật Tổ đã chỉ dạy, rồi từ đó Phật tử sẽ tự quyết định lấy.

Còn Phật tử hỏi tôi, việc làm này có trái với lý nhân quả và có mang quả báo tội lỗi hay không? Như đã nói, điều này hẳn nhiên là trái với lý nhân quả và tất nhiên, không sao tránh khỏi quả báo tội lỗi. Lý do vì sao? Vì theo lời Phật dạy, tất cả tội lỗi có ra là do động cơ phát xuất từ ở nơi ba nghiệp: “*thân, ngữ, ý*”. Thân, miệng, ý hợp tác làm việc bất chánh, tất nhiên là có tội. Tuy nhiên, tội báo nặng, nhẹ, nó còn tùy thuộc vào cường độ của nghiệp

nhân đã gây. Trong ba nghiệp nói trên chủ động sai sử là ý nghiệp. Khi ba nghiệp cấu kết tạo nghiệp bất thiện, thì không sao tránh khỏi quả báo khổ đau.

Trong Kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: “Nhứt cử nhứt động vô phi thị tội”. Nghĩa là một cử chỉ một hành động tạo tác, thì không gì là chẳng phải tội. Tội là vì trái với tánh giác. Mà trái với tánh giác tức là vô minh. Bởi do vô minh vọng động bất giác nên chúng ta gây tạo ra nhiều lỗi lầm. Một khi đã tạo tác thành ác nghiệp rồi, tất nhiên không sao tránh khỏi cái nghiệp quả. Nhân quả rất công bằng khác nào như vang theo tiếng và như bóng theo hình. Luật nhân quả một mảy may không hề sai chạy. Làm lành hay làm dữ cuối cùng rồi cũng phải trả. Chẳng qua nó đến với mình có mau hay chậm mà thôi. Kinh nói:

*“Giả sử bá thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tỵ thọ”.*

Nghĩa là:

*Dù cho trải qua trăm ngàn kiếp
Chỗ tạo nghiệp không bao giờ mất
Khi thời tiết nhân duyên đã đến
Quả báo mình phải nhận lấy thôi.*

Nói thế, để Phật tử suy nghiệm mà lượng xét. Còn việc quyết định đó là tùy ở nơi Phật tử vậy.

Kính chúc Phật tử có đầy đủ chánh kiến và trí huệ sáng suốt để biện biệt rõ lẽ chánh tà chân ngụy và vạn sự hanh thông kiết tường như ý.

---o0o---

98. Một người thường đi chùa nhưng tánh tình vẫn không thay đổi?

Hỏi: *Kính bạch thầy, ông xã con là người cũng biết đạo Phật, siêng năng đi chùa, tụng kinh, làm công quả. Nhưng khi anh ấy về nhà thì bao nhiêu thói hư tật xấu cũ như: đánh bài, uống rượu, kiếm chuyện la rầy cãi cọ với vợ con thì vẫn y nguyên không có chút gì thay đổi. Con có điều thắc mắc xin hỏi là: Tại sao anh ta đã biết tu hành như thế, nhưng khi đụng chuyện thì*

tánh tình anh ấy lại không có chút gì thay đổi? Như vậy, có phải là do nghiệp quả đời trước hay do tập khí sâu dày của anh ta hiện đời này? Kính xin thầy giải đáp cho con rõ.

Đáp: Việc siêng năng đi chùa, tụng kinh, làm công quả là điều rất tốt và đáng khích lệ tán dương. Tuy nhiên, nếu cho rằng việc làm đó là thật sự tu hành thì chưa đúng hẳn. Mới nhìn qua, ai cũng nghĩ và cho đó là tu hành. Nhưng nếu xét kỹ thì không hẳn như thế. Nếu có, cũng chỉ là một phần rất nhỏ của việc tu hành hay nói đúng hơn là chỉ tạo thêm chút ít phước đức mà thôi. Điều này, nếu không xét kỹ, thì người ta sẽ dễ hiểu lầm. Như những câu giải đáp trước, rải rác, chúng tôi cũng có đề cập đến vấn đề này. Đi chùa, công quả, tụng kinh, mà không sửa đổi tu tập ở nơi ba nghiệp: thân, ngữ, ý, thì việc làm đó chưa phải là tu. Tại sao thế? Vì những việc làm đó, chẳng qua cũng chỉ là làm theo một thói quen mà thôi. Vậy thế nào mới gọi là tu? Muốn trả lời câu hỏi này, trước hết chúng ta cần phải hiểu nghĩa của chữ tu là gì?

Tu nghĩa là sửa. Nhưng sửa cái gì và sửa ở đâu? Tất nhiên, là phải sửa ở nơi ba nghiệp. Nghĩa là phải sửa ở nơi thân, ở nơi lời nói và ở nơi ý nghĩ. Sửa ở nơi thân là sửa như thế nào? Nghĩa là chúng ta phải sửa đổi những hành động sai quấy ở nơi thân. Như trước kia, khi chưa biết tu, chúng ta có những hành động thô bạo xấu ác như: đánh đập, sát hại sinh vật, cướp giựt, trộm cắp và làm những điều tội bại bất lương hãm hiếp tà dâm v.v... Nay biết tu hành, tất nhiên chúng ta phải sửa đổi lại không có những hành động bất thiện sai quấy đó nữa. Đó là người khéo biết tu thân.

Còn sửa ở nơi lời nói là sao? Theo lời Phật dạy thì có 4 cách tu tập: Như trước kia chúng ta thường hay nói dối, gian xảo lường gạt, chuyện có nói không, chuyện không nói có, và nói lưỡi đôi chiều, nói lời thù dật, nói lời hung ác. Nay biết tu hành chúng ta quyết sửa đổi lại, quyết không nói những lời thô bỉ độc ác tác hại đó nữa. Mà phải nói những lời ái ngữ, chân thật, hiền hòa, dịu dàng v.v... Đó là chúng ta khéo biết tu ở nơi lời nói. Nghĩa là hằng giữ gìn cái khẩu nghiệp cho được trong sạch vậy.

Còn sửa ở nơi ý nghĩ thì sao? Trước kia, chúng ta có tánh hay tham lam, tật đố, ganh tỵ, giận dữ, thù hận, mê muội tối tăm... Nay biết tu hành, thì chúng ta nên sửa đổi lại những tánh xấu ác đó. Nghĩa là khi những tánh xấu ác đó khởi lên, thì chúng ta nên nhận diện khắc phục chuyển hóa chúng ngay. Chúng ta nên chuyển đổi từ tánh tham lam keo kiệt bần sần, trở thành tánh thi ân bố thí rộng khắp cứu đời giúp người. Chuyển đổi tâm sân hận nóng nảy thành đức tánh từ bi, hỷ xả, hiền hòa, bao dung, tha thứ, tươi mát. Đó là

chúng ta khéo biết tu tâm. Nếu không được như thế, thì chưa phải là người thật sự biết tu hành.

Nói tóm lại cho dễ hiểu, tu là sửa quấy thành phải, sửa dở thành hay, sửa tà thành chánh, sửa dữ thành hiền, sửa phàm thành thánh Có sửa đúng như thế mới gọi là tu. Còn đi chùa, tụng kinh, niệm Phật, công quả, mà không biết tu để chuyển hóa tốt đẹp ở nơi thân tâm, thì đó chưa phải là người thật sự biết tu. Mà những việc làm đó khác nào như một cái máy, chỉ biết phát ra âm thanh và biết hoạt động mà thôi. Nếu chúng ta không khéo vận dụng hiểu biết để tu hành như thế, coi chừng chúng ta sẽ trở thành một cái máy đi động khi nào không hay biết!

Trường hợp ông xã của Phật tử, tuy ông có siêng năng đi chùa, tụng kinh, làm công quả, nghĩa là biết làm những điều phước thiện, nhưng luận về tu hành thì ông ta chưa có thật sự tu. Vì sao? Vì ông ấy không có hoán cải sửa đổi ở nơi ba nghiệp. Nghĩa là tánh nào ông vẫn hoàn tật nấy. Đụng chuyện thì ông vẫn hành động theo bản năng phàm tình của một con người trần đầy dục vọng. Ông vẫn đam mê cờ bạc rượu chè say sưa... như một người bình thường không biết tu hành.

Muốn đánh giá người có tu hay không, là chúng ta hãy nhìn vào ba nghiệp của người đó. Mà hai nghiệp thân và miệng là biểu hiện rõ nét nhất. Những hành động thô bạo cũng như những thói hư tật xấu của ông ấy như Phật tử đã nói, thì quả đó là do những tập khí lâu đời cũng như những tập khí hiện đời của ông ta vậy. Trong nhà Phật gọi đó là Bản hữu chủng tử và Tân huân chủng tử. Bản hữu là cái đã sẵn có. Như những cội gốc phiền não tham, sân, si v.v... Còn Tân huân chủng tử là những thói quen mới huân tập vào trong hiện đời. Như tánh tình sân hận nóng nảy, chửi mắng, đánh đập, hành hung vợ con v.v... đó là những thứ tập khí sẵn có (bản hữu). Còn cờ bạc, rượu chè say sưa v.v... đó là những thói quen mới huân tập vào (tân huân). Vì lúc mới chào đời không có ai biết những thứ này. Lớn lên rồi theo môi trường sống mà huân tập thành thói quen đắm nhiễm. Những thói quen tân huân này, nếu chúng ta quyết chí cải thiện thì cũng có thể trừ bỏ được. Chỉ có những thói quen cố hữu lâu đời như tham, sân, si... đó là những tập khí sâu dày thật khó trừ khó đoạn. Phải là người có công phu tu hành già dặn miên mật lắm mới có thể đoạn trừ,

Như vậy, ông xã của Phật tử tuy có siêng năng làm những điều phước thiện (tất nhiên là có phước) nhưng bảo ông tu thì chưa có tu. Nghĩa là chưa có sửa đổi tánh tình một chút nào cả. Nói theo nhà Phật, thì đó cũng là một nghiệp quả của ông ta khá sâu nặng. Tuy nhiên, nếu ông ý thức và cương quyết tu trì thì cũng có thể giảm trừ những thói quen cũ mới này. Vì tu hành

là có thể chuyển được nghiệp. Nếu nghiệp lực không chuyển được thì thử hỏi tu hành làm gì?

Có người đi chùa nhưng tánh tình thì vẫn nóng nảy, giận hờn, hết nói xấu chuyện người này, lại bươi móc chuyện người kia, hoặc hay dòm ngó chỉ trích phê bình kẻ này người nọ v.v... Thử hỏi người đi chùa như thế có tu hay không? Có người đang tụng kinh, nhưng có ai làm trái ý nghịch lòng, thì ôi thôi tam bành lục tặc của họ nổi lên, cũng tía tai đỏ mặt, phùng mang trợn mắt như ai. Thậm chí, có người còn quăng luôn cả chuông mõ. Như vậy, chứng tỏ người đó chỉ có biết tụng kinh mà chưa có tu. Nghĩa là chỉ biết phát ra âm thanh thành tiếng nói ở nơi cái lỗ miệng suông thôi. Có người đang làm công quả giúp cho chùa, bỗng có ai làm trái ý, thì họ la hét lớn tiếng, tay múa chân đá, mặt đỏ mắt trợn, làm hùm làm hổ, ai trông thấy cũng đâm ra sợ hãi phát ớn lạnh. Như vậy, chứng tỏ họ là những người chỉ biết làm mà không biết tu. Do đó, phước đâu không thấy mà thấy toàn là tội lỗi cả.

Tóm lại, đi chùa, tụng kinh, niệm Phật hay làm công quả, tất cả chỉ làm theo một thói quen tốt. Còn nếu bảo đó là tu thì thiết nghĩ, điều đó thật chưa đúng nghĩa. Bởi tu là phải hằng chuyển hóa sửa đổi ở nơi thân tâm. Cổ nhân thường dạy: “Tu tâm sửa tánh” là thế. Tu ở nơi tâm vọng và sửa ở nơi tánh tập nhiễm. Có tu và sửa như vậy, thì cuộc đời mới thặng hoa tiến triển tốt đẹp và mới được an vui giải thoát. Bằng ngược lại, thì chỉ tu cho có lệ trên mặt hình thức mà thôi. Thực chất nội dung thì trống trơn không có. Phật dạy người Phật tử phải hằng tu ở nơi ba nghiệp. “*Tam nghiệp hằng thanh tịnh, thì đồng Phật vắng Tây phương*”. Được thế, thì mới xứng danh là người Phật tử vậy.

---o0o---

99. Làm sao khuyên người giảm bớt nô lệ cho sắc thân?

Hỏi: *Kính thưa thầy, con có một người bạn, chị ấy thường đi chùa làm công quả, tụng kinh và đọc rất nhiều kinh sách Phật học. Nhưng khi ra ngoài hoặc đi dự những buổi parties, chị ấy thường khi ăn mặc rất hở hang model, phục sức rất nổi. Con rất thắc mắc: tại sao chị ấy đã học hiểu biết tu hành như thế, mà còn quá nô lệ cho sắc thân. Như vậy, có phải chị ấy còn chấp thân quá nặng hay không? Con muốn khuyên chị ấy, nhưng không biết phải khuyên bằng cách nào? Kính xin thầy hoan hỷ cho con biết rõ ý kiến về việc đó.*

Đáp: Đạo Phật rất chú trọng đến việc thật hành. Sự nghiên cứu học hỏi về phương diện lý thuyết, tuy cũng rất cần thiết, nhưng đó chỉ là phần phụ bổ

túc thêm cho phần thật hành mà thôi. Như có đôi mắt sáng cốt để chỉ đường cho đôi chân đi. Nếu chỉ có nghiên cứu lý thuyết suông, thì muôn đời không đi đến đâu. Khác nào như người suốt đời chăn bò thuê hay đếm bạc cho người, rốt lại mình không có được một giọt sữa bò và không có một đồng xu dính túi. Cho nên sự thật hành mới là điều quan trọng.

Vấn đề phục sức trang điểm làm đẹp, tạo nên thân hình duyên dáng có sức hấp dẫn lôi cuốn để cho phái nam nhìn ngắm, phải nói đó là sở trường chuyên nghiệp của phái nữ. Hầu như không có một người nữ nào lại không thích trang điểm lo sửa sang sắc đẹp cho bản thân mình. Ngoại trừ những vị từ bỏ thế tục xuất gia ở chùa. Từ xưa tới nay, phái nữ bao giờ cũng muốn se súa đua đòi chạy theo cái model thời trang. Với cái nhìn của đạo Phật, thì cho đó là cái nghiệp nặng của phái nữ. Tuy nhiên, trang điểm phục sức làm đẹp, có khác hơn là ăn mặc lố lăng hở hang mang tính cách khêu gợi.

Điều này, nếu là người có chút tự trọng, đạo đức và biết chút ít tu hành, thì chắc chắn không ai làm như thế. Chỉ trừ những hạng người thích trêu hoa bắt bướm thì không nói. Bởi vì họ chỉ biết có một con đường vui chơi thỏa thích truy lạc thôi. Hạng người này, họ không cần biết gì đến phẩm giá hay đạo đức con người. Họ cũng không cần biết đến luân thường đạo lý chi cho thêm mệt. Họ là hạng người thật đáng thương hơn đáng trách. Có thể vì một lý do hoàn cảnh éo le ngang trái nào đó, nên họ đành phải bước chân vào con đường sa đọa này.

Ngoại trừ hạng người này ra, đối với những người nữ có phẩm cách đoan trang đúng đắn đàng hoàng, thì dù họ có trang điểm nhưng vẫn ở một mức độ vừa chừng nào đó thôi. Vấn đề này còn tùy theo tuổi tác, tánh nết và thói quen của mỗi người. Tuy nhiên, theo như người bạn mà Phật tử đã nói, tuy có biết đi chùa, tụng kinh, làm công quả, nghiên cứu kinh điển Phật học, nhưng họ vẫn ăn mặc hở hang không đúng đắn đàng hoàng. Có thể họ cho rằng, việc tu hành khác với việc ăn mặc chung diện ở ngoài đời. Theo họ, đi với Phật thì mặc áo ca sa, đi với ma thì mặc áo giấy. Họ là hạng người:

Vào chùa thấy Phật lay dài

Nghe câu kinh tụng trong ngoài tịnh thanh

Ra đời gặp thế đua tranh

Cái tâm thanh tịnh trốn quanh mắt rồi

Hở hang chung diện người coi

Việc tu với niệm thôi thời gác qua.

Có thể đây là một thói quen của họ. Họ là người thích chưng diện làm đẹp. Vì họ rất coi trọng về phần thân thể. Họ chấp thân rất nặng. Họ là người còn ham thích đua đòi theo dòng đời ngũ dục. Họ chưa nhận ra thân này chỉ là giả tạm vô thường, khác nào như gốc củi mục, như bọt nước trôi sông hay như lâu sò chợ bè. Hơn thế nữa, thân này chỉ là một ổ vi trùng, nay bệnh mai đau, toàn chứa những đồ xú uế bất tịnh. Tuy có học Phật, nhưng họ chưa bao giờ biết quán niệm tu tịnh ở nơi thân thể.

Phật tử tuy có lòng tốt, có ý muốn khuyên bạn mình không nên ăn mặc hở hang khó coi như thế. Nhưng Phật tử lại quên rằng, mỗi người có mỗi quan niệm sống khác nhau. Sự ăn mặc cho đến những việc khác trong đời, nhìn kỹ không ai giống ai. Có giống chẳng cũng chỉ ở một phương diện nhỏ nhoi nào đó thôi. Chớ làm sao giống nhau hoàn toàn cho được. Có thể đối với Phật tử cho đó là điều khó coi không đẹp mắt, mất tư cách, không đúng đắn đàng hoàng...

Nhưng ngược lại, đối với họ, thì họ thấy như thế rất là đẹp và rất là model hợp thời trang. Như thế, thì Phật tử nghĩ sao? Phật tử có nên khuyên họ hay không? Theo tôi, thì lời khuyên của Phật tử sẽ không có tác dụng gì. Bởi vì họ cho rằng, việc làm của họ không có gì là tội lỗi khó coi.

Phật tử nên biết, mỗi người có một nghiệp dĩ riêng, không ai giống ai. Lời khuyên của Phật tử không khéo sẽ trở thành phản tác dụng. Họ còn cho Phật tử là lỗi thời, là bê bối, là đủ thứ cái là... Từ đó, Phật tử sẽ chỉ chuốc lấy thêm phiền muộn và còn mất đi tình bạn thân nữa. Điều gì xét thấy, không thể khuyên can, thì tốt hơn hết là mình không nên can dự vào. Vì điều đó, ngoài khả năng tầm tay của mình. Lời khuyên của mình chẳng những không có giá trị mà đôi khi còn trở nên họa hại nữa. Trong đạo Phật từ bi bao giờ cũng phải có trí huệ chỉ đạo. Có thế, thì việc nhận định của người Phật tử mới không bị sai lầm. Thôi thì cứ để mặc nhiên tùy duyên mà tốt hơn. Còn nếu như Phật tử thấy mình có thể khuyên bảo thức nhắc họ được, thì tùy ở nơi Phật tử quyết định. Vì Phật tử đã hỏi đến, nên tôi chỉ góp chút thành ý đó thôi.

Theo tôi, thì sự ăn mặc nó thuộc về hình thức bên ngoài. Và lại, nó cũng không có thiệt hại gì. Như đã nói, cái không tốt của mình lại là cái đẹp của người. Không phải vì thế, mà ta đánh giá quá thấp người đó. Khi đánh giá ai, ta cần phải xét đến cá tính và hoàn cảnh của người đó. Có đôi khi, họ vì một hoàn cảnh nào đó mà ta chưa có thể tìm hiểu biết hết được. Nếu thế, mà ta vội phê bình đánh giá, coi chừng chúng ta sẽ trở thành người cố chấp và họ còn cho ta là kẻ ganh tỵ kỳ thị họ nữa... Phật tử hãy nên cẩn trọng cân nhắc thật kỹ lưỡng ở nơi lời khuyên của mình.

Kính chúc Phật tử luôn luôn sáng suốt và thành công trên bước đường tu học Phật pháp.

---o0o---

100. Ý nghĩa câu: “Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang”?

Hỏi: Kính bạch thầy, phần nghi thức tụng niệm của Kinh Pháp Hoa, có bài kệ khen ngợi kinh, trong đó có câu: “Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang”. Ý nghĩa của câu này như thế nào? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp giùm, vì con chưa hiểu rõ.

Đáp: Khi đọc tụng kinh điển Đại Thừa, chúng ta nên lưu ý cẩn thận về những cách nói mang tính ẩn dụ hay ngụ ngôn. Nghĩa là ý nghĩa không nằm trong lời nói (ý tại ngôn ngoại). Nếu chúng ta chỉ một bề căn cứ vào lời nói mà giải thích, không khéo thì rất dễ sai lệch ý kinh. Có khi phạm vào cái lỗi hiểu sai lời Phật dạy và như thế là oan cho ba đời chư Phật. Khi tụng đọc hay tìm hiểu kinh điển Đại Thừa, ta phải lưu tâm cẩn trọng qua hai phương diện: “Sự và Lý hay Tánh và Tướng”. Thường kinh điển Phật dạy, lúc nào sự và lý cũng phải viên dung. Ngay Sự tức Lý hay ngay Lý hiển Sự. Người học không nên hiểu hoặc chấp nê một chiều. Nếu nhận hiểu thiên lệch như thế, thì chúng ta không làm sao hiểu được trọn vẹn ý kinh. Nêu ra như thế, để chúng ta thấy rằng, trường hợp của câu này không phải chỉ nói về phần sự tướng không thôi. Chẳng qua Cổ Đức mượn những hình ảnh sự tướng cụ thể để diễn tả cái thâm ý sâu xa ẩn chứa bên trong.

Thử hỏi trên đời này làm gì có hoa sen hồng mọc trên lưỡi và lại có thêm hào quang phóng ra từ cái lưỡi? Nếu chỉ hiểu trên mặt văn tự như vậy, thì làm sao cắt nghĩa câu này? Nên nhớ đây là bài kệ không phải do Phật nói mà là người sau khen ngợi những lời Phật nói trong kinh. Bởi Kinh Pháp Hoa là bộ kinh thuộc liễu nghĩa Đại Thừa viên đốn, Phật chỉ bày đến chỗ giác ngộ cùng tột cho chúng sanh. Tất cả ý kinh Phật đều nhắm vào một mục đích duy nhất là chỉ bày “*Tri Kiến Phật*” cho hết thảy chúng sanh. Do đó, nên mỗi lời mỗi câu đều chứa đựng vô biên nghĩa mầu, khác nào như nước cam lồ rịn nhuần, như chất đề hồ nhỏ mát, và như răng ngọc trắng tuôn xá lợi v.v...

Đó là Cổ Đức mượn những hình ảnh để tán thán ca ngợi những lời Phật nói ra nhằm mang lại lợi ích cao tột cho tất cả chúng sanh. Nói trên lưỡi sen hồng phóng hào quang, cũng như những câu kia trong bài kệ, tất cả đều mang một ý nghĩa tượng trưng thôi. Vì khi phát ra lời nói cần phải sử dụng

đến cái lưỡi. Sen hồng là biểu trưng cho đức tánh cao quý thanh tịnh, không nhiễm ô. Hào quang là tượng trưng cho trí huệ Bát Nhã. Ý nói, những lời Phật dạy đều là những lời vàng ngọc thanh tịnh sáng suốt giống như hào quang soi sáng trùm khắp cả pháp giới. Lời dạy có tác dụng cao đẹp hướng chúng sanh đến chỗ thanh tịnh sáng suốt giải thoát hoàn toàn. Đó là những lời thuộc Thánh giáo lượng hay là Chơn thiệt ngữ. Do đó, khi tụng đọc kinh điển Phật dạy, chúng ta phải nên hết lòng tin kính phụng trì. Có thế, thì sự tụng đọc của chúng ta mới được lợi ích thiết thực vậy.

Câu này ngoài việc khen ngợi kinh văn ra, các bậc Cổ Đức còn hàm ý muốn khuyến nhắc chúng ta nên lấy đó để áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày. Là người Phật tử, mỗi lời nói của chúng ta thốt ra, phải là những lời trong sạch cao đẹp thanh khiết có giá trị như hoa sen và phải có chánh niệm sáng suốt như hào quang chói sáng. Khi giao tiếp xử thế, chúng ta nên dùng những lời ái ngữ, hòa nhã, êm dịu... không nên dùng những lời quái ác ngữ làm đau khổ cho tha nhân. Có thế thì lời nói của chúng ta mới thực sự có uy tín và mới thực sự đem lại lợi ích cho mọi người. Lời nói của chúng ta phải là:

Lời nói ra phải là lời chân thật

Lời nói ra như Phật phóng quang

Lời nói ra phải ái ngữ dịu dàng

Như sen nở giữa mùa hè nóng bức

Lời nói ra phải dụng lực của từ bi

Lời nói ra không gây thù bực tức

Lời nói ra không mê tối ngu si

Không gây khổ, dứt nghi, trừ độc hại.

---o0o---

HẾT